

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: Sư phạm Lịch sử
Trình độ đào tạo: Đại học
Mã ngành: 7140218

THANH HÓA, NĂM 2021

Thanh Hoá, ngày *01* tháng *9* năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử trình độ đại học
theo định hướng ứng dụng và phát huy năng lực người học
áp dụng cho khóa tuyển sinh từ tháng 8/2021**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Khung chương trình đào tạo theo khối ngành, nhóm ngành đào tạo đại học, cao đẳng định hướng ứng dụng và phát huy năng lực người học tại Trường Đại học Hồng Đức (theo Quyết định số 1270/QĐ-ĐHHD ngày 09/8/2017 và Quyết định số 1285/QĐ-ĐHHD ngày 16/8/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức);

Căn cứ Văn bản đề nghị của khoa Khoa học Xã hội về việc điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo ngành ĐHSP Lịch sử; Biên bản họp Hội đồng Thẩm định CTĐT ngành ĐHSP Lịch sử, Biên bản thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo nhà trường;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử, trình độ đại học theo định hướng ứng dụng và phát huy năng lực người học, áp dụng cho khóa tuyển sinh từ tháng 8/2021 (Có chương trình đào tạo kèm theo).

Điều 2. Trưởng khoa, Trưởng bộ môn quản lý học phần có trách nhiệm xây dựng, thẩm định và phê duyệt đề cương chi tiết học phần theo quy định.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) Trưởng phòng Quản lý đào tạo, Trưởng khoa Khoa học Xã hội, các bộ môn liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: VT, QLĐT

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Lê Hoàng Bá Huyền

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình: **Sư phạm Lịch sử**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành đào tạo: **Sư phạm Lịch sử**

Mã số: **7140218**

Hình thức đào tạo: **Chính quy**

*(Ban hành theo Quyết định số 1709/QĐ-ĐHHĐ ngày 01 tháng 09 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)*

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử đào tạo giáo viên có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe tốt; có kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm vững chắc; có khả năng giảng dạy môn Lịch sử ở Trung học phổ thông và Trung học cơ sở; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, giải quyết được những vấn đề trong thực tiễn giảng dạy; thích nghi với môi trường làm việc, có trách nhiệm nghề nghiệp; có năng lực ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu công việc chuyên môn; có khả năng học lên ở những bậc học cao hơn để phát triển nghề nghiệp.

1.2. Mục tiêu cụ thể

PO1: Sinh viên được cung cấp hệ thống tri thức lý luận Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối lãnh đạo của Đảng CSVN, chính sách, Pháp luật của Nhà nước. Trên cơ sở đó, hình thành được thế giới quan, phương pháp luận khoa học, cách mạng; tạo dựng được niềm tin vững chắc vào vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam; nâng cao bản lĩnh chính trị và ý thức công dân, góp phần xây dựng đất nước Việt Nam giàu mạnh.

PO2: Người học nắm vững kiến thức Ngữ âm, Ngữ pháp, Từ vựng và các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh để có thể giao tiếp được bằng tiếng Anh tương đối thành thạo trong các lĩnh vực đời sống, xã hội.

PO3: Người học được cung cấp kiến thức cơ bản và kỹ năng về máy vi tính, hệ điều hành Microsoft Windows, mạng máy tính và Internet, các phần mềm tiện ích thông dụng (trình duyệt Web, thư điện tử), phần mềm soạn thảo văn bản (Microsoft WORD), phần mềm xử lý bảng tính (Microsoft EXCEL), phần mềm trình chiếu (Microsoft POWERPOINT).

PO4: Có kiến thức liên môn cơ bản về các nền văn minh trong lịch sử, văn hóa, xã hội và môi trường, từ đó vận dụng vào quá trình học tập và giảng dạy chuyên môn ở trường THCS, THPT.

PO5: Người học được cung cấp kiến thức về các đặc điểm tâm lý lứa tuổi, tâm lý học sư phạm, các kiến thức cơ bản về các hoạt động sư phạm trong nhà trường phổ thông, biết cách thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục, hoạt động phát triển nghề nghiệp trong trường phổ thông; Nắm vững những kiến thức về cơ cấu tổ chức, phân cấp, phân quyền trong các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, nắm vững luật, văn bản dưới luật liên quan đến hoạt động giáo dục; Vận dụng linh hoạt vào quá trình học tập và các hoạt động giáo dục trong tương lai.

PO6: Người học được trang bị kiến thức toàn diện, chuyên sâu về Lịch sử Việt Nam, Lịch sử thế giới để vận dụng vào nghiên cứu và giảng dạy môn Lịch sử ở trường THCS, THPT.

PO7: Người học được trang bị kiến thức toàn diện, chuyên sâu về phát triển chương trình và tài liệu giáo khoa, phương pháp, phương tiện và hình thức tổ chức dạy học môn Lịch sử, có kĩ năng xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch dạy học, kế hoạch bài học, xây dựng chủ đề dạy học tích hợp và dạy học phân hóa, có kĩ năng đánh giá kết quả học tập môn Lịch sử của học sinh.

PO8: Yêu nghề, có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức kỷ luật và tác phong chuẩn mực; có năng lực dẫn dắt về chuyên môn Lịch sử, nghiệp vụ sư phạm; có khả năng đưa ra sáng kiến, đánh giá, kết luận và cải tiến về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ dạy học Lịch sử; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có khả năng tự học, tự nghiên cứu để phát triển ở trình độ đào tạo cao hơn.

2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4 năm (48 tháng).

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 126 tín chỉ (chưa tính các môn Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH: Theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP: Thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ VÀ THANG ĐIỂM: theo Quy chế đào tạo và quy định hiện hành.

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH: 126 TC

7.1	Kiến thức giáo dục đại cương	35 TC
7.1.1	Lý luận chính trị	13
7.1.2	Ngoại ngữ	10
7.1.3	Kiến thức chung trong khối ngành	6
7.1.4	Kiến thức chung trong nhóm ngành	6
	+ Bắt buộc	0
	+ Tự chọn	6
7.1.5.	Giáo dục thể chất	4
7.1.6.	Giáo dục quốc phòng	165 t
7.2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	91 TC
7.2.1.	Kiến thức chung của ngành	10
7.2.2.	Kiến thức ngành	64
	+ Bắt buộc	48

	+ Tự chọn	16
7.2.3	Thực tế	4
7.2.4	Kiểm tập, thực tập, khóa luận/HP thay thế	13
	Kiểm tập su phạm	2
	Thực tập su phạm	5
	Khoá luận tốt nghiệp/học phần thay thế	6
	Bắt buộc	0
	Tự chọn	6

8. Kế hoạch giảng dạy

8. Kế hoạch giảng dạy										
TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Loại giờ tín chỉ				ĐK tiên quyết	Học kỳ	Bộ môn quản lý học phần
				LT	BT/ TL	Thực hành	Tự học			
A	KHÔI KIẾN THỨC GDĐC		35							
I	Lý luận chính trị, luật		13							
1	196055	Triết học Mác-Lênin	3	32	26		135		1	LL Mác - Lênin
2	196060	Kinh tế CT Mác-Lênin	2	21	18		90	1	2	LL Mác - Lênin
3	196065	Chủ nghĩa XH khoa học	2	21	18		90	2	3	LL Mác - Lênin
4	198030	Lịch sử ĐCS Việt Nam	2	21	18		90	3	4	LSD & TT HCM
5	197035	Tư tưởng HCM	2	21	18		90	3	4	LSD & TT HCM
6	197030	Pháp luật đại cương	2	18	12	12	90		3	Luật
II	Ngoại ngữ		10							
7	133031	Tiếng Anh 1	4	36	24	24	180		1	Ngoại ngữ KC
8	133032	Tiếng Anh 2	3	27	18	18	135	7	2	Ngoại ngữ KC
9	133033	Tiếng Anh 3	3	27	18	18	135	8	3	Ngoại ngữ KC
III	Tin-KHXH-Môi trường		12							
10	173080	Tin học	2	10		40	90		1	MMT&ƯD
11	121005	Cơ sở VH Việt Nam	2	18	18	6	90		1	VNH-DL
12	125105	Môi trường và con người	2	18	18	6	90		1	Sinh học, Địa lý
13	Chọn 1 trong 2 học phần									
	124195	Lịch sử văn minh thế giới	2	18	18	6	90		2	Lịch sử
	124115	Kiến thức địa phương Thanh Hóa	2	18	18	6	90		2	Lịch sử
14	Chọn 1 trong 2 học phần									
	121061	Hán nôm đại cương	2	18	18	6	90		2	Ngữ văn
	121041	Hán nôm cơ sở	2	18	18	6	90		2	Ngữ văn
15	Chọn 1 trong 2 học phần									
	125016	Thống kê xã hội	2	18	18	6	90		2	Xã hội học

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Loại giờ tín chỉ				ĐK tiên quyết	Học kỳ	Bộ môn quản lý học phần
				LT	BT/TL	Thực hành	Tự học			
	123240	Xã hội học đại cương	2	18	18	6	90	1	2	Xã hội học
IV	Giáo dục thể chất									
	191004	Giáo dục thể chất 1	2	3		27	90		1	Bóng-ĐK
		Giáo dục thể chất 2								
	Chọn 1 trong 5 học phần		2							
A	191031	Bóng chuyên	2			30	90		2	Bóng-ĐK
B	191032	Thể dục Aerobic	2			30	90		2	Bóng-ĐK
C	191033	Bóng đá	2			30	90		2	Bóng-ĐK
D	191034	Bóng rổ	2			30	90		2	Bóng-ĐK
E	191035	Vovinam - Việt võ đạo	2			30	90		2	Bóng-ĐK
V	Giáo dục quốc phòng (tiết)		165							TT GDQP
B	KIẾN THỨC GDCN		91							
I	Kiến thức cơ sở		10							
16	181080	Tâm lý học	4	36	48		180	1	2	Tâm lý học
17	182005	Giáo dục học	4	36	48		180	16	3	Giáo dục học
18	198000	Quản lý HCNN và Quản lý GD	2	18	24		90	17	7	Giáo dục học
II	Kiến thức ngành		68							
19	125125	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	18	18	6	90	1	2	Lịch sử
20	124087	Phương pháp luận sử học	2	18	18	6	90	1	2	Lịch sử
21	124030	Cơ sở khảo cổ học	2	18	18	6	90		1	Lịch sử
22	124 050	Các dân tộc Việt Nam	2	18	18	6	90		3	Lịch sử
	Chọn 1 trong 2 học phần									
23	127070	Nhân học đại cương	2	18	18	6	90		4	Lịch sử
	124250	Nhập môn khu vực học	2	18	18	6	90		4	Lịch sử
	Chọn 1 trong 2 học phần									
24	124380	Đông Nam Á-LS và hiện tại	2	18	18	6	90	29	6	Lịch sử
	124105	Văn hóa Đông Nam Á	2	18	18	6	90		6	Lịch sử
25	124420	LS VN từ nguyên thủy đến năm 1858	4	36	33	15	180	1	4	Lịch sử
26	124155	Lịch sử Việt Nam từ 1858 đến năm 1945	3	27	24	12	150	25	5	Lịch sử
27	124041	LS VN từ 1945 đến nay	4	36	33	15	180	27	6	Lịch sử
28	124165	Lịch sử thế giới cổ trung đại	4	36	33	15	180	1	3	Lịch sử
29	124170	Lịch sử thế giới cận đại	4	36	33	15	180	28	5	Lịch sử
30	124550	Lịch sử thế giới hiện đại	4	36	33	15	180	29	6	Lịch sử

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Loại giờ tín chỉ				ĐK tiên quyết	Học kỳ	Bộ môn quản lý học phần
				LT	BT/TL	Thực hành	Tự học			
31	124049	Lý luận và PPDH môn Lịch sử ở trường THCS và THPT	4	36	24	24	180	20	4	Lịch sử
32	124053	Xây dựng kế hoạch dạy học môn Lịch sử THCS và THPT	4	36	24	24	180	31	5	Lịch sử
33	124057	Tổ chức DH môn lịch sử THCS và THPT	4	36	24	24	180	32	6	Lịch sử
34	124032	Phát triển chương trình nhà trường môn Lịch sử	2	18	18	6	90	31	6	Lịch sử
35	Chọn 1 trong 2 học phần									
	124002	Các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử thế giới	2	18	18	6	90	30	7	Lịch sử
	124070	Các tôn giáo lớn trên thế giới	2	18	18	6	90	30	7	Lịch sử
36	Chọn 1 trong 2 học phần									
	124061	Tổ chức hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp trong dạy học Lịch sử THCS và THPT	2	18	18	6		33	7	Lịch sử
	124024	Xây dựng và tổ chức các dự án học tập môn Lịch sử THCS và THPT	2	18	18	6		33	7	Lịch sử
37	Chọn 1 trong 2 học phần									
	124003	Quan hệ quốc tế trong và sau Chiến tranh lạnh	2	18	18	6	90	30	7	Lịch sử
	124015	Chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay	2	18	18	6	90	30	7	Lịch sử
38	Chọn 1 trong 2 học phần									
	124009	Lịch sử ngoại giao VN	2	18	18	6	90	27	7	Lịch sử
	124109	Cách mạng tháng Tám 1945	2	18	18	6	90	27	7	Lịch sử
39	Chọn 1 trong 2 học phần									
	124045	Các cuộc cải cách trong LS VN	2	18	18	6	90	27	8	Lịch sử
	124005	Một số vấn đề về ruộng đất trong lịch sử VN	2	18	18	6	90	27	8	Lịch sử
40	Chọn 1 trong 2 học phần		2							

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Loại giờ tín chỉ				ĐK tiên quyết	Học kỳ	Bộ môn quản lý học phần
				LT	BT/TL	Thực hành	Tự học			
	124006	Chủ quyền lãnh thổ Việt Nam và vấn đề Biển Đông	2	18	18	6	90	27	7	Lịch sử
	124007	Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và chiến tranh giải phóng dân tộc trong Lịch sử VN (trước CM tháng Tám 1945)	2	18	18	6	90	27	7	Lịch sử
41	124054	Tổ chức kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Lịch sử THCS và THPT	3	27	18	18	135	33	7	Lịch sử
42	124310	Thực tế CM 1	2	5		50	90		4	Lịch sử
43	124605	Thực tế CM 2	2	5		50	90	27	7	Lịch sử
III	Thực tập/KLTN/HP thay thế		13							
44	124021	Kiến tập sư phạm	2			60	90	31	5	Lịch sử
45	124057	Thực tập sư phạm	5			180	270	41	8	Lịch sử
	124101	Khóa luận tốt nghiệp	6							
		Học phần thay thế								
46a	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>									
	124014	Quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam	2	18	18	6	90	27	8	Lịch sử
	124089	Làng xã Việt Nam	2	18	18	6	90	27	8	Lịch sử
46b	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>									
	124012	Cách mạng tư sản và sự phát triển của chủ nghĩa tư bản	2	18	18	6	90	30	8	Lịch sử
	124013	Sự hình thành và phát triển của CNXH	2	18	18	6	90	30	8	Lịch sử
46c	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>									
	124017	Ứng dụng CNTT trong DH lịch sử THCS và THPT	2	18	18	6	90	33	8	Lịch sử
	124018	Dạy học tích hợp và dạy học phân hóa môn Lịch sử THPT, THCS	2	18	18	6	90	33	8	Lịch sử
		Tổng	126							

9. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần:

A. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG

I. LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ, LUẬT

9.1. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TRIẾT HỌC MÁC - LÊ NIN / Philosophy of Marxism and Leninism

- Số tín chỉ: 3 (32, 26)
- Mã học phần: 196055
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận MáC - LêNin.
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần:

- Nội dung học phần gồm: 3 chương. Chương 1: Trình bày khái quát về nguồn gốc, bản chất của triết học; sự hình thành, phát triển của triết học MáC – LêNin và vai trò của nó trong đời sống xã hội. Chương 2: Trình bày quan điểm của triết học MáC – LêNin về vật chất, ý thức; các nguyên lý, các quy luật, các cặp phạm trù; lý luận nhận thức. Chương 3: Trình bày quan điểm duy vật lịch sử về sự tồn tại, vận động, phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp, dân tộc, nhà nước, cách mạng xã hội, ý thức xã hội và triết học về con người.

- Năng lực đạt được: Người học nắm vững lý luận triết học MáC – LêNin, trên cơ sở đó xác lập được thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận khoa học và vận dụng lý luận đó để nhận thức và cải tạo thế giới; xác lập được phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Về kiến thức: Khái quát về nguồn gốc, bản chất của triết học; sự hình thành, phát triển và vai trò của triết học MáC – LêNin trong đời sống xã hội. Quan điểm duy vật biện chứng về vật chất, ý thức; các nguyên lý, các quy luật, các cặp phạm trù; bản chất của nhận thức, thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức. Quan điểm duy vật lịch sử về sự tồn tại, vận động, phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội trong lịch sử; về nguồn gốc, bản chất giai cấp, đấu tranh giai cấp, dân tộc, nhà nước, cách mạng xã hội, ý thức xã hội và con người.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Hình thành kỹ năng phân tích, đánh giá và giải quyết các hiện tượng của tự nhiên, xã hội và tư duy trên lập trường DVBC và phương pháp luận biện chứng duy vật.

- Biết vận dụng kiến thức lý luận của môn học vào việc tiếp cận các môn khoa học chuyên ngành, vào hoạt động thực tiễn của bản thân một cách năng động và sáng tạo;

- Biết vận dụng những vấn đề lý luận để hiểu rõ và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2.3. Mục tiêu về thái độ

- Rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường, TT chính trị vững vàng;

- Nhận nhận một cách khách quan về vai trò của chủ nghĩa MáC-LêNin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.

3. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1: TRIẾT HỌC VÀ VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI (9LT:08TL)

1. TRIẾT HỌC VÀ VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA TRIẾT HỌC

- 1.1. Khái lược về triết học
- 1.2. Vấn đề cơ bản của triết học
- 1.3. Biện chứng và siêu hình

2. TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN VÀ VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

- 2.1. Sự ra đời và phát triển của triết học Mac – Lênin
- 2.2. Đối tượng và chức năng của triết học Mac – Lênin
- 2.3. Vai trò của triết học Mac – Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.

CHƯƠNG 2: CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG

(9LT:08TL)

1. VẬT CHẤT VÀ Ý THỨC

- 1.1. Vật chất và các hình thức tồn tại của vật chất
- 1.2. Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức
- 1.3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức

2. PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT

- 2.1. Hai loại hình biện chứng và phép biện chứng duy vật
- 2.2. Nội dung của phép biện chứng duy vật

3. LÝ LUẬN NHẬN THỨC

- 3.1. Các nguyên tắc của lý luận nhận thức duy vật biện chứng
- 3.2. Nguồn gốc, bản chất của nhận thức
- 3.3. Thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức
- 3.4. Các giai đoạn cơ bản của quá trình nhận thức
- 3.5. Tính chất của chân lý

CHƯƠNG 3: CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ

(14LT:10TL)

1. HỌC THUYẾT HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI

- 1.1. Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội
- 1.2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất
- 1.3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội
- 1.4. Sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên

2. GIAI CẤP VÀ DÂN TỘC

- 2.1. Giai cấp và đấu tranh giai cấp
- 2.2. Dân tộc
- 2.3. Mối quan hệ giai cấp – dân tộc – nhân loại

3. NHÀ NƯỚC VÀ CÁCH MẠNG XÃ HỘI

- 3.1. Nhà nước
- 3.2. Cách mạng xã hội

4. Ý THỨC XÃ HỘI

- 4.1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội

4.2. Ý thức xã hội và kết cấu của ý thức xã hội

5. TRIẾT HỌC VỀ CON NGƯỜI

5.1. Khái niệm con người và bản chất con người

5.2. Hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người

5.3. Quan hệ cá nhân và xã hội; vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử

5.4. Vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo:

9.1. Học liệu bắt buộc:

1. Bộ GD & ĐT, *Giáo trình Triết học Mác-Lênin*, Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị) (2021), NXB Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội.

2. Bộ Giáo dục & ĐT, *Giáo trình những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin* (Dành cho sinh viên ĐH, CĐ khối không chuyên ngành Mác – Lê Nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh), Nxb CTQG, 2015.

9.2. Học liệu tham khảo

1. Nguyễn Ngọc Long, Nguyễn Hữu Vui *Giáo trình triết học Mác-Lênin* (Dùng trong các trường đại học, cao đẳng) H: CTQG; 2005

2. Nguyễn Hữu Vui, *Lịch sử triết học*, NXB CTQG, 1997

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.2. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊ NIN / Political economics of Marxism and Leninism

- Số tín chỉ: 2 (21, 18)
- Mã học phần: 196060
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận Mác - Lênin
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác-Lênin

1. Mô tả học phần:

- Nội dung học phần gồm: Nội dung học phần bao gồm 6 chương: Trong đó chương 1 trình bày về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 4 trình bày nội dung cốt lõi của chủ nghĩa Mác – Lênin về hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Chương 5 và chương 6 trình bày những vấn đề chủ yếu về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

- Năng lực đạt được: Người học biết vận dụng kiến thức của môn học vào việc tiếp cận các môn khoa học chuyên ngành và hoạt động thực tiễn của bản thân một cách năng động, sáng tạo; Vận dụng các vấn đề lý luận đã học để hiểu rõ và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Khái quát lịch sử hình thành, đối tượng, phương pháp, chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về hàng hóa, tiền tệ, thị trường, các quy luật kinh tế chủ yếu của sản xuất hàng hóa; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

Ý luận đã học để hiểu rõ và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước

2.3. Mục tiêu về thái độ

- Xây dựng và nâng cao lập trường tư tưởng chính trị, ý thức hệ của chủ nghĩa Mác – Lênin đối với người học.

- Người học nhận thức rõ hơn về con đường đi lên CNXH ở nước ta hiện nay.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ CHỨC NĂNG CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN (4LT:3TL)

I. Khái quát sự hình thành và phát triển của kinh tế chính trị Mác - Lênin

1. Chủ nghĩa trọng thương
2. Chủ nghĩa trọng nông
3. Kinh tế chính trị tư sản cổ điển Anh
4. Kinh tế chính trị Mác - Lênin

II. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác - Lênin

1. Đối tượng nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác - Lênin
2. Phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác - Lênin

III. Chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin

1. Chức năng nhận thức
2. Chức năng thực tiễn
3. Chức năng tư tưởng
4. Chức năng phương pháp luận

Chương 2: HÀNG HÓA, THỊ TRƯỜNG VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC CHỦ THỂ THAM GIA THỊ TRƯỜNG (4LT:3TL)

I. Lý luận của C.Mác về hàng hóa

1. Điều kiện ra đời, tồn tại của sản xuất hàng hoá
2. Hàng hoá
3. Tiền tệ

II. Thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường

1. Thị trường
2. Vai trò của một số chủ thể chính tham gia thị trường

Chương 3: GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG (4LT:3TL)

I. Nguồn gốc, bản chất của giá trị thặng dư.

1. Công thức chung của tư bản
2. Hàng hoá sức lao động và tiền công trong chủ nghĩa tư bản
3. Sản xuất giá trị thặng dư
4. Tư bản bất biến và tư bản khả biến
5. Tỷ suất giá trị thặng dư và khối lượng giá trị thặng dư
6. Các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa

II. Tuần hoàn và chu chuyển tư bản. Tư bản cố định và tư bản lưu động

1. Tuần hoàn của tư bản
2. Chu chuyển của tư bản
3. Tư bản cố định và tư bản lưu động

III. Tích lũy tư bản

1. Thực chất của tích lũy tư bản và các nhân tố quyết định quy mô tích lũy tư bản
2. Quy luật chung của tích lũy tư bản

IV. Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường

1. Lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận
2. Lợi nhuận bình quân
3. Các hình thái tư bản và lợi nhuận của chúng

Chương 4: CẠNH TRANH VÀ ĐỘC QUYỀN TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG (4LT:3TL)

I. Quan hệ giữa cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường

II. Chủ nghĩa tư bản độc quyền

1. Nguyên nhân hình thành và bản chất của chủ nghĩa tư bản độc quyền

2. Đặc điểm kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản độc quyền

II. Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước

1. Nguyên nhân ra đời và bản chất của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước

2. Những biểu hiện chủ yếu của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước

III. Vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản

1. Vai trò tích cực của chủ nghĩa tư bản

2. Giới hạn phát triển của chủ nghĩa tư bản

3. Xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản

Chương 5: KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ CÁC QUAN HỆ LỢI ÍCH KINH TẾ Ở VIỆT NAM (3LT:3TL)

I. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

1. Khái niệm kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

2. Tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

3. Đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

II. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

1. Sự cần thiết phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

2. Nội dung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

III. Các quan hệ lợi ích ở Việt nam

1. Lợi ích kinh tế và quan hệ lợi ích kinh tế

2. Vai trò nhà nước trong đảm bảo hài hòa các quan hệ lợi ích

Chương 6: CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM (3LT:3TL)

I. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam

1. Khái quát cách mạng công nghiệp và công nghiệp hóa

2. Tính tất yếu khách quan và nội dung của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam

II. Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam

1. Khái niệm và nội dung hội nhập kinh tế quốc tế

2. Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến phát triển của Việt Nam

3. Phương hướng nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế trong phát triển của Việt Nam

4. **Yêu cầu của môn học:** Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. **Kế hoạch tư vấn:** Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. **Trang thiết bị:** Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. **Phương pháp đánh giá môn học**

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo:

9.1. Học liệu bắt buộc:

- 1- Bộ GD & ĐT, *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin*, (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị) (2021) NXB Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội.
2. Bộ Giáo dục & ĐT, *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin*, NXB CTQG, 2004.

9.2. Học liệu tham khảo:

1. Văn kiện đảng toàn tập tập tập: 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12 (1999,2000,2001,2002) NXB CTQG.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.3. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC/ Scientific socialism

- Số tín chỉ: 2 (21, 18)
- Mã học phần: 196065
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận Mác -Lênin
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin

1. Mô tả học phần:

- Nội dung học phần gồm: Học phần có 7 chương, cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học: xác định đối tượng, mục đích, yêu cầu, phương pháp học tập, nghiên cứu môn học; quá trình hình thành, phát triển CNXHKKH; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; CNXH và các vấn đề xã hội, giai cấp, dân tộc, tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH.

- Năng lực đạt được: Người học có được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức về chủ nghĩa xã hội vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta. Sinh viên lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Người học có được kiến thức cơ bản, hệ thống về sự ra đời, các giai đoạn phát triển; đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu CNXHKKH, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác – Lênin

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

Người học có khả năng luận chứng được khách thể và đối tượng nghiên cứu của một khoa học và của một vấn đề nghiên cứu, phân biệt được những vấn đề chính trị - xã hội trong đời sống hiện thực.

2.3. Mục tiêu về thái độ:

Rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng; Có niềm tin vào mục tiêu và sự thành công của công cuộc đổi mới do Đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo; tin tưởng con đường XHCN mà Đảng Cộng sản Việt Nam đã lựa chọn.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: NHẬP MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC (4LT:0TL)

1. Sự ra đời của Chủ nghĩa xã hội khoa học
2. Các giai đoạn phát triển cơ bản của CNXHKKH
3. Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu CNXHKKH

CHƯƠNG 2: SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN (3LT:3TL)

1. Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân.

- 1.1. Khái niệm và đặc điểm của giai cấp công nhân
- 1.2. Nội dung và đặc điểm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân
- 1.3. Những điều kiện và quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

2. Giai cấp công nhân và việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay.

2.1. Giai cấp công nhân hiện nay.

2.2. Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trên thế giới hiện nay

3. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam

3.1. Đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam

3.2. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay.

3.3. Phương hướng và một số giải pháp chủ yếu để xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay.

CHƯƠNG 3: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CNXH (3LT:3TL)

1. Chủ nghĩa xã hội

1.1. Chủ nghĩa xã hội, giai đoạn đầu của hình thái KT-XH cộng sản chủ nghĩa.

1.2. Điều kiện ra đời của CNXH

1.3. Những đặc trưng cơ bản của CNXH

2. Thời kỳ quá độ lên CNXH

2.1. Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên CNXH

2.2. Đặc điểm của thời kỳ quá độ lên CNXH

3. Quá độ lên CNXH ở Việt Nam

3.1. Quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa.

3.2. Những đặc trưng của CNXH và phương hướng xây dựng CNXH ở Việt Nam hiện nay.

CHƯƠNG 4: DÂN CHỦ XHCN VÀ NHÀ NƯỚC XHCN (3LT:3TL)

1. Dân chủ và dân chủ XHCN

1.1. Dân chủ và sự ra đời, phát triển của dân chủ

1.2. Dân chủ xã hội chủ nghĩa

2. Nhà nước xã hội chủ nghĩa

2.1. Sự ra đời, bản chất, chức năng của nhà nước XHCN.

2.2. Mối quan hệ giữa XHCN và nhà nước XHCN

3. Dân chủ XHCN và nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam

3.1. Dân chủ XHCN ở Việt Nam

3.2. Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam

3.3. Phát huy dân chủ XHCN, xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam hiện nay

CHƯƠNG 5: CƠ CẤU XÃ HỘI – GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN XHCN (3LT:3TL)

1. Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên XHCN

1.1. Khái niệm và vị trí của cơ cấu xã hội – giai cấp trong cơ cấu xã hội

1.2. Sự biến đổi có tính qui luật của cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên XHCN

2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên XHCN

3. Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên XHCN ở Việt Nam

3.1. Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên XHCN ở Việt Nam

3.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên XHCN ở Việt Nam

CHƯƠNG 6: VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN XHCN (3LT:3TL)

1. Dân tộc trong thời kỳ quá độ lên CNXH

- 1.1. Chủ nghĩa Mác – Lênin về dân tộc
- 1.2. Dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam

2. Tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH

- 2.1. Chủ nghĩa Mác – Lênin về tôn giáo
- 2.2. Tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước hiện nay

3. Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam

- 3.1. Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam
- 3.2. Định hướng giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay

CHƯƠNG 7: VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CNXH (3LT:3TL)

1. Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình

- 1.1. Khái niệm gia đình
- 1.2. Vị trí của gia đình trong xã hội
- 1.3 Chức năng cơ bản của gia đình

2. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH

- 2.1. Cơ sở kinh tế - xã hội
- 2.2. Cơ sở chính trị - xã hội
- 2.3. Cơ sở văn hóa
- 2.4. Chế độ hôn nhân tiến bộ

3. Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH

- 3.1. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH
- 3.2. Phương hướng cơ bản xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Học liệu bắt buộc :

1. Bộ GD & ĐT, *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học* (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị) (2021), NXB Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội.

9.2. Học liệu tham khảo:

1. Giáo trình những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin (Dành cho sinh viên ĐH, CĐ khối không chuyên ngành Mác – Lê Nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh), Nxb CTQG, 2015.

2. Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học: Dùng trong các trường ĐH, CĐ/ Bộ giáo dục đào tạo H: CTQG, 2008

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.4. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM/ HISTORY OF VIETNAMESE COMMUNIST PARTY

- Số tín chỉ: 2 (21, 18)
- Mã học phần: 198030
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lịch sử Đảng và tư tưởng Hồ Chí Minh
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học

1. Mô tả học phần:

- Nội dung của học phần: Học phần Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam bao gồm 3 chương và chương nhập môn. Chương nhập môn: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam. Chương 1: Đảng cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945). Chương 2: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành cách mạng giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 -1975). Chương 3: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới đất nước (1975- đến nay).

- Năng lực đạt được: Người học nắm vững về sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam; vai trò lãnh đạo của Đảng đối với đối với tiến trình cách mạng Việt Nam từ khi Đảng cộng sản Việt Nam ra đời đến nay. Xác lập được niềm tin vào vai trò lãnh đạo của Đảng trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay. Từ đó thấy được vai trò, trách nhiệm của bản thân trong công cuộc đổi mới đất nước do Đảng khởi xướng và lãnh đạo.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức: Cung cấp cho sinh viên những tri thức có tính hệ thống quá trình ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930) và quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945). Những nội dung lịch sử cơ bản, hệ thống, khách quan về sự lãnh đạo của Đảng đối với hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm (1945 -1975) Đồng thời cũng thấy được vai trò lãnh đạo của Đảng đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và lãnh đạo công cuộc đổi mới đất nước hiện nay.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng: Hình thành kỹ năng phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề đặt ra, có phương pháp nhận thức biện chứng khách quan về quá trình Đảng ra đời và vai trò của Đảng trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, và công cuộc đổi mới đất nước hiện nay; phê phán những quan điểm sai trái về lịch sử của Đảng, đồng thời giúp người học gắn tư duy lý luận với thực tiễn, vận dụng những tri thức về sự lãnh đạo của Đảng vào thực tiễn cuộc sống. Biết vận dụng kiến thức của môn học vào việc vào hoạt động thực tiễn của bản thân một cách năng động và sáng tạo; Vận dụng những vấn đề lý luận để hiểu rõ và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay.

2.3. Mục tiêu về thái độ: Người học hình thành được phẩm chất đạo đức cách mạng, lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng, có niềm tin vào sự nghiệp đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương nhập môn: ĐỐI TƯỢNG, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP LỊCH SỬ ĐCS VIỆT NAM (6LT:5TL)

1. Đối tượng nghiên cứu của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

1.1. Đối tượng nghiên cứu

1.2. Phạm vi nghiên cứu

II. Chức năng, nhiệm vụ của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

2.1. Chức năng của khoa học Lịch sử Đảng

2.2. Nhiệm vụ của môn học

III. Phương pháp nghiên cứu, học tập môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

3.1. Phương pháp luận

3.2 Các phương pháp cụ thể

IV. Mục đích, yêu cầu của môn Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

Chương 1: ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930 - 1945) (6LT:5TL)

1.1. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (tháng 2-1930)

1.1.1. Bối cảnh lịch sử

1.1.2. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện để thành lập Đảng

1.1.3. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

1.1.4. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

1.2. Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)

1.2.1. Phong trào cách mạng 1930-1931 và khôi phục phong trào 1932- 1935

1.2.2. Phong trào dân chủ 1936-1939

1.2.3. Phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945

1.2.4. Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám năm 1945

Chương 2: ĐẢNG LÃNH ĐẠO HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN, HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1945 - 1975) (6LT:5TL)

2.1. Đảng lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)

2.1.1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng 1945-1946

2.1.2. Đường lối kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược và quá trình tổ chức thực hiện từ năm 1946 đến năm 1950

2.1.3. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ đến thắng lợi 1951-1954

2.1.4. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ

2.2. Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954-1975)

2.2.1. Lãnh đạo cách mạng hai miền giai đoạn 1954-1965

2.2.2. Lãnh đạo cách mạng cả nước giai đoạn 1965-1975

2.2.3. Ý nghĩa và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954- 1975

Chương 3: ĐẢNG LÃNH ĐẠO CẢ NƯỚC QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ TIẾN HÀNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (1975 - 2018) (3LT:3TL)

3.1. Đảng lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1986)

3.1.1. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc 1975-1981

3.1.2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế 1982- 1986

3.2. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1986-2018)

3.2.1. Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội 1986-1996

3.2.2 Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế 1996 - nay

3.2.3. Thành tựu, kinh nghiệm của công cuộc đổi mới

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi

đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Bộ GD&ĐT (2021), *Lịch sử Đảng CSVN*, Nxb CTQGST.
2. Bộ GD&ĐT (2006), *Lịch sử Đảng CSVN*, Nxb CTQG.

9.2. Sách tham khảo:

1. Bộ GD&ĐT (2007), *Một số chuyên đề Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, tập I,II,III*, Nxb CTQG.
2. Văn kiện Đảng toàn tập tập tập: I,II,III,IV,V,VI,VII,VIII,IX,X,XI,XII,XIII (2002, 2002, 1999,1999,2002,2000,2000,2000,2001,2001, 2001, 2001) NXB/CTQG.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.5. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH/ HO CHI MINH'S IDEOLOGY

- Số tín chỉ: 2 (21, 18)
- Mã học phần: 197035
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Lịch sử Đảng - Tư tưởng Hồ Chí Minh .
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác Lênin, Kinh tế chính trị, Chủ nghĩa xã hội

khoa học.

1. Mô tả học phần:

- Nội dung môn học gồm 6 chương: Chương 1, 2 trình bày khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 3 đến chương 6 trình bày những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học

- Năng lực đạt được: Người học hiểu đúng hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh và vai trò tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam. Từ đó hình thành cho người học năng lực tư duy lý luận và phương pháp công tác để rèn luyện và hoàn thiện bản thân trên lập trường quan điểm chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; Biết vận dụng kiến thức đã học để lý giải, đánh giá đúng đắn các hiện tượng xã hội, qua đó thêm tin tưởng vào sự lãnh đạo đất nước của Đảng cộng sản Việt Nam.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh; sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và trong cách mạng xã hội chủ nghĩa.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

Hình thành cho sinh viên khả năng tư duy độc lập, phân tích, đánh giá, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Sinh viên được nâng cao bản lĩnh chính trị, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nhận thức vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam; thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc học tập, rèn luyện để góp phần vào xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương I: KHÁI NIỆM, ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH (2LT, 0 TL)

I. KHÁI NIỆM TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

II. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Phương pháp luận của việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh

- a) Thống nhất tính Đảng và tính khoa học
- b) Thống nhất lý luận và thực tiễn
- c) Quan điểm lịch sử - cụ thể

d) Quan điểm toàn diện và hệ thống

e) Quan điểm kế thừa và phát triển

2. Một số phương pháp cụ thể

IV. Ý NGHĨA CỦA VIỆC HỌC TẬP MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Góp phần nâng cao năng lực tư duy lý luận

2. Giáo dục và thực hành đạo đức cách mạng, củng cố niềm tin khoa học gắn liền với trau dồi tình cảm cách mạng, bồi dưỡng lòng yêu nước

3. Xây dựng, rèn luyện phương pháp và phong cách công tác

Chương II: CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH (2 LT, 2 TL)

I. CƠ SỞ HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Cơ sở thực tiễn

a) Thực tiễn Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX

b) Thực tiễn thế giới cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX

2. Cơ sở lý luận

a) Giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam

b) Tinh hoa văn hóa nhân loại

c) Chủ nghĩa Mác - Lênin

3. Nhân tố chủ quan của Hồ Chí Minh

a) Phẩm chất Hồ Chí Minh

b) Tài năng hoạt động, tổng kết thực tiễn phát triển lý luận

II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Thời kỳ trước ngày 5- 6- 1911: Hình thành tư tưởng yêu nước và có chí hướng tìm đường cứu nước mới

2. Thời kỳ từ giữa năm 1911 đến cuối năm 1920: Dần dần hình thành tư tưởng cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản

3. Thời kỳ từ cuối năm 1920 đến đầu năm 1930: Hình thành những nội dung cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam

4. Thời kỳ từ đầu năm 1930 đến đầu năm 1941: Vượt qua sóng gió, thử thách, kiên định giữ vững đường lối, phương pháp cách mạng Việt Nam đúng đắn, sáng tạo

5. Thời kỳ từ đầu năm 1941 đến tháng 9 - 1969: Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, hoàn thiện soi đường cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta

III. GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Đối với cách mạng Việt Nam

a) Tư tưởng Hồ Chí Minh đưa cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam đến thắng lợi và bắt đầu xây dựng một xã hội mới trên đất nước ta

b) Tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho cách mạng Việt Nam trong thời đại ngày nay

2. Đối với sự phát triển tiến bộ của nhân loại

a) Tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần mở ra cho các dân tộc thuộc địa con đường giải phóng dân tộc gắn với sự tiến bộ xã hội

b) Tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc, dân

chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển trên thế giới.

Chương III: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (2LT, 4TL)

I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC

1. Vấn đề độc lập dân tộc

- a) Độc lập, tự do là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của tất cả các dân tộc
- b) Độc lập dân tộc phải gắn liền tự do, cơm no, áo ấm và hạnh phúc của nhân dân
- c) Độc lập dân tộc phải là nền độc lập thật sự, hoàn toàn và triệt để
- d) Độc lập dân tộc gắn liền với thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ

2. Về cách mạng giải phóng dân tộc

a) Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản

b) Cách mạng giải phóng dân tộc, trong điều kiện của cách mạng Việt Nam, muốn thắng lợi phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo

c) Cách mạng giải phóng dân tộc phải dựa trên lực lượng đại đoàn kết toàn dân tộc, lấy liên minh công – nông làm nền tảng

d) Cách mạng giải phóng dân tộc cần chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc

e) Cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng phương pháp bạo lực cách mạng

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội

- a) Quan niệm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội
- b) Tiến lên chủ nghĩa xã hội là một tất yếu khách quan
- c) Một số đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

- a) Mục tiêu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
- b) Động lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

- a) Tính chất, đặc điểm và nhiệm vụ của thời kỳ quá độ
- b) Một số nguyên tắc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ

III. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

1. Độc lập dân tộc là cơ sở, tiền đề để tiến lên chủ nghĩa xã hội

2. Chủ nghĩa xã hội là điều kiện để bảo đảm nền độc lập dân tộc vững chắc

3. Điều kiện để bảo đảm độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội

IV. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC GẮN LIỀN VỚI CNXH TRONG SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG VIỆT NAM GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

1. Kiên định mục tiêu và con đường cách mạng mà Hồ Chí Minh đã xác định

2. Phát huy sức mạnh dân chủ xã hội chủ nghĩa

3. Củng cố, kiện toàn, phát huy sức mạnh và hiệu quả hoạt động của toàn bộ hệ thống chính trị

4. Đấu tranh chống những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị; suy thoái về đạo đức, lối sống và “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ

Chương IV: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ NHÀ NƯỚC CỦA NHÂN DÂN, DO NHÂN DÂN, VÌ NHÂN DÂN (2 LT, 4 TL)

I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1. Tính tất yếu và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam

2. Đảng phải trong sạch, vững mạnh

- a) Đảng là đạo đức, là văn minh
- b) Những vấn đề nguyên tắc trong hoạt động của Đảng
- c) Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

1. Nhà nước dân chủ

- a) Bản chất giai cấp của nhà nước
- b) Nhà nước của dân, do dân, vì dân

2. Nhà nước pháp quyền

- a) Nhà nước hợp hiến, hợp pháp
- b) Nhà nước thượng tôn pháp luật
- c) Pháp quyền nhân nghĩa

3. Nhà nước trong sạch, vững mạnh

- a) Kiểm soát quyền lực nhà nước
- b) Phòng, chống tiêu cực trong nhà nước

III. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀO CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC

1. Xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh

2. Xây dựng nhà nước

Chương V: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ (2 LT, 2 TL)

I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC

1. Vai trò của đại đoàn kết toàn dân tộc

a) Đại đoàn kết toàn dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định sự thành công của cách mạng

b) Đại đoàn kết toàn dân tộc là một mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng Việt Nam

2. Lực lượng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc

- a) Chủ thể của khối đại đoàn kết toàn dân tộc
- b) Nền tảng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc

3. Điều kiện để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc

4. Hình thức tổ chức của khối đại đoàn kết toàn dân tộc - Mặt trận dân tộc thống nhất

- a) Mặt trận dân tộc thống nhất
- b) Nguyên tắc xây dựng và hoạt động của Mặt trận dân tộc thống nhất

5. Phương thức xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ

1. Sự cần thiết phải đoàn kết quốc tế

a) Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo nên sức mạnh tổng hợp cho cách mạng.

b) Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm góp phần cùng nhân dân thế giới thực hiện thắng lợi các mục tiêu cách mạng của thời đại.

2. Lực lượng đoàn kết quốc tế và hình thức tổ chức

a) Các lực lượng cần đoàn kết

b) Hình thức tổ chức

3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế

a) Đoàn kết trên cơ sở thống nhất mục tiêu và lợi ích, có lý, có tình.

b) Đoàn kết trên cơ sở độc lập, tự chủ.

III. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

1. Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế trong hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng.

2. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh công - nông - trí dưới sự lãnh đạo của Đảng.

3. Đại đoàn kết toàn dân tộc phải kết hợp với đoàn kết quốc tế

Chương VI: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC, CON NGƯỜI

(5LT, 6 TL)

I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA

1. Một số nhận thức chung về văn hóa và quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác

a) Quan niệm của Hồ Chí Minh về văn hoá

b) Quan điểm của Hồ Chí Minh về quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác

2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của văn hóa

a) Văn hóa là mục tiêu, động lực của sự nghiệp cách mạng

b) Văn hóa là một mặt trận

c) Văn hóa phục vụ quần chúng nhân dân

3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng nền văn hóa mới

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠO ĐỨC

1. Quan điểm về vai trò và sức mạnh của đạo đức cách mạng

a) Đạo đức là gốc, là nền tảng tinh thần của xã hội, của người cách mạng

b) Đạo đức là nhân tố tạo nên sức hấp dẫn của chủ nghĩa xã hội

2. Quan điểm về những chuẩn mực đạo đức cách mạng

a) Trung với nước, hiếu với dân

b) Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư

c) Thương yêu con người, sống có tình, có nghĩa

d) Tinh thần quốc tế trong sáng

3. Quan điểm về những nguyên tắc xây dựng đạo đức cách mạng

a) Nói đi đôi với làm, nêu gương về đạo đức

b) Xây đi đôi với chống

c) Tu dưỡng đạo đức suốt đời

III. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CON NGƯỜI

1. *Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người*

2. *Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người*

3. *Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng con người*

IV. XÂY DỰNG VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC, CON NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. *Xây dựng và phát triển văn hóa, con người*

2. *Về xây dựng đạo đức cách mạng*

4. **Yêu cầu của môn học:** Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. **Kế hoạch tư vấn:** Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. **Trang thiết bị:** Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. TL bắt buộc:

1. Bộ Giáo dục & Đào tạo (2021), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*. Nxb CTQGST, HN

9.2. TL tham khảo:

1. Bộ Giáo dục và đào tạo (2019), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh (dự thảo)*

2. Hồ Chí Minh (2016), *Biên niên tiểu sử* (10 tập). Nxb CTQGST, HN

3. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội

4. Võ Nguyên Giáp (2008), *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*. Nxb Chính trị quốc gia.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.6. PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG/ GENERAL LAW

- Số tín chỉ: 2 (18,12, 12)
- Mã học phần: 197030
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Luật
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần:

- Nội dung học phần gồm: Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật. Để đạt được mục tiêu đó, nội dung của học phần bao gồm những vấn đề cơ bản nhất, chung nhất về nhà nước và pháp luật, đồng thời có sự liên hệ với nhà nước và pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp những kiến thức pháp lý cơ bản luật một số ngành luật gồm: Luật hiến pháp, luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động.

- Năng lực đạt được: Sinh viên vận dụng được kiến thức đã học vào việc xử lý các vấn đề liên quan đến pháp luật tại nơi làm việc và trong cộng đồng dân cư; phân biệt được tính hợp pháp, không hợp pháp của các hành vi biểu hiện trong đời sống hằng ngày; có khả năng tổ chức các hoạt động góp phần thực hiện kỉ luật học đường, kỉ cương xã hội.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức: Sinh viên nắm vững và phân tích được những vấn đề lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật. Đồng thời trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam: Luật hiến pháp, luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng: Sinh viên biết vận dụng những kiến thức đã học trong việc giải quyết một cách chủ động, tích cực những vấn đề liên quan đến pháp luật tại nơi học tập, làm việc, và trong cộng đồng dân cư. Biết phân biệt tính hợp pháp, không hợp pháp của các hành vi biểu hiện trong đời sống hằng ngày. Có khả năng tổ chức các hoạt động góp phần thực hiện kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội.

2.3 Mục tiêu thái độ: Trang bị cho sinh viên những kiến thức pháp lý cơ bản để từ đó giúp cho sinh viên tôn trọng pháp luật, rèn luyện tác phong sống và làm việc theo pháp luật; Vận dụng kiến thức của học phần Pháp luật đại cương vào trong quá trình học tập và công tác trên thực tiễn sau này.

3. Nội dung chi tiết học phần:

PHẦN I: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

CHƯƠNG I: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC

(LT: 02; TL: 01)

I. Nguồn gốc nhà nước.

1. Một số quan điểm phi Mác-xít về nguồn gốc nhà nước.

2. Quan điểm của học thuyết Mác-Lênin về nguồn gốc nhà nước.

II. Bản chất, các dấu hiệu cơ bản và chức năng của nhà nước.

1. Bản chất của nhà nước.

a. Tính giai cấp

b. Tính xã hội.

2. Khái niệm và các dấu hiệu cơ bản của nhà nước.

a. Khái niệm

b. Những dấu hiệu cơ bản của nhà nước.

3. Chức năng của nhà nước.

a. Khái niệm

b. Các chức năng của nhà nước

III. Nhà nước CHXHCN Việt Nam.

1. Bản chất nhà nước CHXHCN Việt Nam.

a. Khái niệm

b. Bản chất của nhà nước CHXHCN Việt Nam

2. Chức năng của nhà nước ta.

CHƯƠNG 2: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ PHÁP LUẬT

(LT: 04; TL: 04)

I. Nguồn gốc, bản chất của pháp luật.

1. Nguồn gốc của pháp luật.

2. Bản chất của pháp luật.

a. Tính giai cấp

b. Tính xã hội

II. Khái niệm và những đặc trưng cơ bản của pháp luật.

1. Khái niệm và đặc trưng cơ bản của pháp luật

2. Quan hệ giữa pháp luật với các hiện tượng xã hội khác.

III. Hình thức pháp luật.

1. Khái niệm

2. Các hình thức pháp luật.

IV. Quy phạm pháp luật và văn bản quy phạm pháp luật xhcn.

1. Quy phạm pháp luật.

a. Khái niệm, đặc điểm của quy phạm pháp luật.

b. Cơ cấu của quy phạm pháp luật.

2. Văn bản quy phạm pháp luật XHCN.

a. Khái niệm, đặc điểm của văn bản quy phạm pháp luật.

b. Phân loại văn bản quy phạm pháp luật.

V. Quan hệ pháp luật.

1. Khái niệm quan hệ pháp luật.

2. Thành phần của quan hệ pháp luật.

VI. Thực hiện pháp luật. Vi phạm pháp luật. Trách nhiệm pháp lý.

1. Thực hiện pháp luật.

a. Khái niệm.

b. Các hình thức thực hiện pháp luật.

2. Vi phạm pháp luật.

a. Khái niệm và các dấu hiệu của vi phạm pháp luật.

b. Các yếu tố cấu thành vi phạm pháp luật.

c. Các loại vi phạm pháp luật.

3. Trách nhiệm pháp lý.

a. Khái niệm, đặc điểm của trách nhiệm pháp lý.

b. Các loại trách nhiệm pháp lý

VII. Pháp chế XHCN.

1. Khái niệm.

2. Những yêu cầu cơ bản của pháp chế XHCN.

3. Các biện pháp tăng cường pháp chế XHCN.

CHƯƠNG 3: LUẬT HIẾN PHÁP

(LT: 02; TL: 02)

I. Khái quát chung về luật hiến pháp.

1. Định nghĩa Luật hiến pháp.

2. Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh

II. Tổ chức bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam.

1. Khái quát về bộ máy nhà nước chxhcn việt Nam

a. Khái niệm

b. Phân loại hệ thống các cơ quan nhà nước

2. Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước ta

a. Nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân

b. Nguyên tắc Đảng lãnh đạo

c. Nguyên tắc tập trung, dân chủ

d. Nguyên tắc pháp chế XHCN

e. Nguyên tắc đoàn kết, tương trợ giữa các dân tộc

3. Các cơ quan trong bộ máy nhà nước

- a. Vị trí, tính chất
- b. Chức năng

III. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

- 1. Khái niệm, nguồn gốc, bản chất và tính chất của quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân;
- 2. Quy định của Liên hợp quốc và điều ước quốc tế về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân;
- 3. Quy định Hiến pháp 2013 về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân;
- 4. Ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong quá trình xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (sau đây viết tắt là XHCN);
- 5. Trách nhiệm, nghĩa vụ của các chủ thể (nhà nước, tổ chức, cá nhân) trong việc tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

CHƯƠNG 4: LUẬT HÀNH CHÍNH

(LT: 01; TL: 01)

I. Khái quát chung về luật hành chính.

- 1. Định nghĩa Luật hành chính
- 2. Đối tượng điều chỉnh phương pháp điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh

II. Quan hệ pháp luật hành chính, trách nhiệm hành chính

- 1. Quan hệ pháp luật hành chính
- 2. Trách nhiệm hành chính

II. Vi phạm hành chính và xử lý vi phạm hành chính

- 1. Định nghĩa vi phạm hành chính
- 2. Xử lý vi phạm hành chính
 - a. Nguyên tắc xử lý vi phạm hành chính
 - b. Các hình thức xử phạt vi phạm hành chính
 - c. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính

III. Cán bộ, công chức. Nghĩa vụ và quyền lợi của cán bộ công chức.

- 1. Khái niệm cán bộ, công chức
- 2. Nghĩa vụ và quyền lợi của cán bộ, công chức.

CHƯƠNG 5: LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

(LT: 01; TL: 01)

I. Khái niệm, đặc điểm của tham nhũng

1. Khái niệm tham nhũng
2. Đặc điểm của tham nhũng
3. Những hành vi tham nhũng theo quy định của pháp luật hiện hành

II. Nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh tham nhũng

1. Nguyên nhân khách quan
2. Nguyên nhân chủ quan

III. Tác hại của tham nhũng

1. Chính trị
2. Kinh tế
3. Xã hội

IV. Các biện pháp phòng chống tham nhũng

1. Nhóm các biện pháp phòng ngừa tham nhũng
2. Nhóm các biện pháp phòng chống tham nhũng

CHƯƠNG 6: LUẬT DÂN SỰ - LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

(LT: 04; TL: 01; TH 6)

A. Luật dân sự.

I. Khái quát chung về luật dân sự.

1. Định nghĩa luật dân sự
2. Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh

II. Nội dung cơ bản của luật dân sự.

1. Quyền sở hữu
 - a. Khái niệm quyền sở hữu
 - b. Nội dung quyền sở hữu
2. Thừa kế.
 - a. Khái niệm thừa kế
 - b. Người để lại di sản thừa kế
 - c. Người hưởng thừa kế
 - d. Hình thức thừa kế
3. Hợp đồng dân sự.
 - a. Khái niệm hợp đồng dân sự
 - b. Hình thức hợp đồng dân sự
 - c. Nội dung hợp đồng dân sự
4. Trách nhiệm dân sự
 - a. Khái niệm trách nhiệm dân sự
 - b. Các hình thức trách nhiệm dân sự

B. Luật hôn nhân và gia đình

I. Khái quát chung về luật hôn nhân và gia đình.

1. Định nghĩa luật hôn nhân gia đình
2. Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh

II. Nội dung cơ bản.

1. Kết hôn.
 - a. Khái niệm kết hôn
 - b. Điều kiện kết hôn
2. Quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng, cha mẹ và con.
 - a. Quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng
 - b. Quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ và con
3. Chấm dứt hôn nhân.
 - a. Khái niệm
 - b. Các trường hợp chấm dứt hôn nhân
 - c. Hậu quả pháp lý của việc chấm dứt hôn nhân

CHƯƠNG 7: LUẬT HÌNH SỰ

(LT: 02; TL: 01; TH: 03)

I. Khái quát chung về luật hình sự.

1. Định nghĩa Luật hình sự
2. Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh

II. Tội phạm.

1. Khái niệm, đặc điểm của tội phạm.
 - a. Khái niệm
 - b. Đặc điểm
2. Phân loại tội phạm.

III. Hình phạt và các biện pháp tư pháp.

1. Hình phạt.
 - a. Khái niệm
 - b. Các loại hình phạt
2. Các biện pháp tư pháp khác

CHƯƠNG 8: LUẬT LAO ĐỘNG

(LT: 02; TL: 01; TH: 03)

I. Khái quát chung về luật lao động.

1. Định nghĩa luật lao động

2. Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh

II. Những nội dung cơ bản.

1. Hợp đồng lao động.

a. Khái niệm

b. Hình thức

c. Nội dung

2. Quyền, nghĩa vụ của người lao động và người sử dụng lao động.

a. Quyền, nghĩa vụ của người lao động

b. Quyền, nghĩa vụ của người sử dụng lao động.

3. Công đoàn.

a. Khái niệm

b. Vị trí, tính chất, chức năng của Công đoàn

4. Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi.

a. Thời giờ làm việc

b. Thời giờ nghỉ ngơi

5. Tiền lương và phụ cấp

a. Tiền lương

b. Phụ cấp

6. Kỷ luật lao động. Trách nhiệm vật chất.

a. Kỷ luật lao động

b. Trách nhiệm vật chất

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Lê Văn Minh (chủ biên), (2016), *Pháp luật đại cương*, Nxb Lao động (Quyển 1).

9.2. Tài liệu tham khảo:

1. Lê Minh Toàn (chủ biên), (2012), *Giáo trình pháp luật đại cương*, Nxb Chính trị Quốc gia (Quyển 1).
2. Lê Minh Tâm, Nguyễn Minh Đoan, (2015), *Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật*, Nxb Công an nhân dân (Quyển 2).

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

II. NGOẠI NGỮ

9.7. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TIẾNG ANH 1

- Số tín chỉ: 4 (36, 24, 24)

- Mã học phần: 133031

- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Ngoại Ngữ không chuyên – khoa Ngoại Ngữ

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

- *Nội dung học phần gồm:* Học phần gồm các nội dung sau: ngữ âm, ngữ pháp cơ bản, từ vựng và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết được luyện theo các chủ đề trong giáo trình English File Elementary (3rd edition) và giáo trình *Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A*. Ngữ âm: Giới thiệu và luyện tập các ký hiệu phiên âm tiếng Anh trong Bảng phiên âm quốc tế IPA. Ngữ pháp: Giới thiệu hệ thống lý thuyết và bài tập về các yếu tố ngữ pháp như: đại từ nhân xưng, động từ “to be”, danh từ, tính từ sở hữu, mạo từ, động từ, tân ngữ, đại từ sở hữu, đại từ phản thân, tính từ, trạng từ, so sánh tính từ, trạng từ, giới từ, hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, be going to, tương lai đơn, hiện tại hoàn thành. Từ vựng: Giới thiệu hệ thống từ vựng thông thường theo các chủ đề gần gũi với cuộc sống hàng ngày.

- *Năng lực đạt được:* Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để nghe hiểu những bài nói đơn giản về các chủ đề quen thuộc ở mức độ A2. Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để trình bày ngắn gọn về các chủ đề quen thuộc dù có thể đôi lúc vẫn còn ngập ngừng. Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để viết các dạng văn bản khác nhau ở trình độ tiền A2 như văn miêu tả, kể chuyện, mẫu đơn, thư tín, thư điện tử, ... Người học có khả năng sáng tạo trong quá trình lập kế hoạch và thực hiện các dự án, đề xuất các giải pháp trong học tập. Người học có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết trong Tiếng Anh.

2. Mục tiêu của học phần

2.1 Mục tiêu kiến thức:

Người học nhớ và hiểu kiến thức về ngữ âm tiếng Anh trong phát âm, nghĩa các từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, nhớ và hiểu các kỹ thuật Nghe hiểu từ khóa, thông tin chính trong hội thoại, nhớ và hiểu cách thức giao tiếp trong khi Nói biết cách giao tiếp những chủ đề quen thuộc liên quan đến bản thân và cuộc sống hàng ngày, có thể hỏi và trả lời những câu hỏi đơn giản như đề nghị, lời mời, xin lỗi, người học nhớ và hiểu các kỹ thuật Viết những văn bản ngắn như tin nhắn, thư tín, văn miêu tả, văn kể chuyện trình độ tiền A2 theo khung NLNNVN. Người học nhớ, hiểu định dạng bài thi Nghe, Nói, Đọc, Viết trình độ tiền A2.

2.2 Mục tiêu kỹ năng:

Người học vận dụng lý thuyết về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp đã nhớ và hiểu để sử dụng cho kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết trình độ tiền A2. Cụ thể: có thể theo dõi và hiểu được ý chính của những bài hội thoại ngắn, chỉ dẫn, tin nhắn thoại diễn ra chậm và rõ ràng, hiểu và sử dụng phương tiện giao thông công cộng đơn giản. Có thể giao tiếp một cách đơn giản và trực tiếp về các chủ đề quen thuộc hàng ngày, mô tả ngắn gọn về bản thân, gia đình, nơi chốn, sở thích, giao dịch hàng hóa và dịch vụ đơn giản. Có thể hiểu các đoạn văn bản

ngắn và đơn giản về các chủ đề quen thuộc hàng ngày, xác định được thông tin cụ thể trong các văn bản ngắn, hiểu được biển báo, thông báo, hướng dẫn sử dụng đơn giản. Có thể viết các cụm từ, câu đơn giản về những chủ đề quen thuộc như bản thân, gia đình, trường lớp, công việc, sở thích,...có thể yêu cầu hoặc cung cấp thông tin cá nhân bằng văn bản, viết và trả lời tin nhắn, bưu thiếp, điền thông tin cá nhân vào biểu mẫu đơn giản. Người học biết phương pháp làm bài thi Nghe, Nói, Đọc, Viết trình độ tiền A2.

Người học vận dụng kiến thức đã có để giải quyết những khó khăn trong khi học. Người học đánh giá, cho ý kiến, tổng hợp, đề xuất khi làm việc nhóm để hoàn thành các bài tập lớn, bài thuyết trình. Người học vận dụng kỹ năng giao tiếp để thực hiện các hoạt động trong quá trình làm việc nhóm. Người học vận dụng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để thực hiện công việc. Người học có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý hoạt động của bản thân.

2.3 Mục tiêu về thái độ người học:

Người học chấp hành nghiêm túc các quy định của học phần: Tham gia 80% số giờ quy định trong lớp học; Hoàn thành các bài tập cá nhân, bài tập nhóm, các dự án; Làm đầy đủ các bài kiểm tra, đánh giá.

Người học chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần: Hoạt động tự học trên lớp; Hoạt động theo cặp, theo nhóm trên lớp; Hoạt động tự học của cá nhân ở nhà; Hoạt động tự học theo nhóm dự án ở nhà.

3. Nội dung học phần

Nội dung của học phần giúp người học củng cố, luyện tập và thiết lập các kỹ năng giao tiếp tiếng Anh trình độ tiền A2., đồng thời người học còn có khả năng tự học, tự nghiên cứu, có thái độ học tập tích cực, tham gia các hoạt động tự học ở nhà như làm bài tập nhóm, bài tập Portfolio, thực hành các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết.

3.1. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung 1:

(2LT: 2,5TH: 1,5TL)

1.1. Course Introduction

1.2. Orientation

1.3. Diagnostic test

1.4. - IPA: phonemic chart

+ vowels

+ consonants

+ monothongs +

diphthongs

Nội dung 2: Unit 1A – My name's Hannah, not Anna (3LT: 1,5TH: 1,5TL)

2.1. Grammar: verb *to be*, subject pronoun, possessive adjectives

2.2. Listening: Listen & fill in a number or a day in each space

2.3. Reading: Days of the week; Numbers 1 – 20; Greetings

2.4. Speaking: making small talks, Days of the week; tel Number; Greetings

2.5. Writing: describing a stage of life

Nội dung 3: Unit 1B; Unit 1C (3LT: 1,5TH: 1,5TL)

3.1. Grammar: verb *be* ? and -, comparatives

- 3.2. Listening: grammar focus on verb *be* and comparatives, possessive adjectives
- 3.3. Reading: grammar focus on verb *be* and comparatives, , possessive adjectives
- 3.4. Speaking: talking about favorite words, talking about people description
- 3.5. Writing: describing people

Nội dung 4: Unit 2A

(2LT: 2,5TH: 1,5TL)

- 4.1. Grammar: a/an, plurals; this/that/these/those
- 4.2. Listening: grammar focus on plurals
- 4.3. Reading: grammar focus on plurals
- 4.4. Speaking: things
- 4.5. Writing: describing things

Nội dung 5: Unit 2B; unit 2C

(3LT: 1,5TH: 1,5TL)

- 5.1. Grammar: adjectives, imperatives, let's
- 5.2. Listening: colors, adjectives, modifiers, feelings
- 5.3. Reading: colors, adjectives, modifiers, feelings
- 5.4. Speaking: describing your unforgettable experience

Nội dung 6: Unit 3A

(3LT: 1,5TH: 1,5TL)

- 6.1. Grammar: present simple
- 6.2. Listening: third person -s
- 6.3. Reading: present simple
- 6.4. Speaking: describing favorite things, people
- 6.5. Writing: describing favorite things, people

Nội dung 7: Unit 3B; Unit 3C

(2LT: 2,5TH: 1,5TL)

- 7.1. Grammar: word order in questions, sentence stress
- 7.2. Listening : word order in questions, sentence stress, jobs
- 7.3. Reading: job, love online
- 7.4. Speaking: describing job, love online
- 7.5. Writing: describing job, Love online

Nội dung 8: Unit 4A, Unit 4B, Unit 4C

(3LT: 1,5TH: 1,5TL)

- 8.1. Grammar: Whose...?, possessives, prepositions,
- 8.2. Listening: possessions, prepositions of places and time, everyday activities
- 8.3. Reading: possessions, prepositions of places and time, everyday activities
- 8.4. Speaking: sayings about everyday activities
- 8.5. Writing: everyday activities

Nội dung 9: Unit 5A, Unit 5B, Unit 5C

(3LT: 1,5TH: 1,5TL)

- 9.1. Grammar: can, can't, present continuous
- 9.2. Listening: sentence stress, buying a newspaper, weather and seasons
- 9.3. Reading: buying a newspaper, weather and seasons
- 9.4. Speaking: weather and seasons
- 9.5. Writing: weather and seasons

Nội dung 10: Unit 6A, Unit 6B, Unit 6C

(3LT: 1,0TH:

2,0TL)

- 10.1. Grammar: object pronouns,

10.2. Listening: phone language, the dates, numbers

10.3. Reading: : phone language, the dates, numbers

10.4. Speaking: discussing views on : phone language, the dates, numbers

10.5. Writing: describing places

Nội dung 11: Unit 7A, Unit 7B, Unit 7C

(3LT: 1,5TH:

1,5TL)

11.1. Grammar: past simple

11.2. Listening: sentence stress, time expressions

11.3. Reading: a memorable night

11.4. Speaking: discussing a memorable night

11.5. Writing: a memorable night

Nội dung 12: Unit 9A, Unit 9B, Unit 9C

(2LT: 2TH: 2TL)

12.1. Grammar: nouns, comparatives

12.2. Listening & Reading : nouns, comparatives

12.3. Speaking: comparing landscapes,

12.4. Writing: describing a meal

Nội dung 13: Unit 10A, Unit 10B, Unit 10C

(2LT: 2TH: 2TL)

13.1. Grammar: superlative adjectives

13.2. Listening & Reading : holiday, places

13.3. Speaking: holiday, places

Nội dung 14: Unit 12A, Unit 12B, Unit 12C

(2LT: 1,0TH: 2,0TL)

14.1. Grammar: relative clauses, defining and non-defining clauses

14.2. Listening & Reading : films, personal information, episode

14.3. Speaking: fortune-telling, make an interview

14.4. Instruction for final test

4. Yêu cầu của môn học

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).

- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như đọc hiểu, phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm.....

- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.

- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Học liệu bắt buộc (HLBB)

1. Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson (2012), *English File–Elementary 3rd edition*. Oxford University Press.
2. Nguyễn Thị Quyết (2018), *Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A*. Nhà xuất bản Thanh Hoá.

9.2. Học liệu tham khảo (HLTK)

1. Raymond Murphy (2013), *Grammar in use. Ngữ pháp tiếng Anh thông dụng. 130 bài tập thực hành*. NXB Thời đại
2. Cambridge ESOL (2011), *Cambridge Preliminary English Test 2*. Cambridge University Press



**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.8. TIẾNG ANH 2/ENGLISH 2

- Số tín chỉ: 3 (27,18,18)

- Mã học phần: 133032

- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Ngoại Ngữ không chuyên – khoa Ngoại Ngữ

- Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 1

1. Mô tả học phần

- *Nội dung học phần gồm:* Học phần gồm các nội dung sau: ngữ âm, ngữ pháp cơ bản, từ vựng và các kỹ năng Nghe, nói, đọc, viết được luyện theo các chủ đề trong giáo trình Ngữ Pháp căn bản Tiếng Anh (Trình độ B) và English File Pre-Intermediate (3rd edition). Ngữ âm: Giới thiệu và luyện tập các ký hiệu phiên âm tiếng Anh trong Bảng phiên âm quốc tế IPA, trọng âm từ, trọng âm câu. Ngữ pháp: Giới thiệu hệ thống lý thuyết và bài tập về các yếu tố ngữ pháp như: các thì trong tiếng Anh, động từ khuyết thiếu, câu điều kiện, câu giả định, thể bị động, lời nói gián tiếp, danh động từ và động từ nguyên thể, cấu trúc used to, be used to.... Từ vựng: Giới thiệu hệ thống từ vựng thông thường theo các chủ đề gần gũi với cuộc sống hàng ngày. Kỹ năng: Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở dạng làm quen ban đầu. Cả 4 kỹ năng được dạy theo nội dung các bài học trong giáo trình *Clive Oxenden, Christina Latham – Koenig and Paul Seligson, 2013. English File – Elementary 3rd Edition*. Oxford University Press.

- *Năng lực đạt được:* Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để nghe hiểu những bài nói đơn giản về các chủ đề quen thuộc ở mức độ A2. Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để trình bày ngắn gọn về các chủ đề quen thuộc dù có thể đôi lúc vẫn còn ngập ngừng. Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để viết các dạng văn bản khác nhau ở trình độ A2 như văn miêu tả, kể chuyện, mẫu đơn, thư tín, thư điện tử,... Người học có khả năng sáng tạo trong quá trình lập kế hoạch và thực hiện các dự án, đề xuất các giải pháp trong học tập. Người học có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết trong Tiếng Anh.

2. Mục tiêu của học phần

2.1 Mục tiêu kiến thức:

Người học nhớ và hiểu kiến thức về ngữ âm tiếng Anh trong phát âm, nghĩa các từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trình độ A2. Người học có thể nghe hiểu từ khóa, nghe hiểu và nhận biết được các thông tin chính trong hội thoại và đoạn nói ngắn, các cách thức giao tiếp trong khi Nói: biết cách giao tiếp những chủ đề quen thuộc liên quan tới bản thân, công việc và cuộc sống hàng ngày; có thể hỏi và trả lời những câu hỏi đơn giản; có thể mời, đề nghị, xin lỗi, cảm ơn. Người học nhớ và hiểu các chiến thuật đọc hiểu: khảo sát bài đọc trước khi đọc, đọc nhanh để tìm ý chính của bài đọc, đọc lướt để tìm các thông tin chi tiết, đoán nghĩa của từ trong ngữ cảnh, đưa ra suy luận... Người học biết cách đọc hiểu các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các chủ đề quen thuộc hàng ngày. Người học nhớ và hiểu các kỹ thuật Viết những dạng văn bản ngắn như tin nhắn, thư tín, văn miêu tả, văn kể chuyện. Người học biết phương pháp làm bài thi Nghe, Nói, Đọc, Viết trình độ A2.

2.2 Mục tiêu kỹ năng:

Người học vận dụng lý thuyết về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp đã nhớ và hiểu để sử dụng cho kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết trình độ A2. Cụ thể: Có thể hiểu những cụm từ và cách diễn đạt liên quan tới nhu cầu thiết yếu hằng ngày, hiểu được ý chính trong các thông báo hay tin nhắn thoại ngắn, rõ ràng, đơn giản, hiểu những hướng dẫn chỉ đường, sử dụng phương tiện giao thông công cộng đơn giản, có thể xác định thông tin chính của các bản tin trên đài và truyền hình tường thuật các sự kiện, tai nạn v.v... Người học có thể giao tiếp một cách đơn giản và trực tiếp về các chủ đề quen thuộc hằng ngày liên quan đến công việc và thời gian rảnh rỗi, truyền đạt quan điểm, nhận định của mình trong các tình huống xã giao đơn giản, ngắn gọn nhưng chưa thể duy trì được các cuộc hội thoại, xử lý những tình huống hằng ngày khi đi du lịch như về chỗ ở, ăn uống và mua sắm. Người học có thể hiểu các đoạn văn ngắn và đơn giản, định vị thông tin trong quá trình đọc, hiểu được thư từ, biển báo, thông báo..., viết các cụm từ, câu đơn giản về các chủ đề quen thuộc, viết được các ghi chú, biểu mẫu, thư cá nhân. Biết phương pháp làm bài thi Nghe, Nói, Đọc, Viết trình độ A2.

Người học vận dụng kiến thức đã có để giải quyết những khó khăn trong khi học. Người học đánh giá, cho ý kiến, tổng hợp, đề xuất khi làm việc nhóm để hoàn thành các bài tập lớn, bài thuyết trình. Người học vận dụng kỹ năng giao tiếp để thực hiện các hoạt động trong quá trình làm việc nhóm. Người học vận dụng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để thực hiện công việc. Người học có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý hoạt động của bản thân.

2.3 Mục tiêu về thái độ người học:

Người học chấp hành nghiêm túc các quy định của học phần: Tham gia 80% số giờ quy định trong lớp học; Hoàn thành các bài tập cá nhân, bài tập nhóm, các dự án; Làm đầy đủ các bài kiểm tra, đánh giá.

Người học chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần: Hoạt động tự học trên lớp; Hoạt động theo cặp, theo nhóm trên lớp; Hoạt động tự học của cá nhân ở nhà; Hoạt động tự học theo nhóm dự án ở nhà.

3. Nội dung học phần: Các nội dung phân bố đều trong 13 tuần. Mỗi nội dung bài học bao gồm các phần ngữ pháp và thực hành nghe, nói, đọc, viết

3.1 Nội dung chi tiết học phần

Nội dung 1: Grammar

(3LT: 1,0TH: 1,0TL)

- 1.1. Present perfect vs. past simple tense
- 1.2. Present perfect continuous
- 1.3. Present perfect continuous or present perfect simple
- 1.4. Past perfect
- 1.5. Past perfect continuous
- 1.6. Future perfect and future perfect continuous

Nội dung 2: Grammar

(2LT: 1,5TH: 1,5TL)

- 2.1. Could have (done), Must (have) and can't (have), May (have) and might (have), Ought to, should, have to
- 2.2. Conditional sentences type 1 and 2
- 2.3. Conditional sentences type 3

2.4. Subjunctive

2.5. Passive

Nội dung 3: Grammar

(2LT: 1,5TH: 1,5TL)

3.1. Reported speech

3.2. -ing and the infinitive

3.3. Be/get used to **something** (I'm used to...)

3.4. Prefer and would rather, Had better do something; It's time someone did something

3.5. Defining relative clauses

3.6. Non-defining relative clauses

Nội dung 4: Grammar, Unit 1A, 1B

(2LT: 1TH: 1TL)

4.1. Grammar: Still and yet, Anymore / any longer / no longer, Although/ though/even though, In spite of / despite, Even, word order in questions,

4.2. Listening: Spelling and numbers

4.3. Speaking: common verb phrases, giving information about a friend

4.4. Reading: "Who know you better- your mother or your best friend?"

4.5. Writing: Describe a person

Nội dung 5: Unit 1C, 2A, 2B

(3LT: 1,0TH: 1,0TL)

5.1. Grammar: Present continuous, Past simple: regular and irregular verbs, Past continuous

5.2. Listening: Listen to a description of a picture and holidays

5.3. Speaking: Describe a picture and a holiday

5.4. Reading: Read about holidays and a description of a photo

5.5. Writing: Describe a favourite photo

Nội dung 6: Unit 2C, 3A

(2LT: 1,5TH: 1,5TL)

6.1. Grammar: time sequences and connectors, be going to (plans and predictions)

6.2. Listening: Listen to three travellers' plans and dreams

6.3. Speaking: using picture to retell a story

6.4. Reading: Read the story of *Hannah and Jamie* and read about *Top airports in the world*

Nội dung 7: Unit 3B; Unit 3C

(2LT: 1,0TH: 1,0TL)

7.1. Grammar: present continuous, defining relative clause

7.2. Listening: the dates, guessing words

7.3. Reading: the dates, the ways to create new words

7.4. Speaking: make arrangement, defining words

7.5. Writing: write an informal email

Nội dung 8: Unit 4A; Unit 4B

(2LT: 1,5TH: 1,5TL)

8.1. Grammar: present perfect or past simple

8.2. Listening: teenage carers, shopping

8.3. Reading: annoying habits of teenagers, the style interview

8.4. Speaking: teenagers and their parents, shopping

8.5. Writing: teenagers' habits

Nội dung 9: Unit 4C; Revise \$ check, Progress test 2 (2LT: 1,5TH: 1,5TL)

- 9.1. Grammar: something, anything, nothing
- 9.2. Listening: Sven's weekend
- 9.3. Reading: spending weekend in the UK
- 9.4. Speaking: making weekend more interesting
- 9.5. Writing: your weekend

Nội dung 10: Unit 5A, 5B (2LT: 1,0TH: 1,0TL)

- 10.1. Grammar: comparative adjectives and adverbs, as...as, superlatives (+ ever + present perfect)
- 10.2. Listening: Listen to a talk about how to live more slowly
- 10.3. Speaking: Talk about changes in life
- 10.4. Reading: Read the article *We're living faster, but are we living better?* and *All capital cities are unfriendly – or are they?*
- 10.5. Writing: Write a description of the place

Nội dung 11: Unit 5C, 6A (2LT: 1,5TH: 1,5TL)

- 11.1. Grammar: quantifiers, too, not enough, Will/won't (predictions)
- 11.2. Listening: Listen to a radio programme
- 11.3. Speaking: Do the questionnaire about diet and lifestyle
- 11.4. Reading: Read the article *Everything bad is good for you* and *A pessimist plays a pessimist*

Nội dung 12: Unit 6B, 6C (3LT: 1,0TH: 1,0TL)

- 12.1. Grammar: Will/won't (decisions, offers, promises), Reviewing of verb forms: present, past, future
- 12.2. Listening: Listen to a news programme, listen to a psychoanalyst talking to a patient about his dreams.
- 12.3. Speaking: Talk about decisions, offers, promises, Roleplay interpreting partners' dreams
- 12.4. Reading: Read and match dreams with interpretations

Nội dung 13: Revise & Check 5& (0LT: 1,0TH: 1,0TL)

- 13.1. Revise & Check
- 13.2. Progress test

4. Yêu cầu của môn học

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như đọc hiểu, phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm.....
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các

phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, loa đài và tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

Tài liệu bắt buộc:

1. Christina Latham –Kooeing, Clive Oxenden and Paul Seligson (2011), *English File. Pre-intermediate, 3rd edition*. Nxb Văn Hóa Thông Tin.

2. Nguyễn Thị Quyết và các cộng sự (2018). *Ngữ pháp tiếng Anh căn bản – trình độ B*, Nhà xuất bản Thanh Hoá

Tài liệu tham khảo:

1. Raymond Murphy (2013), *Grammar In Use*. Ngữ pháp tiếng Anh thông dụng, 130 bài tập thực hành. NXB Thời đại.

2. Cambridge ESOL (2013), Cambridge Preliminary English Test. Cambridge University Press.

3. Cambridge ESOL (2014), Cambridge Preliminary English Test. Cambridge University Press.



**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.9. TIẾNG ANH 3//ENGLISH 3

- Số tín chỉ: 3 (27, 18, 18)

- Mã học phần: 133033

- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Ngoại Ngữ không chuyên – khoa Ngoại Ngữ

- Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 2

1. Mô tả học phần

- Nội dung học phần gồm: Học phần gồm các nội dung sau: ngữ âm, ngữ pháp cơ bản, từ vựng và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết được luyện theo các chủ đề trong giáo trình English File Pre-Intermediate (3rd edition) và Target PET. Từ vựng: Bổ sung hệ thống từ vựng sử dụng trong hầu hết các tình huống giao tiếp thông thường. Kỹ năng: Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở trình trung cấp. Cả 4 kỹ năng được dạy theo nội dung các bài học trong giáo trình: *Clive Oxenden, Christina Latham – Koenig and Paul Seligson, 2013. English File – Pre-intermediate 3rd Edition. Oxford University Press* và *Sue Ireland, Joanna Kosta. Target PET. Richmond Publishing.*

- Năng lực đạt được: Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để đáp ứng được năng lực bậc 3/6 theo KNLNNVN, có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để tạo tiền đề nghiên cứu tiếp những bậc cao hơn, có khả năng sáng tạo trong quá trình đặt kế hoạch và thực hiện các dự án, đề xuất các giải pháp, có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ của mình.

2. Mục tiêu của học phần

2.1 Mục tiêu kiến thức:

Người học nhớ và hiểu kiến thức về ngữ âm tiếng Anh trong phát âm, nghĩa các từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, nhớ và hiểu các kỹ thuật Nghe hiểu từ khóa, thông tin chính trong hội thoại, nhớ và hiểu cách thức giao tiếp, thông tin trình bày trên đài, ti vi, biết cách giao tiếp tương đối tự tin về các vấn đề quen thuộc, trình bày ý kiến cá nhân về các chủ đề văn hóa, hiểu cách tham gia đàm thoại, thể hiện quan điểm cá nhân và trao đổi thông tin cá nhân, nhớ và hiểu các chiến thuật đọc hiểu: khảo sát bài đọc trước khi đọc, đọc nhanh để tìm ý chính của bài đọc, đọc lướt để tìm các thông tin chi tiết, đoán nghĩa của từ trong ngữ cảnh, đưa ra suy luận... Người học biết cách đọc hiểu các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề liên quan đến chuyên ngành và lĩnh vực quan tâm, yêu thích. nhớ và hiểu các kỹ thuật Viết những dạng văn bản như văn miêu tả, thư cá nhân, văn kể chuyện, mẫu đơn, thư tín, thư điện tử, hiểu và nhớ cách thức ghi truyền đạt thông tin, ý kiến về những chủ đề cụ thể. Người học nhớ, hiểu định dạng bài thi Nghe, Nói, Đọc, Viết trình độ B1 Khung NLNNVN.

2.2 Mục tiêu kỹ năng:

Người học vận dụng lý thuyết về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp đã nhớ và hiểu để sử dụng cho kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết trình độ B1. Cụ thể: có thể hiểu được ý chính của hội thoại mở rộng, theo dõi và hiểu được dàn ý của những bài nói ngắn, đơn giản về chủ đề quen thuộc, làm theo được các thông tin kỹ thuật đơn giản như hướng dẫn vận hành các thiết kế thông dụng, hiểu được các chỉ dẫn chi tiết, các ý chính của các chương trình điểm tin trên đài phát thanh và những nội dung phỏng vấn, phóng sự, phim thời sự

có hình ảnh minh họa bằng ngôn ngữ đơn giản. Người học có thể giao tiếp tương đối tự tin và tham gia đàm thoại về các chủ đề quen thuộc liên quan đến sở thích, học tập và việc làm của mình, mô tả đơn giản, trình bày bằng các diễn ngôn đơn giản về một câu truyện ngắn có nội dung gần gũi với các chủ đề quen thuộc, kể chi tiết về kinh nghiệm bản thân, cốt truyện của một cuốn sách, bộ phim hay và cảm xúc của mình, sử dụng những câu hỏi và trả lời đã được chuẩn bị trước để thực hiện một cuộc phỏng vấn. Người học có thể xác định được các kết luận chính trong các văn bản, nhận diện mạch lập luận của văn bản đang đọc dù không nhất thiết phải thật chi tiết, hiểu các thông tin trong các văn bản sử dụng hàng ngày như thư từ, tờ thông tin và các công văn ngắn. Người học có thể viết thư cá nhân hoặc lời nhắn với các mục đích như mời rủ, nhắc nhở, xin lỗi, gợi ý, đề nghị, giải thích, viết các ghi chú để hỏi hoặc truyền đạt những thông tin đơn giản. Người học có thể sáng tác các câu chuyện bắt đầu với câu chủ đề cho trước về sự kiện nảy sinh trong cuộc sống hàng ngày, thể giới tự nhiên hoặc tình huống bất ngờ xảy ra. Người học biết phương pháp làm bài thi Nghe, Nói, Đọc, Viết trình độ B1.

Người học vận dụng kiến thức đã có để giải quyết những khó khăn trong khi học. Người học đánh giá, cho ý kiến, tổng hợp, đề xuất khi làm việc nhóm để hoàn thành các bài tập lớn, bài thuyết trình. Người học vận dụng kỹ năng giao tiếp để thực hiện các hoạt động trong quá trình làm việc nhóm. Người học vận dụng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để thực hiện công việc. Người học có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý hoạt động của bản thân.

2.3 Mục tiêu về thái độ người học:

Người học chấp hành nghiêm túc các quy định của học phần: Tham gia 80% số giờ quy định trong lớp học; Hoàn thành các bài tập cá nhân, bài tập nhóm, các dự án; Làm đầy đủ các bài kiểm tra, đánh giá.

Người học chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần: Hoạt động tự học trên lớp; Hoạt động theo cặp, theo nhóm trên lớp; Hoạt động tự học của cá nhân ở nhà; Hoạt động tự học theo nhóm dự án ở nhà.

3. Nội dung học phần

Các nội dung phân bố đều trong 13 tuần. Mỗi nội dung bài học bao gồm các phần ngữ pháp và thực hành nghe, nói, đọc, viết.

3.1. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung 1: Bài 7A & Bài 1.2

(2LT: 1,5TH: 1,5TL)

1.1. Course Introduction

1.2. Course Orientation

1.3. Unit 7 & Unit 1.2;

1.3.1. Grammar: Infinitive with “to”

1.3.2. Listening: First meeting with girlfriend’s parents

1.3.3. Reading: How to survive for the first meeting, a story about friendship

1.3.4. Speaking: describing people

1.3.5. Writing: words and phrases for writing an email.

Nội dung 2: Bài 7B & Bài 1.1

(2LT: 1,5TH: 1,5TL)

2.1. Grammar: use of gerund

2.2. Listening: an interview on a singing course

2.3. Reading: Happiness is...

2.4. Speaking: giving opinion

2.5. Writing: 10 sentences about likes/dislikes

Nội dung 3: Bài 7C & Bài 8.1

(2LT: 1,5TH: 1,5TL)

3.1. Grammar: have to, must

3.2. Listening: Max talking about his learning foreign language.

3.3. Vocabulary: modifiers

3.4. Speaking: Talk to a partner about his/her learning English

3.5. Writing: A formal email

Nội dung 4: Bài 8A & Bài 5.1

(2LT: 2TH: 1TL)

4.1. Grammar: Should

4.2. Listening: Listen to a radio program

4.3. Reading: Too macho to talk

4.4. Speaking: compare with a partner how to give advice

4.5. Writing: write a response to one of the problems and giving advice

Nội dung 5: Bài 8B & Bài 9.2

(2LT: 1,5TH: 1,5TL)

5.1. Topics: Environment

5.2. Grammar: If + present, will + infinitive (first conditional)

5.3. Listening: 3 things that could go wrong when you are on holiday.

5.4. Reading: It always happen

5.5. Speaking: confusing verbs

Nội dung 6: Bài 9A & Bài 10.1

(2LT: 1,5TH: 1,5TL)

6.1. Grammar: If + past, would + infinitive (second conditional)

6.2. Listening: Understand a conversation

6.3. Reading: Would you know what to do

6.4. Speaking: About situation with "would do"

6.5. Pronunciation: word stress

Nội dung 7: Bài 9C & Bài 7.2

(2LT: 2TH: 1TL)

7.1. Topics: Leisure

7.2. Grammar: present perfect or past simple

7.3. Listening: famous singers

7.4. Vocabulary: biographies

7.5. Speaking: Talk about a member of you family

7.6. Writing: A biography

Nội dung 8: Bài 10B & Bài 3.1

(2LT: 1,5TH: 1,5TL)

8.1. Grammar: used to

8.2. Listening: reports of famous people

8.3. Reading: Could do better

8.4. Speaking: You at primary school

8.5. Writing: writing a haiku

Nội dung 9: Bài 10C & Bài 10.2

(2LT: 1,5TH: 1,5TL)

- 9.1. Topics: Music and festival
- 9.2. Grammar: might
- 9.3. Listening: music and festival
- 9.4. Reading: Is too much choice making us happy?
- 9.5. Speaking: Interview a partner with a questionnaire
- 9.6. Writing: a paragraph about festival

Nội dung 10: Bài 11A & Bài 7.1

(2LT: 1TH: 2TL)

- 10.1. Grammar: expressing movement
- 10.2. Listening: sport commentaries
- 10.3. Reading: Bad losers
- 10.4. Speaking: Your role as a sport player
- 10.5. Writing: An opinion essay

Nội dung 11: Bài 11B & Bài 4.1

(2LT: 1,5TH: 1,5TL)

- 11.1. Topics: Morning person
- 11.2. Grammar: word order or phrasal verbs
- 11.3. Reading: Early bird!
- 11.4. Speaking: Your wake-up
- 11.5. Writing: write a letter

Nội dung 12: Bài 12A & Bài 12.1

(3LT: 1TH: 1TL)

- 12.1. Grammar: past perfect
- 12.2. Listening: news story
- 12.3. Reading: News around the world
- 12.4. Speaking: Practice telling news
- 12.5. Writing: a story

Nội dung 13: Bài 12B & Bài 12.2

(2LT: 1TL)

- 12.1. Grammar: reported speech
- 12.2. Listening: conversation
- 12.3. Reading: Here's a secret
- 12.4. Speaking: Practice telling a gossip
- 12.5. Writing: a gossip of a famous person

4. Yêu cầu của môn học

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như đọc hiểu, phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm.....
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của SV.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Học liệu

9.1. Học liệu bắt buộc (HLBB)

1. Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson, 2013. *English File–Preintermediate 3rd edition*. Oxford University Press. (1)
2. Sue Ireland, Joanna Kosta. *Target PET*. Richmond Publishing. (2)

9.2. Học liệu tham khảo (HLTK)

1. Raymond Murphy (1997), *Ngữ Pháp thông dụng tiếng Anh: English Grammar In Use*, Nhà Xuất Bản Hà Nội (3)
2. Cambridge ESOL (2011), *Cambridge Preliminary English Test*, Cambridge University Press (4)
3. Cambridge ESOL (2015), *Cambridge Preliminary English Test*, Cambridge University Press (5).



**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

III. KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG KHỐI NGÀNH ĐÀO TẠO

9.10. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TIN HỌC/ INFORMATICS

- Số tín chỉ: 2 (10, 0,40)

- Mã học phần: 173080

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Mạng máy tính & Ứng dụng

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần:

- Nội dung học phần: Các kiến thức cơ bản về thông tin và xử lý thông tin, cấu trúc chung của máy tính, biểu diễn thông tin trong máy tính. Các khái niệm về dữ liệu, phần cứng, phần mềm, hệ điều hành, mạng máy tính, Internet và virus máy tính. Tìm kiếm và khai thác, sử dụng tài nguyên thông tin trên máy tính và trên Internet. Sử dụng các phần mềm soạn thảo văn bản Word, phần mềm xử lý bảng tính Excel và phần mềm trình chiếu Powerpoint.

- Năng lực đạt được: sinh viên sử dụng máy tính đúng cách, tổ chức dữ liệu trên máy tính một cách khoa học, có hệ thống; khai thác các tài nguyên trong máy tính và trên mạng Internet một cách an toàn, hiệu quả; sử dụng thành thạo các phần mềm soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính, trình chiếu, dịch vụ Email để phục vụ việc học tập, nghiên cứu và làm việc.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu kiến thức

Nắm vững các khái niệm cơ bản về: tin học, thông tin, dữ liệu, phần cứng, phần mềm, hệ điều hành, mạng máy tính, Internet ...

Hiểu được các nguyên lý thiết kế, cấu trúc tổng quát của máy tính; cấu tạo, chức năng của các thành phần cơ bản trong máy tính, biểu diễn và xử lý thông tin trong máy tính.

Nắm được vai trò, chức năng của hệ điều hành, hiểu biết về một số hệ điều hành thông dụng.

Nắm được kiến thức về hệ điều hành Windows và các phần mềm phục vụ công tác văn phòng gồm: phần mềm soạn thảo văn bản, phần mềm trình chiếu và phần mềm xử lý bảng.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Sử dụng thành thạo máy tính, khai thác các phần mềm trong máy tính, khai thác và sử dụng thành thạo hệ điều hành Windows, Internet.

Sử dụng thành thạo các phần mềm Word, Excel và Powerpoint để soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính và trình chiếu bài thuyết trình, báo cáo.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Hình thành tư duy khoa học và thực tiễn về tin học và công nghệ thông tin, vai trò của môn học đối với việc nghiên cứu và học tập những học phần kế tiếp.

Hình thành ý thức bảo vệ và phát triển tài nguyên thông tin cũng như khai thác sử

dụng tài nguyên thông tin và các sản phẩm công nghệ thông tin.

Hình thành ý thức lao động hợp tác, làm việc theo nhóm, kích thích niềm say mê nghiên cứu và có ý thức ứng dụng công nghệ thông tin vào công việc hàng ngày, nâng cao chất lượng của từng công việc, phong cách làm việc trong xã hội hiện đại.

Có thái độ văn minh, lịch sự khi tham gia vào các hoạt động cộng đồng mạng.

3. Nội dung học phần:

Module A1: Các khái niệm cơ bản về CNTT

(1,0,0)

Thông tin và dữ liệu

Khái niệm thông tin, dữ liệu

Xử lý thông tin bằng máy tính

Một số khái niệm cơ bản về CNTT

Biểu diễn thông tin trong máy tính

Biểu diễn số trong các hệ đếm

Chuyển đổi số giữa các hệ đếm

Các phép toán đối với số nhị phân

Biểu diễn thông tin trong máy tính

Hệ thống máy tính

Các bộ phận cơ bản của máy tính

Bộ xử lý trung tâm - CPU

Bộ nhớ

Các thiết bị nhập, xuất

Cấu hình máy

Module A2: Hệ điều hành Windows

(2,0,3)

Các thao tác cơ bản

Khởi động máy tính và tắt máy tính

Màn hình nền (desktop)

Khởi động một chương trình

Cửa sổ và các thao tác với cửa sổ

Quản lý tệp và thư mục

Tổ chức dữ liệu trong máy tính

Sử dụng Windows Explorer

Khái niệm tệp tin, thư mục

Các thao tác với tệp tin và thư mục

Các kiểu hiển thị của tệp và thư mục

Tìm kiếm trong Windows

Quản lý thanh Taskbar

Thiết lập Control Panel

Cài đặt và gỡ bỏ chương trình

Tiếng Việt trên máy tính

Cài đặt và sử dụng Unikey

Kiểu gõ

Bảng mã và font chữ

Chuyển đổi mã tiếng Việt

Một số phím tắt trong Windows

Module A3: Internet và một số ứng dụng

(2,0,2)

Mạng máy tính

Khái niệm mạng máy tính

Phân loại mạng máy tính

Internet

Khái niệm Internet

Nhà cung cấp dịch vụ Internet

Một số khái niệm thường dùng

Khai thác thông tin từ Internet

Thư điện tử - Email

Virus máy tính

Khái niệm

Nguyên lý lây lan

Phân loại

Cách nhận biết và phòng tránh

Một số phần mềm ứng dụng khác

Module A4: Phần mềm soạn thảo văn bản

(2,0,15)

Giới thiệu

Khởi động và thoát khỏi

Cửa sổ làm việc

Các thao tác với tệp văn bản

Các thao tác trên một khối văn bản

Soạn thảo và điều chỉnh văn bản

Định dạng và in ấn văn bản

Định dạng ký tự

Định dạng đoạn văn bản

Một số định dạng khác

Định dạng cột báo

Định dạng chữ cái to đầu đoạn
Định dạng đường viền
Định dạng ký tự đầu đoạn
Định dạng trang in và in văn bản

Chèn đối tượng vào văn bản

Chèn ký tự đặc biệt
Chèn chữ nghệ thuật
Chèn tranh
Chèn các hình ảnh đồ họa
Chèn công thức toán học
Chèn biểu đồ

Bảng biểu

Tạo bảng mới
Hiệu chỉnh và định dạng bảng
Sắp xếp dữ liệu trong bảng
Tính toán trong bảng

Một số xử lý khác

Tìm kiếm và thay thế văn bản
Chèn số trang, tiêu đề đầu, tiêu đề cuối
Tạo và sử dụng AutoCorrect
Tạo và sử dụng Macro
Trộn văn bản
Tạo mục lục tự động

Module A5: Phần mềm trình chiếu

(1,0,5)

Giới thiệu

Khởi động và thoát khỏi
Một số thuật ngữ thường dùng
Cửa sổ làm việc
Các thao tác với tệp trình chiếu

Các thao tác với slide

Các chế độ hiển thị Slide
Các thao tác với slide
Định dạng slide trình chiếu
Chèn đối tượng vào slide

Tạo hiệu ứng

Thiết lập template

Thiết lập hiệu ứng cho slide
Thiết lập hiệu ứng cho từng đối tượng
Tạo liên kết

Trình chiếu slide và in ấn

Thiết lập một bài trình chiếu
Trình chiếu slide

Định dạng trang in và in ấn

Module A6: Phần mềm xử lý bảng tính

(2,0,15)

Giới thiệu

Khởi động và thoát khỏi
Cửa sổ làm việc
Một số khái niệm cơ bản
Các thao tác với tệp bảng tính

Các thao tác với cửa sổ bảng tính

Các thao tác với WorkSheet
Nhập, sửa dữ liệu

Các thao tác với vùng dữ liệu

Định dạng bảng tính và in ấn

Định dạng dữ liệu
Các kiểu dữ liệu
Định dạng các kiểu dữ liệu
Căn chỉnh dữ liệu
Kẻ khung cho vùng dữ liệu
Định dạng trang in và in bảng tính

Các hàm thông dụng

Nguyên tắc sử dụng hàm
Một số hàm thông dụng

Biểu đồ

Các bước xây dựng biểu đồ
Hiệu chỉnh biểu đồ

Quản trị dữ liệu bảng tính

Các khái niệm cơ bản
Sắp xếp dữ liệu
Trích lọc dữ liệu
Tổng hợp dữ liệu theo nhóm Subtotal
Phân tích dữ liệu bằng kỹ thuật Pivot Table

Một số hàm trong cơ sở dữ liệu

Một số xử lý khác

Tính toán trên nhiều bảng tính

Tìm kiếm và thay thế

Một số lỗi thường gặp

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận (nếu có), dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ, thành phần và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Nguyễn Ngọc Cương, Vũ Chí Quang, 2015, *Giáo trình tin học cơ sở*, NXB ĐHSP.

9.2. Giáo trình, sách tham khảo:

1. Lê Thị Hồng (CB) – Phạm Thế Anh - Phạm Thị Hồng, 2010. *Tin học căn bản*, Nxb KH&KT.

2. Hàn Viết Thuận (2007), *Giáo trình Tin học đại cương*, Nxb ĐHQTKD.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.11. CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM/ Basic of Vietnamese culture

- Số tín chỉ: 02 (18, 18, 6)

- Mã học phần: 121005

- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Việt Nam học – Du lịch, Khoa Khoa học xã hội, Trường Đại học Hồng Đức

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm: Những tri thức liên quan đến văn hoá Việt Nam; phân vùng văn hóa Việt Nam; tiến trình văn hoá Việt Nam từ cội nguồn cho đến hiện đại; các thành tố của văn hóa Việt Nam; bản sắc văn hóa Việt Nam; các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc Việt Nam.

Năng lực đạt được: Sinh viên trình bày được những thành tố cơ bản của văn hóa; nhận diện, phân tích, đánh giá những hiện tượng văn hóa Việt Nam từ đó rút ra những đặc trưng truyền thống văn hóa dân tộc; vận dụng vào việc phân tích, giải thích các hiện tượng văn hóa trong đời sống hiện nay.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Nắm được một số khái niệm về văn hoá và những kiến thức cơ bản làm nền cho việc tiếp nhận những tri thức liên quan đến văn hoá Việt Nam.

Trình bày được những vấn đề mấu chốt liên quan đến tiến trình văn hoá Việt Nam từ cội nguồn cho đến hiện đại.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Xây dựng được những kiến thức chung nhất về văn hoá Việt Nam, những tiền đề cơ bản của văn hoá cũng như bản sắc văn hoá.

Vận dụng được những vấn đề về lý thuyết và phương pháp luận để tiếp cận nghiên cứu văn hoá Việt Nam,

2.3. Mục tiêu về thái độ người học

Sinh viên nhận thức rõ bản sắc văn hoá dân tộc, bản lĩnh của dân tộc, tin tưởng vào sự phát triển và sự trường tồn của văn hoá Việt Nam. Góp phần vào việc bảo tồn và kế thừa các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc.

3. Nội dung học phần

3.1. Nội dung chi tiết học phần

1. Văn hóa – những khái niệm cơ bản

(LT:3)

1.1. Văn hoá học

1.1.1. Văn hoá học với tư cách là một chuyên ngành khoa học

1.1.2. Những thuật ngữ thường dùng trong văn hoá học

1.2. Văn hoá

- 1.2.1. Vấn đề thuật ngữ văn hoá
- 1.2.2. Con người - chủ thể sáng tạo văn hoá
- 1.2.3. Phân biệt văn hoá với văn minh, văn hiến, văn vật.
- 1.2.4. Văn hoá với biểu tượng

2. Cấu trúc, đặc trưng và chức năng cơ bản của văn hoá (LT:2)

2.1. Cấu trúc

- 2.1.1. Các quan niệm về cấu trúc văn hoá
- 2.1.2. Một số cách tiếp cận cấu trúc của văn hoá
- 2.3.3. Văn hoá từ cái nhìn cấu trúc loại hình

2.2. Đặc trưng và chức năng của văn hoá

- 2.2.1. Tính hệ thống và chức năng tổ chức xã hội
- 2.2.2. Tính giá trị và chức năng điều tiết xã hội
- 2.2.3. Tính lịch sử gắn với chức năng giáo dục
- 2.2.4. Tính nhân bản gắn với chức năng giao tiếp

3. Định vị văn hoá Việt Nam (LT:2, TL:1)

3.1 Không gian văn hoá Việt Nam

3.2. Thời gian văn hóa

3.3. Nguồn gốc dân tộc Việt - chủ thể văn hoá Việt Nam

B. Thực hành, thảo luận

- 1. Thuật ngữ văn hoá, phân biệt các khái niệm liên quan đến văn hoá
- 2. Mối quan hệ giữa các đặc trưng và chức năng của văn hoá
- 3. Con người - học văn - văn hoá

C. Tự học, tự nghiên cứu

- 1. Mối quan hệ giữa con người với môi trường và văn hoá
- 2. Quá trình hình thành các dân tộc trên lãnh thổ Việt Nam
- 3. Lựa chọn 9 biểu tượng văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên; 9 biểu tượng văn hoá ứng xử với môi trường xã hội và phân tích những biểu tượng văn hoá ấy.

4. Tiến trình văn hoá Việt Nam (LT:2, TL:2)

A. Lí thuyết

- 1. Văn hoá Việt Nam thời tiền sử
- 2. Văn hoá Việt Nam thời sơ sử
- 3. Thời kỳ Bắc thuộc và chống Bắc thuộc
- 4. Thời kỳ phong kiến tự chủ (Đại Việt)
- 5. Văn hoá Việt Nam thời Pháp thuộc và chống Pháp thuộc
- 6. Văn hoá Việt Nam từ sau cách mạng tháng Tám 1945

B. Thực hành, thảo luận

1. Tại sao nói Việt Nam là một Đông Nam Á thu nhỏ? Tại sao một nghìn năm Bắc thuộc Việt Nam không bị đồng hoá ?
2. Chứng minh giai đoạn Văn Lang - Âu Lạc là đỉnh cao của văn hoá Việt Nam thời tiền sử và sơ sử ?

C. Tự học, tự nghiên cứu

1. Văn hoá Đại Việt - đỉnh cao của văn hoá Việt Nam thời độc lập tự chủ?
2. Các đặc điểm của văn hóa Việt Nam khi giao lưu tiếp xúc với văn hóa nhân loại thời hiện đại?

5. Các vùng văn hoá Việt Nam

(LT:1, TL:1)

A. Lí thuyết

1. Vấn đề phân vùng văn hoá và khái niệm vùng văn hoá
 - 1.1. Vấn đề phân vùng văn hoá ở Việt Nam
 - 1.2. Khái niệm vùng văn hoá ?
2. Đặc trưng các vùng văn hoá Việt Nam
 - 2.1. Vùng văn hoá Đồng bằng Bắc bộ
 - 2.2. Vùng văn hoá Việt Bắc
 - 2.3. Vùng văn hoá Tây Bắc và miền núi Bắc bộ
 - 2.4. Vùng văn hoá duyên hải Bắc Trung bộ
 - 2.5. Vùng văn hoá duyên hải Trung và Nam Trung bộ
 - 2.6. Vùng văn hoá Trường Sơn - Tây Nguyên
 - 2.7. Vùng văn hoá Nam bộ

B. Thực hành, thảo luận

C. Tự học, tự nghiên cứu

1. Trang phục của các dân tộc Việt Nam ?
2. Vấn đề môi trường, con người và văn hóa ?

6. Văn hoá nhận thức

(LT:2, TL:2)

A. Lí thuyết

1. Văn hoá Việt Nam với Đông Nam Á
2. Triết lí âm dương
2. Tam tài- ngũ hành
3. Lịch âm dương và hệ đếm can chi

B. Thực hành, thảo luận

C. Tự học, tự nghiên cứu

7. Học thực hành, thực tế tại các địa danh lịch sử -văn hóa (TH, TT:6)
8. Văn hoá tổ chức đời sống (TL:2)

A. Lí thuyết

1. Tổ chức nông thôn
2. Tổ chức quốc gia
3. Tổ chức đô thị

B. Thảo luận, thực hành

C. Tự nghiên cứu:

9, 10. Văn hoá tín ngưỡng, tôn giáo

(LT:3, TL:2)

A. Lí thuyết

1. Vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo

2. Tín ngưỡng

- 2.1. Tín ngưỡng phồn thực
- 2.2. Tín ngưỡng thờ thần
- 2.3. Tín ngưỡng thờ Mẫu hay nguyên lí mẹ của văn hoá Việt Nam
- 2.4. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên

3. Tôn giáo.

- 3.1. Phật giáo và văn hoá Việt Nam
- 3.2. Nho giáo và văn hoá Việt Nam
- 3.3. Đạo giáo và văn hoá Việt Nam
- 3.4. Thiên chúa giáo với văn hoá Việt Nam

4. Đặc trưng tín ngưỡng Việt Nam

5. Tích hợp văn hoá Đông – Tây: Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh

B. Thực hành, thảo luận

1. Tại sao nói Nho giáo khi vào Việt Nam đã bị khúc xạ bởi văn hoá Việt Nam?
2. Những biểu hiện cụ thể của sự hoà đồng tôn giáo?
3. Thế nào là tam giáo đồng qui?

C. Tự học, tự nghiên cứu:

1. Vai trò, vị trí của tín ngưỡng, tôn giáo trong xã hội ngày nay?
2. Cấu trúc của ngôi chùa thờ Phật, nhà thờ Thiên chúa giáo? Đạo Tin lành? Văn Miếu – Quốc tử giám?
3. Những biểu hiện về “sự khúc xạ” trong tiếp thu các tôn giáo ở Việt Nam (Đạo Phật, Đạo Nho, Đạo Lão, Đạo Thiên chúa giáo, Tin lành)

11. Văn hoá ẩm thực, văn hoá mặc, ở và đi lại

(LT:0, TL:2)

A. Lí thuyết

- 11.1. Văn hoá ẩm thực
- 11.1.1. Cơ cấu bữa ăn

11.1.2. Cách chế biến món ăn

11.1.3. Cách ăn

11.1.4. Đồ uống.

11.2. Văn hoá mặc

11.2.1. Chất liệu may mặc

11.2.2. Trang phục qua các thời đại và đặc trưng trong cách mặc

11.3. Văn hoá ở và đi lại

11.3.1. Đặc điểm ngôi nhà Việt Nam

11.3.2. Đặc điểm điều kiện tự nhiên và tâm lý đi lại, phương tiện đi lại

B. Thực hành, thảo luận

1. Tại sao ăn uống được gọi là văn hoá ẩm thực ? văn hoá ẩm thực Việt Nam là gì ?

2. Về một nét đẹp trong trang phục của người phụ nữ Việt Nam ?

3. Con thuyền và biểu tượng con thuyền trong truyền thống văn hoá Việt Nam

4. *Lấy vợ hiền hoà, làm nhà hướng Nam* hay *Lấy vợ đàn bà, làm nhà hướng Nam?*

C. Tự học, tự nghiên cứu:

1. Vai trò của trầu cau trong đời sống con người Việt Nam từ xưa đến nay.

2. Thuật phong thuỷ trong đời sống con người Việt Nam từ xưa đến nay.

12. Văn hoá giao tiếp, nghệ thuật và phong tục cổ truyền (LT:1, TL:2)

A. Lí thuyết

12.1. Văn hoá giao tiếp

12.1.1. Cơ tầng văn hoá nông nghiệp bản địa và sự thâm thấu trong văn hoá giao tiếp

12.1.2. Đặc điểm, cách thức giao tiếp

12.1.3. Nghệ thuật ngôn từ

12.2. Văn hoá nghệ thuật

12.2.1. Nghệ thuật trình diễn

12.2.2. Nghệ thuật sân khấu

12.2.3. Nghệ thuật tạo hình

12.2.4. Nghệ thuật kiến trúc

13. Phong tục

(LT:1, TL:2)

13.1. Phong tục hôn nhân

13.2. Phong tục tang ma.

13.3. Phong tục lễ tết, lễ hội.

B. Thực hành, thảo luận

1. Về một loại hình nghệ thuật cổ truyền mà anh/ chị thích ?

2. Về một lễ hội nơi quê hương, các bước tiến hành một lễ hội cổ truyền ?

3. Trọng tình và nước đôi trong giao tiếp của người Việt ?

C. Tự học, tự nghiên cứu:

1. Các loại hình nghệ thuật cổ truyền ?

2. Phong tục hôn nhân, tang ma ?

3. Phép xử thế của con người trong đời sống ?

14. Tổng kết

(LT:1, TL:2)

A. Lí thuyết

1. Các biểu tượng văn hoá Việt Nam

2. Bảo tồn và phát huy bản sắc dân tộc trong xu thế hội nhập và phát triển.

3. Vấn đề nguồn lực con người

B. Thực hành, thảo luận

1. Vấn đề bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc trong thế giới hội nhập, CNH, HĐH?

C. Tự học, tự nghiên cứu

1. Vai trò của văn hoá du lịch trong xã hội hiện đại

2. Được và mất trong quá trình toàn cầu hóa, có toàn cầu hóa văn hóa không ?

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

[1] Trần Ngọc Thêm (2000), *Cơ sở văn hoá VN*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

9.2. Sách tham khảo:

[1] Trần Quốc Vượng (2002), *Cơ sở văn hoá VN*, Nxb Giáo dục

[2] Đào Duy Anh (2002), *Việt Nam văn hóa sử cương*, Nxb Văn hóa thông tin

[3] Phan Kế Bính (1999), *Việt Nam phong tục*, Nxb Văn học


KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.12. MÔI TRƯỜNG VÀ CON NGƯỜI/ Environment and human

- Số tín chỉ: 2 (18, 18, 6)

- Mã học phần: 125105

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Sinh học, BM Địa lý

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Khái niệm, phân loại môi trường; các vấn đề về tài nguyên thiên nhiên, các nguyên lý sinh thái học cơ bản trong khoa học môi trường; vị trí của con người trong hệ sinh thái; mối quan hệ giữa môi trường, tài nguyên thiên nhiên với sự phát triển kinh tế - xã hội; tác động của con người đến môi trường; thực trạng, nguyên nhân và hậu quả ô nhiễm môi trường không khí, đất, nước,... trên thế giới cũng như ở Việt Nam; các biện pháp bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; các vấn đề về an toàn lao động trong sản xuất và cuộc sống.

Năng lực đạt được: Sinh viên biết phát hiện và giải quyết tốt các tình huống sinh thái, môi trường trong cuộc sống; tính toán, phân tích được mối quan hệ giữa dân số, tài nguyên và môi trường, từ đó đánh giá một cách định tính và định lượng các yếu tố này trong việc sử dụng tài nguyên và BVMT; xây dựng được kế hoạch và thực hiện tốt các kỹ năng về vệ sinh và an toàn lao động.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu chung:

Người học có được hệ thống kiến thức cơ bản về tài nguyên, môi trường và con người; mối quan hệ tác động qua lại giữa dân số - tài nguyên - môi trường; Thực trạng tài nguyên và môi trường ở Việt Nam và trên thế giới; vấn đề vệ sinh, an toàn lao động, hoạt động bảo hộ lao động trong một số ngành nghề và doanh nghiệp.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

2.1. Về kiến thức:

Cung cấp các kiến thức cơ bản về tài nguyên và môi trường: khái niệm, phân loại tài nguyên và môi trường; các nguyên lý sinh thái học cơ bản trong khoa học môi trường; mối quan hệ tác động qua lại giữa dân số - tài nguyên - môi trường; sự ô nhiễm và suy thoái môi trường; nguyên nhân, thực trạng, hậu quả, các biện pháp bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; những quy định của pháp luật và các chính sách về hoạt động BVMT và phát triển bền vững; các vấn đề cơ bản về vệ sinh, an toàn lao động, hoạt động bảo hộ lao động trong một số ngành nghề và doanh nghiệp.

2.2. Về kỹ năng:

+ Phân tích được mối quan hệ giữa dân số, tài nguyên và môi trường, từ đó đánh giá một cách định tính và định lượng các yếu tố này trong việc sử dụng tài nguyên và BVMT địa phương.

+ Phát hiện và giải quyết được các tình huống sinh thái; phân tích được thực trạng môi trường và giải thích được nguyên nhân gây ra các vấn đề suy thoái, ô nhiễm môi trường, từ

đó đưa ra một số giải pháp khác phục.

+ Sử dụng được các văn bản pháp quy vào việc bảo vệ tài nguyên và môi trường địa phương; thực hiện các nguyên tắc về an toàn, vệ sinh lao động.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Có thái độ nghiêm túc, lựa chọn lối sống phù hợp, thân thiện và hành động thiết thực trong hoạt động bảo vệ môi trường, vệ sinh, an toàn lao động.

3. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung 1: Khoa học môi trường và con người. Đối tượng môn học và nhiệm vụ môn học. Một số khái niệm cơ bản về khoa học môi trường. Nhận thức vấn đề môi trường trên thế giới và ở Việt Nam. (2LT:4TL)

1. Sơ lược về khoa học môi trường và con người.
2. Đối tượng môn học và nhiệm vụ môn học.
3. Mối quan hệ giữa khoa học Môi trường và con người với các khoa học khác.
4. Một số khái niệm cơ bản.
5. Nhận thức vấn đề môi trường trên thế giới và ở Việt Nam.

Nội dung 2. Các nguyên lý sinh thái học ứng dụng trong khoa học môi trường (4LT:4TL)

1. Nhân tố sinh thái.
2. Ảnh hưởng của nhân tố sinh thái.
3. Quần thể và quần xã sinh vật.
4. Hệ sinh thái.
5. Hệ sinh thái và con người.

Nội dung 3. Tác động của gia tăng dân số đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và tài nguyên -môi trường. (4LT:4TL)

1. Số dân và sự gia tăng dân số.
- 1.4. Cấu trúc dân số.
2. Lịch sử gia tăng dân số của nhân loại.
3. Sự phân bố dân cư và di cư.
4. Đặc điểm phát triển dân số Việt Nam.
5. Công nghiệp hóa và đô thị hóa
6. Quan hệ giữa dân số – tài nguyên – môi trường.

Nội dung 4. Thực trạng khai thác và sử dụng tài nguyên (2LT:3TL)

1. Khái niệm và phân loại tài nguyên thiên nhiên,
2. Tài nguyên khí hậu.
3. Tài nguyên rừng.
4. Tài nguyên đất.
5. Tài nguyên nước.

6. Tài nguyên biển và ven biển.
7. Tài nguyên khoáng sản.
8. Tài nguyên năng lượng.
9. Sự đa dạng sinh học.

Nội dung 5. Vấn đề ô nhiễm môi trường (2LT:3TL)

1. Ô nhiễm môi trường không khí.
2. Ô nhiễm đất.
3. Ô nhiễm môi trường nước.
4. Những hình thức ô nhiễm môi trường khác.

Nội dung 6. Bảo vệ môi trường (2LT:3TL)

1. Những vấn đề toàn cầu.
2. Hiện trạng tài nguyên, môi trường Việt Nam.
3. Chiến lược phát triển bền vững.
4. Luật và chính sách môi trường Việt Nam.

Nội dung 7: Vệ sinh, an toàn lao động (2LT:3TL)

1. Tính chất cơ bản của công tác bảo hộ lao động và an toàn lao động
2. Môi trường sản xuất và sức khỏe
3. Một số văn bản pháp lý liên quan đến vệ sinh, an toàn lao động

4. Yêu cầu của học phần

- Sinh viên phải có mặt trên lớp 80% thời gian học lý thuyết và thảo luận nhóm.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập được giao (cá nhân, nhóm), đúng thời gian quy định.

- Các bài tập phải được viết bằng tay, sạch sẽ, rõ ràng. Được tham khảo các tư liệu đã giới thiệu hay các website để hoàn chỉnh bài làm, nhưng không được sao chép lại của nhau. Nếu phát hiện ra sự sao chép, sinh viên sẽ bị điểm 0.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn người học tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của người học.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%,
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%.
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

9. Tài liệu tham khảo chính

9.1. Giáo trình chính

1. Lê Văn Khoa (chủ biên) (2011). *Giáo trình Môi trường và con người*. Nxb GD

9.2. Tài liệu tham khảo

[1] Nguyễn Xuân Cự, Nguyễn Thị Phương Loan (2011), *Giáo trình môi trường và con người*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

[2] Luật An toàn, vệ sinh lao động số 84/2015/QH 13

[3] Mai Đình Yên (chủ biên) (1997): *Môi trường và con người*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

IV. GIÁO DỤC THỂ CHẤT

GIÁO DỤC THỂ CHẤT 1/ PHYSICAL EDYCATION 1

Số tín chỉ: 02 (3,27)

Mã học phần: 191004

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bóng – Điền kinh

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần:

Những kiến thức lý thuyết cơ bản về môn học lý luận và phương pháp giáo dục thể chất trong trường đại học cũng như cơ sở khoa học của công tác giáo dục thể chất.

Nguồn gốc, lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và tổ chức thi đấu

Các nguyên lý, kỹ thuật của bài thể dục tay không phát triển chung 9 động tác, kỹ thuật chạy cự ly ngắn và kỹ thuật nhảy xa uốn thân.

Năng lực đạt được:

- Có kỹ năng hoàn thành chính xác và đẹp bài thể dục phát triển chung 9 động tác.
- Có kỹ năng thực hiện tốt kỹ thuật chạy ngắn, kỹ thuật nhảy xa.
- Vận dụng được những kiến thức đã học của kỹ thuật chạy ngắn và kỹ thuật nhảy xa vào trong quá trình tập luyện cũng như có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài các môn : Chạy cự ly ngắn, môn nhảy xa

Tài liệu tham khảo:

Học liệu bắt buộc:

[1]. Nguyễn Đại Dương (2006), *Giáo trình Điền kinh*, NXB TDTT.

[2]. Ủy ban TDTT (2015), *Luật Điền kinh*, NXB TDTT.

Học liệu tham khảo:

[3]. Nguyễn Đại Dương (2000), *Giáo trình Điền kinh*, NXB TDTT.

[4]. Nguyễn Kim Minh, Nguyễn Trọng Hải, Trần Đồng Lâm, Đặng Ngọc Quang (2004), *Giáo trình Điền kinh*, NXB ĐH Sư phạm.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

GIÁO DỤC THỂ CHẤT 2/ PHYSICAL EDYICATION

Chọn 1 trong 5 học phần:

A. Học phần tự chọn môn Bóng chuyên

Số tín chỉ: 02 (30, 0)

Mã học phần: 191031

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bóng – Điền kinh

Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

Nội dung học phần:

Các nội dung về lý thuyết bao gồm: Ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyên; các kỹ thuật bóng chuyên; Luật thi đấu môn bóng chuyên. Các nội dung về thực hành: Kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyên (Tur thể chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyển bóng thấp tay (đệm bóng) trước mặt, phát bóng trước mặt, chuyển bóng cao tay trước mặt, chắn bóng và đập bóng)

Năng lực đạt được:

Sinh viên thành thạo các kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyên (Tur thể chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyển bóng thấp tay trước mặt, phát bóng thấp tay trước mặt và cao tay trước mặt); biết được kỹ thuật chuyển bóng cao tay trước mặt, chắn bóng, đập bóng cơ bản số 4. Tự rèn luyện nâng cao thể chất; có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài môn bóng chuyên ở các giải phong trào.

Tài liệu tham khảo chính:

Tài liệu bắt buộc:

1. Nguyễn Viết Minh, Hồ Đắc Sơn (2007), *Giáo trình Bóng chuyên*, NXB ĐHSP, Hà Nội.
2. Ủy ban TDTT (2003), *Luật bóng chuyên*, NXB TDTT, Hà Nội.

Tài liệu tham khảo:

3. Nguyễn Quang (2001), *Hướng dẫn tập luyện và thi đấu bóng chuyên* NXB TDTT, Hà Nội.
4. Ủy ban TDTT (1998), *Bóng chuyên bóng rổ*, NXB TDTT Hà Nội.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

CHỌN 1 TRONG 5 HỌC PHẦN
HỌC PHẦN TỰ CHỌN MÔN BÓNG ĐÁ

Số tín chỉ: 02 (30, 0)

Mã học phần: 191033

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bóng – Điền kinh

Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

Nội dung học phần:

Học phần Bóng đá bao gồm: Lịch sử phát triển, luật bóng đá (Sân 11 người, sân 7 người, sân 5 người), nguyên lý, các kỹ thuật cơ bản môn bóng đá.

Phương pháp tập luyện, đội hình thi đấu, chiến thuật trong thi đấu Bóng đá.
Phương pháp giảng dạy, luật, phương pháp tổ chức và trọng tài bóng đá.

Năng lực đạt được:

Sinh viên biết được phương pháp tổ chức thi đấu

Biết thực hiện một số kỹ thuật Bóng đá cơ bản

Hiểu được một số điểm của luật

Tài liệu tham khảo chính:

Học liệu bắt buộc

1. PGS.TS Trần Đức Dũng, Giáo trình Bóng Đá, Nxb Thể dục thể thao, Hà Nội 207

Học liệu tham khảo

2. Ủy ban TDTT, Luật Bóng đá sân 11 người, năm 2014 Nxb TDTT.

3. Ủy ban TDTT, Luật Bóng đá sân 7 người, năm 2001 Nxb TDTT.

4. Ủy ban TDTT, Luật Bóng đá sân 5 người, năm 2011 Nxb TDTT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

HỌC PHẦN TỰ CHỌN MÔN BÓNG RỔ.

Số tín chỉ: 02 (30,0)

Mã học phần: 191034

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bóng – Điền kinh

Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

Nội dung học phần:

Học phần này cung cấp những nội dung kiến thức cơ bản của môn Bóng rổ bao gồm: Lịch sử hình thành và phát triển; luật thi đấu; nguyên lý, kỹ thuật cơ bản môn bóng rổ (Tư thế chuẩn bị, kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật chuyền bóng, kỹ thuật bắt bóng, kỹ thuật tại chỗ ném rổ, kỹ thuật di chuyển hai bước ném rổ, Chiến thuật tấn công, Chiến thuật phòng thủ, phương pháp giảng dạy); phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài; các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn bóng rổ. Qua đó, người học tổ chức một trận đấu, làm trọng tài các trận đấu bóng rổ;

Năng lực đạt được:

Sinh viên lập được kế hoạch giảng dạy, soạn giáo án đúng qui định, tổ chức lên lớp giảng dạy một giờ học môn bóng rổ; xây dựng kế hoạch và tổ chức huấn luyện đội tuyển bóng rổ; tổ chức một trận đấu, một giải đấu, làm trọng tài các trận đấu và giải đấu bóng rổ.

Tài liệu tham khảo

Học liệu bắt buộc:

[1]. Nguyễn Hữu Bằng, Đỗ Mạnh Hưng (2007), *Giáo trình Bóng rổ*, NXB, ĐHSP.

Học liệu tham khảo:

[2]. Nguyễn Văn Trung, Phạm Văn Thảo (2003), *Giáo trình Bóng rổ*, NXB, TDTT.

[3]. Ủy ban thể dục thể thao (2006), *Luật Bóng rổ*, NXB TDTT.

[4]. Lê Trọng Đồng, Nguyễn Văn Trường (2019), *Giáo trình bóng rổ*, NXB ĐH Thái Nguyên.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

HỌC PHẦN TỰ CHỌN MÔN THỂ DỤC AEROBIC

Số tín chỉ: 02 (30,0)

Mã học phần: 191032

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bóng – Điền kinh

Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

Nội dung học phần:

Học phần tự chọn thể dục aerobic giúp cho sinh viên thực hành kỹ thuật cơ bản môn thể dục aerobic, kiến thức, kỹ năng về thực hành bao gồm: Các tư thế cơ bản của tay, các bước cơ bản chân, nhóm độ khó, thấp, đội hình và bài liên kết thể dục aerobic. Qua đó sinh viên biết cách tập luyện môn aerobic, góp phần nâng cao sức khỏe, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục giáo dục toàn diện

Năng lực đạt được:

Có kỹ năng thực hành và thể hiện được những yêu cầu chính của kỹ thuật động tác trong bài tập aerobic: các động tác cơ bản, tư thế vận động, đội hình trong tập luyện và thi đấu.

Sinh viên có thái độ nghiêm túc, luôn học hỏi và sáng tạo; có khả năng tự lập kế hoạch tập luyện môn thể dục aerobic nhằm nâng cao sức khỏe, có năng lực hướng dẫn phong trào tập luyện môn thể aerobic

2. Mục tiêu học phần:

Tài liệu tham khảo:

Học liệu bắt buộc:

[1]. Đinh Khánh Thu (2014), *Giáo trình Thể dục Aerobic*, NXB TĐTT

Học liệu tham khảo:

[2]. Vũ Thanh Mai (2011), *Giáo trình Khiêu vũ thể thao*, NXB TĐTT

[3]. Nguyễn Xuân Sinh (2009), *Thể dục*, NXB TĐTT

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

HỌC PHẦN TỰ CHỌN MÔN VÕ VOVINAM.

Số tín chỉ: 02 (30,0)

Mã học phần: 191035

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bóng – Điền kinh

Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

Nội dung học phần:

Học phần bao gồm những nội dung, kiến thức cơ bản về môn VOVINAM như: Lý luận chung về chấn thương TDDT và lý thuyết môn Vovinam – Việt võ đạo, nguồn gốc, sự hình thành và phát triển môn phái Vovinam; Các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn, đỉnh tấn, chảo mã tấn, hạc tấn (Độc cước tấn) và Hồi tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá, các bài tập thể lực trong Vovinam từ đó tập luyện về quyền pháp (long hổ quyền); Các nguyên lý cơ bản, nguyên lý kỹ thuật; phương pháp giảng dạy; phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn vovinam.

Năng lực đạt được:

Sau khi học xong học phần này sinh viên thực hành thành thạo các kỹ thuật cơ bản của môn võ Vovinam-Việt Võ Đạo (Tur thể chuẩn bị, các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn; chảo mã tấn; đỉnh tấn và hạc tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá; quyền pháp; các bài tập thể lực trong Vovinam).

Tài liệu tham khảo

Học liệu bắt buộc

[1]. Lê Quốc Ân, Võ sư Nguyễn Văn Chiêu và các cộng sự “*Giáo trình huấn luyện Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD)*” tập 1, NXB TDDT, 2008.

Học liệu tham khảo

[2]. Nguyễn Chánh Tứ (2014). *Phòng ngừa chấn thương trong tập luyện và thi đấu Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD)*

[3]. Nguyễn Chánh Tứ (2014), *Nhu khí công quyền 2 - Vovinam*, NXB TDDT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

V. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG/ Education National Defense

Đường lối quân sự của Đảng

- *Nội dung học phần:* Quan điểm Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; xây dựng nền quốc phòng, an ninh nhân dân; chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng - an ninh; nghệ thuật quân sự Việt Nam.

- *Năng lực đạt được:* Phân tích được nguồn gốc, bản chất chiến tranh, tính tất yếu và mục tiêu bảo vệ Tổ quốc để nhận thức đúng quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng, an ninh, chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng - an ninh; vận dụng nghệ thuật quân sự trong bảo vệ Tổ quốc.

Công tác quốc phòng an ninh

- *Nội dung học phần:* Phòng chống "diễn biến hòa bình"; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền quốc gia; một số nội dung về dân tộc, tôn giáo và phòng chống dịch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo; bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội.

- *Năng lực đạt được:* Nhận thức được âm mưu, thủ đoạn và tham gia đấu tranh, phòng chống "diễn biến hòa bình"; vận dụng kiến thức tham gia xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo vệ an ninh và giữ gìn trật tự xã hội; bảo vệ chủ quyền lãnh thổ Việt Nam.

Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)

- *Nội dung học phần:* Điều lệnh đội ngũ và ba môn quân sự phối hợp; bản đồ quân sự; một số loại vũ khí bộ binh; thuốc nổ; phòng chống vũ khí hủy diệt lớn; cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh; từng người trong chiến đấu tiến công và phòng ngự, các tư thế vận động trong chiến đấu; tính năng, tác dụng và kỹ thuật bắn súng AK (CKC) với mục tiêu cố định ban ngày.

- *Năng lực đạt được:* Thực hiện được các bước, động tác đội ngũ đơn vị; sử dụng được một số loại phương tiện, vũ khí, bản đồ địa hình; vận dụng kiến thức chiến thuật bộ binh; biết phòng, tránh vũ khí hủy diệt lớn; thành thạo kỹ thuật băng bó, chuyển thương; biết bắn mục tiêu cố định ban ngày bằng súng tiểu liên AK.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

VI. KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG KHỐI NGÀNH ĐÀO TẠO

CHỌN 1 TRONG 2 HỌC PHẦN (9.14a, 9.14b)

9.13a. LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI/ HISTORY OF WORLD CIVILIZATION

- Mã HP: 124095
- Số tín chỉ: 02 (18, 18, 6)
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Lịch sử
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: trang bị cho người học những kiến thức cơ bản, hệ thống về: Khái niệm, nội dung cơ bản của Lịch sử văn minh thế giới, những điều kiện lịch sử của các nền văn minh, giá trị và những đóng góp của các nền văn minh cổ đại phương Đông, phương Tây, văn minh trung đại, văn minh cận đại, văn minh hiện đại trong lịch sử nhân loại, vấn đề phát huy các giá trị văn minh trong giai đoạn hiện nay, văn minh thế giới với việc giữ gìn, phát huy giá trị bản sắc văn hóa dân tộc Việt trong bối cảnh hội nhập

Năng lực đạt được: SV nghiên cứu độc lập một vấn đề lịch sử văn minh thế giới, trình bày được các nền văn minh trong lịch sử nhân loại, lý giải được những hiện tượng văn hóa trong giai đoạn hiện nay, trân trọng các giá trị văn minh nhân loại

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

- Hiểu được các khái niệm văn hóa, văn minh, sự xuất hiện các nền văn minh trong lịch sử nhân loại.

- Lý giải được cơ sở hình thành các nền văn minh: cơ sở tự nhiên, xã hội của các nền văn minh phương Đông cổ trung đại, phương Tây cổ đại

- Nắm được các thành tựu của các nền văn minh trong lịch sử: Văn minh Bắc Phi và Tây Á, Văn minh Ấn Độ cổ trung đại, văn minh Trung Quốc cổ trung đại, văn minh Hy La cổ đại, văn minh Tây Âu trung đại, văn minh công nghiệp, văn minh thế giới thế kỉ XX

- Phát huy, giữ gìn các giá trị văn minh trong văn hóa các dân tộc, các quốc gia hiện nay

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Kỹ năng tìm tòi, tổng hợp các kiến thức về các nền văn minh trong lịch sử loài người.

-Biết sưu tầm, phân loại tri thức văn minh trong các giai đoạn lịch sử

-Rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp, so sánh

3. Nội dung học phần

Bài mở đầu: Mấy vấn đề khái niệm (1 LT, 0)

1. Khái niệm

1.1. Văn hoá là gì?

1.2. Văn minh là gì?

2. Các nền văn minh lớn trên thế giới.

Chương I: Văn minh Bắc Phi và Tây Á (2 LT, 2 TL, 1 TH)

1. Văn minh Ai Cập cổ đại.

1.1. Tổng quan về Ai Cập cổ đại

1.2. Những thành tựu chủ yếu của văn minh Ai Cập cổ đại

1.3. Đặc điểm và những đóng góp của văn minh Ai Cập cổ đại

2. Văn minh Lưỡng Hà cổ đại.

2.1. Tổng quan về Lưỡng Hà cổ đại

2.2. Những thành tựu chủ yếu của văn minh Lưỡng Hà cổ đại.

2.3. Đặc điểm và những đóng góp của văn minh Lưỡng Hà cổ đại

3. Văn minh Arập.

3.1. Sơ lược về lịch sử Arập

3.2. Đạo Hồi

3.3. Văn học, nghệ thuật, khoa học, giáo dục.

3.4. Những đóng góp

Chương II: Văn minh Ấn Độ cổ trung đại (2 LT, 2 TL, 1 TH)

1. Tổng quan về Ấn Độ cổ trung đại

2. Những thành tựu chính của văn minh Ấn Độ

3. Đặc điểm và những đóng góp của văn minh Ấn Độ cổ đại

Chương III: Văn minh Trung Quốc (2 LT, 3 TL)

1. Tổng quan về Trung Quốc cổ trung đại

2. Những thành tựu chính của văn minh Trung Quốc

3. Đặc điểm và những đóng góp của văn minh Trung Quốc cổ đại

Chương IV: Văn minh khu vực Đông Nam Á (2 LT, 3 TL)

1. Cơ sở hình thành văn minh khu vực Đông Nam Á

2. Những thành tựu chính

3. Đặc điểm và những đóng góp

Chương V: Văn minh Hy Lạp và La Mã cổ đại (3 LT, 2 TL, 1 TH)

1. Tổng quan về Hy Lạp và La Mã cổ đại

2. Những thành tựu chủ yếu của văn minh Hy Lạp – La Mã cổ đại

3. Đặc điểm và những đóng góp của văn minh Hy Lạp – La Mã cổ đại

Chương VI: Văn minh phong Tây thời trung đại (2 LT, 2 TL, 1 TH)

1. Hoàn cảnh lịch sử

2. Văn hoá Tây Âu từ thế kỉ V đến thế kỉ X
3. Văn hoá Tây Âu thời Phục hưng
4. Sự tiến bộ về kĩ thuật
5. Sự ra đời của đạo Tin lành
6. Sự tiếp xúc giữa các nền văn minh phương Đông và phương Tây

Chương VII: Sự xuất hiện văn minh công nghiệp (2 LT, 2 TL, TH)

1. Điều kiện ra đời của văn minh công nghiệp
2. Cuộc cách mạng công nghiệp
3. Phát minh khoa học – kĩ thuật và những học thuyết chính trị thời cận đại
4. Thành tựu văn học và nghệ thuật

Chương VIII: Văn minh thế giới thế kỉ XX (2 LT, 2 TL, 1 TH)

1. Văn minh thế giới nửa đầu thế kỉ XX
2. Văn minh thế giới nửa sau thế kỉ XX

4. Yêu cầu của môn học:

- Sinh viên phải có mặt trên lớp 80% thời gian học lý thuyết và làm việc nhóm
- Thực hiện đầy đủ các bài tập được giao (cho cá nhân hay nhóm), đúng thời gian quy định
- Các báo cáo phải được viết bằng tay, sạch sẽ, rõ ràng. Được tham khảo các tư liệu đã giới thiệu ở trên hay các website để hoàn chỉnh bài làm

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Học liệu:

9.1. Học liệu bắt buộc:

1. Vũ Dương Ninh (2013), Lịch sử văn minh thế giới, Nxb GDVN, HN

9.2. Học liệu tham khảo:

1. Vũ Dương Ninh, Phan Thu Hiền (Cb) (1996), Đại cương văn hóa Phương Đông, Nxb GD, HN

2. Nguyễn Hoàng Điệp, Almanach, Những nền văn minh thế giới (1995+1999),
Nxb VH TT



**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.13b. KIẾN THỨC ĐỊA PHƯƠNG (TỈNH THANH HÓA)/ LOCAL KNOWLEDGE (THANH HOA PROVINCE)

- Số tín chỉ: 2 (18, 18, 6)
- Mã học phần: 124115
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Lịch sử, khoa KHXH, trường đại học Hồng Đức
- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần:

Học phần giới thiệu khái quát về vị trí địa lý, đặc điểm về địa lý tự nhiên, dân cư, các vùng kinh tế, tiềm năng và xu hướng phát triển của Thanh Hoá trong giai đoạn tới. Học phần cũng cung cấp cho người học một bức tranh sinh động về Thanh Hoá, một tỉnh rộng lớn, đông dân, có truyền thống lịch sử lâu dài, truyền thống văn hoá đặc sắc, phong phú, sản sinh ra nhiều nhân vật lịch sử, danh nhân văn hoá tiêu biểu. Từ đó người học được bồi dưỡng thêm tình yêu, niềm tự hào về quê hương, nâng cao ý thức trách nhiệm, góp phần xây dựng quê hương ngày càng giàu mạnh

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Về kiến thức:

- Hiểu được các khái niệm khu vực, địa phương, địa phương Thanh Hóa trong tiến trình lịch sử dân tộc
- Hiểu được vị trí địa lý Thanh Hóa, các điều kiện tự nhiên về đất đai, khí hậu, các điều kiện xã hội: các thành phần tộc người, dân số... Các điều kiện đó tác động như thế nào tới sự phát triển kinh tế xã hội hiện nay
- Nắm được sự hình thành, sự thay đổi địa danh Thanh Hóa trong lịch sử dân tộc. Hiểu được lịch sử Thanh Hóa qua các thời kỳ, những đóng góp của nhân dân Thanh Hóa đối với lịch sử dân tộc.
- Hiểu được nguồn gốc các di tích, lễ hội trên địa bàn tỉnh, sự hình thành và phát triển các làng nghề trong tỉnh
- Phát huy, giữ gìn các giá trị lịch sử, văn hóa của các di tích, các làng nghề trong đời sống kinh tế xã hội hiện nay

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Kỹ năng tìm tòi, tổng hợp các kiến thức về địa lý, lịch sử, văn hóa của địa phương Thanh Hóa

-Biết sưu tầm, phân loại các di tích, các làng nghề ở địa phương

-Rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp, so sánh

2.3 Mục tiêu về thái độ người học

- Trân trọng các giá trị văn hóa, lịch sử của địa phương
- Hình thành niềm say mê học tập, nghiên cứu môn học.
- Hình thành ý thức chủ động, tích cực trong việc tự học tập của bản thân.
- Hình thành động cơ đúng đắn trong học tập, trong cuộc sống.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Một số vấn đề chung (LT: 2; TL: 0 TH)

1. Ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu Kiến thức địa phương Thanh Hoá
 - 1.1. Đối với chương trình đào tạo
 - 1.2. Đối với sau khi tốt nghiệp
2. Khái niệm địa phương học, khu vực học
 - 2.1. Khái niệm địa phương học
 - 2.2. Khái niệm khu vực học
3. Cơ sở phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu.
 - 3.1. Cơ sở phương pháp luận
 - 3.2. Phương pháp nghiên cứu
4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu
 - 4.1. Đối tượng nghiên cứu
 - 4.2. Phạm vi nghiên cứu

Chương 2. Khái quát địa lý- lịch sử Thanh Hoá (3;3,1)

1. Khái quát địa lý tự nhiên Thanh Hoá
 - 1.1. Vị trí địa lý
 - 1.2. Diện tích
 - 1.3. Địa hình (đất đai)
 - 1.4. Sông suối, hồ
 - 1.5. Biển
 - 1.6, Khí hậu, nắng, mưa, độ ẩm
 - 1.7. Khoáng sản, hệ sinh thái.
2. Đặc điểm về địa lý dân cư.
 - 2.1. Cơ cấu dân cư
 - 2.2. Cơ cấu dân tộc
3. Lịch sử hình thành, sự phân chia hành chính và tên gọi của Thanh Hoá qua các thời kỳ lịch sử.
 - 3.1. Lịch sử hình thành
 - 3.2. Sự phân chia hành chính và tên gọi của Thanh Hoá qua các thời kỳ lịch sử.
 - Thời Hùng Vương
 - Thời Bắc thuộc
 - Thế kỷ X
 - Nhà Đinh-Lê
 - Thời Trần
 - Nhà Hồ
 - Thời Hậu Lê

- Thời Nguyễn
- Thời Pháp thuộc
- Từ 1954 đến nay.

Chương 3. Đặc điểm văn hoá của Thanh Hoá. (1,1,1)

1. Điều kiện hình thành và phát triển nền văn hoá Thanh Hoá

1.1. Điều kiện tự nhiên

1.2. Điều kiện lịch sử, chính trị-xã hội

2. Đặc điểm hình thành và phát triển của văn hoá Thanh Hoá

2.1. Thanh Hoá là một trong những cái nôi của người nguyên thủy ở Việt Nam

2.2. Sự phát triển của văn hoá Thanh Hoá gắn liền với sự phát triển của văn hoá dân tộc nhưng có những nét riêng

3. Đặc điểm văn hoá vật chất

3.1. Về kiến trúc

3.2. Về ẩm thực

3.3. Về sản xuất nông nghiệp

3.4. Về ngành nghề thủ công nghiệp

3.5. Về tổ chức làng xã

3.6. Về chợ làng, chợ huyện...

4. Đặc điểm nền văn hoá phi vật thể

4.1. Lễ hội

4.2. Phong tục, tập quán

4.3. Tôn giáo, tín ngưỡng

4.4. Giáo dục, khoa cử

4.5. Văn hoá dân gian

Chương 4. Sự phát triển kinh tế của Thanh Hoá qua các thời kỳ lịch sử (1;2)

1. Các nghề truyền thống và làng nghề truyền thống tiêu biểu của Thanh Hoá.

1.1. Các nghề truyền thống tiêu biểu.

- Nghề đúc đồng
- Nghề đục đá
- Nghề rèn
- Nghề mộc
- Nghề dệt chiếu
- Nghề nấu rượu...

1.2. Các làng nghề truyền thống tiêu biểu:

- Làng đúc đồng Trà Đông
- Làng đục đá Nhồi
- Làng mộc Đát Tái

- Làng rèn Tất Tác

2. Các vùng kinh tế, trung tâm kinh tế, khu công nghiệp chủ yếu của Thanh Hoá hiện nay.

2.1. Các vùng kinh tế.

- Vùng biển

- Vùng trung du, miền núi

- Vùng đồng bằng

2.2. Các khu công nghiệp

- Lễ Môn (Thành phố Thanh Hoá)

- Bỉm Sơn

- Lam Sơn

2.3. Khu kinh tế tổng hợp Nghi Sơn.

2.4. Năm chương trình kinh tế trọng điểm của Thanh Hoá từ 2006-2010.

Chương 5. Những đóng góp to lớn của Thanh Hoá trong các cuộc kháng chiến chống xâm lược của dân tộc (3;3;1)

1. Thời kỳ Bắc thuộc

2. Thời kỳ phong kiến tự chủ

3. Thời kỳ Pháp thuộc

4. Thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp

5. Thời kỳ kháng chiến chống Mỹ

Chương 6. Các di tích lịch sử-văn hoá và danh thắng tiêu biểu của Thanh Hoá.

1. Di tích khảo cổ học (1;1;1)

- Núi Đọ

- Hang Con Moong

- Hoa Lộc

- Đông Sơn

2. Di tích kiến trúc, mỹ thuật

- Đền thờ bà Triệu

- Thành nhà Hồ

- Lam Kinh

- Thái miếu nhà Lê

3. Di tích tôn giáo

- Một số ngôi chùa cổ

- Nhà thờ

4. Di tích lịch sử cách mạng

- Các di tích về kháng chiến chống Pháp

- Các di tích về kháng chiến chống Mỹ

5. Thắng cảnh thiên nhiên

- Rừng núi
- Hang động
- Sông Hồ
- Bãi biển

Chương 7. Các nhân vật lịch sử và Danh nhân văn hóa tiêu biểu của Thanh Hoá

1. Các nhân vật lịch sử có công trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước (3;4;1)

- Bà Triệu
- Dương Đình Nghệ
- Lê Hoàn
- Hồ Quý Ly
- Lê Lợi
- Nguyễn Kim
- Trịnh Kiểm

2. Danh nhân văn hoá

- Lê Văn Hưu
- Đào Duy Từ

3. Các làng khoa bảng nổi tiếng

Chương 8. Những vấn đề đương đại của Thanh Hoá (2;2)

1. Dân số Thanh Hoá: Tốc độ tăng dân số cao, tỷ lệ nam-nữ

2. Phát triển, hợp tác của Thanh Hoá

3. Tiềm năng và hạn chế của Thanh Hoá

3.1. Tiềm năng:

- Vị trí địa lý
- Tài nguyên, khoáng sản
- Nguồn lực lao động, khoa học- công nghệ

3.2. Hạn chế, thách thức:

- Là tỉnh đất rộng, người đông, xuất phát điểm thấp
- Hạ tầng yếu kém, nhất là các huyện miền núi
- Tốc độ tăng dân số cao, lao động nông nghiệp khoảng 80%, chất lượng lao động chưa qua đào tạo còn chiếm tỷ lệ cao

4. Định hướng phát triển của Thanh Hoá.

- Phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa.
- Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, duy trì tốc độ tăng trưởng cao, rút ngắn khoảng cách tụt hậu so với các tỉnh khác, hội nhập quốc tế
- Đẩy mạnh quá trình công nghiệp hoá nông nghiệp và nông thôn
- Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế với phát triển văn hoá- xã hội, giữ gìn an ninh, quốc phòng.

4. Yêu cầu của môn học

Sinh viên phải có mặt trên lớp 80% thời gian học lý thuyết và làm việc nhóm
Thực hiện đầy đủ các bài tập được giao (cho cá nhân hay nhóm), đúng thời gian quy định.

Các bài tập phải được viết bằng tay, sạch sẽ, rõ ràng. Được tham khảo các tư liệu đó giới thiệu ở trên hay các website để hoàn chỉnh bài làm, nhưng không được sao chép lại của nhau. Nếu phát hiện ra sự sao chép, sinh viên sẽ bị điểm 0.

5. Phương pháp giảng dạy: kết hợp các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy học, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc, tự nghiên cứu tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất một buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của người học.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: trọng số 30%
- Kiểm tra, đánh giá giữa kì: trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kì: trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Học liệu:

9.1. Học liệu bắt buộc:

1. Tập thể, (2000) Địa chí Thanh Hoá tập 1: Thanh Hoá, Nxb VHTT

9.2. Tài liệu tham khảo:

1. Hà Văn Tấn (1990, 1994), Lịch sử Thanh Hóa Tập 1, tập 2, Nxb KHXH, HN
2. Lê Văn Trường (2002), Địa lý Thanh Hoá, Nxb Thanh Hoá.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

CHỌN 1 TRONG 2 HỌC PHẦN (9.14a, 9.14b)

9.14a. HÁN NÔM ĐẠI CƯƠNG/ GENERAL HANNOM

- Mã số học phần: 121061
- Số tín chỉ: 02 (18, 18, 6)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ văn
- Điều kiện tiên quyết: *không*

1. Mô tả học phần

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

- Sinh viên có kiến thức cơ bản về chữ Hán, chữ Nôm như: nguồn gốc, sự hình thành, quá trình phát triển; kết cấu, hình thể; cách thể hiện, bộ thủ; những kiến thức về từ và câu trong Hán văn cổ.

- Sinh viên có kiến thức chung về các loại thể; những quy tắc về từ pháp, cú pháp.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Sinh viên biết viết chữ Hán đúng nét, đủ nét, theo quy tắc bút thuận.
- Đọc và phiên âm, dịch nghĩa được các văn bản Hán văn;
- Phân biệt được cách dùng các hư từ, phân tích được các hiện tượng ngữ pháp có trong văn bản.

2.3. Mục tiêu về thái độ

- Sinh viên có quan điểm khoa học trong học tập và nghiên cứu Hán Nôm; biết trân trọng, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống.

3. Nội dung chi tiết học phần

Học phần: *Hán Nôm đại cương* được chia làm 2 phần.

Phần 1. Những vấn đề về chữ Hán(9,9,3)

Bài 1. Chữ Hán – nguồn gốc, hình thể

1. Chữ Hán – nguồn gốc
2. Chữ Hán – hình thể

Bài 2. Chữ Hán – quy tắc bút thuận

1. Nét cơ bản
2. Nét biến thể
3. Quy tắc bút thuận
4. Ngoại lệ

5. Tính cân đối của chữ

Bài 3. Chữ Hán – kết cấu

1. Tượng hình
2. Chỉ sự

3. Hội ý

4. Giả tá

5. Hình thanh

6. Chuyển chú

Bài 4. 214 bộ thủ chữ Hán

1. Bộ thủ là gì?

2. Vai trò của Bộ thủ trong việc học chữ Hán

3. Một số bộ thủ thường dùng

Bài 5. Từ, từ và câu trong Hán văn cổ

1. Từ tự đến từ

2. Nghĩa của từ trong Hán văn cổ

3. Từ từ đến câu

Phần 2. Những vấn đề cơ bản của chữ Nôm (9,9,3)

Bài 5. Chữ Nôm – nguồn gốc và quá trình phát triển

1. Chữ Nôm – khái niệm

2. Chữ Nôm, nguồn gốc và quá trình hình thành

Bài 6. Cấu tạo và quá trình phát triển của chữ Nôm

1. Những chữ vay mượn

2. Những chữ sáng tạo

4. Yêu cầu của môn học

Sinh viên phải tham dự đầy đủ, ít nhất đạt 80% số giờ lý thuyết, thảo luận và học tập thực địa tại điểm học tập có hướng dẫn của giảng viên, thuyết minh viên, phải làm bài tập cá nhân ở mỗi nội dung theo yêu cầu, có bài báo cáo hoặc bài thu hoạch khi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy

Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo hình thức cá nhân và theo nhóm

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình giảng dạy, giảng viên phụ trách có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan; phương pháp học tập hiệu quả nhất. Trong từng buổi học tư vấn, giải đáp những thắc mắc phát sinh cho người học. Cuối mỗi nội dung học tập tại thực địa có tổng kết rút kinh nghiệm.

7. Trang thiết bị

Người học phải chuẩn bị đầy đủ đồ dùng học tập cá nhân như: bút, vở ghi, tài liệu, sách tham khảo.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra đánh giá thường xuyên: trọng số 30%

- Kiểm tra đánh giá giữa kỳ: trọng số 20%

- Kiểm tra đánh giá cuối kỳ: trọng số 50%

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo

9.1. Tài liệu bắt buộc

[1]. Đặng Đức Siêu, Giáo trình Ngữ Văn Hán Nôm T1, Nxb. ĐH. Giáo dục, 1995.

9.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Lê Đình Khản - Chữ Hán, những vấn đề cơ bản – Nxb. ĐH Quốc Gia. TPHCM, 2000

[3]. Nguyễn Ngọc San, Lý thuyết chữ Nôm, văn Nôm, Nxb. Đại học Sư phạm, 2003.



**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.14b. HÁN NÔM CƠ SỞ/Han Nom basis

- Mã số học phần: 121041
- Số tín chỉ: 02 (18,18, 6)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ văn
- Điều kiện tiên quyết: *không*

1. Mô tả học phần

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

- Sinh viên có kiến thức cơ bản về chữ Hán, chữ Nôm như: nguồn gốc, sự hình thành, quá trình phát triển; kết cấu, hình thể; cách thể hiện, bộ thủ; những kiến thức về từ và câu trong Hán văn cổ.

- Sinh viên có kiến thức chung về các loại thể; những quy tắc về từ pháp, cú pháp.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Sinh viên biết viết chữ Hán đúng nét, đủ nét, theo quy tắc bút thuận.
- Đọc và phiên âm, dịch nghĩa được các văn bản Hán văn;
- Phân biệt được cách dùng các hư từ, phân tích được các hiện tượng ngữ pháp có trong văn bản.

2.3. Mục tiêu về thái độ

- Sinh viên có quan điểm khoa học trong học tập và nghiên cứu Hán Nôm; biết trân trọng, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống.

3. Nội dung chi tiết học phần

Học phần: *Hán Nôm cơ sở* được chia làm 2 phần.

Phần 1. Đại cương về chữ Hán(9,9,3)

Bài 1. Chữ Hán – nguồn gốc, hình thể

1. Chữ Hán – nguồn gốc
2. Chữ Hán – hình thể

Bài 2. Chữ Hán – quy tắc bút thuận

1. Nét cơ bản
2. Nét biến thể
3. Quy tắc bút thuận
4. Ngoại lệ

5. Tính cân đối của chữ

Bài 3. 214 bộ thủ chữ Hán

1. Bộ thủ là gì?
2. Vai trò của Bộ thủ trong việc học chữ Hán
3. Một số bộ thủ thường dùng

Bài 4. Chữ Hán – kết cấu

1. Tượng hình
2. Chỉ sự
3. Hội ý
4. Giả tá
5. Hình thanh
6. Chuyển chú

Bài 5. Tự, từ và câu trong Hán văn cổ

1. Từ tự đến từ
2. Nghĩa của từ trong Hán văn cổ
3. Từ từ đến câu

Phần 2. Những vấn đề cơ bản của chữ Nôm (9,9,3)

Bài 5. Chữ Nôm – nguồn gốc và quá trình phát triển

1. Chữ Nôm – khái niệm
2. Chữ Nôm, nguồn gốc và quá trình hình thành

Bài 6. Cấu tạo và quá trình phát triển của chữ Nôm

1. Những chữ vay mượn
2. Những chữ sáng tạo

4. Yêu cầu của môn học

Sinh viên phải tham dự đầy đủ, ít nhất đạt 80% số giờ lý thuyết, thảo luận và học tập thực địa tại điểm học tập có hướng dẫn của giảng viên, thuyết minh viên, phải làm bài tập cá nhân ở mỗi nội dung theo yêu cầu, có bài báo cáo hoặc bài thu hoạch khi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy

Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo hình thức cá nhân và theo nhóm

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình giảng dạy, giảng viên phụ trách có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan; phương pháp học tập hiệu quả nhất. Trong từng buổi học tư vấn, giải đáp những thắc mắc phát sinh cho người học. Cuối mỗi nội dung học tập tại thực địa có tổng kết rút kinh nghiệm.

7. Trang thiết bị

Người học phải chuẩn bị đầy đủ đồ dùng học tập cá nhân như: bút, vở ghi, tài liệu, sách tham khảo.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra đánh giá thường xuyên: trọng số 30%
- Kiểm tra đánh giá giữa kỳ: trọng số 20%
- Kiểm tra đánh giá cuối kỳ: trọng số 50%

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Tài liệu bắt buộc

[1]. Đặng Đức Siêu, Giáo trình *Ngữ Văn Hán Nôm T1*, Nxb. ĐH. Giáo dục, 1995.

9.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Lê Đình Khản - *Chữ Hán, những vấn đề cơ bản* – Nxb. ĐH Quốc Gia. TP HCM, 2000

[3]. Nguyễn Ngọc San, Lý thuyết chữ Nôm, văn Nôm, Nxb. Đại học Sư phạm, 2003.



KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

CHỌN 1 TRONG 2 HỌC PHẦN (9.18a, 9.18b)

9.15a. THỐNG KÊ XÃ HỘI/ SOCIAL STATISTICS

- Mã học phần: 125016
- Số tín chỉ: 02 (18, 18, 6)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: BM Sinh học
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần:

- Nội dung học phần: gồm các thang đo trong xã hội học, mẫu ngẫu nhiên đơn giản và các bài toán xác định cỡ mẫu tối thiểu, quan hệ giữa hai biến định lượng, quan hệ giữa hai biến định tính và các độ đo sự liên thuộc, một số phương pháp thống kê trong Xã hội học.

- Năng lực đạt được: SV tính toán, phân tích, thống kê, tổng hợp, khái quát hóa được các mẫu đo cơ bản; vận dụng chúng vào giải quyết các vấn đề học tập và đời sống, xã hội.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Về kiến thức: Sau khi học xong học phần, sinh viên trình bày được nội dung các thuật ngữ cơ bản của thống kê, quá trình nghiên cứu thống kê và giải thích cách tính các mức độ thường dùng trong thống kê để phản ánh các hiện tượng kinh tế xã hội; sinh viên cũng có thể giải thích được những nội dung thống kê trong một số lĩnh vực xã hội chủ yếu như mức sống, dân số, lao động, giáo dục, y tế.

2.2. Về kỹ năng: Có thể xây dựng được phiếu điều tra xã hội (bảng hỏi) đơn giản, tính toán được một số mức độ thường dùng trong thống kê, các chỉ tiêu phân tích dãy số thời gian; có thể xây dựng và phân tích ảnh hưởng của các nhân tố cấu thành GDP, năng suất lao động, tiền lương. Trong một số lĩnh vực thống kê xã hội, sinh viên có thể phân tích được biến động dân số, phân tích nghèo đói và bất bình đẳng và tính toán được một số chỉ tiêu thống kê xã hội phổ biến.

2.3. Về thái độ người học: Có ý thức trong việc áp dụng các lý thuyết thống kê trong công việc, nhất là trong nghiên cứu khoa học, điều hành doanh nghiệp.

- Nội dung học phần:

Nội dung giảng dạy	Lí thuyết	Thảo luận (TL), Bài tập (BT)	Tài liệu đọc trước
Chương 1. Những vấn đề chung về thống kê xã hội 1. Đối tượng, nhiệm vụ, nội dung môn học 1.1. Đối tượng 1.2. Nhiệm vụ 1.3. Mục tiêu môn học	2	2 TL	Đọc TL số 1, 2

1.4. Phương pháp học tập 2. Khái quát các giai đoạn phát triển khoa học thống kê 2.1. Thời kì Cổ đại 2.2. Thời Trung Cổ 2.3. Thời kì cận đại 2.4. Thời kì hiện đại 3. Đặc điểm của khoa học thống kê hiện đại 4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu 5. Những quy định của Nhà nước về thống kê			
Chương 2. Khái niệm cơ bản về thống kê 1. Một số vấn đề lý thuyết thống kê 2. Dữ liệu, số liệu 3. Những đơn vị thống kê 4. Lập bảng biểu và biểu diễn dữ liệu thống kê 5. Những số liệu thống kê 5.1. Số tuyệt đối 5.2. Số tương đối 5.3. Số bình quân 5.4. Số trung vị 5.5. Dây số thời gian 6. Chỉ số và phương pháp phân tích chỉ số	4	4 BT, 2 TH	Đọc TL số 2, 3
Chương 3. Quá trình nghiên cứu thống kê 1. Khái niệm về quá trình nghiên cứu thống kê 2. Xác định đối tượng và xây dựng hệ thống khái niệm, chỉ tiêu thống kê 3. Điều tra thống kê 3.1. Khái niệm điều tra thống kê 3.2. Phân loại và điều tra thống kê 3.3. Thu thập dữ liệu thống kê	4	2TL + 4BT	Đọc TL số 2, 3

3.4. Xây dựng kế hoạch điều tra thống kê 3.5. Sai số thống kê và xử lý sai số trong thống kê 4. Xử lý thống kê 5. Dự báo thống kê			
Chương 4. Thống kê dân số, lao động 1. Thống kê dân số 1.1. Tỷ suất sinh 1.2. Tỷ suất tử 1.3. Gia tăng tự nhiên 1.4. Gia tăng cơ giới 1.5. Tỷ suất gia tăng dân số, dự báo dân số 1.6. Kết cấu sinh học của dân cư 1.7. Tỷ suất hôn nhân 2. Thống kê nguồn lao động 3. Thống kê lực lượng lao động 4. Thống kê lao động trong doanh nghiệp	4	2TL + 3BT	Đọc TL số 2, 3
Chương 5. Thống kê một số vấn đề xã hội 1. Thống kê về chất lượng cuộc sống 1.1. Chỉ số bất bình đẳng thu nhập 1.2. Chất lượng cuộc sống và những chỉ tiêu thống kê 1.3. Hệ thống chỉ tiêu thống kê về thu nhập 2. Thống kê bảo hiểm xã hội 2.1. Khái quát thống kê các vấn đề xã hội 2.2. Phân loại các chỉ tiêu thống kê bảo hiểm xã hội 2.3. Hệ thống chỉ tiêu thống kê bảo hiểm xã hội 3. Thống kê bảo trợ xã hội và cứu trợ xã hội 3.1. Các chỉ tiêu về bảo trợ xã hội 3.2. Thống kê về ưu đãi xã hội 3.3. Thống kê phòng chống tệ nạn xã hội 3.4. Một số thống kê xã hội khác	4	2TL + 3BT	Đọc TL số 2, 3

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Học liệu bắt buộc

1. Đào Hữu Hồ (2010), Giáo trình thống kê xã hội học, Nxb GD, HN.

9.2. Tài liệu tham khảo

1. Trần Ngọc Phác (2006), Giáo trình lý thuyết thống kê, Nxb Thống kê, HN.
2. Đặng Hùng Thắng (1999), Thống kê và ứng dụng, Nxb GD, HN.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.15b. XÃ HỘI HỌC ĐẠI CƯƠNG/ Introduction to Sociology

- Mã học phần: 123240

- Số tín chỉ: 2 TC (18; 18, 6)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Xã hội học

- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mac – Lê nin

1. Nội dung học phần:

Nội dung học phần: Xã hội học đại cương gồm: Đối tượng, chức năng, lịch sử hình thành và phát triển của xã hội học, một số khái niệm quan trọng trong xã hội học: tương tác xã hội, hành động xã hội, thiết chế xã hội, nhóm xã hội, xã hội hóa, di động xã hội, phân tầng xã hội, biến đổi xã hội..., phương pháp nghiên cứu cơ bản của xã hội học, mối quan hệ của xã hội học với các ngành khoa học khác.

Năng lực đạt được: Sinh viên nhận diện, phân tích được các quy luật của sự nảy sinh, biến đổi và phát triển của các sự kiện, hiện tượng xã hội, hành vi con người trong mối quan hệ với xã hội.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu kiến thức:

+ Sinh viên hiểu được khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu của xã hội học và bản chất của các vấn đề xã hội trong quá trình phát triển.

+ Nhận diện và phân tích được các phạm trù nghiên cứu của xã hội học về nhóm, thiết chế, hành động xã hội, bất bình đẳng, phân tầng xã hội, di động xã hội, xã hội hóa và biến đổi xã hội.

2.2. Mục tiêu kỹ năng:

+ Hình thành và rèn luyện các kỹ năng: nhận diện, phân tích và đánh giá các vấn đề xã hội theo hướng tiếp cận xã hội học.

+ Hình thành kỹ năng sử dụng phương pháp xã hội vào nghiên cứu vấn đề xã hội cụ thể.

2.3 Mục tiêu về thái độ:

+ Sinh viên quan tâm tới các vấn đề về xã hội và có ý thức trong việc tìm hiểu và nghiên cứu các vấn đề của xã hội học.

+ Tự giác trong việc tuân thủ các giá trị đạo đức nghề nghiệp trong nghiên cứu các vấn đề xã hội.

3. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1: Xã hội học là một khoa học

(LT: 2)

1.1. Đối tượng nghiên cứu của xã hội học

1.1.1. Khái niệm xã hội học

1.1.2. Đối tượng nghiên cứu của xã hội học

1.2. Chức năng, nhiệm vụ của xã hội học

1.2.1. Chức năng của xã hội học

1.2.2. Nhiệm vụ của xã hội học

1.3. Cơ cấu của xã hội học

- 1.3.1. Xã hội học đại cương
- 1.3.2. Xã hội học chuyên ngành
- 1.3.3. Xã hội học thực nghiệm

1.4. Phương pháp nghiên cứu của xã hội học.

1.5. Một số lĩnh vực nghiên cứu của xã hội học

1.6. Mối quan hệ giữa xã hội học với các môn khoa học khác

Chương 2: Sự hình thành và phát triển của xã hội học (LT: 2, TL: 2)

2.1. Tính tất yếu khách quan của sự ra đời xã hội học

2.2. Những điều kiện tiền đề thực tiễn cho ra đời của xã hội học

- 2.2.1. Biến đổi kinh tế - xã hội và nhu cầu thực tiễn
- 2.2.2. Biến đổi chính trị xã hội và tư tưởng
- 2.2.3. Biến đổi về lý luận và phương pháp nghiên cứu

2.3. Các tư tưởng của các nhà xã hội học kinh điển

- 2.3.1. A. Comte (1798 – 1857)
- 2.3.2. K.Marx (1818 -1883)
- 2.3.3. H. Spencer (1820 – 1903)
- 2.3.4.E. Durkheim (1858 – 1917)
- 2.3.5. M. Weber (1864 – 1920)

Chương 3: Hành động xã hội, tương tác xã hội, tổ chức xã hội và cơ cấu xã hội (LT : 6, TL : 8)

3.1. Hành động xã hội (LT: 2, TL: 2)

- 3.1.1. Hành vi
- 3.1.2. Hành động xã hội

3.2. Tương tác xã hội

- 3.2.1. Khái niệm tương tác xã hội
- 3.2.2. Tương tác xã hội với lý thuyết tương tác biểu tượng
- 3.2.3. Tương tác xã hội với lý thuyết trao đổi
- 3.2.4. Các loại hình tương tác xã hội

3.3. Tổ chức xã hội (LT: 2, TL: 2)

- 3.3.1. Nhóm xã hội
- 3.3.2. Tổ chức xã hội

3.4. Thiết chế xã hội

3.5. Cơ cấu xã hội (LT : 2, TL : 4)

- 3.4.1. Khái niệm cơ cấu xã hội
- 3.4.2. Các thành tố chủ yếu của cơ cấu xã hội

3.4.3. Một số lý thuyết về cơ cấu xã hội

3.4.4. Các cơ cấu xã hội cơ bản

3.4.5. Bất bình đẳng xã hội

3.4.6. Phân tầng xã hội

3.4.7. Giai cấp xã hội

3.4.8. Di động xã hội

Chương 4: Văn hóa, xã hội hóa và biến đổi xã hội

(LT: 4, TL: 4)

4.1. Văn hóa(LT: 2, TL:2)

4.1.1. Khái niệm văn hóa

4.1.2. Đặc điểm, chức năng của văn hóa

4.1.3. Các thành tố của văn hóa

4.1.4. Các loại hình văn hóa

4.1.5. Một số khái niệm liên quan

4.2. Xã hội hóa

4.2.1. Khái niệm xã hội hóa

4.2.2. Đặc điểm của quá trình xã hội hóa

4.2.3. Môi trường xã hội hóa

4.2.4. Các giai đoạn của quá trình xã hội hóa

4.2.5. Sự hình thành cái tôi

4.3. Biến đổi xã hội(LT : 2, TL: 2)

4.3.1. Khái niệm biến đổi xã hội

4.3.2. Đặc điểm của biến đổi xã hội

4.3.3. Các nhân tố biến đổi xã hội

4.3.4. Biến đổi xã hội và các khái niệm liên quan

Chương 5: Thực hành nghiên cứu XHH

(LT: 2, TL: 2, TH: 6)

5.1. Chọn đề tài nghiên cứu

5.2. Xác định mục đích, mục tiêu nghiên cứu

5.3. Xây dựng giả thuyết nghiên cứu

5.4. Xác định các phương pháp nghiên cứu

5.5. Một vài cách xử lý số liệu và phân tích số liệu

4. Yêu cầu môn học:

1. Sinh viên phải có mặt trên lớp 80% thời gian học lý thuyết và làm việc nhóm

2. Thực hiện đầy đủ các bài tập được giao (cho cá nhân hay nhóm), đúng thời gian quy định

3. Các bài tập phải được viết bằng tay, sạch sẽ, rõ ràng. Được tham khảo các tư liệu đã giới thiệu ở trên hay các website để hoàn chỉnh bài làm, nhưng không được sao chép

lại của nhau. Nếu phát hiện ra sự sao chép, sinh viên sẽ bị điểm 0

5. Phương pháp giảng dạy:

Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm nhỏ và cá nhân.

6. Kế hoạch tư vấn:

Giảng viên tư vấn, hướng dẫn cho sinh viên các tài liệu chính, tài liệu tham khảo phù hợp với lịch trình của môn học. Giải đáp các vấn đề sinh viên gặp phải qua email, zalo sau các buổi học, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu:

9.1. Tài liệu bắt buộc:

1. Phạm Tất Dong, Lê Ngọc Hùng (đồng chủ biên) (2008), *Xã hội học*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo

2. Lê Ngọc Hùng (2001), *Lý thuyết và lịch sử xã hội học*, NXB ĐHQG, HN.
3. Nguyễn Sinh Huy (2008), *Xã hội học đại cương*, NXB ĐHQG, HN.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

B. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP

I. KIẾN THỨC CHUNG CỦA NGÀNH

9.16. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TÂM LÝ HỌC/ PSYCHOLOGY

- Mã học phần: 181080
- Số tín chỉ: 4TC (36; 48)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tâm lý học
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác Lê Nin

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Học phần này bao gồm: Bản chất, chức năng của tâm lý người; sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức; Hoạt động nhận thức (nhận thức cảm tính, nhận thức lý tính); Nhân cách và sự phát triển nhân cách; Lý luận về sự phát triển trẻ em; Tâm lý học lứa tuổi học sinh THCS và THPT; Hoạt động dạy học; Hành vi đạo đức; Nhân cách người thầy giáo...

Năng lực đạt được: Sinh viên nhận diện được các đặc điểm tâm lý con người nói chung và đặc điểm tâm lý học sinh THCS và THPT nói riêng; giải quyết được các tình huống nảy sinh trong hoạt động sư phạm, hình thành các phẩm chất và năng lực của người giáo viên trong tương lai.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Đặc điểm tâm lý con người nói chung và đặc điểm tâm lý học sinh THCS, THPT nói riêng.
- Nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý người.
- Đặc điểm hoạt động dạy, hoạt động học, sự hình thành khái niệm, sự phát triển trí tuệ và mối quan hệ giữa dạy học – phát triển trí tuệ.
- Đặc điểm, cấu trúc tâm lý và các con đường hình thành hành vi đạo đức cho học sinh.
- Đặc điểm của nghề dạy học, các thành phần cơ bản trong năng lực của người thầy giáo, các nguyên tắc trong giao tiếp sư phạm.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

Sau khi học xong học phần Tâm lý học, sinh viên có kỹ năng:

- Xác định được các đặc điểm tâm lý con người nói chung và đặc điểm tâm lý học sinh THCS, THPT nói riêng.
- Vận dụng các kiến thức Tâm lý học để giải quyết các nhiệm vụ học tập cho bản thân.
- Vận dụng các kiến thức Tâm lý học để giải quyết các nhiệm vụ học tập cho bản thân.
- Vận dụng kiến thức và phương pháp học tập Tâm lý học để giải quyết các tình huống thực tế trong dạy học, giáo dục và trong cuộc sống.
- Có kỹ năng ứng xử sư phạm để thích ứng với môi trường giáo dục và dạy học.
- Vận dụng kiến thức đã học trong hợp tác, giao tiếp với đồng nghiệp, với

học sinh và cộng đồng.

- Có kĩ năng tự học, tự nghiên cứu những vấn đề thuộc kiến thức của Tâm lý học.

- Xây dựng được kế hoạch học tập, rèn luyện và tự hoàn thiện nhân cách bản thân.

- Thành thạo trong tổ chức, điều khiển các hoạt động giảng dạy và giáo dục học sinh.

2.3. Mục tiêu về thái độ:

Khi học môn Tâm lý học, sinh viên cần:

- Nghiêm túc chấp hành đúng quy chế lớp học, tích cực thực hiện tốt nội dung học tập. Đồng thời hiểu rõ được ý nghĩa, tầm quan trọng của kiến thức môn học trong học tập, trong đời sống và trong hoạt động nghề nghiệp.

- Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập môn Tâm lý học.

- Hình thành hứng thú học tập và tăng thêm lòng yêu nghề, không ngừng rèn luyện để có được những kiến thức, kinh nghiệm cần thiết đảm bảo cho hoạt động nghề nghiệp trong tương lai.

- Năng động, sáng tạo và tự tin khẳng định năng lực của bản thân.

3. Nội dung chi tiết học phần:

PHẦN I: TÂM LÝ HỌC ĐẠI CƯƠNG

Chương 1: TÂM LÝ HỌC LÀ MỘT KHOA HỌC

(LT: 3; TL: 3)

1. Đối tượng, nhiệm vụ của tâm lý học

1.1. Tâm lý học là gì ?

1.2. Đối tượng, nhiệm vụ của tâm lý học

2. Bản chất, chức năng, phân loại hiện tượng tâm lý

2.1. Bản chất hiện tượng tâm lý người theo quan điểm TLH DVBC

2.2. Chức năng của tâm lý

2.3. Phân loại các hiện tượng tâm lý

3. Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý

3.1. Các nguyên tắc phương pháp luận chỉ đạo việc nghiên cứu tâm lý

3.2. Các phương pháp nghiên cứu tâm lý

Chương 2: SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TÂM LÝ, Ý THỨC

(LT: 3 ; TL: 3)

1. Cơ sở tự nhiên của tâm lý người

1.1. Di truyền và tâm lý

1.2. Não và tâm lý

2. Cơ sở xã hội của tâm lý người

2.1. Nền văn hoá xã hội và tâm lý

2.2. Hoạt động và tâm lý

2.2.1. Khái niệm hoạt động

2.2.2. Đặc điểm của hoạt động

- 2.2.3. Cấu trúc của hoạt động
- 2.2.4. Vai trò của hoạt động đối với sự nảy sinh hình thành tâm lý
- 2.3. Giao tiếp và tâm lý
 - 2.3.1. Khái niệm giao tiếp
 - 2.3.2. Các loại giao tiếp
 - 2.3.3. Vai trò của giao tiếp với sự nảy sinh, hình thành tâm lý
- 3. Sự nảy sinh và hình thành phát triển tâm lý, ý thức về phương diện cá thể
 - 3.1. Sự hình thành và phát triển tâm lý về phương diện cá thể
 - 3.1.1. Quan điểm TLHĐVBC về sự phát triển tâm lý
 - 3.1.2. Các giai đoạn phát triển tâm lý
 - 3.2. Sự hình thành phát triển ý thức
 - 3.2.1. Khái niệm chung về ý thức
 - 3.2.1.1. Ý thức là gì?
 - 3.2.1.2. Cấu trúc của ý thức
 - 3.2.2. Các cấp độ của ý thức
 - 3.2.3. Sự hình thành, phát triển ý thức cá nhân
- 4. Chú ý- Điều kiện của hoạt động có ý thức
 - 4.1. Khái niệm chú ý
 - 4.2. Các thuộc tính của chú ý
 - 4.3. Các loại chú ý

Chương 3: HOẠT ĐỘNG NHẬN THỨC (LT: 3; TL: 3)

- 1. Nhận thức cảm tính
 - 1.1. Khái niệm chung về cảm giác, tri giác
 - 1.1.1. Định nghĩa cảm giác, tri giác
 - 1.1.2. Đặc điểm cảm giác, tri giác
 - 1.1.3. Đặc điểm nhận thức cảm tính
 - 1.1.4. Phân loại cảm giác, tri giác
 - 1.2. Các quy luật của cảm giác, tri giác
- 2. Nhận thức lý tính
 - 2.1. Tư duy
 - 2.1.1. Khái niệm chung về tư duy
 - 2.1.1.1. Định nghĩa tư duy
 - 2.1.1.2. Đặc điểm của tư duy
 - 2.1.2. Các giai đoạn của quá trình tư duy
 - 2.1.3. Các thao tác của tư duy
 - 2.1.4. Các loại tư duy
 - 2.2. Tưởng tượng
 - 2.2.1. Khái niệm chung về tưởng tượng
 - 2.2.1.1. Định nghĩa tưởng tượng
 - 2.2.1.2. Đặc điểm của tưởng tượng
 - 2.2.2. Các cách sáng tạo hình ảnh mới trong tưởng tượng

3. Trí nhớ

3.1. Khái niệm chung về trí nhớ

3.1.1. Định nghĩa

3.1.2. Đặc điểm trí nhớ

3.2. Các quá trình cơ bản của trí nhớ

3.2.1. Quá trình ghi nhớ

3.2.2. Quá trình giữ gìn

3.2.3. Quá trình nhận lại và nhớ lại

3.2.4. Sự quên và cách chống quên

3.3. Các biện pháp để rèn luyện trí nhớ

4. Ngôn ngữ và nhận thức

4.1. Khái niệm ngôn ngữ

4.2. Chức năng của ngôn ngữ

4.3. Các dạng hoạt động ngôn ngữ

4.4. Vai trò của ngôn ngữ đối với hoạt động nhận thức

Chương 4: NHÂN CÁCH VÀ SỰ HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN NHÂN CÁCH (LT: 3; TL: 9)

1. Khái niệm chung về nhân cách

1.1. Định nghĩa

1.2. Đặc điểm của nhân cách

2. Các thuộc tính tâm lý của nhân cách

2.1. Xu hướng

2.1.1. Khái niệm xu hướng

2.2.2. Các mặt biểu hiện của xu hướng

2.2. Năng lực

2.2.1. Năng lực là gì?

2.2.2. Các mức độ của năng lực

2.2.3. Phân loại năng lực

2.2.4. Mối quan hệ giữa năng lực và tư chất, thiên hướng và tri thức, KN,

KX

2.3. Tính cách

2.3.1. Tính cách là gì?

2.3.2. Cấu trúc của tính cách

2.4. Khí chất

2.4.1. Khí chất là gì?

2.4.2. Các kiểu khí chất

2.5. Tình cảm, ý chí

2.5.1. Tình cảm

2.5.1.1. Khái niệm chung về tình cảm

2.5.1.2. Đặc điểm tình cảm

2.5.1.3. Vai trò của tình cảm

- 2.5.1.4. Các mức độ của đời sống tình cảm
- 2.5.1.5. Các qui luật của đời sống tình cảm
- 2.5.2. Ý chí
 - 2.5.2.1. Ý chí là gì? Các phẩm chất của ý chí
 - 2.5.2.2. Hành động ý chí
 - 2.5.2.3. Hành động tự động hóa

3. Sự hình thành và phát triển nhân cách.

- 3.1. Giáo dục và nhân cách
- 3.2. Hoạt động và nhân cách
- 3.3. Giao tiếp và nhân cách
- 3.4. Sự tự hoàn thiện nhân cách

PHẦN II: TÂM LÝ HỌC LỨA TUỔI - SƯ PHẠM

Chương 5: NHẬP MÔN TÂM LÝ HỌC LỨA TUỔI – SƯ PHẠM

(LT: 3; TL: 3)

- 1. Khái quát về TLHLT và TLHSP
 - 1.1. Đối tượng, nhiệm vụ của TLHLT và TLHSP
 - 1.2. Quan hệ giữa tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm
- 2. Lý luận về sự phát triển tâm lý trẻ em
 - 2.1. Quan niệm về trẻ em
 - 2.2. Quan niệm về sự phát triển tâm lý trẻ em
 - 2.2.1. Các quan điểm sai lầm về sự phát triển tâm lý trẻ em
 - 2.2.2. Quan điểm TLH DVBC về sự phát triển tâm lý
 - 2.3. Qui luật chung của sự phát triển tâm lý trẻ em
- 3. Sự phân chia các giai đoạn phát triển tâm lý trẻ em
 - 3.1. Khái niệm về giai đoạn phát triển tâm lý
 - 3.2. Sự phân chia các giai đoạn phát triển tâm lý trẻ em

Chương 6: TÂM LÝ HỌC TUỔI HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ (THIẾU NIÊN) (LT: 3; TL: 3)

- 1. Vị trí, ý nghĩa của giai đoạn phát triển tâm lý lứa tuổi học sinh THCS
- 2. Những điều kiện của sự phát triển tâm lý ở lứa tuổi học sinh THCS
 - 2.1. Sự cải tổ về mặt cơ thể
 - 2.2. Sự thay đổi điều kiện sống
- 3. Hoạt động học tập và sự phát triển trí tuệ
 - 3.1. Đặc điểm hoạt động học tập ở trường THCS
 - 3.2. Đặc điểm của sự phát triển trí tuệ ở tuổi học sinh THCS
- 4. Hoạt động giao tiếp của học sinh THCS
 - 4.1. Giao tiếp của thiếu niên với người lớn
 - 4.2. Giao tiếp của thiếu niên với bạn cùng tuổi
- 5. Sự phát triển nhân cách của tuổi học sinh THCS.
 - 5.1. Sự hình thành tự ý thức
 - 5.2. Sự phát triển tình cảm

6. Một số vấn đề tư vấn hướng nghiệp cho học sinh THCS

Chương 7: TÂM LÝ HỌC TUỔI HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG (LT: 3; TL: 3)

1. Những yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển tâm lý tuổi học sinh THPT

1.1. Khái niệm tuổi thanh xuân 2. Hoạt động học tập và sự phát triển trí tuệ tuổi học sinh THPT

1.2. Đặc điểm phát triển cơ thể

1.3. Điều kiện xã hội của sự phát triển

2. Hoạt động học tập và sự phát triển trí tuệ

2.1. Đặc điểm hoạt động học tập

2.2. Đặc điểm của sự phát triển trí tuệ

3. Những đặc điểm nhân cách chủ yếu

3.1 Sự phát triển của ý thức

3.2. Sự hình thành thế giới quan

3.3. Giao tiếp và đời sống tình cảm

4. Hoạt động lựa chọn nghề nghiệp

5. Một số vấn đề tư vấn hướng nghiệp cho học sinh THPT

Chương 8: TÂM LÝ HỌC DẠY HỌC (LT: 3; TL: 6)

1. Hoạt động dạy

2. Hoạt động học

2.1. Khái niệm hoạt động học

2.2. Đặc điểm hoạt động học

2.3. Hình thành hoạt động học

2.3.1. Hình thành động cơ học tập

2.3.2. Hình thành mục đích học tập

2.3.3. Hình thành các hành động học

3. Sự hình thành khái niệm trong dạy học

3.1. Khái niệm về khái niệm

3.2. Bản chất tâm lý của quá trình hình thành khái niệm

3.3. Sự hình thành khái niệm

3.3.1. Một số nguyên tắc chung

3.3.2. Cấu trúc chung của quá trình hình thành khái niệm

4. Sự hình thành kỹ năng, kỹ xảo

4.1. Sự hình thành kỹ năng

4.2. Sự hình thành kỹ xảo

5. Dạy học và sự phát triển trí tuệ

5.1. Khái niệm về sự phát triển trí tuệ

5.2. Các chỉ số của sự phát triển trí tuệ

5.3. Quan hệ giữa dạy học và sự phát triển trí tuệ

6. Tăng cường việc dạy học và sự phát triển trí tuệ

6.1. Hướng tăng cường một cách hợp lý hoạt động dạy

6.2. Hướng thay đổi một cách cơ bản nội dung và PP của hoạt động dạy học

Chương 9: TÂM LÝ HỌC GIÁO DỤC (LT: 3; TL: 3)

1. Đạo đức và hành vi đạo đức

1.1. Khái niệm đạo đức

1.2. Hành vi đạo đức

1.2.1. Khái niệm

1.2.2. Tiêu chuẩn đánh giá hành vi đạo đức

2. Cấu trúc tâm lý của hành vi đạo đức

2.1. Tri thức và niềm tin đạo đức

2.2. Động cơ và tình cảm đạo đức

2.3. ý chí và thói quen đạo đức

3. Con đường giáo dục đạo đức cho học sinh

3.1. Tổ chức giáo dục của nhà trường

3.2. Giáo dục đạo đức trong tập thể lớp học sinh

3.3. Giáo dục đạo đức trong gia đình

3.4. Sự tự tu dưỡng là yếu tố quyết định trực tiếp trình độ đạo đức của mỗi HS

Chương 10: TÂM LÝ HỌC NHÂN CÁCH NGƯỜI THẦY GIÁO

(LT: 3; TL: 9)

1. Đặc điểm lao động sư phạm của người thầy giáo

1.1. Nghề mà đối tượng quan hệ trực tiếp là con người

1.2. Nghề mà công cụ chủ yếu là nhân cách của chính mình

1.3. Nghề tái sản xuất mở rộng sức lao động xã hội

1.4. Nghề đòi hỏi tính khoa học, tính nghệ thuật và tính sáng tạo

1.5. Nghề lao động trí óc chuyên nghiệp

2. Cấu trúc nhân cách của người thầy giáo

2.1. Một số phẩm chất nhân cách của người thầy giáo

2.2. Năng lực của người thầy giáo

2.2.1. Năng lực dạy học

2.2.2. Năng lực giáo dục

2.2.3. Năng lực tổ chức hoạt động sư phạm

3. Giao tiếp sư phạm của người thầy giáo

3.1. Khái niệm về giao tiếp sư phạm

3.2. Các nguyên tắc giao tiếp sư phạm

3.2.1. Nguyên tắc giao tiếp sư phạm là gì?

3.2.2. Các nguyên tắc giao tiếp sư phạm

4. Sự hình thành uy tín của người thầy giáo

4. Yêu cầu môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận nhóm, thực hành theo nhóm

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình giảng dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn sinh viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất một buổi giải đáp những thắc mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%

9. Tài liệu tham khảo chính

9.1. Giáo trình chính:

1. Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên) (2002), *Giáo trình Tâm lý học đại cương*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
2. Lê Văn Hồng (2001), *Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo:

3. Dương Thị Thoan (Chủ biên), Phạm Thị Thu Hòa, Nguyễn Thị Hương, *Nhận thức nghề nghiệp của sinh viên sư phạm Trường đại học Hồng Đức*, Nxb ĐH Lao động – xã hội, 2021
4. Hoàng Anh – Nguyễn Kim Thanh (1997), *Giao tiếp sư phạm*, Nxb GD

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.17. GIÁO DỤC HỌC/ PEDAGOGICS

- Mã học phần: 182005
- Số tín chỉ: 4TC (36; 48)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Giáo dục học
- Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần gồm: Hệ thống những lý luận cơ bản về giáo dục học đại cương, như: đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu giáo dục học; các khái niệm của giáo dục học; vai trò của di truyền, môi trường, giáo dục và hoạt động cá nhân đối với sự hình thành, phát triển nhân cách; mục tiêu giáo dục Việt Nam và những nhiệm vụ giáo dục trong nhà trường; người giáo viên; những vấn đề cơ bản của lý luận dạy học, như: Khái niệm, Bản chất quá trình dạy học, nguyên tắc dạy học, nội dung dạy học, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học... ; những vấn đề cơ bản của lý luận giáo dục, như: Khái niệm và bản chất QTGD, nguyên tắc và nội dung giáo dục, phương pháp và sự kết hợp các lực lượng giáo dục... đặc điểm lao động của người GVPT, các nội dung, nhiệm vụ của người GVCN.

Năng lực đạt được: Sau khi học xong học phần người học có khả năng Xác định các yếu tố ảnh hưởng tới quá trình hình thành nhân cách học sinh; Vận dụng nguyên tắc dạy học, nguyên tắc giáo dục; biết cách lựa chọn nội dung dạy học, nội dung giáo dục; lựa chọn sử dụng phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, giáo dục vào thực tiễn môn học trong bậc học mình được đào tạo; có khả năng thực hiện chức năng, nhiệm vụ của người giáo viên chủ nhiệm lớp và giải quyết các tình huống thực tiễn giáo dục.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Người học có kiến thức cơ bản về giáo dục học đại cương; lý luận dạy học; lý luận giáo dục ở bậc phổ thông, hiểu biết chức năng, nhiệm vụ, đặc điểm lao động của người giáo viên phổ thông và nội dung, nhiệm vụ và phương pháp công tác người giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường phổ thông.

2.1. Mục tiêu về kỹ năng

Hình thành một số kỹ năng cơ bản như: Xác định các yếu tố ảnh hưởng tới quá trình hình thành nhân cách học sinh; có khả năng sử dụng nguyên tắc dạy học, nguyên tắc giáo dục; biết cách lựa chọn nội dung dạy học, nội dung giáo dục; lựa chọn phương

pháp và hình thức tổ chức dạy học, giáo dục...có khả năng thực hiện chức năng, nhiệm vụ của người giáo viên chủ nhiệm lớp giải quyết các tình huống thực tiễn giáo dục và thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018.

2.1. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức rèn luyện kỹ năng tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục, xác định phương hướng rèn luyện các phẩm chất, năng lực nghề nghiệp của bản thân.

3. Nội dung chi tiết học phần

PHẦN 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ GIÁO DỤC HỌC

CHƯƠNG 1. GIÁO DỤC HỌC LÀ MỘT KHOA HỌC

6 tiết (3LT+3 TL)

1.1. Giáo dục là một hiện tượng đặc trưng của xã hội loài người

1.2. Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu giáo dục học

1.2.1. Đối tượng của giáo dục học

1.2.2. Nhiệm vụ của giáo dục học

1.2.3. Phương pháp nghiên cứu giáo dục học

1.3. Một số khái niệm cơ bản của giáo dục học

1.4. Hệ thống các khoa học về giáo dục và mối quan hệ của chúng với các khoa học khác

CHƯƠNG 2. GIÁO DỤC VÀ SỰ PHÁT TRIỂN NHÂN CÁCH

9 tiết (3LT+ 6TL)

2.1. Sự phát triển nhân cách của con người

2.2. Khái niệm con người, nhân cách

2.3. Khái niệm về sự phát triển nhân cách

2.4. Vai trò của di truyền và môi trường trong sự phát triển nhân cách

2.5. Giáo dục và sự phát triển nhân cách

2.5.1. Vai trò của giáo dục đối với sự hình thành và phát triển nhân cách

2.5.2. Vai trò của hoạt động cá nhân đối với hình thành và phát triển nhân cách

2.5.3. Giáo dục và các giai đoạn phát triển nhân cách của học sinh theo lứa tuổi.

CHƯƠNG 3. MỤC ĐÍCH VÀ NHIỆM VỤ GIÁO DỤC

9 tiết (3 LT+ 6 TL)

3.1. Mục đích giáo dục

- 3.1.1. Khái niệm mục đích giáo dục, mục tiêu giáo dục
- 3.1.2. Mục tiêu giáo dục Việt Nam
- 3.1.4. Mục tiêu ở cấp độ tổng quát
- 3.1.5. Mục tiêu ở cấp độ hệ thống giáo dục
- 3.1.6. Mục tiêu ở cấp độ chuyên biệt

3.2. Hệ thống giáo dục quốc dân

- 3.2.1. Khái niệm hệ thống giáo dục quốc dân
- 3.2.2. Hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam
- 3.2.3. Định hướng hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân

3.3. Nguyên lý giáo dục

- 3.3.1. Khái niệm về nguyên lý giáo dục
- 3.3.2. Nội dung nguyên lý giáo dục
- 3.3.3. Phương hướng quán triệt nguyên lý giáo dục

3.4. Những nhiệm vụ giáo dục của nhà trường

- 3.4.1. Giáo dục đạo đức và ý thức công dân
- 3.4.2. Giáo dục trí tuệ
- 3.4.3. Giáo dục thể chất
- 3.4.4. Giáo dục lao động và hướng nghiệp
- 3.4.5. Giáo dục thẩm mỹ
- 3.4.6. Các nội dung giáo dục mới

PHẦN 2: LÝ LUẬN DẠY HỌC VÀ GIÁO DỤC

CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN TRONG LÝ LUẬN DẠY HỌC

18 tiết (9LT+9 TL)

1.1. Quá trình dạy học

- 1.1.1. Khái niệm quá trình dạy học
- 1.1.2. Cấu trúc, bản chất của quá trình dạy học
- 1.1.3. Nhiệm vụ của quá trình dạy học
- 1.1.4. Động lực và logic của quá trình dạy học

1.2. Nguyên tắc và nội dung dạy học

- 1.2.1. Nguyên tắc dạy học
 - 1.2.1.1. Khái niệm

1.2.1.2. Hệ thống các nguyên tắc dạy học

1.2.2. Nội dung dạy học

1.2.2.1. Khái quát về nội dung dạy học

1.2.2.2. Phương hướng xây dựng nội dung dạy học. Xu thế đổi mới nội dung dạy học

1.2.2.3. Kế hoạch, chương trình dạy học, SGK và các tài liệu DH

1.3. Phương pháp dạy học

1.3.1. Khái quát về phương pháp dạy học

1.3.2. Hệ thống phương pháp dạy học

1.3.3. Các phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực nhận thức của học sinh

1.3.4. Vấn đề đổi mới PPDH ở trường phổ thông

1.3.5. Phương tiện dạy học

1.4. Các hình thức tổ chức dạy học

1.4.1. Khái niệm

1.4.2. Các hình thức tổ chức dạy học

1.5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh

1.5.1. Khái niệm về kiểm tra, đánh giá

1.5.2. Yêu cầu của việc kiểm tra, đánh giá

1.5.3. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá

CHƯƠNG 2. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA LÝ LUẬN GIÁO DỤC

18 tiết (9 LT+ 9 TL)

2.1. Quá trình giáo dục

2.1.1. Khái niệm, bản chất của quá trình giáo dục

2.1.2. Cấu trúc, đặc điểm của quá trình giáo dục

2.1.3. Động lực, logic của quá trình giáo dục

2.1.4. Tự giáo dục và giáo dục lại

2.2. Nguyên tắc và nội dung giáo dục

2.2.1. Nguyên tắc giáo dục

2.2.1.1. Khái niệm

2.2.1.2. Hệ thống các nguyên tắc giáo dục

2.2.2. Nội dung giáo dục

2.2.2.1. Những nội dung giáo dục cơ bản trong nhà trường PT

2.2.2.2. Một số nội dung giáo dục mới

2.3. Phương pháp giáo dục

2.3.1. Khái niệm

2.3.2. Hệ thống các phương pháp giáo dục

2.3.3. Lựa chọn và sử dụng có hiệu quả các phương pháp giáo dục

PHẦN 3: NGƯỜI GIÁO VIÊN TRONG NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG

CHƯƠNG 1. NGƯỜI GIÁO VIÊN TRUNG HỌC

15 tiết (6 LT+ 9TL)

1.1. Vị trí, chức năng của người giáo viên

1.2. Đặc điểm của lao động sư phạm

1.2.1. Mục đích của hoạt động lao động sư phạm

1.2.2. Đối tượng của hoạt động lao động sư phạm

1.2.3. Công cụ của hoạt động lao động sư phạm

1.2.4. Sản phẩm của hoạt động lao động sư phạm

1.2.5. Một số đặc điểm khác

1.3. Nhiệm vụ và quyền hạn của người giáo viên

1.3.1. Những căn cứ để xác định Nhiệm vụ và quyền hạn của người giáo viên
1.3.2. Nhiệm vụ của người giáo viên

1.3.3. Các quyền của nhà giáo

1.4. Những yêu cầu của người GV trung học.

1.4.1. Phẩm chất sư phạm

1.4.2. Năng lực sư phạm

1.5. Người GV và vấn đề nâng cao trình độ.

CHƯƠNG 2. CÔNG TÁC CHỦ NHIỆM LỚP CỦA NGƯỜI GIÁO VIÊN

Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

9 tiết (3 LT+6 TL)

2.1. Chức năng của người giáo viên chủ nhiệm lớp

2.2. Nhiệm vụ của GV chủ nhiệm lớp

2.3. Nội dung và phương pháp công tác của GV chủ nhiệm lớp

4. Yêu cầu môn học

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo

luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận nhóm, thực hành theo nhóm

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình giảng dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn sinh viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất một buổi giải đáp những thắc mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%

9. Tài liệu tham khảo chính

9.1. Giáo trình chính

[1]. Trần Thị Tuyết Oanh (2006) (chủ biên), *Giáo trình Giáo dục học. Tập 1,2*, NXBĐHSP Hà Nội

9.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Nguyễn Sinh Huy-Nguyễn Văn Lê (1997), *Giáo dục học đại cương Tập 1,2*, NXBGD

[2]. Phạm Việt Vượng (2001), *Giáo dục học*, NXBĐHQG Hà Nội

[3]. Đỗ Thế Hưng (2007), *Tình huống dạy học môn GDH*, NXB ĐHSP Hà Nội

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.18. QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC VÀ QUẢN LÝ GIÁO DỤC/ STATE ADMINISTRATIVE MANAGEMENT AND EDUCATIONAL MANAGEMENT

- Mã học phần: 198000

- Số tín chỉ: 2TC (18; 24)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Giáo dục học

- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lênin, Tâm lý học, Giáo dục học.

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước và quản lý giáo dục và đào tạo cụ thể là: Bản chất, nguyên tắc tổ chức nước CHXH CN Việt Nam, lý luận về QLHCNN và QL GD và ĐT, luật công chức, viên chức; Đường lối quan điểm của Đảng, Nhà nước về giáo dục và đào tạo; Luật giáo dục; Điều lệ trường mầm non, tiểu học, THCS & THPT của bộ Giáo dục & Đào tạo.

Năng lực đạt được: Sau khi học xong học phần người học có khả năng, vận dụng những hiểu biết về quản lý hành chính nhà nước và QLGD vào thực tiễn nghề nghiệp, khả năng vận dụng các quy định luật pháp (luật công chức, viên chức, luật GD; điều lệ GD các cấp học) vào điều kiện thực tiễn nghề nghiệp và giải quyết các tình huống thực tiễn có liên quan.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Người học có kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước và quản lý giáo dục và đào tạo cụ thể là: Bản chất, nguyên tắc tổ chức nước CHXH CN Việt Nam, lý luận về QLHCNN và QL GD và ĐT, luật công chức, viên chức; Đường lối quan điểm của Đảng, Nhà nước về giáo dục và đào tạo; Luật giáo dục; Điều lệ trường mầm non, tiểu học, THCS & THPT của bộ Giáo dục & Đào tạo.

2.1. Mục tiêu về kỹ năng

Hình thành ở người học một số kỹ năng cơ bản: Kỹ năng nhận biết cơ cấu tổ chức nhà nước về GD-ĐT, cơ cấu quản lý, phân cấp quản lý trong GD-ĐT; kỹ năng vận dụng đường lối quan điểm của Đảng, Nhà nước về GD-ĐT vào thực tiễn nghề nghiệp, kỹ năng vận dụng các quy định luật pháp (luật công chức, viên chức, luật GD; điều lệ GD các cấp học) vào điều kiện thực tiễn nghề nghiệp...

2.1. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, tin tưởng vào đường lối chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước, có thái độ chấp hành nghiêm túc luật pháp và những văn bản pháp quy và xác định đúng đắn trong việc rèn luyện, tu dưỡng phấn đấu vươn lên trong học tập, rèn nghề đáp ứng yêu cầu của thực tiễn nghề nghiệp.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC, QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC, QUẢN LÝ GIÁO DỤC VÀ CÔNG CHỨC,

VIÊN CHỨC (LT: 7; TL: 7)

1.1. Nhà nước CHXHCN Việt nam

- 1.1.1. Bản chất của nhà nước cộng hòa XHCN Việt nam
- 1.2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của nhà nước
- 1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước cộng hòa XHCN Việt nam

1.2. Quản lí hành chính nhà nước

- 2.1. Khái niệm về quản lí hành chính nhà nước
- 2.2. Nội dung hoạt động chủ yếu của quản lí hành chính nhà nước
- 2.3. Phương pháp, hình thức, phương tiện quản lí hành chính nhà nước.

1.3. Quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo

- 1.3.1. Khái niệm quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo
- 1.3.2. Nội dung quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo
- 1.3.3. Hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về GD & ĐT
- 1.3.4. Phương hướng đổi mới quản lý nhà nước về GD & ĐT

1.4. Công chức, viên chức

- 1.4.1. Công chức
 - 1.4.1.1 Khái niệm
 - 1.4.1.2. Nội dung của Luật cán bộ công chức
- 1.4.2. Viên chức
 - 1.4.2.1. Khái niệm
 - 1.4.2.2. Nội dung của Luật viên chức

1.5. Những thay đổi liên quan tới tiền lương, việc làm của cán bộ, công chức, viên chức từ ngày 1/7/2020

CHƯƠNG 2. ĐƯỜNG LỐI QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VỀ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (LT: 6; TL: 9)

2.1. Khái quát về tình hình giáo dục Việt Nam giai đoạn 2011-2020

- 2.1.1 Mục tiêu phát triển giáo dục Việt nam
- 2.1.2. Thực trạng giáo dục Việt Nam giai đoạn 2011-2020

2.2. Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về Đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và đào tạo.

2.3. Nghị quyết số 88/2014/QH1 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2014), về đổi mới chương trình, sách giáo khoa phổ thông.

CHƯƠNG 3. LUẬT GIÁO DỤC (LT: 3; TL: 3)

3.1. Nội dung cơ bản của Luật Giáo dục

- 3.1.1. Những quy định chung
- 3.1.2. Hệ thống giáo dục quốc dân

- 3.1.3. Nhà trường, trường chuyên biệt và các cơ sở giáo dục khác
- 3.1.4. Nhà giáo
- 3.1.5. Người học
- 3.1.6. Trách nhiệm của nhà trường, gia đình và xã hội trong giáo dục
- 3.1.7. Đầu tư và tài chính trong giáo dục
- 3.1.8. Quản lý nhà nước về giáo dục
- 3.1.9. Điều khoản thi hành.

CHƯƠNG 4. ĐIỀU LỆ, QUY ĐỊNH CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐỐI VỚI GIÁO DỤC MẦM NON VÀ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

(LT: 2; TL: 3)

4.1. Khái quát bố cục Điều lệ nhà trường

4.2. Nội dung cơ bản của Điều lệ nhà trường

- 4.1.1. Điều lệ trường mầm non
- 4.1.2. Điều lệ trường tiểu học
- 4.1.3. Điều lệ trường trung học.

4. Yêu cầu môn học

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận nhóm, thực hành theo nhóm

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình giảng dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn sinh viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất một buổi giải đáp những thắc mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%

9. Tài liệu tham khảo chính

9.1. Giáo trình chính

[1]. Phạm Viết Vượng. (2006), *Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành Giáo dục & đào tạo*, NXB Đại học sư phạm.

9.2. Tài liệu tham khảo

[1] Quốc Hội (2008), Luật số 22/2008/QH12 ngày 13/ 11/ 2008. *Luật Cán bộ, công chức*

[2]. Quốc Hội (2008), Luật số 58/2008/QH12 ngày 15/ 11/ 2010, *Luật viên chức*.

[3] Quốc Hội (2019), Luật số 52/2019/QH14 của Quốc Hội, *luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật cán bộ, công chức và luật viên chức*.

[4] Quốc Hội (2014), Luật số 43/2019/QH14, ngày 14/6/2019, *Luật Giáo dục*.

[5]. Quốc Hội (2014), *Nghị quyết số 88/2014/QH1 về đổi mới chương trình, sách giáo khoa phổ thông*.



**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

II. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH

9.19. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC/ SCIENTIFIC RESEARCH METHODS

- Mã học phần: 125125
- Số tín chỉ: 02 (18, 18, 6)
- Bộ môn phụ trách: Lịch sử
- Học phần tiên quyết: Triết học Mác- Lênin; Tư tưởng Hồ Chí Minh.

1. Mô tả học phần

- Môn học trang bị cho sinh viên cái nhìn tổng quan về khoa học và nghiên cứu khoa học, từ đó xác định và mô tả được vấn đề nghiên cứu. Trang bị cho sinh viên phương pháp luận trong nghiên cứu khoa học, phương pháp thu thập, xử lý Lịch sử và phân tích thông tin thu thập được. Từ đó trình bày báo cáo nghiên cứu khoa học.

- *Năng lực đạt được:* Sinh viên nghiên cứu độc lập một vấn đề khoa học thuộc lĩnh vực khoa học xã hội; xây dựng, chứng minh và trình bày được các quan điểm khoa học; trình bày được một báo cáo khoa học hoặc viết được một đề tài khoa học; vận dụng được kỹ năng nghiên cứu khoa học vào việc học tập ở bậc đại học.

2. Mục tiêu của học phần

2. 1. Mục tiêu về kiến thức :

- Sinh viên hiểu và vận dụng được kiến thức cần thiết để nhận dạng một vấn đề nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế. Hiểu và áp dụng được các phương pháp trong phân tích vấn đề nghiên cứu.

- Sinh viên biết trình bày một báo cáo nghiên cứu khoa học.

2. 2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Có kỹ năng phát hiện, thiết lập vấn đề nghiên cứu kinh tế xã hội.

- Có kỹ năng thu thập, phân tích, xử lý Lịch sử thông tin kinh tế và thuyết trình.

2. 3. Mục tiêu về thái độ:

- Sinh viên có thể chủ động đề xuất đề tài nghiên cứu khoa học, viết được đề cương chi tiết (báo cáo thực tập tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp, báo cáo đề tài nghiên cứu khoa học, ...). Chủ động tìm kiếm và thiết lập các vấn đề nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực kinh tế liên quan đến chuyên ngành học tập.

- Khơi gợi cho sinh viên hứng thú nghiên cứu khoa học.

2. 4. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Có khả năng tự định hướng nghiên cứu, có trách nhiệm với việc học tập và nghiên cứu của bản thân. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các kế hoạch trong lĩnh vực kinh tế xã hội.

3. Nội dung học phần

Phần I. Nội dung về Lịch sử thuyết và thảo luận

Chương 1: TỔNG QUAN VỀ KHOA HỌC VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC (2, 2)

- 1.1. Các khái niệm cơ bản về nghiên cứu khoa học
- 1.2. Các loại hình nghiên cứu khoa học
- 1.3. Nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực kinh tế
- 1.4. Nghiên cứu định lượng, nghiên cứu định tính và phối hợp
- 1.5. Các hình thức tổ chức nghiên cứu
- 1.6. Quy trình nghiên cứu

Chương 2: XÁC ĐỊNH VÀ MÔ TẢ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU (2, 1)

2. 1. Xác định vấn đề nghiên cứu
2. 2. Xác định mục tiêu nghiên cứu
2. 3. Xác lập câu hỏi nghiên cứu
2. 4. Xác lập giả thuyết nghiên cứu
2. 5. Đặt tên đề tài nghiên cứu

Chương 3: TỔNG QUAN TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU VÀ XÂY DỰNG KHUNG LÝ THUYẾT (2, 3)

3. 1. Tổng quan tài liệu nghiên cứu
3. 2. Xây dựng khung Lịch sử thuyết, khung phân tích của đề tài

Chương 4: PHƯƠNG PHÁP THU THẬP THÔNG TIN (3, 4)

4. 1. Nguồn thông tin
4. 2. Phương pháp thu thập thông tin sơ cấp
4. 3. Phương pháp điều tra chọn mẫu
4. 2. Phương pháp xây dựng bảng câu hỏi

Chương 5: PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ THÔNG TIN (3, 4)

5. 1. Phương pháp tổng hợp số liệu điều tra
5. 2. Phương pháp phân tích thống kê mô tả
5. 3. Phương pháp phân tích định tính
5. 4. Phương pháp phân tích định lượng
5. 5. Kiểm định giả thuyết

Chương 6: TRÌNH BÀY BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHOA HỌC (6, 4)

6. 1. Cấu trúc một số báo cáo khoa học
6. 2. Cách viết nội dung
6. 3. Cách viết trích dẫn và ghi tài liệu tham khảo

Phần II. Nội dung bài tập lớn, tiểu luận (0, 0, 6)

Lựa chọn một vấn đề nghiên cứu khoa học liên quan đến chuyên ngành được đào tạo, xây dựng đề cương chi tiết, trình bày và bảo vệ quan điểm.

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ Lịch sử thuyết, dự các tiết thảo

luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính

1. Phạm Viết Vượng (2002), Phương pháp luận nghiên cứu khoa học, Nxb ĐHQG, HN

9.2. Sách tham khảo

1. Vũ Cao Đàm (2012), Giáo trình phương pháp luận nghiên cứu khoa học, Nxb GD, HN

2. Phạm Viết Vượng (1995), Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục: dùng cho các trường ĐH và CĐSP, Nxb GD, HN

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.20. PHƯƠNG PHÁP LUẬN SỬ HỌC/ METHODS OF HISTORY

- Mã học phần: 124087

- Số tín chỉ: 2 (18, 18, 6)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn lịch sử, Khoa Khoa học Xã hội, trường Đại học Hồng Đức.

- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác- Lênin

1. Mô tả học phần

HP trang bị cho người học những kiến thức cơ bản, hệ thống về: Khái niệm, nội dung cơ bản của phương pháp luận sử học; Tính chất, đặc trưng của nhận thức lịch sử xã hội; Sử học là một khoa học theo quan niệm của chủ nghĩa Máclênin; Một số quan điểm phương pháp luận macxits- Lêninnít về nhận thức lịch sử; Một số vấn đề về phương pháp nghiên cứu lịch sử; Một số vấn đề về sử liệu học; Phương pháp định lượng trong nghiên cứu lịch sử và những vấn đề về phương pháp luận sử học trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

Năng lực đạt được: SV nghiên cứu độc lập một vấn đề về Phương pháp luận sử học, trình bày được các quan điểm sử học Mác xít, vận dụng được những kỹ năng, phương pháp nghiên cứu sử học ban đầu, cơ bản trong học tập và nghiên cứu lịch sử

2. Mục tiêu của học phần.

Sau khi học xong HP, dưới sự hướng dẫn của GV, kết hợp với thảo luận, thực hành, tự nghiên cứu tài liệu, SV cần đạt được các mục tiêu sau:

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Trình bày lại được sơ lược quá trình phát triển của Lịch sử, các khái niệm, nội dung cơ bản của phương pháp luận sử học mácxít

- Lý giải được tính chất, đặc trưng của việc nhận thức lịch sử xã hội: Lịch sử là gì? Khả năng nhận thức của con người về lịch sử khách quan; Những điểm chung và những điểm khác nhau giữa đối tượng nhận thức lịch sử và các khoa học khác; Lịch sử của chủ thể hoá; Lịch sử giải được Lịch sử là một khoa học, theo quan niệm của chủ nghĩa Mác Lênin: Có đối tượng nghiên cứu, có chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu...

- Trình bày lại được một số quan điểm phương pháp luận Mác xít – Lêninnít về nhận thức lịch sử: Tính khoa học và tính đảng trong nghiên cứu lịch sử; Chủ nghĩa khách quan và chủ nghĩa chủ quan trong sử học; Từ hiểu biết sự kiện đến nhận thức quy luật lịch sử; Phương pháp lịch sử và phương pháp lôgic trong công tác sử học; Phân kỳ lịch sử.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

Bước đầu vận dụng vào học tập các phương pháp nghiên cứu lịch sử; Biết sưu tầm, phân loại và chọn lọc tư liệu lịch sử; Vận dụng được phương pháp định lượng trong nghiên cứu lịch sử. Quán triệt sau sắc phương pháp luận sử học trong tư tưởng Hồ Chí Minh.; Rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp, so sánh; Bước đầu hình thành các phương pháp nghiên cứu lịch sử; Vận dụng các phương pháp luận sử học trong học tập và nghiên cứu khoa học.

2.3. Mục tiêu về thái độ

- Hình thành niềm say mê học tập, nghiên cứu môn học.

- Hình thành ý thức chủ động, tích cực trong việc tự học tập của bản thân.
- Hình thành động cơ đúng đắn trong học tập, trong cuộc sống.

3. Nội dung học phần.

BÀI MỞ ĐẦU (1,0)

1. Giới thiệu chung về HP.

1.1. Nội dung chủ yếu của HP.

1.2. Ý nghĩa việc học tập HP

1.3. Phương pháp học tập

2. Khái quát sự phát triển của Lịch sử luận sử học trong khoa học lịch sử trên thế giới và ở Việt Nam

3. Phân biệt được các khái niệm “Phương pháp” và “Phương pháp luận”:

CHƯƠNG 1. TÍNH CHẤT, ĐẶC TRƯNG CỦA NHẬN THỨC LỊCH SỬ XÃ HỘI. (2,2,1)

1.1. Khái niệm “lịch sử”

1.2. Khả năng nhận thức của con người về lịch sử khách quan

1.3. Những điểm chung và khác nhau giữa đối tượng nhận thức của khoa học lịch sử và các khoa học khác

1.4. Lịch sử của chủ thể hoá

CHƯƠNG 2. LỊCH SỬ LÀ MỘT KHOA HỌC (2,2,1)

2.1. Đối tượng của khoa học lịch sử

2.2. Quan niệm của chủ nghĩa M-LN về đối tượng sử học

2.3. Chức năng, nhiệm vụ của khoa học lịch sử

CHƯƠNG 3. MỘT SỐ QUAN ĐIỂM PHƯƠNG PHÁP LUẬN MÁC XÍT-LÊNIN VỀ NHẬN THỨC LỊCH SỬ (4,4,2)

3.1. Tính khoa học và tính đảng trong nghiên cứu lịch sử

3.2. Chủ nghĩa khách quan và chủ nghĩa chủ quan trong sử học

3.3. Từ hiểu biết sự kiện đến nhận thức quy luật lịch sử

3.4. Phương pháp lịch sử và phương pháp lôgic trong công tác sử học

3.5. Phân kỳ lịch sử

CHƯƠNG 4. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ (3,3,2)

4.1. Sự phát triển của phương pháp nghiên cứu lịch sử

4.2. Tiến trình và phương pháp nghiên cứu lịch sử

CHƯƠNG 5. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ SỬ LIỆU HỌC (3,4)

5.1. Đại cương về sử liệu học

5.2. Tư liệu lịch sử

5.3. Công tác sưu tầm, phân loại và chọn lọc tư liệu

5.4. Vấn đề xác minh và phê phán tư liệu

CHƯƠNG 6. PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH LƯỢNG TRONG NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ (3,3)

6.1. Ý nghĩa của phương pháp định lượng trong nghiên cứu lịch sử

6.2. Tiến hành phương pháp định lượng trong nghiên cứu lịch sử

CHƯƠNG 7. NHỮNG VẤN ĐỀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN SỬ HỌC TRONG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH (2,3)

7.1. Phương pháp luận Hồ Chí Minh

7.2. Nội dung phương pháp luận sử trong tư tưởng Hồ Chí Minh

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ Lịch sử thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính

9.1. Tài liệu bắt buộc:

1. Phan Ngọc Liên (2003), Phương pháp luận sử học, Nxb ĐHQG HN

9.2. Tài liệu tham khảo:

1. Phan Ngọc Liên (2006), Nhập môn sử học, Nxb ĐHSP HN

2. N.A.E.Rô.phê.ép (1981), Lịch sử là gì, Nxb GD HN

**KT HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.21. CƠ SỞ KHẢO CỔ HỌC/ Archaeological Facility

- Mã học phần: 124030

- Số tín chỉ: 2 (18, 18, 6)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn lịch sử, Khoa Khoa học Xã hội, trường Đại học Hồng Đức.

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

- Nội dung học phần: Đối tượng nghiên cứu khảo cổ học; lịch sử khảo cổ học; lý thuyết và phương pháp nghiên cứu khảo cổ học; các thời đại khảo cổ học thế giới và Việt Nam.

- Năng lực đạt được: Sinh viên nhận biết trên thực tế một số loại hình di tích và di vật tiêu biểu của các giai đoạn, các nền văn hóa khảo cổ Thế giới và Việt Nam để hiểu và tôn trọng sự đa dạng văn hóa nhân loại. Thông qua việc học và nghiên cứu những di tích, di vật khảo cổ sẽ hiểu sâu và rộng hơn những ngành học khác của khoa học lịch sử và khoa học xã hội & nhân văn.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Cung cấp những kiến thức cơ bản về các vấn đề:

- Lịch sử luận về khảo cổ học:

Các khái niệm về khảo cổ học

Đối tượng của khảo cổ học

Mục đích của khảo cổ học

Lịch sử phát triển khảo cổ học trên thế giới và ở Việt Nam

- Văn hoá khảo cổ, nhóm di tích, tầng văn hoá

- Các di vật khảo cổ:

Đồ đá (mảnh tước, các loại rìu đá, đồ trang sức)

Đồ đồng (các loại vũ khí, công cụ sản xuất)

Đồ gốm (các loại hình, hoa văn, kỹ thuật, độ nung)

Đồ sắt (các loại vũ khí, công cụ)

- Sự phát triển của con người trên lãnh thổ Việt Nam thông qua các văn hoá khảo cổ học Việt Nam thuộc các thời đại:

Thời đá cũ

Thời đá mới

Thời đại đồng

Thời đại sắt

- Mối liên hệ văn hoá giữa các văn hoá khảo cổ:

Mối liên hệ giữa các tầng văn hoá khảo cổ

Mối liên hệ giữa các vùng văn hoá

Mối liên hệ văn hoá khu vực

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- + Rèn luyện cho sinh viên những kiến thức cơ bản để phát hiện được các di tích khảo cổ.
- + Trang bị cho sinh viên kỹ năng phân tích, tổng hợp, so sánh để phân biệt được các loại di vật khảo cổ từ công cụ bằng đá đến công cụ kim loại.
- + Phân loại được các loại đồ gốm, các mô típ hoa văn, các kỹ năng chế tạo đồ gốm, các nét điêu khắc, phân tích được các loại hình kiến trúc...
- + Sử dụng tư liệu khảo cổ vào việc học tập môn lịch sử cổ trung đại Việt Nam.
- + Rèn luyện các kỹ năng nhận thức cơ bản về các vấn đề thuộc lĩnh vực khảo cổ học.

2.3. Mục tiêu về thái độ:

- Hình thành ý thức chủ động, tích cực trong việc tự học tập của bản thân.
- Hình thành động cơ đúng đắn trong học tập.
- Nâng cao ý thức trách nhiệm đối với các hoạt động của nhóm.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Dẫn luận (1,1)

1. Khảo cổ học là gì ?

1.1. Khái niệm về khảo cổ học

1.2. Mối liên hệ giữa khảo cổ học và các ngành khoa học khác

2. Quá trình phát triển của khoa học khảo cổ

2.1. Trên thế giới

2.2. Ở Việt Nam

Chương 2: Di tích khảo cổ học và văn hoá khảo cổ học (2,2)

1. Di tích khảo cổ học

2. Tầng văn hoá

2.1. Khái niệm về tầng văn hoá

2.2. Các khái niệm khác xung quanh khái niệm tầng văn hoá: lớp đất phủ trên tầng văn hoá, lớp đất vô sinh, sinh thổ...

3. Văn hoá khảo cổ

3.1. Khái niệm về văn hoá khảo cổ

3.2. Các quan điểm khác nhau về văn hoá khảo cổ

4. Nhóm di tích

Chưa tập hợp đủ thành một văn hoá khảo cổ được gọi là nhóm di tích: nhóm di tích Đông Khối, Cái Bèo, Thạch Lạc...

5. Các loại di tích khác

Chương 3: Các phương pháp nghiên cứu khảo cổ học (1,1,1)

1. Điều tra và khai quật khảo cổ học

1.1. Điều tra khảo cổ học

1.2. Khai quật khảo cổ học

2. Các phương pháp nghiên cứu khảo cổ học trong phòng

2.1. Phương pháp phân loại hiện vật

2.2. Phương pháp xác định niên đại

- Niên đại tuyệt đối

- Niên đại tương đối

2.3. Phương pháp so sánh

2.4. Phương pháp tổng hợp

Chương 4: Nguồn gốc loài người (2,2)

1. Các quan điểm về nguồn gốc loài người

2. Bằng chứng khoa học về nguồn gốc loài người

3. Vấn đề cái nôi của loài người

4. Xung quan vấn đề nguồn gốc loài người trên địa bàn lãnh thổ Việt Nam

Chương 5: Thời đại đồ đá cũ (2,2,1)

1. Khái niệm về thời đại khảo cổ học và niên đại

2. Thời đại đá cũ:

2.1. Sơ kỳ thời đại đá cũ

2.2. Trung kỳ thời đại đá cũ

2.3. Hậu kỳ thời đại đá cũ

3. Thời đại đá cũ ở Việt Nam

3.1. Sơ kỳ thời đại đá cũ ở Việt Nam

3.2. Hậu kỳ thời đại đá cũ ở Việt Nam

Chương 6: Thời đại đồ đá giữa (2,2)

1. Những đặc điểm của thời đại đá giữa

2. Niên đại

3. Địa chất

4. Đặc điểm

4.1. Con đường đá lớn

4.2. Con đường đá nhỏ

5. Thời đại đá giữa ở Việt Nam

Chương 7: Thời đại đồ đá mới (2,2,1)

1. Những đặc trưng của thời đại đá mới

1.1. Tiêu chí về địa chất

1.2. Tiêu chí về kỹ thuật

1.3. Tiêu chí về kinh tế

1.4. Về mặt niên đại

2. Thời đại đá mới ở Việt Nam

2.1. Sơ kỳ thời đại đá mới

2.2. Trung kỳ thời đại đá mới

2.3. Hậu kỳ thời đại đá mới

Chương 8: Thời đại đồ đồng (2,2,1)

1. Khái niệm về thời đại đồ đồng

1.1. Thời đại đồ đồng đỏ

1.2. Thời đại đồ đồng thau

2. Thời đại đồ đồng thau ở Việt Nam

2.1. Sơ kỳ thời đại đồ đồng thau

2.2. Trung kỳ thời đại đồ đồng thau

2.3. Hậu kỳ thời đại đồ đồng thau

Chương 9: Thời đại đồ sắt (2,2,1)

1. Khái niệm về thời đại đồ sắt

2. Thời đại đồ sắt ở Việt Nam

2.1. Đại cương về thời đại đồ sắt

2.2. Sơ kỳ thời đại đồ sắt ở Việt Nam

2.3. Văn hoá Đông Sơn

2.4. Văn hoá Sa Huỳnh

2.5. Các nhóm di tích văn hoá sơ kỳ thời đại đồ sắt ở Nam Bộ

Chương 10: Khảo cổ học lịch sử Việt Nam (2,2,1)

1. Vai trò của khảo cổ học lịch sử trong nghiên cứu lịch sử Việt Nam

2. Các loại di tích, di vật khảo cổ học lịch sử

3. Khảo cổ học Chăm Pa

4. Khảo cổ học Óc Eo

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ Lịch sử thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo:

9.1. Tài liệu bắt buộc

1. Hán Văn Khẩn (Cb) (2008), Cơ sở khảo cổ học, Nxb ĐHQG, HN

9.2. Tài liệu tham khảo

1. Đinh Ngọc Bảo (Cb), Phạm Văn Đẩu (2007), Giáo trình Khảo cổ học: Giáo trình sách dùng cho CĐSP, Nxb ĐHSP, HN

2. Tập thể (2000), Địa chí Thanh Hoá tập 1, Nxb văn hoá thông tin.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.22. CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM/ Viet Nam Ethnicities

- Mã học phần: 124 050
- Số tín chỉ: 2 (18, 18, 6)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lịch sử
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

- Nội dung học phần: Học phần tập trung giới thiệu các vấn đề cơ bản của dân tộc học dưới các góc độ: lịch sử tộc người, văn hóa tộc người, kinh tế tộc người, dân số tộc người. Phần kiến thức cơ bản gồm các nội dung: Những vấn đề chung về các dân tộc ở Việt Nam; vấn đề lịch sử tộc người, dân số và phân bố dân cư; đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội tộc người; các dân tộc thuộc các ngữ hệ Nam Á, Thái, Hán – Tạng và Nam Đảo tại Việt Nam.

- Năng lực đạt được: Sinh viên phân biệt được bản sắc văn hóa các dân tộc Việt Nam; khai thác được bản sắc văn hóa các dân tộc trong các hoạt động bảo tồn bản sắc văn hóa, hướng dẫn du lịch, phát triển cộng đồng...

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Qua học phần này Sinh viên nắm được hệ thống kiến thức cơ bản về:

Trình bày kiến thức về Lịch sử tộc người, dân số và phân bố dân cư

Trình bày kiến thức về Các tộc người thuộc các ngữ hệ khác nhau ở Việt nam

Trình bày kiến thức về Đặc điểm kinh tế - xã hội các tộc người ở Việt nam

Trình bày kiến thức về Đặc trưng văn hóa tộc người ở Việt Nam

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Kỹ năng bậc cao về các lĩnh vực chuyên sâu về dân tộc học

Các kỹ năng mềm như thuyết trình, làm việc nhóm, tư duy độc lập

2.3. Mục tiêu về thái độ

- Nhận thức được tính đa dạng của các dân tộc ở Việt Nam và trên thế giới

- Có thái độ trên trọng, bảo tồn, phát huy những giá trị văn hóa các dân tộc ở Việt Nam

3. Nội dung học phần

Nội dung 1. Những vấn đề chung về các dân tộc ở Việt Nam (2, 0)

Xung quanh việc sử dụng khái niệm dân tộc ở Việt Nam

Xung quanh các tiêu chí xác định tộc người

Đối tượng, nhiệm vụ và mục đích nghiên cứu của học phần

Nội dung 2. Điều kiện tự nhiên, lịch sử tộc người, dân số và phân bố dân cư (2, 2,1)

Điều kiện tự nhiên

Đặc điểm của lịch sử tộc người

Dân số và phân bố dân cư

Nội dung 3. Đặc điểm kinh tế truyền thống các dân tộc ở Việt Nam (2, 2,1)

Các loại hình kinh tế truyền thống
Vị trí của kinh tế truyền thống của các tộc người
Những biến đổi của kinh tế trong thời kì hiện đại

Nội dung 4. Đặc điểm xã hội truyền thống các dân tộc ở Việt Nam (2, 2, 1)

Các tộc người thiểu số ở phía Bắc
Các tộc người thiểu số ở phía Nam
Đặc điểm xã hội của người Kinh
Những biến đổi hiện nay

Nội dung 5. Đặc điểm văn hóa truyền thống các dân tộc ở Việt Nam (2, 2, 1)

Xung quanh khái niệm văn hóa và văn hóa tộc người
Đặc điểm văn hóa sản xuất
Đặc điểm văn hóa đảm bảo đời sống
Đặc điểm văn hóa chuẩn mực xã hội
Đặc điểm văn hóa nhận thức

Nội dung 6. Các tộc người thuộc ngữ hệ Nam Á ở Việt Nam (2, 2, 1)

Nhóm ngôn ngữ Việt – Mường
Nhóm ngôn ngữ Môn – Khơ Me
Nhóm ngôn ngữ Mông – Dao
Nhóm hỗn hợp

Nội dung 7. Các tộc người thuộc ngữ hệ Thái ở Việt Nam (2, 2, 1)

Người Thái
Người Tày, Nùng
Người Lào, Lự, Bố Y
Người Giáy

Nội dung 8. Các tộc người thuộc ngữ hệ Hán Tạng ở Việt Nam (2, 3)

Nhóm ngôn ngữ Hoa
Nhóm ngôn ngữ Tạng – Miến

Nội dung 9. Các tộc người thuộc ngữ hệ Nam Đảo ở Việt Nam (2, 3)

Người Cham
Người Gia Rai
Người Êđê
Người Churu, Raglai

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ Lịch sử thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu

tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

9. Tài liệu tham khảo

9.1. Tài liệu bắt buộc

1. Đặng Nghiêm Vạn (2003), Cộng đồng quốc gia dân tộc Việt Nam, Nxb Đại học Quốc gia TP HCM.

9.2. Tài liệu tham khảo

1. Viện Dân tộc học (2014), Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía bắc), Nxb KHXH. HN

2. Viện Dân tộc học (2014), Các dân tộc ít người ở Việt nam (các tỉnh phía Nam), Nxb KHXH, HN

3. Lê Sĩ Giáo (2007) (chủ biên), Dân tộc học đại cương, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

CHỌN 1 TRONG 2 HỌC PHẦN (9.24a, 9.24b)

9.23a. NHÂN HỌC ĐẠI CƯƠNG/ General anthropology

- Mã học phần: 127070

- Số tín chỉ: 2 (18, 18, 6)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn lịch sử, Khoa Khoa học Xã hội, trường Đại học Hồng Đức.

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

- Nội dung học phần: Những kiến thức cơ bản về Dân tộc học, lịch sử phát triển của Dân tộc học thế giới, các trường phái trong Dân tộc học và lịch sử phát triển của Dân tộc học Việt Nam; về cộng đồng các dân tộc ở Việt Nam; đặc điểm của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, sự phân bố và các đặc trưng văn hóa tộc người Việt Nam, những nét lớn về chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta, vị trí của vấn đề dân tộc trong tiến trình lịch sử dân tộc và trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Năng lực đạt được: Những nguyên tắc cơ bản của phương pháp và thao tác trong nghiên cứu Dân tộc học, vận dụng vào việc tiếp cận các vấn đề văn hóa và văn hóa tộc người.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Học phần trình bày một cách hệ thống những vấn đề cơ bản về nhân học đại cương. Trong đó bao gồm: Những vấn đề chung của nhân học (Định nghĩa, Đối tượng nghiên cứu, Phương pháp nghiên cứu, Lịch sử ngành Nhân học); Nhân học hình thể; Ngôn ngữ và nhân học ngôn ngữ; Văn hóa và nhân học văn hóa; Kinh tế và nhân học kinh tế; Tôn giáo và nhân học tôn giáo; Những vấn đề cơ bản của xã hội liên quan đến thân tộc, hôn nhân và gia đình; Nhân học ứng dụng.- Hiểu cách khái quát về khoa học Nhân học bao gồm định nghĩa, đối tượng nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và lịch sử hình thành ngành Nhân học.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

Có kỹ năng cơ bản của phương pháp và thao tác trong nghiên cứu Dân tộc học, vận dụng vào việc tiếp cận các vấn đề văn hóa và văn hóa tộc người.

Sinh viên biết vận dụng kiến thức đã học để giải quyết một cách chủ động, tích cực những vấn đề về do thực tiễn cuộc sống đặt ra trong từng lĩnh vực cụ thể theo đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước.

2.3. Mục tiêu về thái độ:

- Hình thành niềm say mê học tập, nghiên cứu môn học.
- Hình thành ý thức chủ động, tích cực trong việc tự học tập của bản thân.
- Hình thành động cơ đúng đắn trong học tập.

3 Nội dung chi tiết học phần:

Nội dung 1: Những vấn đề chung của nhân học (2,2)

1. Đối tượng và quan điểm của Nhân học
2. Lịch sử hình thành và phát triển ngành nhân học, các lĩnh vực nghiên cứu
3. Mối quan hệ giữa nhân học và các ngành khoa học khác
4. Lịch sử thuyết và phương pháp nghiên cứu

Nội dung 2: Nguồn gốc và sự tiến hoá của loài người về sinh học và văn hoá (2,2)

1. Quá trình hình thành con người
2. Các chủng tộc loài người

Nội dung 3: Tộc người và các quá trình tộc người (2,2,1)

1. Khái niệm dân tộc trong khoa học nhân học và dân tộc học
2. Các tiêu chí của tộc người
3. Những nhân tố tác động đến tộc người
4. Các cấp độ của cộng đồng tộc người
5. Những quá trình tộc người
6. Các tộc người ở Việt Nam

Nội dung 4: Văn hóa (2,2,1)

1. Xung quanh khái niệm văn hóa, văn hóa học và nhân học văn hóa
2. Phân loại văn hóa
3. Một số Lịch sử thuyết về văn hóa trong nghiên cứu nhân học
4. Tính chất văn hóa
5. Một số lĩnh vực nghiên cứu liên quan đến văn hóa trong nhân học
6. Mối quan hệ giữa nghệ thuật - biểu tượng và tôn giáo
7. Nghệ thuật và biểu tượng trong văn hóa hiện đại.

Nội dung 5: Tôn giáo (2,2)

1. Khái niệm
2. Các loại hình tôn giáo trên thế giới
3. Một số tôn giáo tiêu biểu ở Việt Nam
4. Tôn giáo trong xã hội hiện đại
5. Một số khía cạnh của tôn giáo

Nội dung 6: Ngôn ngữ (2,2,1)

1. Khái niệm chung về ngôn ngữ và ý nghĩa của việc nghiên cứu ngôn ngữ trong nhân học
2. Vấn đề nguồn gốc và lịch sử phát triển của ngôn ngữ
3. Mối quan hệ giữa ngôn ngữ, lịch sử, văn hóa và xã hội (nội dung chính của nhân học ngôn ngữ)
4. Bản đồ ngôn ngữ trên thế giới và Việt Nam

Nội dung 7: Kinh tế (2,2,1)

1. Mối quan hệ giữa con người với môi trường và kinh tế
2. Các phương thức tìm kiếm thức ăn (thực phẩm) của con người trên thế giới
3. Đặc điểm kinh tế cộng đồng tộc người ở Việt Nam

Nội dung 8: Thân tộc, hôn nhân và gia đình (2,2,1)

1. Thân tộc
2. Dòng họ
3. Hôn nhân
4. Gia đình

Nội dung 9: Nhân học ứng dụng (2,1,1)

1. Lịch sử về nhân học ứng dụng
2. Một số vấn đề ứng dụng nhân học
3. Vai trò trách nhiệm của nhà nhân học ứng dụng
4. Nhân học và nghề nghiệp

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ Lịch sử thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo

9.1. Tài liệu bắt buộc

1. GS TS. Lương Văn Hy, GS TS Ngô Văn Lê, PGS TS Ngô Văn Tiệp, PGS TS Phan Thị Yến Tuyết (2010), Hiện đại và động thái của truyền thống ở Việt Nam: Những cách tiếp cận nhân học Q1, Nxb Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

9.2. Tài liệu tham khảo

1. GS TS. Lương Văn Hy, GS TS Ngô Văn Lê, PGS TS Ngô Văn Tiệp, PGS TS Phan Thị Yến Tuyết (2010), Hiện đại và động thái của truyền thống ở Việt Nam: Những cách tiếp cận nhân học Q2, Nxb Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Lê Sĩ Giáo (2007) (chủ biên), Dân tộc học đại cương, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.23b. NHẬP MÔN KHU VỰC HỌC /Introduction to Area studies

- Số tín chỉ: 2 (18, 18, 6)
- Mã học phần: 124250
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Lịch sử
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Cung cấp cho SV những kiến thức nhập môn về lý thuyết Khu vực học hiện đang được áp dụng rộng rãi trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn về: Lịch sử hình thành và phát triển của Khu vực học với tư cách là một khoa học liên ngành; thời kỳ sơ khai, thời kỳ phát triển là khoa học liên ngành và sự phát triển của Khu vực học trên thế giới, khu vực và Việt Nam; Những khái niệm cơ bản, vai trò và tính ứng dụng của Khu vực học trong xu thế phát triển của khoa học liên ngành và Hội nhập hiện nay; Lý thuyết và phương pháp nghiên cứu đặc trưng văn hóa khu vực; Đối tượng, giới hạn và phạm vi nghiên cứu của Khu vực học.

Năng lực đạt được: Nắm vững được các khái niệm trong nghiên cứu khu vực học; trang bị những kiến thức cơ bản về nội dung nghiên cứu và tính ứng dụng của khu vực học trong xu thế phát triển hiện nay; thực hành các thao tác triển khai nghiên cứu đề tài khu vực học; Góp phần hình thành cho SV năng lực nghiên cứu khoa học phù hợp với xu thế phát triển của khoa học thế giới và trong nước. Đồng thời, vận dụng được các thao tác nghiên cứu khu vực học trong việc lựa chọn các đề tài và giải quyết được các vấn đề mang tính tổng hợp.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu chung

Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về Khu vực học học và phương pháp nghiên cứu liên ngành; phương pháp tiếp cận và những thao tác của nghiên cứu Khu vực học để áp dụng vào thực tiễn, phục vụ các chương trình phát triển cũng như tổ chức các đề tài và chương trình nghiên cứu liên ngành.

2.1. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về kiến thức: SV cần đạt được các mục tiêu sau:

- Trình bày được những kiến thức về lý thuyết và nắm vững một số phương pháp nghiên cứu Khu vực học hiện đang được áp dụng rộng rãi trong lĩnh vực khoa học xã hội - nhân văn và khoa học phát triển, đặc biệt hữu ích với những chuyên gia Việt Nam nghiên cứu theo hướng khu vực học.

- Lý giải được đối tượng và phương pháp nghiên cứu khu vực khi thực hiện các đề tài nghiên cứu tổng hợp.

- Từ việc lý giải được tầm quan trọng của nhận thức tổng hợp (Comprehensive Understanding) bằng phương pháp liên ngành, khi triển khai nghiên cứu SV vận dụng được phương pháp nghiên cứu chuyên ngành với phương pháp liên ngành (Khu vực học).

2.2.2. Về kỹ năng: Sinh viên rèn luyện được các kỹ năng:

- Mô tả cách tiếp cận các nhân tố tác động đến hoạt động của con người và mối quan hệ giữa tự nhiên và văn hoá.

- Với phương pháp nghiên cứu Khu vực học, SV sẽ ứng dụng vào thực tiễn phục vụ các chương trình nghiên cứu vùng và phát triển bền vững.

2.2.3. Về thái độ: SV cần:

- Nghiêm túc, chuẩn bị bài trước khi đến lớp. Có thái độ đúng trong học tập, rèn luyện
- Tích cực nghe giảng trên lớp. Say sưa trong học tập, sáng tạo trong thực hành phương pháp nghiên cứu Khu vực học.

- Thảo luận, tham gia đầy đủ các hoạt động thảo luận, thực hành và ngoại khóa.

Nội dung 1: Khu vực học là gì? (2LT; 2TL, 1 TH)

1. Khái niệm về Khu vực học
2. Phân biệt khoa học chuyên ngành và Khu vực học

Nội dung 2: Lịch sử hình thành và một số khái niệm cơ bản của KVH (3LT:2TL, 1TH)

1. Lịch sử hình thành và phát triển của khu vực học với tư cách một khoa học liên ngành

2. Một số khái niệm cơ bản

Nội dung 3: Vai trò của Khu vực học trong xu thế phát triển hiện nay (3LT:2TL, 1 TH)

1. Nhu cầu phát triển tự thân của khoa học hiện nay
2. Đòi hỏi của thực tiễn trong sự nghiệp công nghiệp hoá- hiện đại hoá

Nội dung 4: Đối tượng và các lĩnh vực nghiên cứu của khu vực học (2LT:2TL, 1TH)

1. Khái niệm Văn hoá - Văn minh.
2. Không gian văn hoá, cấp độ không gian văn hoá.
3. Các lĩnh vực nghiên cứu

Nội dung 5: Giới hạn phạm vi và kế hoạch nghiên cứu (2LT:2TL, 1TH)

1. Nghiên cứu vĩ mô, chương trình tổng thể
2. Nghiên cứu vi mô
3. Kế hoạch nghiên cứu cá nhân và nghiên cứu tập thể

Nội dung 6: Những yếu tố cần đặt ra cho nghiên cứu khu vực (2LT:2TL, 1 TH)

1. Xác định đề tài và lập kế hoạch nghiên cứu
2. Xác định mục đích nghiên cứu (điều tra cơ bản, yêu cầu thực tiễn, nghiên cứu cơ bản).

3. Giới hạn phạm vi nghiên cứu của đề tài
4. Thu thập tài liệu trước khi xuống thực địa.

5. Khảo sát thực địa

6. Tổng hợp kết quả

Nội dung 7: Một số phương pháp xử lý tư liệu (2LT:3TL)

1. Tập hợp và xử lý tư liệu
2. Kiểm chứng tư liệu và chuẩn bị kế hoạch tiếp theo
3. Tổng hợp kết quả

Nội dung 8: Các loại hình nghiên cứu (2LT:3TL)

1. Nghiên cứu trong phòng
2. Nghiên cứu điền dã
3. Nghiên cứu chọn mẫu
4. Yêu cầu của môn học

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ Lịch sử thuyết, dự các tiết thảo luận,

thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy

Phương pháp chủ yếu là học qua trải nghiệm với các hoạt động chủ yếu là làm việc nhóm, thảo luận... SV chủ động hoàn thành các nhiệm vụ học tập với sự tư vấn, định hướng và tổ chức các hoạt động học tập của giảng viên.

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo

9.1. Giáo trình chính

1. Trần Lê Bảo (2008), *Khu vực học và nhập môn Việt Nam học*, Nxb Giáo dục, HN.

9.2. Tài liệu tham khảo

- 1 Trần Ngọc Thêm (1999), *Cơ sở văn hoá VN*: Giáo trình ĐH, Nxb GD, HN
2. Đại học Quốc gia Hà Nội- Viện Khoa học xã hội Việt Nam (2010). "Việt Nam học kỷ yếu hội kỷ yếu hội thảo quốc tế lần thứ 3 Việt Nam: Hội nhập và phát triển Tập VI hội nhập và phát triển", Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế Việt Nam học lần ba, tập VI. ĐHQG, HN
3. Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam- Đại học Quốc gia Hà Nội (2013), "Việt Nam học kỷ yếu hội kỷ yếu hội thảo quốc tế lần thứ 4: Việt Nam trên con đường hội nhập và phát triển bền vững", tập VII, Nxb Khoa học xã hội, HN.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

CHỌN 1 TRONG 2 HỌC PHẦN (9.24a, 9.24b)

9.24a. ĐÔNG NAM Á – LỊCH SỬ VÀ HIỆN TẠI/ SOUTHEAST ASIA: THE HISTORY AND PRESENT

- Mã học phần: 124380

- Số tín chỉ N0: 02 (18, 18, 6)

- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Lịch sử, Khoa Khoa học Xã hội, Trường Đại học Hồng Đức

- Điều kiện tiên quyết: Lịch sử Thế giới Cổ trung đại

1. Mô tả học phần

Học phần này bao gồm các nội dung sau: sự ra đời đồng thời của các nhà nước cổ đại ở Đông Nam Á (từ thế kỷ 1 đến thế kỷ thứ 7), sự hình thành các quốc gia (từ thế kỷ thứ 7 đến thế kỷ thứ 10), thời kỳ phát triển (từ thế kỷ thứ 10 đến thế kỷ thứ 15), thời kỳ suy thoái và trở thành thuộc địa của các nước phương Tây (từ thế kỷ 16 đến thế kỷ 19), thời kỳ phong trào giải phóng dân tộc (từ đầu thế kỷ 20 đến giữa thế kỷ 20), sự phát triển của các nước Đông Nam Á từ sau năm 1945, quá trình hình thành phát triển của ASEAN và AC.

Năng lực đạt được:

Học sinh có kiến thức về lịch sử Đông Nam Á, có khả năng giảng bài về lịch sử Đông Nam Á và có năng lực cạnh tranh trong điều kiện hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

- Thời cổ đại và trung đại (từ đầu công nguyên đến cuối thế kỉ XV): Học sinh nêu được sự hình thành các quốc gia cổ đại Đông Nam Á trong thời kì tiền sử, những điều kiện cụ thể và quy luật của các nhân tố lịch sử. Từ đó, các em hiểu sâu sắc về quá trình hình thành và phát triển của các quốc gia đầu tiên trong khu vực từ thế kỷ VII đến thế kỷ X. Trên cơ sở những hiểu biết đó, các em nắm được lịch sử phát triển của các triều đại phong kiến ở các quốc gia Đông Nam Á, với những thời kỳ thịnh suy và suy thoái.

- Giai đoạn cận đại (từ thế kỉ XVI đến đầu thế kỉ XXI): Học sinh lĩnh hội được những vấn đề cơ bản về lịch sử các nước Đông Nam Á cận đại. Thời kỳ này, bị thực dân phương tây xâm lược và thống trị; Ngoài ra, thời kỳ này còn gắn liền với các cuộc đấu tranh chống xâm lược và phong trào giải phóng dân tộc của các quốc gia Đông Nam Á.

- Sau khi giành được độc lập, các quốc gia Đông Nam Á đã cùng nhau lớn mạnh và phát triển trong một tổ chức khu vực có tên là ASEAN. Trong những thập kỷ cuối thế kỷ 20 và đầu thế kỷ 21, các nước ASEAN đã và đang phát triển sâu rộng và hoạt động có hiệu quả với mục tiêu hợp tác, hội nhập và cùng phát triển.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Học phần này giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng:

- Tổng hợp, so sánh, phân tích, đánh giá một vấn đề, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm về đặc điểm các giai đoạn phát triển ở Đông Nam Á.

- Tiếp cận và giải quyết vấn đề một cách khoa học

- Thu thập tư liệu từ nhiều nguồn - sách, báo, internet, tivi, bảo tàng ...
- Phân tích, khái quát, vận dụng kiến thức vào cuộc sống.

2.3. Mục tiêu về thái độ

- Hình thành niềm say mê học tập, nghiên cứu môn học.
- Hình thành ý thức chủ động, tích cực trong việc tự học tập của bản thân.
- Hình thành động cơ đúng đắn trong học tập, trong cuộc sống.

3. Nội dung chính của học phần

Chương I: Đông Nam Á - Khu vực địa lý văn hóa và lịch sử (2,3)

- 1.1. Sự công nhận của khu vực Đông Nam Á
- 1.2. Đông Nam Á: Khu vực Địa lý Văn hóa và Lịch sử

Chương II: Sự hình thành và phát triển của các quốc gia phong kiến (từ sơ khai đến giữa thế kỷ 19) (4, 4, 1)

- 2.1. Sự hình thành các quốc gia cổ đại ở Đông Nam Á (từ sơ khai đến thế kỷ X)
- 2.2. Sự hình thành và thịnh vượng của các quốc gia Đông Nam Á (từ thế kỷ X đến thế kỷ XV)
- 2.3. Sự suy tàn của các quốc gia phong kiến ở Đông Nam Á

Chương III: Thời kỳ các phong trào giải phóng dân tộc (từ giữa thế kỷ 19 đến năm 1945) (5, 4,1)

- 3.1. Sự xâm lược của chủ nghĩa thực dân phương Tây ở Đông Nam Á
- 3.2. Quá trình khai thác thuộc địa của các thuộc địa Âu Mỹ và hậu quả của nó
- 3.3. Các phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á từ giữa thế kỷ 19 đến năm 1945

Chương IV: Đông Nam Á từ cuối Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay (thời kỳ độc lập và phát triển) (4, 4, 1)

- 4.1. Thắng lợi của các phong trào giải phóng dân tộc
- 4.2. Các nước Đông Nam Á từ cuối Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay

Chương V: ASEAN - AC - Sự hình thành và Phát triển (3, 3, 3)

- 5.1. Sự hình thành ASEAN
- 5.2. Cơ cấu tổ chức và quy tắc hoạt động
- 5.3. Các giai đoạn và thành tựu của ASEAN - AC

4. Yêu cầu của môn học

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ Lịch sử thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận

5. Phương pháp giảng dạy:

Sử dụng giáo án điện tử kết hợp thuyết giảng, trao đổi, thảo luận.

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

9. Tài liệu tham khảo

9.1. Giáo trình chính

1. Lương Ninh (2005), Lịch sử Đông Nam Á, Nxb GD HN

9.2. Tài liệu tham khảo

1. Clive -Christie (2000), Lịch sử Đông Nam Á hiện đại, Nxb CTQG HN
2. Đinh Xuân Lý (2000), Tiến trình hội nhập Việt Nam - ASEAN, Nxb ĐHQGHN
3. Nguyễn Duy Quý (2004), Tiến tới một ASEAN hòa bình, ổn định và phát triển bền vững, Nxb KHXH, HN

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.24b. VĂN HÓA ĐÔNG NAM Á/ Southeast Asian culture

- Số tín chỉ: 2 (18, 18, 6)
- Mã học phần: 124105
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lịch sử
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần:

- Nội dung học phần: Học phần Văn hóa Đông Nam Á cung cấp một hệ thống kiến thức tương đối chuyên sâu, tổng hợp về văn hóa Đông Nam Á trên các lĩnh vực đặc điểm tự nhiên và nguồn gốc tộc người; tiến trình lịch sử và văn hóa của khu vực; các thành tố văn hóa Đông Nam Á.

- Năng lực đạt được:

- + Sinh viên có những năng lực tiếp cận và giải quyết vấn đề một cách khoa học
- + Có năng lực vận dụng những kiến thức đã học vào đời sống và xây dựng nhân cách của mỗi người.
- + Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ dạy học và nghiên cứu Lịch sử, có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Học phần cung cấp những kiến thức về văn hóa truyền thống của các dân tộc ở Đông Nam Á.
- Các giai đoạn hình thành và phát triển của văn hóa Đông Nam Á, sự ảnh hưởng của văn hóa bên ngoài kết hợp với đặc điểm văn hóa nội địa tạo thành bản sắc văn hóa của khu vực và những thành tố chính của văn hóa Đông Nam Á.
- Văn hóa Đông Nam Á đã tiếp thu nhiều yếu tố bên ngoài.
- Văn hóa Đông Nam Á ngày nay là sự kế thừa và phát huy vốn văn hóa bản địa truyền thống vừa tiếp thu có chọn lọc những yếu tố mới từ bên ngoài, cả phương Đông lẫn phương Tây.
- SV có kiến thức nền tảng và chuyên sâu về văn hóa Đông Nam Á, qua đó hiểu hơn các quốc gia trong khu vực.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Kỹ năng tổng hợp, so sánh, phân tích, đánh giá từ đó rút ra những đặc điểm của văn hóa Đông Nam Á
- Kỹ năng tập hợp tư liệu từ các nguồn – sách vở, báo chí, internet, truyền hình, bảo tàng...
- Phân tích, khái quát, vận dụng kiến thức đang học vào cuộc sống.

2.3. Mục tiêu về thái độ

- Trân trọng, gìn giữ, bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa của Việt Nam và Đông Nam Á
- Có ý thức bảo vệ, gìn giữ các giá trị văn hoá Đông Nam Á nói chung và ở Việt Nam nói riêng, qua đó góp phần bảo tồn gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam.

- Sinh viên biết vận dụng những kiến thức đã học vào đời sống và xây dựng nhân cách của mỗi người.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương I: Đặc điểm tự nhiên và nguồn gốc tộc người (4 LT, 4 TL, 2 TH)

1.1. Đặc điểm tự nhiên

- Vị trí địa lý
- Tính chất gió mùa nóng và ẩm
- Sự đối lập Đông Nam Á lục địa với Đông Nam Á hải đảo
- Đông Nam Á có mạng lưới sông ngòi dày đặc
- Đông Nam Á là vùng giàu có về khoáng sản
- Đông Nam Á có vị trí đặc biệt quan trọng trên đường giao lưu quốc tế
- Những khó khăn, trở ngại do thiên nhiên gây ra.

1.2. Nguồn gốc các dân tộc Đông Nam Á - Chủ thể văn hóa Đông Nam Á

Đông Nam Á được xem là một trong những cái nôi của văn minh nhân loại

Chương II: Tiến trình lịch sử văn hóa Đông Nam Á (6 LT, 6 TL, 2 TH)

2.1. Văn hóa Đông Nam Á thời tiền sử và sơ sử

2.1.1. Văn hóa Đông Nam Á thời tiền sử

2.1.2. Văn hóa Đông Nam Á thời sơ sử

2.1.3. Khái quát về những thành tựu chung của lớp văn hóa bản địa Đông Nam Á thời tiền sử và sơ sử.

2.2. Văn hóa Đông Nam Á từ buổi đầu lịch sử đến TK X

2.2.1. Bối cảnh lịch sử - văn hóa

2.2.2. Sự tiếp xúc và giao lưu với văn hóa Trung Hoa

2.2.3. Sự tiếp xúc và giao lưu với văn hóa Ấn Độ

2.3. Văn hóa Đông Nam Á từ TK X đến TK XIX

2.3.1. Bối cảnh văn hóa - lịch sử

2.3.2. Những thành tựu văn hóa

- Sự xuất hiện của các tôn giáo mới ở Đông Nam Á: Hồi giáo và Kito giáo
- Sự xuất hiện của một số bộ luật ở các quốc gia Đông Nam Á
- Sự xuất hiện của các chữ viết mới của các dân tộc
- Văn học Đông Nam Á hưng thịnh theo sự hưng thịnh của các quốc gia
- Sự phát triển của văn hóa vật chất-tinh thần

2.4. Văn hóa Đông Nam Á từ sau TK XIX đến năm 1945

2.4.1. Bối cảnh văn hóa - lịch sử

- Sự đô hộ của thực dân phương Tây
- Sự xâm nhập của Nhật Bản
- Cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc

2.4.2. Các đặc điểm và thành tựu văn hóa

- Văn hóa vật chất
- Sự xuất hiện của báo chí, nhà in, nhà xuất bản
- Văn học Đông Nam Á
- Trào lưu cải cách xã hội

2.5. Văn hóa Đông Nam Á từ sau năm 1945 đến nay

2.5.1. Bối cảnh văn hóa - lịch sử

- Một số đặc điểm văn hóa
- + Cơ sở cho các hoạt động văn hóa được tăng cường
- + Sự ra đời phát triển của văn hóa chuyên nghiệp
- + Sự giao lưu văn hóa khu vực và thế giới ngày càng mở rộng
- + Bảo tồn và tiếp thu văn hóa

Chương III: Các thành tố của văn hóa Đông Nam Á (8 LT, 8 TL, 2 TH)

3.1. Văn hóa vật chất phục vụ đời sống

3.1.1. Ẩm thực

3.1.2. Trang phục

3.1.3. Nhà cửa

3.2. Lễ hội - lễ tết

3.2.1. Lễ hội

3.2.2. Tết nguyên đán

3.3. Phong tục, tập quán

3.3.1. Hôn nhân

3.3.2. Tang lễ

3.3.3. Những phong tục tập quán khác

- Ăn trầu
- Tục cưa và nhuộm răng đen
- Các trò chơi giải trí
- + Chọi gà
- + Thả diều
- + Bơi thuyền

3.4. Tín ngưỡng - tôn giáo

3.4.1. Tín ngưỡng bản địa

- Tín ngưỡng sùng bái tự nhiên
- Tín ngưỡng phồn thực
- Tín ngưỡng sùng bái người đã mất

3.4.2. Tôn giáo

- Khái quát
- Hồi giáo
- Phật giáo
- Kito giáo

3.4.3. Nghệ thuật

- Nghệ thuật tạo hình
- Nghệ thuật biểu diễn

3.4.4. Ngôn ngữ - chữ viết

- Ngôn ngữ
- + Ngữ hệ Nam đảo
- + Ngữ hệ Nam Á

- + Ngữ hệ Thái
- + Ngữ hệ Hán - Tạng
- Chữ viết

* *Tiểu kết về văn hóa Đông Nam Á*

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo:

9.1. Học liệu bắt buộc

1. Mai Ngọc Chừ (1999), Văn hóa Đông Nam Á, Nxb ĐHQG Hà Nội.

9.2. Học liệu tham khảo

1. Nguyễn Tất Đắc (2005), Văn hóa Đông Nam Á, Nxb GD HN.

2. Đinh Xuân Lý (2000), Tiến trình hội nhập Việt Nam - ASEAN, Nxb ĐHQGHN.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.25. LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NGUYÊN THỦY ĐẾN NĂM 1858/ HISTORY OF VIETNAM FROM THE ORIGINAL TO 1858

- Mã học phần: 124420
- Số TC: 04 (36, 33 ,15)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Lịch sử
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác-Lênin.

1. Mô tả học phần

Nội dung gồm những kiến thức toàn diện cơ bản, có hệ thống về lịch sử VN từ khởi đầu đến khi thực dân Pháp xâm lược. Các vấn đề chủ yếu: Quá trình xây dựng và hoàn chỉnh nhà nước, pháp luật PK; sự phát triển kinh tế, các thành tựu văn hóa xã hội, các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm của dân tộc.

2. Mục tiêu của học phần

2.1 Mục tiêu chung

Người học có được hệ thống kiến thức cơ bản về Lịch sử Việt Nam cổ trung đại, thực trạng và diễn biến thời kì này.

2.2. Mục tiêu cụ thể

***Về kiến thức**

- Nắm vững diễn biến, tiến trình LSVN cổ trung đại.
- Hiểu được nguyên nhân cũng như mối liên hệ, sự tác động qua lại giữa các sự kiện, hiện tượng và các quá trình lịch sử trong giai đoạn này.
- Nhìn nhận, đánh giá khách quan về bản chất, đặc điểm của các sự kiện, hiện tượng lịch sử, ý nghĩa và bài học lịch sử trong giai đoạn này.

***Kĩ năng**

- Giúp sinh viên hình thành kĩ năng nhận biết đánh giá sự kiện, hiện tượng lịch sử.
- Biết vận dụng, liên hệ những bài học lịch sử từ quá khứ đến hiện tại.

***Thái độ**

- Biết trân trọng những nhân vật góp phần làm nên lịch sử của dân tộc.
- Thấy được các bài học lịch sử, bài học kinh nghiệm để vận dụng vào công cuộc đổi mới đất nước hiện nay.

3. Nội dung học phần

Chương I: Thời đại nguyên thủy. (2, 2, 1)

- Những dấu vết đầu tiên của con người trên đất Việt Nam.
- Các giai đoạn phát triển của xã hội nguyên thủy Việt Nam.
- Sự xuất hiện người hiện đại.

Chương II: Thời đại bắt đầu dựng nước và giữ nước. (3, 2, 1)

- Nước Văn Lang thời Hùng Vương.
- Nước Âu Lạc thời An Dương Vương.

Chương III: Thời kì Bắc thuộc và chống Bắc thuộc trong lịch sử dân tộc. (2, 2,1)

- I. Vài nét về các thể lực phong kiến phương Bắc.
- II. Chính sách đô hộ của các triều đại phong kiến phương Bắc.
- III. Những chuyển biến về chính sách kinh tế, xã hội, văn hóa.
- IV. Các cuộc đấu tranh vũ trang giành độc lập.

Chương IV. Sơ lược lịch sử vương quốc Champa (192 - 1697). (3, 2,2)

- I. Dân cư và lãnh thổ.
- II. Khởi nghĩa Khu Liên và sự thành lập Champa - 192.
- III. Tình hình kinh tế, chính trị, xã hội.
- IV. Văn hóa Champa.

Chương V. Đất nước ở buổi đầu của thời đại phong kiến dân tộc. (3, 3, 1)

- I. Ngô Quyền dựng nền độc lập.
- II. Đinh Bộ Lĩnh dẹp loạn 12 sứ quân.
- III. Nhà Tiền Lê.

Chương VI. Nước Đại Việt thời Lý (1010 - 1225). (3, 3, 1)

- I. Sự thành lập nhà Lý.
- II. Tình hình chính trị.
- III. Tình hình kinh tế.
- IV. Kháng chiến chống Tống (1075 - 1077).
- V. Tình hình văn hóa - xã hội.

Chương VII. Nước Đại Việt thời Trần (1226 - 1400). (3, 3, 1)

- I. Tình hình chính trị.
- II. Tình hình kinh tế.
- III. Tình hình văn hóa - xã hội.
- IV. Cuộc kháng chiến chống xâm lược Mông - Nguyên.

Chương VIII. Nhà Hồ và chính sách cải cách của Hồ Quý Ly (2, 2, 1)

- I. Triều Hồ thành lập.
- II. Chính sách cải cách của Hồ Quý Ly.
- III. Cuộc xâm lược của nhà Minh và sự thất bại của nhà Hồ.

Chương IX. Phong trào kháng chiến chống quân Minh và cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. (3, 3, 1)

- I. Chính sách đô hộ của nhà Minh.
- II. Những phong trào khởi nghĩa của nhân dân ta trước khởi nghĩa Lam Sơn.
- III. Khởi nghĩa Lam Sơn (1418 - 1427).
- IV. Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử.

Chương III: Thời kì Bắc thuộc và chống Bắc thuộc trong lịch sử dân tộc. (2, 2,1)

- I. Vài nét về các thể lực phong kiến phương Bắc.
- II. Chính sách đô hộ của các triều đại phong kiến phương Bắc.
- III. Những chuyển biến về chính sách kinh tế, xã hội, văn hóa.
- IV. Các cuộc đấu tranh vũ trang giành độc lập.

Chương IV. Sơ lược lịch sử vương quốc Champa (192 - 1697). (3, 2,2)

- I. Dân cư và lãnh thổ.
- II. Khởi nghĩa Khu Liên và sự thành lập Champa - 192.
- III. Tình hình kinh tế, chính trị, xã hội.
- IV. Văn hóa Champa.

Chương V. Đất nước ở buổi đầu của thời đại phong kiến dân tộc. (3, 3, 1)

- I. Ngô Quyền dựng nền độc lập.
- II. Đinh Bộ Lĩnh dẹp loạn 12 sứ quân.
- III. Nhà Tiền Lê.

Chương VI. Nước Đại Việt thời Lý (1010 - 1225). (3, 3, 1)

- I. Sự thành lập nhà Lý.
- II. Tình hình chính trị.
- III. Tình hình kinh tế.
- IV. Kháng chiến chống Tống (1075 - 1077).
- V. Tình hình văn hóa - xã hội.

Chương VII. Nước Đại Việt thời Trần (1226 - 1400). (3, 3, 1)

- I. Tình hình chính trị.
- II. Tình hình kinh tế.
- III. Tình hình văn hóa - xã hội.
- IV. Cuộc kháng chiến chống xâm lược Mông - Nguyên.

Chương VIII. Nhà Hồ và chính sách cải cách của Hồ Quý Ly (2, 2, 1)

- I. Triều Hồ thành lập.
- II. Chính sách cải cách của Hồ Quý Ly.
- III. Cuộc xâm lược của nhà Minh và sự thất bại của nhà Hồ.

Chương IX. Phong trào kháng chiến chống quân Minh và cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. (3, 3, 1)

- I. Chính sách đô hộ của nhà Minh.
- II. Những phong trào khởi nghĩa của nhân dân ta trước khởi nghĩa Lam Sơn.
- III. Khởi nghĩa Lam Sơn (1418 - 1427).
- IV. Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử.

9.26. LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NĂM 1858 ĐẾN NĂM 1945/ HISTORY OF VIETNAM FROM 1858 TO 1945

- Mã học phần: 124155

- Số tín chỉ: 3 (27, 24, 12)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Lịch sử, khoa Khoa học Xã hội, trường Đại học Hồng Đức.

- Điều kiện tiên quyết: Lịch sử Việt Nam từ TK X đến năm 1858

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức về lịch sử Việt Nam từ giữa thế kỷ XIX đến năm 1945. Quá trình lịch sử này trải dài từ khi thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta cho đến ngày cách mạng tháng 8 thành công, bao gồm các nội dung như:

Quá trình xâm lược nước ta của thực dân Pháp, phong trào đấu tranh của nhân dân chống thực dân Pháp xâm lược và bình định; cuộc vận động giải phóng dân tộc đầu thế kỷ XX; vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong việc thành lập Đảng, phong trào cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Năng lực đạt được: - Phân tích và tổng hợp những kiến thức cơ bản về lịch sử Việt Nam cận đại (từ 1858 đến 1945)

- Nâng cao khả năng lập luận; khả năng tự nghiên cứu, thao tác tư duy độc lập, sáng tạo trong việc học tập, nghiên cứu Lịch sử

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Nắm vững diễn biến, tiến trình lịch sử Việt Nam từ 1858 đến 1945

- Hiểu được nguyên nhân cũng như mối liên hệ, sự tác động qua lại giữa các sự kiện, hiện tượng và quá trình lịch sử trong giai đoạn 1858 - 1945

- Nhìn nhận, đánh giá khách quan về bản chất, đặc điểm của sự kiện, hiện tượng lịch sử; vai trò, vị trí lịch sử của các cá nhân, tổ chức, đảng phái... trong giai đoạn 1858 - 1945

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Giúp sinh viên hình thành kỹ năng nhận biết, đánh giá sự kiện, hiện tượng lịch sử

- Biết vận dụng, liên hệ những bài học lịch sử từ quá khứ vào hiện tại

2.3. Mục tiêu về thái độ:

- Biết trân trọng những sự kiện, nhân vật góp phần làm nên lịch sử của dân tộc.

- Thấy được các bài học lịch sử, bài học kinh nghiệm để vận dụng vào công cuộc đổi mới đất nước hiện nay

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: CUỘC XÂM LƯỢC VĨ TRẠNG CỦA THỰC DÂN PHÁP VÀ PHONG TRÀO KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC Ở VIỆT NAM NỬA CUỐI THẾ KỶ XIX (6, 6, 4)

I. Việt Nam trước âm mưu xâm lược của thực dân Pháp

1. Âm mưu xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp
2. Tình hình Việt Nam trước âm mưu xâm lược của thực dân Pháp

II. Quá trình xâm lược của thực dân Pháp, phong trào chống thực dân Pháp xâm lược và bình định ở Việt Nam

1. Quá trình xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp
2. Phong trào chống Pháp xâm lược của nhân dân Việt Nam
3. Phong trào vũ trang chống Pháp bình định cuối thế kỷ X IX

Chương 2: VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỶ XX ĐẾN HẾT CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (7, 6, 4)

I. Việt Nam trong thời kỳ Pháp thực hiện khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1897 – 1914)

1. Tình hình thế giới những năm đầu thế kỷ XX
2. Chương trình khai thác thuộc địa lần thứ nhất và những biến đổi về kinh tế, xã hội Việt Nam (1897 – 1914)
3. Sự du nhập tư tưởng dân chủ tư sản vào Việt Nam

II. Xu hướng phát triển của phong trào dân tộc đầu thế kỷ XX (1900 – 1914)

1. Xu hướng bạo động với Phan Bội Châu
2. Xu hướng cải cách với Phan Châu Trinh
3. Đông Kinh Nghĩa Thục và những cuộc đấu tranh tự phát của các lực lượng yêu nước

III. Việt Nam trong những năm chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918)

1. Chính sách kinh tế thời chiến của thực dân Pháp ở Việt Nam
2. Phong trào giải phóng dân tộc chống Pháp trong những năm chiến tranh

Chương 3: PHONG TRÀO DÂN TỘC Ở VIỆT NAM SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (7, 6, 4)

I. Tình hình kinh tế, xã hội Việt Nam sau chiến tranh thế giới thứ nhất

1. Bối cảnh thế giới sau chiến tranh thế giới thứ nhất
2. Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp (1919 – 1929)
3. Những biến đổi về cơ cấu giai cấp, xã hội Việt Nam

II. Nguyễn Ái Quốc tìm đường cứu nước và chuẩn bị cho sự ra đời Đảng cộng sản Việt Nam

1. Nguyễn Ái Quốc tìm đường cứu nước
2. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị thành lập Đảng cộng sản Việt Nam

III. Phong trào dân tộc ở Việt Nam từ 1919 đến 1929

1. Khuynh hướng tư sản
2. Khuynh hướng vô sản
3. Việc thành lập Đảng cộng sản Việt Nam

Chương 4: CUỘC VẬN ĐỘNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC THEO CON ĐƯỜNG CÁCH MẠNG VÔ SẢN Ở VIỆT NAM (1930 – 1945) (7, 6, 4)

I. Phong trào cách mạng Việt Nam những năm 1930 - 1935

1. Tình hình thế giới, trong nước
2. Phong trào cách mạng 1930 – 1931 và Xô viết Nghệ Tĩnh
3. Cuộc đấu tranh phục hồi lực lượng cách mạng (1932 – 1935)

II. Phong trào cách mạng Việt Nam những năm 1936 - 1939

1. Tình hình thế giới, trong nước
2. Phong trào dân chủ 1936 - 1939

III. Cuộc vận động cách mạng tháng 8

1. Những điều kiện lịch sử mới
2. Sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng cộng sản Việt Nam
3. Cao trào kháng Nhật cứu nước
4. Tổng khởi nghĩa tháng 8 năm 1945
5. Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử, bài học kinh nghiệm cách mạng tháng 8 năm 1945

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ Lịch sử thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Đinh Xuân Lâm (CB), Nguyễn Văn Khánh, Nguyễn Đình Lễ (2002), Đại cương lịch sử Việt Nam, tập II (1858 - 1945), Nxb Giáo dục, HN

9.2. Tài liệu tham khảo:

1. Đinh Xuân Lâm, Lê Mậu Hãn, Trương Hữu Quýnh (2000), Đại cương Lịch sử Việt Nam, Nxb Giáo dục HN

2. Nguyễn Quang Ngọc (chủ biên) (2002), Tiến trình lịch sử Việt Nam, Nxb GD, HN

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.27. LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY/ HISTORY OF VIETNAM FROM 1945 TO NOW

- Số tín chỉ: 04 (36, 33, 15)
- Mã học phần: 124041
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Lịch sử
- Học phần tiên quyết: Lịch sử Việt Nam từ 1858 đến 1945

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Cung cấp cho Sv những kiến thức toàn diện, cơ bản, hệ thống về lịch sử Việt Nam từ 1945 đến nay. Các vấn đề chủ yếu trong các học phần này là: Một năm sau Cách mạng tháng Tám. Cuộc kháng chiến chống Pháp 1945 – 1954; hai miền Nam Bắc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam và cách mạng XHCN ở miền Bắc 1954 – 1975 và cả nước độc lập, thống nhất, đi lên CNXH từ 1975. Công cuộc đổi mới đất nước từ 1986 đến nay.

Năng lực đạt được: Trang bị cho người học các kiến thức thực tế qua tham quan, học tập tại các di tích lịch sử - văn hoá, các địa danh lịch sử, các nhà bảo tàng tiêu biểu ở các tỉnh trong nước.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu chung

Nắm vững được kiến thức cơ bản của Lịch sử Việt Nam hiện đại từ 1945 đến nay qua các giai đoạn lịch sử; từ 1945 đến 1954; từ 1954 đến 1975; Từ 1975 đến 1986; từ 1986 đến nay.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về kiến thức

- Nhận thức được những khái niệm cơ bản của Lịch sử Việt Nam hiện đại từ 1945 đến nay.

- Tiến trình phát triển của lịch sử Việt Nam qua các giai đoạn từ: 1945-1954; 1954-1975 và từ năm 1975 đến nay.

2.2.2. Về kỹ năng

- Rèn luyện được các kỹ năng phân tích và phân biệt được các giai đoạn lịch sử
- Vận dụng quan điểm giai cấp để đánh giá khách quan các sự kiện lịch sử trong tiến trình lịch sử VN hiện đại

2.2.3. Về thái độ

Góp phần xây dựng thế giới quan khoa học, biết quý trọng và gìn giữ các giá trị truyền thống của dân tộc.

3. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung 1: Xây dựng và bảo vệ chế độ dân chủ cộng hoà (1945-1946) (4LT, 4TL, 1TH)

1. Đặc điểm tình hình và nhiệm vụ mới của dân tộc Việt Nam khi chế độ dân chủ

cộng hòa được thành lập

2. Mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc, xây dựng nền dân chủ cộng hòa
3. Đấu tranh chống lại âm mưu bành trướng và xâm lược của các thế lực đế quốc thực dân

Nội dung 2: Sự bùng nổ và tiến triển của cuộc kháng chiến trong toàn quốc (1946-1950) (4LT, 3TL, 2 TH)

1. Kháng chiến toàn quốc bùng nổ
2. Xây dựng nền dân chủ cộng hòa
3. Chiến đấu trên mặt trận quân sự

Nội dung 3: Cuộc kháng chiến phát triển mạnh mẽ và kết thúc thắng lợi (1951-1954) (4LT, 4TL, 1 TH)

1. Đế quốc Pháp và can thiệp Mỹ kéo dài chiến tranh xâm lược Đông Dương
2. Sự lớn mạnh của nền dân chủ cộng hòa
3. Đấu tranh quân sự và ngoại giao (1951-1954)

Nội dung 4: Xây dựng miền Bắc và đấu tranh cách mạng chống Mỹ - Diệm ở Miền Nam (1954 -1960) (2LT, 3TL, 2 TH)

1. Miền Bắc khôi phục kinh tế và cải tạo xã hội chủ nghĩa (1954-1960)
2. Đấu tranh chống Mỹ - Diệm ở miền Nam (1954-1960)

Nội dung 5: Đẩy mạnh xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và chiến đấu chống “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ ở miền Nam (1961-1965) (3LT, 3TL, 1 TH)

1. Đẩy mạnh xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc(1961-1965)
2. Chiến đấu chống “chiến tranh đặc biệt” của Mỹ (1961-1965)

Nội dung 6: Chiến đấu chống “Chiến tranh cục bộ” và chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mỹ, tiếp tục xây dựng CNXH ở miền Bắc(1965-1968) (3LT, 3TL, 1 TH)

1. Chiến đấu chống “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ (1965-1968)
2. Miền Bắc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mỹ, tiếp tục xây dựng CNXH, làm nghĩa vụ hậu phương (1965-1968)

Nội dung 7: Chiến đấu chống chiến lược “Việt Nam hóa” chiến tranh và chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mỹ, khôi phục và phát triển kinh tế ở miền Bắc (1969-1973) (3LT, 2TL, 1 TH)

1. Chiến đấu chống chiến lược “Việt Nam hóa” chiến tranh và “Đông Dương hóa” chiến tranh của Mỹ (1969-1973)
2. Miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế, chi viện cho miền Nam, chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mỹ (1969-1973)
3. Đấu tranh trên mặt trận ngoại giao, Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh,lập lại hòa bình ở Việt Nam

Nội dung 8: Khôi phục phát triển kinh tế miền Bắc, cả nước dồn sức giải phóng hoàn miền Nam (1973-1975) (3LT, 3TL, 1 TH)

1. Miền Bắc khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, ra sức chi viện cho miền Nam.
2. Đấu tranh chống địch “bình định lấn chiếm”, tạo thế và lực tiến tới giải phóng miền Nam
- 3.. Giải phóng hoàn toàn miền Nam, giành toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc
4. Ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Nội dung 9: Việt Nam xây dựng lại đất nước (1975 -1986) (4LT, 4TL, 1 TH)

1. Việt Nam năm đầu sau đại thắng mùa xuân (1975 - 1976)
- 2.. Đất nước bước đầu đi lên chủ nghĩa xã hội (1976 - 1986)
3. Đấu tranh bảo vệ Tổ quốc (1975- 1979)

Nội dung 10: Đất nước trên con đường đổi mới (1986 - nay) (6LT, 6TL, 4 TH)

1. Lý do Đổi mới, quan điểm và chủ trương đổi mới...
2. Các giai đoạn cụ thể
3. Ý nghĩa lịch sử; Nhân tố thắng lợi; Bài học kinh nghiệm; Thời cơ và thách thức của dân tộc ta hiện nay.

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo

9.1. Giáo trình chính:

1. Trần Bá Đức (2001), *Lịch sử Việt Nam từ 1858 đến nay*, Nxb ĐHQG HN

9.2. Sách tham khảo:

[1.] Đinh Xuân Lâm, Lê Mậu Hãn, Trương Hữu Quýnh (2002), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập 2, Nxb GD, HN

[2] Lê Mậu Hãn (Chủ biên (2003), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập 3: 1945-2006, Nxb GD HN

[3] Nguyễn Quang Ngọc (Chủ biên) (2001), *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, Nxb GD HN

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.28. LỊCH SỬ THẾ GIỚI CỔ TRUNG ĐẠI/ Medieval World History

- Mã học phần: 124165

- Số tín chỉ: 4 (36, 33, 15)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn lịch sử, Khoa Khoa học Xã hội, trường Đại học Hồng Đức.

- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác -Lenin

1. Mô tả học phần

Học phần Lịch sử thế giới cổ trung đại cung cấp một hệ thống kiến thức cơ sở về điều kiện tự nhiên, dân cư, tình hình cụ thể về mọi mặt của các quốc gia cổ đại phương Đông và phương Tây: Ai Cập, Lưỡng Hà, Ấn Độ, Trung Quốc, Đông Nam Á, Hy Lạp và La Mã; lịch sử trung đại Tây Âu, lịch sử trung đại của các quốc gia phương Đông: Ấn Độ, Trung Quốc, Đông Nam Á, Triều Tiên, Nhật Bản.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Sinh viên cần nắm vững và hiểu các vấn đề sau:

+ Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về các cuộc cách mạng Tư sản thời Cận đại; sự phát triển của chủ nghĩa tư bản và bước chuyển sang giai đoạn chủ nghĩa Đế quốc; những nét lớn về các nước châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ latin thời cận đại chẳng hạn như quá trình xâm nhập, xâm lược và thống trị của chủ nghĩa thực dân Âu, Mỹ, Nhật..., về cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân các nước này...

+ Giúp sinh viên nắm được các khái niệm cơ bản về “cách mạng tư sản”; “các nước Á, Phi, Mỹ latin”; “Trung cận đông”; “nước thuộc địa”; “nước nửa thuộc địa, nửa phong kiến”; “nước phụ thuộc”; “cuộc đấu tranh chống xâm lược”; “phong trào giải phóng dân tộc”; “chủ nghĩa Mơnrô”...

2.2. Mục tiêu về kĩ năng:

+ Từ hai mục đích cơ bản trên, sinh viên có thể mở rộng thêm kiến thức của mình bằng việc tự học, tự đọc và học tốt các chuyên đề chuyên sâu của lịch sử thế giới, liên hệ tốt với phần lịch sử Việt Nam cận đại.

+ Giúp sinh viên có thể nghiên cứu hoặc giảng dạy được phần lịch sử thế giới cận đại ở phổ thông.

2.3. Mục tiêu về thái độ: Có khả năng nhận thức sâu sắc về bản chất, ưu, nhược điểm của các chế độ xã hội đã xuất hiện trong các thời kì lịch sử

3. Nội dung chi tiết học phần:

Phần I: Xã hội nguyên thủy (3 TL, 4 TL, 1 TH)

Chương I: xã hội nguyên thủy

I. Khái niệm chung

II. Phân kỳ lịch sử xã hội nguyên thủy

III. Nguồn gốc loài người

IV. Bầy người nguyên thủy

V. CXTT

Phần II: Phương Đông cổ đại (17 TL, 14 TL, 7 TH)

Chương I: Ai Cập cổ đại

I. Điều kiện tự nhiên và dân cư

II. Các thời kỳ lịch sử

1. Ai Cập thời tảo kỳ vương quốc
2. Ai Cập thời cổ kỳ vương quốc
3. Ai Cập thời trung vương quốc
4. Ai Cập thời Tân vương quốc
5. Ai Cập thời hậu vương quốc

III. Văn hoá Ai Cập cổ đại

Chương II. Lưỡng Hà cổ đại

I. Điều kiện tự nhiên và dân cư

II. Các thời kỳ lịch sử:

1. Các quốc gia của người Xume
2. Accac.
3. Vương triều III Ua
4. Babilon
5. Tân Babilon.

III. Văn hoá Lưỡng Hà cổ đại.

Chương III: Trung Quốc cổ trung đại

I. Điều kiện tự nhiên và dân cư

II. Các thời kỳ lịch sử:

1. Nhà Hạ.
2. Nhà Thương
3. Nhà Chu

III. Trung Quốc thời phong kiến

1. Tình hình chính trị
2. Tình hình kinh tế, xã hội Trung Quốc thời phong kiến
3. Văn hoá Trung Hoa thời phong kiến

Chương IV. Ấn Độ cổ trung đại

I. Điều kiện tự nhiên và dân cư

II. Các thời kỳ lịch sử:

1. Thời kỳ văn minh sông Ấn (3000-1500TCN)
2. Quá trình xâm nhập của người Aryan và sự hình thành các tiểu quốc ở lưu vực

sông Hằng (1500- 600 TCN)

3.Thời kỳ bá quyền Magađa(600- 321TCN)

4.Vương triều Môrya và sự thống nhất Ấn Độ(321- 232TCN)

5.Sự biến chuyển và phân liệt trên bán đảo Ấn Độ(232-TCN- 320)

6.Sự hình thành và bước đầu củng cố chế độ phong kiến (thế kỷ IV-VII)

7.Thời kỳ Ấn Độ bị chia cắt và bị ngoại tộc xâm nhập (giữa TK VII đến TK XII)

8.Ấn Độ từ thế kỷ VIII đến đầu thế kỷ XVI

9.Ấn Độ từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XII

10.Văn hoá Ấn Độ

Chương V : Ả Rập thời phong kiến

I- Sự hình thành nhà nước Ả Rập

1.Tình hình bán đảo Ả Rập trước khi thành lập nhà nước

2.Quá trình thành lập nước Ả Rập

3.Đạo Hồi

II- Sự hình thành và tan rã của đế quốc Ả Rập

1.Sự hình thành của đế quốc Ả Rập

2.Sự tan rã của đế quốc Ả Rập

3.Vài nét về sự phát triển kinh tế và chế độ ruộng đất

4.Sự truyền bá của đạo Hồi

III- Văn hoá Ả Rập

Chương VI : Nhật Bản, Triều Tiên, Đông Nam Á

I : Nhật Bản thời kỳ phong kiến

1. Nhật Bản trước khi nhà nước hình thành.

2. Những nhà nước cổ đại ở Nhật Bản.

3.Cuộc cải cách Taica và sự thiết lập chế độ phong kiến.

4.Sự phát triển của chế độ phong kiến Nhật Bản trong các thế kỷ VIII-XII.

5. Thời kỳ Mạc Phủ (1192-1867)

II. Triều tiên

1.Triều Tiên trước khi hình thành chế độ phong kiến

2.Triều Tiên dưới chế độ phong kiến

III: Đông Nam Á thời trung đại

1. Thời kỳ hình thành các vương quốc cổ ở Đông Nam Á

2. Giai đoạn xác lập và phát triển các vương quốc dân tộc (thế kỷ X-XV)

3. Sự suy thoái của các quốc gia phong kiến Đông Nam Á (thế kỷ XVI-XIX)

Phần III. Phương Tây cổ trung đại (16 TL, 15 TL, 7 TH)

Chương VI: Hilap cổ đại

- I. Điều kiện tự nhiên và dân cư
- II. Văn minh Cret- Myxen(TNKIII- TNKIITCN)
- III. Thời đại Hôme(TKXI- IXTCN)
- IV. Sự xuất hiện và phát triển các thành bang của lịch sử Hilap cổ đại

- 1. Những điểm chung.
- 2. Thành bang Xpac
- 3. Thành bang Aten.
- V. Thời kỳ Hilap hoá(334- 30TCN)
- VI. Văn hoá Hilap cổ đại

Chương VII: Rôma cổ đại

- I. Điều kiện tự nhiên và dân cư
- II. Các thời kỳ lịch sử:
 - 1. Thời kỳ vương chính
 - 2. Thời kỳ cộng hoà(TKIVTCN- I)
 - 3. Thời kỳ Đế chế(TKI-V)
- III. Cuộc đấu tranh của người Polep
- Latiphundia ở Rôma cổ đại
- Văn hoá Rôma cổ đại

Chương VIII. Tây Âu thời sơ kì trung đại (V-XI)

- 1. Sự thành lập các quốc gia mới ở Tây Âu.
- 2. Quá trình phong kiến hoá ở vương quốc Frăng
- II: Sự phát triển của chế độ phong kiến ở Tây Âu thời trung kì trung đại (XII-XV)
 - 1. Lãnh địa phong kiến
 - 2. Thành thị trung đại
 - 3. Giáo hội Kitô và phong trào Thập tự chinh

- III: Sự khủng hoảng của chế độ PK Tây Âu thời hậu kì trung đại (XVI-XVII)
 - 1. Các cuộc phát kiến địa lí lớn và sự hình thành chủ nghĩa thực dân (CNTD)
 - 2. Sự ra đời của chủ nghĩa tư bản (CNTB) ở Tây Âu
 - 3. Tác động của phong thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đối với chế độ phong kiến
 - 4. Phong trào văn hoá Phục hưng
 - 5. Phong trào cải cách tôn giáo
 - 6. Chiến tranh nông dân ở Đức
 - 7. Chế độ phong kiến chuyển từ trạng thái phân quyền sang tập quyền ở Pháp

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ Lịch sử thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ

các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo:

9.1. Giáo trình chính

1. Lương Ninh, Đinh Ngọc Bảo (1998), Lịch sử thế giới cổ đại, Nxb GD HN

9.2. Sách tham khảo

1. Nguyễn Gia Phú, Nguyễn văn Ánh... (1998), Lịch sử thế giới Trung đại, Nxb GD HN
2. Lê Minh Hàn (Cb) (2002), Lịch sử thế giới thời trung cổ, Tập 2, Nxb TP.HCM
3. Nguyễn Hoàng Điệp, Almanach, Những nền văn minh thế giới (1995+99), Nxb VHTT, HN

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.29. LỊCH SỬ THẾ GIỚI CẬN ĐẠI/ World history Early modern

- Mã học phần: 124170
- Số tín chỉ: 4 (36, 33, 15)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn lịch sử, Khoa Khoa học Xã hội, trường Đại học Hồng Đức.
- Điều kiện tiên quyết: Lịch sử thế giới cổ trung đại

1. Mô tả học phần

HP này giới thiệu những kiến thức cơ bản về lịch sử thế giới cận đại bao gồm: Sự ra đời và phát triển của chủ nghĩa tư bản; sự phát triển của phong trào công nhân; mâu thuẫn giữa các nước tư bản dẫn đến chiến tranh thế giới lần thứ nhất; sự hình thành chủ nghĩa thực dân và cuộc đấu tranh trong buổi đầu chống chủ nghĩa thực dân của các nước Á- Phi- Mỹ la tinh.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức: Sinh viên cần nắm vững và hiểu các vấn đề sau:

+ Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về các cuộc cách mạng Tư sản thời Cận đại; sự phát triển của chủ nghĩa tư bản và bước chuyển sang giai đoạn chủ nghĩa Đế quốc; những nét lớn về các nước châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ latinh thời cận đại chẳng hạn như quá trình xâm nhập, xâm lược và thống trị của chủ nghĩa thực dân Âu, Mỹ, Nhật..., về cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân các nước này...

+ Giúp sinh viên nắm được các khái niệm cơ bản về “cách mạng tư sản”; “các nước Á, Phi, Mỹ latinh”; “Trung cận đông”; “nước thuộc địa”; “nước nửa thuộc địa, nửa phong kiến”; “nước phụ thuộc”; “cuộc đấu tranh chống xâm lược”; “phong trào giải phóng dân tộc”; “chủ nghĩa Monrô”...

2.2. Mục tiêu về kĩ năng:

+ Từ hai mục đích cơ bản trên, sinh viên có thể mở rộng thêm kiến thức của mình bằng việc tự học, tự đọc và học tốt các chuyên đề chuyên sâu của lịch sử thế giới, liên hệ tốt với phần lịch sử Việt Nam cận đại.

+ Giúp sinh viên có thể nghiên cứu hoặc giảng dạy được phần lịch sử thế giới cận đại ở phổ thông.

2.3. Mục tiêu về thái độ: Có khả năng nhận thức sâu sắc về bản chất, ưu, nhược điểm của các chế độ xã hội đã xuất hiện trong các thời kì lịch sử

3. Nội dung chi tiết học phần:

PHẦN LỊCH SỬ THẾ GIỚI CẬN ĐẠI PHƯƠNG TÂY (20 TL, 18 TL, 9 TH)

1. Một số vấn đề về lịch sử thế giới cận đại

1.1. Phân kì lịch sử

1.2. Các nội dung chính

2. Các cuộc cách mạng tư sản thời cận đại

2.1. Một số vấn đề về cách mạng tư sản

- 2.2. Các cuộc cách mạng tư sản thời cận đại sơ kì
 - 2.2.1. Cách mạng tư sản Nederland
 - 2.2.2. Cách mạng tư sản Anh giữa thế kỉ XVII
 - 2.2.3. Cách mạng công nghiệp Anh thế kỉ XVIII
 - 2.2.4. Cuộc chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ và sự thành lập nước Mĩ
 - 2.2.5. Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII
- 2.3. Châu Âu từ năm 1815 đến năm 1848
 - 2.3.1. Hội nghị Viên năm 1815
 - 2.3.2. Cách mạng tư sản 1830
 - 2.3.3. Cách mạng tư sản 1848-1849
- 2.4. Phong trào cách mạng tư sản ở châu Âu và Mĩ giữa thế kỉ XIX
 - 2.4.1. Công cuộc thống nhất nước Đức
 - 2.4.2. Công cuộc thống nhất Italia
 - 2.4.3. Cải cách nông nô ở Nga
- 2.5. Nội chiến Mĩ (1861-1865)
- 3. Phong trào công nhân và chủ nghĩa xã hội từ giữa thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX
 - 3.1. Phong trào công nhân nửa đầu thế kỉ XIX
 - 3.2. Sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học
 - 3.3. Phong trào công nhân cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX
- 4. Các nước châu Âu và Mĩ cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX
 - 4.1. Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang giai đoạn độc quyền
 - 4.2. Các nước tư bản chủ yếu từ năm 1870 đến năm 1914
 - 4.2.1. Nước Anh
 - 4.2.2. Nước Pháp
 - 4.2.3. Nước Đức
 - 4.2.4. Nước Mĩ
 - 4.2.5. Nước Nga
- 5. Chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914-1918)
 - 5.1. Quan hệ quốc tế 30 năm cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX
 - 5.2. Nguyên nhân và tính chất của chiến tranh
 - 5.3. Diễn biến
 - 5.4. Hậu quả
- PHẦN LỊCH SỬ CẬN ĐẠI PHƯƠNG ĐÔNG (16 TL, 15 TL, 6 TH)**
- 6. Công cuộc cải cách Minh Trị duy tân ở Nhật Bản
 - 6.1. Nước Nhật trước cuộc cải cách Minh Trị
 - 6.2. Công cuộc cải cách Minh Trị
 - 6.3. Kết quả và ý nghĩa của cải cách Minh Trị

7. Trung Quốc thời cận đại

7.1. Các nước phương Tây xâm nhập Trung Quốc

7.2. Phong trào nông dân Thái Bình Thiên quốc

7.3. Phong trào Duy tân

7.4. Phong trào Nghĩa Hòa đoàn

7.5. Cách mạng Tân Hợi

8. Ấn Độ và khu vực Tây Nam Á thời cận đại

8.1. Ấn Độ

8.2. Tây Nam Á

9. Đông Nam Á thời cận đại

9.1. Đông Nam Á từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX

9.2. Quá trình xâm chiếm và cai trị các quốc gia Đông Nam Á của chủ nghĩa thực dân phương Tây

9.3. Cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của các nước Đông Nam Á từ thế kỉ XVI đến năm 1945

10. Các nước châu Phi, Mĩ la tinh thời cận đại

10.1. Châu Phi thời cận đại

10.2. Khu vực Mĩ la tinh thời cận đại

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ Lịch sử thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính

1.Vũ Dương Ninh, Nguyễn Văn Hồng (1998), Lịch sử thế giới cận đại, Nxb GD HN

9.2. Học liệu tham khảo

1.Phan Ngọc Liên (2006), Lịch sử thế giới cận đại / Phan Ngọc Liên, Đào Tuấn Thành, H.ĐHSP.

2. Phan Ngọc Liên... (1996), Thuật ngữ khái niệm lịch sử phổ thông, Nxb ĐHQG, HN

3. Đặng Đức An (2003), Những mẫu chuyện về lịch sử thế giới, Nxb GD HN

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.30. LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI/ HISTORY OF THE MODERN WORLD

- Mã học phần: 124550

- Số tín chỉ: 4 (36, 33, 15)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn lịch sử, Khoa Khoa học Xã hội, trường Đại học Hồng Đức.

- Điều kiện tiên quyết: Lịch sử thế giới cận đại

1. Mô tả học phần

Bao gồm những kiến thức cơ bản, toàn diện, hệ thống về lịch sử thế giới từ CMXHCN tháng Mười Nga 1917 đến nay, bao gồm các vấn đề chủ yếu sau: Sự hình thành và phát triển của hệ thống XHCN, các nước tư bản chủ nghĩa từ sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất đến nay; phong trào công nhân quốc tế và phong trào giải phóng dân tộc, những biến động của nhân loại trong thời kỳ hiện đại.

Năng lực đạt được: Phân tích và tổng hợp những kiến thức cơ bản về lịch sử thế giới hiện đại và nâng cao khả năng lập luận; khả năng tự nghiên cứu, thao tác tư duy độc lập, sáng tạo trong việc học tập, nghiên cứu các vấn đề Lịch sử thế giới

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Sinh viên cần nắm được những kiến thức cơ bản về toàn bộ quá trình lịch sử thế giới giai đoạn từ năm 1917 đến nay.

Nắm vững sự lựa chọn con đường Xã hội Chủ nghĩa của Đảng và nhà nước ta. Vai trò và vị trí của cách mạng Việt Nam đối với cách mạng thế giới qua các thời kỳ lịch sử.

2.2. Mục tiêu về Kỹ năng:

- Sinh viên có khả năng thuyết trình về các vấn đề chính trị, kinh tế, xã hội cơ bản của giai đoạn lịch sử thế giới hiện đại

- Có tư duy độc lập trong phân tích và giải quyết các nội dung/vấn đề cơ bản của lịch sử thế giới hiện đại

- Có khả năng làm việc/thảo luận theo nhóm.

2.2. Mục tiêu về thái độ:

- Có thái độ khách quan, khoa học trong nhìn nhận các vấn đề quan hệ quốc tế, nâng cao nhận thức tư tưởng về nội dung thời đại, chống “diễn biến hoà bình”, giáo dục lòng yêu hoà bình

- Sinh viên biết vận dụng những kiến thức đã học vào đời sống và xây dựng nhân cách của mỗi người.

3. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1: Cách mạng XHCN tháng Mười Nga năm 1917 và công cuộc XD CNXH ở Liên Xô (4,4,1)

I. Cách mạng XHCN tháng Mười Nga năm 1917

1. Nước Nga trước cách mạng

2. Cách mạng dân chủ tư sản tháng hai

3. Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng mười
4. Cuộc đấu tranh bảo vệ chính quyền Xô viết
5. Ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Mười Nga

II: Công cuộc xây dựng CNXH ở Liên Xô (1921-1941)

1. Chính sách kinh tế mới và công cuộc khôi phục kinh tế sau chiến tranh
2. Công cuộc công nghiệp hoá XHCN
3. Công cuộc tập thể hoá nông nghiệp
4. Những thành tựu của CNXH (1933-1937)

Chương II: Hệ thống Vecxai-Oasinhton và việc phân chia lại thế giới giữa các nước đế quốc thắng trận sau chiến tranh thế giới thứ nhất và Các nước tư bản chủ yếu trong giai đoạn 1918-1939 (4,4,2)

1. Hội nghị hoà bình Vecxai
2. Hội nghị Oasinhton và những hiệp ước được kí kết
3. Các nước tư bản chủ yếu giai đoạn 1918-1929
4. Các nước tư bản chủ yếu giai đoạn 1929-1939

Chương III: Phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa (1918-1945) (4,4,1)

1. Cao trào giải phóng dân tộc từ 1918-1945
2. Phong trào giải phóng dân tộc từ 1924-1929
3. Phong trào giải phóng dân tộc và phong trào mặt trận nhân dân chống phát xít trong những năm 1929-1939
4. Những phong trào cách mạng tiêu biểu

Chương IV: Quan hệ quốc tế dẫn đến chiến tranh và chiến tranh thế giới thứ hai (4,4,2)

- I. Quan hệ quốc tế dẫn đến chiến tranh thế giới thứ hai
 - 1: Sự sụp đổ của hệ thống Vecxai-Oasinhton và sự hình thành ba lò lửa chiến tranh
 2. Sự hình thành hai khối đế quốc đối lập và những con đường dẫn tới chiến tranh
- II. Chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945)

1. Giai đoạn thứ nhất: Đức đánh chiếm châu Âu (1-9-39/22-6-41)
2. Giai đoạn thứ hai: Đức tấn công Liên Xô, chiến tranh lan rộng ra toàn thế giới (22-6-41/19-11-42)
3. Giai đoạn thứ ba: Chiến thắng Xtalingrat và bước chuyển biến căn bản trong tiến trình chiến tranh thế giới thứ hai (19-11-42/24-12-1943)
4. Giai đoạn thứ tư: Những chiến thắng quyết định của phe đồng minh-Chủ nghĩa phát xít Hitle bị tiêu diệt
5. Giai đoạn thứ năm: Nhật đầu hàng, chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc (9-5-45/14-8-45)

Chương V: Liên Xô và các nước Đông Âu từ 1945 đến nay (4,4,2)

1. Liên Xô

2. Các nước Đông Âu
3. Quan hệ hợp tác giữa các nước XHCN
4. Nguyên nhân sụp đổ của CNXH ở Liên Xô và Đông Âu

Chương VI: Các nước tư bản chủ yếu từ 1945 đến nay (4,4,2)

I. Các giai đoạn phát triển và đặc điểm của CNTB hiện đại

2. Nước Mỹ
3. Nhật Bản
4. Các nước TB Tây Âu

Chương VII: Các nước Á - Phi-Mỹ latinh từ 1945 đến nay (6,5,2)

I. Các nước châu Á từ 1945 đến nay

1. Các nước Đông Bắc Á
 - Trung Quốc
 - Triều Tiên và Hàn Quốc
2. Các nước Đông Nam Á
 - Khái quát chung
 - Tình hình các nước Đông Nam á sau khi giành độc lập đến nay
 - ASEAN
3. Các nước Nam Á và Tây Á
 - Ấn Độ
 - Các nước Tây Á

II. Các nước châu Phi và Mỹ Latinh từ 1945 đến nay

1. Các nước châu Phi
 - 1. Khái quát chung
 - Angiêri
 - Cộng hoà Nam Phi và Êtiôpia
2. Các nước Mỹ Latinh
 - Khái quát chung
 - Cu Ba
 - Chilê và Nicaragua

Chương VIII: Quan hệ quốc tế từ 1945 đến nay (4,4,2)

1. Sự hình thành trật tự thế giới mới sau chiến tranh thế giới thứ hai
2. Những cuộc đấu tranh trong quan hệ quốc tế nhằm thực hiện những nguyên tắc đã cam kết về thanh toán chiến tranh và tổ chức hoà bình sau chiến tranh
3. Cuộc chiến tranh lạnh giữa hai cực Xô-Mỹ và hai khối Đông-Tây
4. Sự xuất hiện hai khối quân sự đối đầu và cuộc chạy đua vũ trang giữa hai khối
5. Quan hệ Xô-Mỹ trong thập niên 80
6. Quan hệ quốc tế từ 1991 đến nay

Chương IX: Cách mạng Khoa học kỹ thuật sau Chiến tranh thế giới thứ hai (2,2,1)

I. Bối cảnh lịch sử

II. Nội dung đặc điểm

III. Ý nghĩa, tác động

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ Lịch sử thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Nguyễn Anh Thái (cb) (2002), Lịch sử thế giới hiện đại 1917-19445, Nxb GD HN

9.2. Sách tham khảo:

1. Phan Ngọc Liên (2005), Lịch sử thế giới hiện đại, Nxb ĐHSP, 2005

2. Trần Thị Vinh (Cb) (2007), Lịch sử thế giới hiện đại (quyển 2), Nxb ĐH Sư phạm

3. Vũ Dương Ninh, Nguyễn Văn Kim (2007), Một số chuyên đề lịch sử thế giới:

Tập 2, Nxb ĐHQG HN.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.31. LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN LỊCH SỬ Ở TRƯỜNG THCS VÀ THPT/ THEORETICAL AND TEACHING METHODS IN TEACHING SCHOOL

- Số tín chỉ: 4 (36, 24, 24)

- Mã học phần: 124049

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Lịch sử

- Điều kiện tiên quyết: Phương pháp luận sử học

1. Mô tả học phần:

Lý luận và phương pháp dạy học môn lịch sử ở trường phổ thông là học phần bắt buộc, thuộc kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử, giúp sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về đối tượng, chức năng, nhiệm vụ của lý luận phương pháp dạy học lịch sử ở trường phổ thông; cơ sở phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của Phương pháp dạy học lịch sử; quá trình ra đời và phát triển của bộ môn PPDHLS ở Việt Nam và trên thế giới; thực trạng dạy học môn Lịch sử ở trường phổ thông hiện nay. Đồng thời, hiểu chương trình, xác định được chức năng, nhiệm vụ của môn Lịch sử ở trường phổ thông hiện nay và vận dụng vào thực tiễn dạy học.

Trên cơ sở xác định và phân tích được con đường hình thành tri thức lịch sử, đặc điểm môn học, SV tiếp cận, tìm hiểu và vận dụng hệ thống phương pháp sử dụng trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông. Từ đó, hình thành năng lực sư phạm.

Năng lực đạt được: Sinh viên hình thành năng lực tìm kiếm tư liệu; trình bày vấn đề; phân tích đánh giá vấn đề; Đặc biệt, có khả năng vận dụng lý thuyết vào thực hành các phương pháp dạy học môn Lịch sử ở trường THCS và THPT hiện nay

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu chung:

Người học có hệ thống kiến thức cơ bản về những vấn đề lý luận chung, về phương pháp dạy học môn lịch sử ở trường phổ thông. Trên cơ sở đó, bước đầu vận dụng thực hành thiết kế và tổ chức các hoạt động dạy học đối với môn Lịch sử ở trường THCS và THPT.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

2.1. Về kiến thức:

- Khẳng định và phân tích được Phương pháp DHLS ở trường phổ thông là một khoa học; Xác định được đối tượng, chức năng, nhiệm vụ của Phương pháp DHLS; Trình bày cơ sở phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của Phương pháp dạy học lịch sử; Biết quá trình ra đời và phát triển của bộ môn PPDHLS ở Việt Nam và trên thế giới.

- Phân tích được thực trạng dạy học môn Lịch sử ở trường phổ thông hiện nay.

- Hiểu chương trình, xác định được chức năng, nhiệm vụ của môn Lịch sử ở trường phổ thông hiện nay và vận dụng vào thực tiễn dạy học.

- Xác định và phân tích được con đường hình thành tri thức lịch sử, từ đó, vận dụng vào quá trình dạy học ở trường phổ thông hiện nay.

- Xác định rõ nhiệm vụ giáo dục của môn Lịch sử, các nội dung giáo dục và bước đầu biết vận dụng các biện pháp giáo dục trong dạy học bộ môn.

- Xác định được vai trò của môn lịch sử trong việc phát triển năng lực nhận thức và thực

hành cho HS. Đồng thời, bước đầu biết vận dụng các biện pháp nhằm phát triển các năng lực nhận thức và thực hành cho HS trong quá trình DH bộ môn.

- Phân tích được cơ sở lý luận của việc xác định và đổi mới phương pháp dạy học ở trường phổ thông.

- Trình bày và lý giải được cơ sở phân loại hệ thống phương pháp dạy học lịch sử ở trường phổ thông.

- Mô tả khái niệm và rèn luyện kỹ năng, phương pháp tiến hành các nhóm phương pháp dạy học môn Lịch sử. Từ đó, vận dụng thiết kế và tổ chức các hoạt động dạy học.

2.2. Về kỹ năng:

Học phần hình thành và rèn luyện cho HS các kỹ năng cơ bản, chuyên biệt như kỹ năng trình bày vấn đề, kỹ năng kỹ năng phân tích, đánh giá; kỹ năng vận dụng, thực hành bộ môn... Bên cạnh đó, học phần hỗ trợ SV hình thành một số kỹ năng chung như kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp ứng xử, xử lý tình huống, sử dụng công nghệ thông tin...

2.3. Về thái độ

+ Hình thành và nuôi dưỡng tình yêu và trách nhiệm đối với nghề.

+ Ý thức rèn luyện bản thân theo chuẩn mực nghề nghiệp.

+ Có ý thức tích cực góp phần đổi mới phương pháp dạy học

2.4. Năng lực định hướng phát triển

- Năng lực tìm kiếm tư liệu; trình bày vấn đề;

- Năng lực phân tích đánh giá vấn đề liên quan đến quá trình dạy học bộ môn;

- Năng lực vận dụng lý thuyết vào thực hành các phương pháp dạy học môn Lịch sử ở trường THCS và THPT hiện nay.

- Năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề, tư duy hiệu quả, giáo tiếp - ứng xử...

3. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung 1: Những vấn đề cơ bản về lý luận dạy học lịch sử (3 LT; 2 TL, 1 TH)

1.1. Quá trình ra đời của Lý luận dạy học lịch sử

1.2. Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu

1.3. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

1.4. Môn Lịch sử ở trường THCS và THPT

Nội dung 2: Quá trình hình thành tri thức lịch sử cho học sinh (3 LT; 1 TL, 2 TH)

2.1. Khái quát quá trình hình thành tri thức lịch sử cho học sinh

2.2. Các giai đoạn hình thành tri thức lịch sử cho học sinh

2.2.1. Cung cấp sự kiện lịch sử

2.2.2. Tạo biểu tượng lịch sử

2.2.3. Hình thành khái niệm lịch sử

2.2.4. Nêu quy luật và bài học lịch sử

Nội dung 3: Nhiệm vụ giáo dục và phát triển tư duy lịch sử cho học sinh trong dạy học lịch sử (3LT; 2 TL, 1 TH)

3.1. Nhiệm vụ giáo dục của môn Lịch sử

3.1.1. Môn Lịch sử với việc giáo dục học sinh

3.1.2. Nội dung giáo dục

- 3.1.3. Nguyên tắc và biện pháp giáo dục học sinh
- 3.2. Phát triển tư duy lịch sử cho học sinh
 - 3.2.1. Tư duy lịch sử
 - 3.2.2. Nội dung phát triển tư duy
 - 3.2.3. Một số biện pháp phát triển tư duy học sinh

Nội dung 4. PPDH và quá trình dạy học ở trường THCS và THPT (3 LT; 1TL, 2 TH)

- 4.1. Những quan niệm khác nhau về PPDH
- 4.2. Cơ sở lý luận của việc xác định hệ thống PPDHLS ở trường phổ thông

Nội dung 5. Hệ thống các phương pháp dạy học lịch sử ở trường phổ thông (3 LT; 2 TL, 2 TH)

- 5.1. Cơ sở để phân loại hệ thống PPDHLS
- 5.2. Phân loại hệ thống các phương pháp dạy học lịch sử ở trường phổ thông

Nội dung 6. Nhóm các phương pháp thông tin- tái hiện lịch sử (5 LT; 4 TL, 4 TH)

- 6.1. Phương pháp tường thuật
- 6.2. Phương pháp miêu tả
- 6.3. Phương pháp nêu đặc điểm của SKLS
- 6.4. Phương pháp giải thích sự kiện lịch sử
- 6.5. Những yêu cầu về mặt SP đối với việc trình bày miệng trong dạy học lịch sử
- 6.6. Phương pháp sử dụng đồ dùng trực quan

Nội dung 7. Nhóm các phương pháp phát triển năng lực nhận thức lịch sử (5LT;4TL, 4 TH)

- 7.1. Vị trí, vai trò .
- 7.2. Phương pháp sử dụng SGK lịch sử
- 7.3. Phương pháp sử dụng tài liệu tham khảo
- 7.4. Sử dụng tài liệu trên mạng Internet trong dạy học lịch sử
- 7.5. Phương pháp sử dụng hệ thống câu hỏi trong dạy học lịch sử
- 7.6. Phương pháp trao đổi, đàm thoại.

Nội dung 8. Nhóm các phương pháp tìm tòi, nghiên cứu lịch sử (4LT;4TL, 4 TH)

- 8.1. Dạy học liên môn
- 8.2. Dạy học nêu vấn đề
- 8.3. Thâm nhập thực tế xã hội
- 8.4. Tổ chức việc tự học lịch sử cho HS

Nội dung 9: Các phương pháp và kỹ thuật dạy học hiện đại (6 LT;4TL, 4 TH)

- 9.1. Đổi mới PPDHLS ở trường THPT
- 9.2. Tổ chức hoạt động nhóm và các kỹ thuật làm việc nhóm
- 9.3. Phương pháp đóng vai trong dạy học Lịch sử
- 9.4. Phương pháp tranh luận, phản biện
- 9.5. Phương pháp sử dụng sơ đồ tư duy

4. Yêu cầu của học phần

- Sinh viên phải có mặt trên lớp 80% thời gian học lý thuyết và thảo luận nhóm.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập được giao (cá nhân, nhóm), đúng thời gian quy định.

- Các bài tập phải được trình bày khoa học, rõ ràng theo yêu cầu từng nhiệm vụ học tập; được tham khảo các tư liệu đã giới thiệu hay các website để hoàn chỉnh bài làm, nhưng không được sao chép lại của nhau, không được sao chép trên website.... Nếu phát hiện ra sự sao chép, sinh viên sẽ bị điểm 0.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn người học tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 5 tiết giải đáp những câu hỏi, băn khoăn của người học.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%,
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%.
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

9. Tài liệu tham khảo chính

9.1. Giáo trình

- [1]. Phan Ngọc Liên (CB) (2012), Trịnh Đình Tùng, Nguyễn Thị Côi: *Phương pháp dạy học lịch sử*, tập 1,2, NXB Đại học Sư phạm HN
- [2]. SGK lịch sử lớp 6, Chương trình giáo dục phổ thông mới; SGK từ lớp 7 đến lớp 12, NXB Giáo dục Việt Nam, 2021.

9.2. Tài liệu tham khảo:

- [1]. Đỗ Ngọc Đạt (2000), Bài giảng lí luận dạy học hiện đại, NXB ĐHQG, Hà Nội.
- [2]. Phan Ngọc Liên (Cb) (2003), Phương pháp luận sử học, Nxb ĐHSP HN
- [3]. Trịnh Đình Tùng (Cb) (2006), Hệ thống các phương pháp dạy học lịch sử trường trung học cơ sở; Giáo trình đào tạo giáo viên trung học cơ sở hệ cao đẳng sư phạm, Nxb GD HN

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.32. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN LỊCH SỬ THCS VÀ THPT/ BUILDING A PLAN TO TAUGHT HISTORY IN HIGH SCHOOL

- Số tín chỉ: 4 (36, 24, 24)

- Mã học phần: 124053

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Lịch sử

- Điều kiện tiên quyết: Lý luận và PPDH môn Lịch sử ở trường phổ thông

1. Mô tả học phần:

Học phần *Xây dựng kế hoạch dạy học môn lịch sử ở trường phổ thông* là học phần bắt buộc, thuộc kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử, giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản về kế hoạch dạy học môn Lịch sử ở trường phổ thông (trình bày được thế nào là kế hoạch dạy học, kế hoạch dạy học gồm những gì, căn cứ xây dựng kế hoạch dạy học, các bước xây dựng kế hoạch, xây dựng mẫu bản kế hoạch dạy học...). Trên cơ sở đó, SV thực hành xây dựng các kế hoạch DH môn Lịch sử ở trường THCS và THPT.

Năng lực đạt được: Sinh viên hình thành năng lực tìm kiếm tư liệu; trình bày, phân tích đánh giá vấn đề; hệ thống hóa kiến thức; năng lực xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động DH môn Lịch sử ở trường THCS và THPT hiện nay.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu chung:

Người học có hệ thống kiến thức cơ bản về kế hoạch dạy học môn Lịch sử ở trường phổ thông (căn cứ xây dựng kế hoạch dạy học, các bước xây dựng kế hoạch, xây dựng mẫu bản kế hoạch dạy học...). Trên cơ sở đó, SV xây dựng được các kế hoạch DH môn Lịch sử ở trường THCS và THPT.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

2.1. Về kiến thức:

- SV trình bày được thế nào là kế hoạch dạy học, những nội dung cơ bản của kế hoạch dạy học.
- Xác định và phân tích được các căn cứ xây dựng kế hoạch dạy học môn Lịch sử.
- Xác định và trình bày được các bước xây dựng kế hoạch
- SV xây dựng được các mẫu về kế hoạch dạy học. Từ đó, vận dụng xây dựng kế hoạch DH môn Lịch sử THCS và THPT.

2.2. Về kỹ năng:

Học phần hình thành và rèn luyện cho HS các kỹ năng cơ bản, chuyên biệt như kỹ năng trình bày, phân tích vấn đề; kỹ năng xây dựng kế hoạch và vận dụng thực hành bộ môn... Bên cạnh đó, học phần hỗ trợ SV hình thành một số kỹ năng chung như kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp ứng xử, xử lý tình huống, sử dụng công nghệ thông tin...

2.3. Về thái độ

- + Rèn luyện phong cách học tập và làm việc khoa học, có kế hoạch cụ thể, rõ ràng.
- + Hình thành và nuôi dưỡng tình yêu và trách nhiệm đối với nghề.
- + Ý thức rèn luyện bản thân theo chuẩn mực nghề nghiệp.
- + Có ý thức tích cực góp phần đổi mới phương pháp dạy học

2.4. Năng lực định hướng phát triển

- Năng lực tìm kiếm tư liệu; trình bày vấn đề;
- Năng lực phân tích đánh giá vấn đề liên quan đến quá trình dạy học bộ môn;
- Năng lực xây dựng các kế hoạch liên quan đến môn học;
- Năng lực vận dụng lý thuyết vào thực hành các phương pháp dạy học môn Lịch sử ở trường THCS và THPT hiện nay;
- Năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề, tư duy hiệu quả, giáo tiếp - ứng xử...

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Những vấn đề chung về kế hoạch dạy học môn Lịch sử ở trường phổ thông (11LT; 6TL, 0 TH)

- 1.1. Thế nào là kế hoạch dạy học
- 1.2. Các loại kế hoạch
- 1.3. Vai trò của việc xây dựng kế hoạch dạy học

Chương 2: Nguyên tắc và căn cứ xây dựng các kế hoạch dạy học môn Lịch sử ở trường THPT (12LT; 9TL, 0 TH)

- 2.1. Nguyên tắc xây dựng
- 2.2. Những căn cứ xây dựng kế hoạch dạy học môn lịch sử ở trường phổ thông

Chương 3: Các bước xây dựng kế hoạch dạy học (13 LT; 9TL, 0)

- 3.1. Tìm hiểu chương trình. SGK
- 3.2. Xác định mục tiêu và năng lực cần đạt (năng lực đặc thù, năng lực chung)
- 3.3. Lựa chọn phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá kết quả học tập của GV
- 3.4. Xác định nhiệm vụ của GV và HS trong khâu chuẩn bị
- 3.5. Xác định các hoạt động học tập của HS
- 3.6. Xây dựng bản kế hoạch DH

Chương 4: Thực hành xây dựng kế hoạch dạy học (0LT; 0 TL, 24TH)

- 4.1. Thực hành xây dựng kế hoạch dạy học môn Lịch sử THCS
- 4.2. Thực hành xây dựng kế hoạch dạy học môn Lịch sử THPT

4. Yêu cầu của học phần

- Sinh viên phải có mặt trên lớp 80% thời gian học lý thuyết và thảo luận nhóm.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập được giao (cá nhân, nhóm), đúng thời gian quy định.
- Các bài tập phải được trình bày khoa học, rõ ràng theo yêu cầu từng nhiệm vụ học tập; được tham khảo các tư liệu đã giới thiệu hay các website để hoàn chỉnh bài làm, nhưng không được sao chép lại của nhau, không được sao chép trên website.... Nếu phát hiện ra sự sao chép, sinh viên sẽ bị điểm 0.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn người học tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 4 tiết giải đáp những câu hỏi, băn khoăn của người học.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%,
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%.

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

9. Tài liệu tham khảo chính

7.1. Giáo trình

[1]. Phan Ngọc Liên (CB) (2012), Trịnh Đình Tùng, Nguyễn Thị Côi: *Phương pháp dạy học lịch sử*, tập 1,2, NXB Đại học Sư phạm HN

[2]. SGK lịch sử lớp 6, chương trình giáo dục phổ thông mới; SGK từ lớp 7 đến lớp 12, NXB Giáo dục Việt Nam, 2021.

7.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Nguyễn Thị Côi (CB), Bài học lịch sử ở trường THCS, Nxb ĐHSP, HN, 2013

[2]. Nguyễn Thị Côi (2006), Các con đường, biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học lịch sử ở trường phổ thông, Nxb ĐHSP HN



KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.33. TỔ CHỨC DẠY HỌC MÔN LỊCH SỬ THCS VÀ THPT / ORGANIZATION OF TEACHING OF HISTORY IN HIGH SCHOOL

- Số tín chỉ: 4 (36, 24, 24)

- Mã học phần: 124057

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Lịch sử

- Điều kiện tiên quyết: Lý luận và PPDH môn Lịch sử ở trường phổ thông; Xây dựng kế hoạch dạy học môn lịch sử ở trường phổ thông.

1. Mô tả học phần:

Học phần *Tổ chức dạy học môn lịch sử ở trường phổ thông* là học phần bắt buộc, thuộc kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử, giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản về việc tổ chức hoạt động dạy học môn Lịch sử ở trường THCS và THPT (phân loại bài học lịch sử, các hình thức tổ chức, các bước tổ chức bài học lịch sử, các biện pháp nâng cao hiệu quả bài học...). Trên cơ sở đó, SV thực hành tổ chức các hình thức dạy học đối với các dạng bài cụ thể của môn Lịch sử ở trường THCS và THPT.

Năng lực đạt được: Sinh viên hình thành năng lực tổ chức các hoạt động DH, năng lực thực hành bộ môn.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu chung:

Người học có hệ thống kiến thức cơ bản về việc tổ chức dạy học môn Lịch sử ở trường phổ thông (phân loại bài học lịch sử, các hình thức tổ chức, các bước tổ chức bài học lịch sử, các biện pháp nâng cao hiệu quả bài học...). Trên cơ sở đó, SV vận dụng lý thuyết tổ chức được các hoạt động DH môn Lịch sử ở trường THCS và THPT.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

2.1. Về kiến thức:

- SV trình bày được cơ sở lý luận việc phân loại bài học lịch sử ở trường phổ thông. Từ đó, vận dụng phân loại bài học lịch sử.
- Nêu được các hình thức tổ chức DH, phân tích vai trò, vị trí, ý nghĩa của các hình thức DH bộ môn.
- Xác định được các bước tổ chức dạy học; vị trí và vai trò của mỗi bước tổ chức trong quá trình tiến hành tổ chức bài học lịch sử.
- SV nêu được các biện pháp nâng cao hiệu quả bài học lịch sử;
- Vận dụng được hệ thống phương pháp và kỹ thuật dạy học phù hợp tổ chức các loại bài học lịch sử THCS và THPT với các hình thức DH phù hợp.

2.2. Về kỹ năng:

Học phần hình thành và rèn luyện cho HS các kỹ năng cơ bản, chuyên biệt như kỹ năng tổ chức các hoạt động DH, kỹ năng thực hành bộ môn, kỹ năng vận dụng các phương pháp và kỹ thuật DH đặc trưng của môn Lịch sử vào quá trình DH... Bên cạnh đó, học phần hỗ trợ SV hình thành một số kỹ năng chung như kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp ứng xử, xử lý tình huống, sử dụng công nghệ thông tin...

2.3. Về thái độ

- + Rèn luyện phong cách học tập và làm việc khoa học, có kế hoạch cụ thể, rõ ràng.

- + Hình thành và nuôi dưỡng tình yêu và trách nhiệm đối với nghề.
- + Ý thức rèn luyện bản thân theo chuẩn mực nghề nghiệp.
- + Có ý thức tích cực góp phần đổi mới phương pháp dạy học

2.4. Năng lực định hướng phát triển

- Năng lực tổ chức các hoạt động dạy học môn Lịch sử ở trường THCS và THPT.
- Năng lực thực hành, gắn lý thuyết vào thực tiễn DH ở trường THCS và THPT hiện nay.
- Năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề, tư duy hiệu quả, giao tiếp - ứng xử...

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Những vấn đề chung bài học Lịch sử ở trường phổ thông (6LT; 3TL, 0 TH)

- 1.4. Khái niệm bài học lịch sử và hiệu quả bài học lịch sử
- 1.5. Các loại bài học lịch sử
- 1.6. Vai trò của bài học lịch sử

Chương 2: Hình thức tổ chức bài học lịch sử (10LT; 7TL, 0 TH)

- 2.1. Bài học nội khóa trên lớp
- 2.2 Bài học nội khóa tại di sản
- 2.2. Bài học ngoại khóa
- 2.3. Các loại bài học khác

Chương 3: Các bước cơ bản tiến hành tổ chức bài học lịch sử (12LT; 7TL, 0 TH)

- 3.1. Chuẩn bị
- 3.2. Khởi động
- 3.3. Tổ chức tìm hiểu kiến thức mới
- 3.4. Củng cố bài, liên hệ và mở rộng
- 3.5. Các hoạt động khác

Nội dung 4: Tổ chức hoạt động kiểm tra đánh giá trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông (8T; 7TL, 0 TH)

- 4.1. Mục đích, yêu cầu của việc kiểm tra, đánh giá
- 4.2. Các hình thức kiểm tra, đánh giá trong DHLS ở trường PT
- 4.3. Nội dung kiểm tra đánh giá trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông
- 4.4. Kỹ thuật soạn thảo câu hỏi kiểm tra, đánh giá trong DHLS

Nội dung 5: Thực hành xây dựng và tổ chức hoạt động dạy học ở trường phổ thông (0LT; 0 TL, 24 TH)

- 5.1. Xây dựng và thực hành bài học nội khóa trên lớp THCS
- 5.2. Xây dựng và thực hành bài học nội khóa tại DS THCS
- 5.3. Xây dựng và thực hành bài học ngoại khóa THCS
- 5.4. Xây dựng và thực hành bài học nội khóa trên lớp THPT
- 5.5. Xây dựng và thực hành bài học nội khóa tại DS THPT
- 5.6. Xây dựng và thực hành bài học ngoại khóa THPT
- 5.7. Mời GV THCS tổ chức giờ học mẫu
- 5.8. Mời GV THPT tổ chức giờ học mẫu

4. Yêu cầu của học phần

- Sinh viên phải có mặt trên lớp 80% thời gian học lý thuyết và thảo luận nhóm.

- Thực hiện đầy đủ các bài tập được giao (cá nhân, nhóm), đúng thời gian quy định.
- Các bài tập phải được trình bày khoa học, rõ ràng theo yêu cầu từng nhiệm vụ học tập; được tham khảo các tư liệu đã giới thiệu hay các website để hoàn chỉnh bài làm, nhưng không được sao chép lại của nhau, không được sao chép trên website.... Nếu phát hiện ra sự sao chép, sinh viên sẽ bị điểm 0.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn người học tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 4 tiết giải đáp những câu hỏi, băn khoăn của người học.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%,
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%.
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

9. Tài liệu tham khảo chính

9.1. Giáo trình

- [1]. Phan Ngọc Liên (CB) (2012), Trịnh Đình Tùng, Nguyễn Thị Côi: *Phương pháp dạy học lịch sử*, tập 1,2, NXB Đại học Sư phạm HN
- [2]. SGK lịch sử lớp 6, chương trình giáo dục phổ thông mới; SGK từ lớp 7 đến lớp 12, NXB Giáo dục Việt Nam, 2021.

9.2. Tài liệu tham khảo:

- [1]. Nguyễn Thị Côi (CB) (2013), Bài học lịch sử ở trường THCS, Nxb ĐHSP, HN.
- [2]. Nguyễn Thị Côi (2006), Các con đường, biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học lịch sử ở trường phổ thông, Nxb ĐHSP HN
- [3]. Nguyễn Thị Thúy (2020), Không gian di sản văn hóa thế giới Thành Tây Đô từ cuối TK XIV đến giữa TK XIX, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.34. PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH NHÀ TRƯỜNG/Developing of program at high schools

- Số tín chỉ: 02 (18, 18, 6)

- Mã học phần: 124032

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Lịch sử

- Điều kiện tiên quyết: Lý luận và PPDH môn Lịch sử ở trường phổ thông.

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Phát triển chương trình nhà trường là học phần bắt buộc, thuộc kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử, giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản về: Khái niệm chương trình đóng và chương trình mở, khái niệm phát triển chương trình nhà trường; tầm quan trọng của việc phát triển chương trình nhà trường; các tiền đề để phát triển chương trình nhà trường; Cấu trúc, quy trình (phân tích bối cảnh; phân tích chương trình hiện hành; phân công công việc; xác định chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ môn học, từ đó xác định những năng lực định hướng phát triển; thiết kế chương trình nhà trường; thực hiện chương trình nhà trường; đánh giá, điều chỉnh...).

Năng lực đạt được: SV phát triển năng lực phân tích, đánh giá chương trình; năng lực thiết kế, tổ chức, vận dụng và điều chỉnh khi thực hiện chương trình nhà trường. Từ đó, hỗ trợ SV hình thành tâm thế chủ động trong quá trình dạy học ở trường phổ thông.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Sau khi học xong học phần này, sinh viên đạt những mục tiêu sau:

- Trình bày được khái niệm chương trình đóng và chương trình mở, khái niệm phát triển chương trình nhà trường;

- Phân tích được tầm quan trọng của việc phát triển chương trình nhà trường; các điều kiện để phát triển chương trình nhà trường;

- Phân tích được điểm tích cực và những tồn tại của chương trình hiện hành. Từ đó, làm rõ những điểm khác biệt và ưu điểm của chương trình giáo dục phổ thông mới.

phân công định chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ môn học, từ đó xác định những năng lực định hướng phát triển; thiết kế chương trình nhà trường; thực hiện chương trình nhà trường; đánh giá, điều chỉnh

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Nhận diện được những yếu tố cơ bản trong các khái niệm “chương trình giáo dục”, “chương trình môn học” và “phát triển chương trình nhà trường”.

- Thiết kế được một/một số chủ đề/hoạt động giáo dục theo định hướng phát triển năng lực người học trong điều kiện cụ thể của nhà trường.

- Có khả năng phân tích, đánh giá các đề xuất phát triển chương trình môn học nhà trường theo định hướng phát triển năng lực người học.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Ý thức được tầm quan trọng của việc phát triển chương trình môn học nhà trường trong quá trình thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông theo định hướng ứng dụng và phát triển năng lực.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

(Lí thuyết 3 tiết, 0 thực hành + thảo luận 5 tiết, tự học 15 tiết)

- 1.1. Một số quan niệm tiêu biểu về chương trình giáo dục
- 1.2. Tiếp cận chương trình giáo dục
- 1.3. Khái niệm chương trình môn học
- 1.4. Cấu trúc chương trình môn học

Chương 2: PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH NHÀ TRƯỜNG

(Lí thuyết 3 tiết, 3 thực hành + thảo luận 8 tiết, tự học 35 tiết)

- 2.1. Phát triển chương trình giáo dục
- 2.2. Tiền đề, cấu trúc, quy trình
- 2.3. Phát triển chương trình nhà trường
- 2.4. Khái niệm chương trình đóng và chương trình mở
- 2.5. Phát triển chương trình nhà trường
- 2.6. Tiền đề, cấu trúc, quy trình

Chương 3: Thực hành thiết kế một số chủ đề/kế hoạch hoạt động giáo dục theo định hướng phát triển năng lực người học trong nhà trường THPT, THCS

(Lí thuyết 1 tiết, 7 thực hành + thảo luận 11 tiết, tự học 40 tiết)

- 3.1. Phân tích chương trình giáo dục THPT hiện hành
- 3.2. Xác định chuẩn kiến thức, kĩ năng môn học
- 3.3. Thiết kế nội dung, phương pháp dạy học tích hợp chương trình môn học với chương trình giáo dục địa phương
- 3.4. Xây dựng các chủ đề tự chọn theo hướng dạy học phân hoá
- 3.5. Thiết kế chuyển một số nội dung dạy học thành nội dung các hoạt động giáo dục.

4. Yêu cầu của môn học:

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Kết hợp các phương pháp dạy học chuyên ngành với các PP Thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với 1 số kĩ thuật dạy học tích cực khác.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy học, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc, tự nghiên cứu tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính

1. Nguyễn Thị Kim Dung, *Đào tạo nghiệp vụ sư phạm theo định hướng hình thành năng lực nghề cho sinh viên*, Nxb Đại học sư phạm, 2015

9.2. Tài liệu tham khảo

1. Đinh Quang Báo (Chủ biên), Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Thị Kim Dung, Hà Thị Lan Hương, Vũ Thị Sơn (2016), *Chương trình đào tạo giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông*, Nxb Đại học sư phạm.

2. Trần Chí Bình, *Năng lực quản lý và Phát triển chương trình giáo dục ở THPT*, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Dự án phát triển giáo dục THPT. Tài liệu điện tử, 2014

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

CHỌN 1 TRONG 2 HỌC PHẦN (9.35a, 9.35b)

9.35a. CÁC CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP TRONG LỊCH SỬ THẾ GIỚI/ INDUSTRIAL REVOLUTIONS IN WORLD HISTORY

- Số tín chỉ: 2 (18, 18, 6)
- Mã học phần: 124002
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Lịch sử
- Điều kiện tiên quyết: Lịch sử thế giới hiện đại

1. Mô tả học phần:

- Nội dung của học phần: Học phần Các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử thế giới bao gồm 3 chương. Chương 1: Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất. Chương 2: Cách mạng công nghiệp lần thứ hai. Chương 3: Cách mạng công nghiệp lần thứ ba. Chương 4: Cách mạng công nghiệp lần thứ tư
- Năng lực đạt được: Người học nắm vững về bối cảnh ra đời của các cuộc cách mạng công nghiệp, những thành tựu của các cuộc cách mạng công nghiệp và ý nghĩa của nó. Từ đó thấy được vai trò, trách nhiệm của bản thân trong việc giữ gìn, phát huy các giá trị của nhân loại

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức: Cung cấp cho sinh viên những tri thức có tính hệ thống quá trình ra đời của các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử loài người, từ cuộc cách mạng công nghiệp đầu tiên từ cuối thế kỉ XVIII đến cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay. Những thành tựu chủ yếu của các cuộc cách mạng công nghiệp và những giá trị lớn lao của nó

2.2. Mục tiêu về kỹ năng: Hình thành kỹ năng phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề đặt ra, có phương pháp nhận thức khách quan về quá trình ra đời của các cuộc cách mạng, về vai trò của cách mạng công nghiệp và vai trò của CNTT, vận dụng những tri thức về các cuộc cách mạng công nghiệp trên thế giới vào thực tiễn cuộc sống hiện nay. Biết vận dụng kiến thức của môn học vào việc vào hoạt động thực tiễn của bản thân một cách năng động và sáng tạo: cách mạng công nghiệp trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt nam, ở địa phương.

2.3. Mục tiêu về thái độ: Người học hình thành được phẩm chất đạo đức cách mạng, lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng, có niềm tin vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của nước ta hiện nay

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất (LT 4, TL 5, TH 1)

- 1.1. Bối cảnh lịch sử
 - 1.1.1. Tây Âu sau phong trào cách mạng tư sản
 - 1.1.2. Thành tựu về kinh tế, khoa học kỹ thuật Tây Âu giữa thế kỉ XVIII.
- 1.2. Những thành tựu cơ bản

- 1.2.1. Cải tiến kĩ thuật trong ngành dệt ở Anh và sự ra đời máy hơi nước
- 1.2.2. Thành tựu trong khai mỏ và luyện kim
- 1.2.3. Thành tựu trong giao thông vận tải và liên lạc
- 1.3. Ý nghĩa của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất

- 1.3.1. Đối với sự phát triển kinh tế

- 1.3.2. Đối với văn hóa-xã hội

Chương 2: Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai(LT 4, TL 5, TH 1)

2.1. Bối cảnh lịch sử

2.1.1. Tây Âu giữa thế kỉ XIX

2.1.2. Thành tựu về kinh tế, khoa học kĩ thuật Tây Âu giữa thế kỉ XIX

2.2. Những thành tựu cơ bản

2.2.1. Cách mạng công nghiệp trong các ngành công nghiệp nặng

2.2.2. Thành tựu trong các ngành chế biến và dịch vụ

2.2.3. Thành tựu trong giao thông vận tải và liên lạc

2.3. Ý nghĩa của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai

2.3.1. Đối với sự phát triển kinh tế

2.3.2. Đối với sự phát triển của giai cấp tư sản công nghiệp và vô sản công nghiệp

2.3.3. Quá trình đô thị hoá

Chương 3: Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba(LT 5, TL 4, 2 TH)

3.1. Bối cảnh lịch sử

3.1.1. Thế giới nửa sau thế kỉ XX

3.2. Thành tựu KHKT nửa sau thế kỉ XX

3.2.1. Tự động hoá dựa vào máy tính, thiết bị điện tử

3.2.2. Công nghệ thông tin, Internet,...

3.2.3. Các lĩnh vực khác

3.3. Ý nghĩa của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai

1.3.1. Đối với sự phát triển kinh tế

1.3.2. Đối với văn hóa-xã hội

Chương 4: Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (Cách mạng 4.0) (LT 5, TL 4, 2 TH)

4.1. Bối cảnh lịch sử

4.1.1. Thành tựu khoa học công nghệ đầu thế kỉ XXI

4.1.2. Những vấn đề kinh tế xã hội thế giới

4.2. Những thành tựu cơ bản

4.2.1. Sự phát triển kĩ thuật số, trí tuệ nhân tạo

4.2.2. Công nghệ sinh học và sự phát triển của các công nghệ liên ngành, đa ngành

4.3. Ý nghĩa của cách mạng công nghiệp lần thứ tư

4.3.1. Về kinh tế

4.3.2. Về xã hội, văn hoá

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Klaus Schwab, (2019), *Cách mạng công nghiệp lần thứ 4*, NXB Chính trị quốc gia

9.2. Sách tham khảo:

1. Jay Agrand, Joshia Gans, (2020) *All trong cuộc cách mạng công nghệ 4.0*, NXB lao động.

2. Vũ Dương Ninh (2010), *Lịch sử văn minh thế giới*, NXB Giáo dục.

3. HouBing Song, Ravi Srinivasan, Tamim Sookoor, Sabina Jeschke (2020) *Thành phố thông minh – Nền tảng, nguyên lý và ứng dụng*, NXB Chính trị quốc gia.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.35b. CÁC TÔN GIÁO LỚN TRÊN THẾ GIỚI/ THE BIGGEST RELIGIONS IN THE WORLD

- Số tín chỉ: 02 (18, 18, 6)

- Mã học phần: 124070

- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Lịch sử

- Điều kiện tiên quyết: Lịch sử thế giới hiện đại.

1. Mô tả học phần

Học phần Các tôn giáo lớn trên thế giới cung cấp một hệ thống kiến thức cơ bản về tôn giáo và các tôn giáo lớn trên thế giới : những khái niệm cơ bản về tôn giáo, cơ sở hình thành, giáo lý, giáo luật, quá trình phát triển ... của ba tôn giáo lớn trên thế giới: Thiên Chúa giáo, Phật giáo và Hồi giáo. Học phần đi sâu Học phần đi vào tìm hiểu nguồn gốc, các hình thức phát triển của tôn giáo; Chức năng, vai trò của tôn giáo trong đời sống xã hội nói chung; phán đoán xu thế phát triển của tôn giáo trên cơ sở khoa học và thực tiễn cuộc sống ; quá trình phát triển và vai trò của đạo Kitô trong lịch sử nhân loại; quá trình xâm nhập và phát triển của đạo Kitô ở Việt Nam...Quá trình phát triển và vai trò của đạo Hồi, sự du nhập và đặc điểm của đạo Hồi ở Việt Nam...

Năng lực đạt được: Sinh viên có khả năng phân tích, nhận diện được các vấn đề cốt lõi của các tôn giáo trên thế giới. Là kiến thức cơ bản, nền tảng để phục vụ cho việc giảng dạy nghiên cứu sau này.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

+ Hiểu biết cơ bản về tôn giáo: tôn giáo là gì, nguồn gốc, vai trò của tôn giáo, các hình thức tôn giáo trong lịch sử, xu thế phát triển của tôn giáo...

+ Nắm được những kiến thức cần thiết về các tôn giáo lớn trên thế giới (hoàn cảnh ra đời, nội dung giáo lý, giáo luật của Kitô giáo, Phật giáo, Hồi giáo)

+ Phân tích được vai trò của các tôn giáo trong lịch sử và xã hội hiện đại

- Hiểu được quá trình xâm nhập các tôn giáo lớn vào Việt Nam, vai trò các tôn giáo đó trong đời sống hiện nay

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

+ SV rèn luyện các kỹ năng phân tích, tổng hợp, so sánh.

+ Biết tiếp cận vấn đề, giải quyết vấn đề một cách khoa học

+ Suru tầm, xử lý các nguồn tài liệu cần thiết cho học tập nghiên cứu

- Có kỹ năng phân tích, khái quát, vận dụng kiến thức đang học vào cuộc sống.

2.3. Mục tiêu về thái độ người học

- Học phần Các tôn giáo lớn trên thế giới có nhiệm vụ góp phần xây dựng quan điểm, nhân văn, có thái độ đúng, biết quý trọng và gìn giữ những thành tựu trên lĩnh vực tư tưởng của văn minh nhân loại.

- Sinh viên biết vận dụng những kiến thức đã học vào đời sống và xây dựng nhân cách của mỗi người.

3. Nội dung học phần

3.1. Nội dung chi tiết học phần

Phần I: Những vấn đề lý luận chung về tôn giáo

Chương I: Những vấn đề lý luận chung về tôn giáo (LT 2t; TL 2t)

1. Định nghĩa: Tôn giáo là gì?
2. Nguồn gốc, các hình thức phát triển
3. Chức năng, vai trò của tôn giáo trong đời sống xã hội
4. Xu thế phát triển của tôn giáo

Phần II: Các tôn giáo lớn trên thế giới:

Chương II : Đạo Kitô (LT 5t; TL 6t, TH 2t)

1. Hoàn cảnh ra đời
2. Sự ra đời
3. Giáo lý, giáo luật
4. Quá trình phát triển và vai trò lịch sử của Kitô giáo
5. Những đặc điểm của đạo Kitô
6. Thiên Chúa giáo ở Việt Nam

Chương III: Đạo Phật (LT 6t; TL 6t, TH 2t)

1. Hoàn cảnh ra đời
2. Sự ra đời
3. Giáo lý, giáo luật
4. Lễ nghi và tổ chức, các giáo phái
5. Quá trình phát triển và vai trò lịch sử của Phật giáo
6. Những đặc điểm
7. Phật giáo ở Việt Nam

Chương IV: Đạo Hồi (LT 5t; TL 4t, TH 2t)

1. Tình hình bán đảo Arập trước TK VII
2. Sự ra đời và phát triển của đạo Ixlam
3. Giáo lý, giáo luật
4. Các giáo phái
5. Những nhận xét
6. Hồi giáo ở Việt Nam

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Tài liệu bắt buộc:

1. Đặng Nghiêm Vạn (CB), Những vấn đề lý luận và thực tiễn tôn giáo ở VN, NXBKHXH, 1998

9.2. Học liệu tham khảo:

1. Lương Thị Thoa, Lịch sử ba tôn giáo lớn trên TG, NXB ĐHQG, 2002
2. Nhiều tác giả, Tôn giáo và đời sống hiện đại, Trung tâm KHXH, 1992
3. Nhiều tác giả, Những vấn đề tôn giáo hiện nay, NXB KHXH, 1998
4. Đỗ Minh Hợp, Tôn giáo lý luận xưa và nay, NXB Tổng hợp T HCM, 2005

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

CHỌN 1 TRONG 2 HỌC PHẦN (9.36a, 9.36b)

9.36a. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM HƯỚNG NGHIỆP TRONG DẠY HỌC LỊCH SỬ THCS VÀ THPT/ CREATIVE EXPERIENCE ACTIVITIES IN HISTORY TEACHING

- Số tín chỉ: 2 (18, 12, 12)
- Mã học phần: 124061
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Lịch sử
- Điều kiện tiên quyết: Lý luận và PPDH môn Lịch sử ở trường phổ thông; Xây dựng kế hoạch dạy học môn lịch sử ở trường phổ thông; Tổ chức hoạt động DH môn LS ở trường PT.

1. Mô tả học phần:

Học phần *Các hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp môn lịch sử ở trường phổ thông* là học phần tự chọn, thuộc kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử, giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản về việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp trong dạy học môn Lịch sử ở trường THCS và THPT (khái niệm; vị trí, vai trò các hoạt động trải nghiệm; các hình thức và biện pháp tổ chức; các bước tiến hành; những lưu ý khi tổ chức...). Trên cơ sở đó, SV vận dụng kiến thức, thực hành thiết kế và tổ chức các hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp trong DH Lịch sử ở trường THCS và THPT.

Năng lực đạt được: Sinh viên hình thành năng lực thiết kế các hoạt động hướng nghiệp, năng lực tổ chức và thực hành bộ môn. Đồng thời, góp phần phát triển các năng lực chung như năng lực hợp tác, giao tiếp ứng xử, xử lý tình huống...

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu chung:

Người học có hệ thống kiến thức cơ bản về việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp trong dạy học môn Lịch sử ở trường THCS và THPT (khái niệm; vị trí, vai trò các hoạt động trải nghiệm; nội dung tổ chức; các hình thức và biện pháp tổ chức; các bước tiến hành; những lưu ý khi tổ chức...). Trên cơ sở đó, SV vận dụng thiết kế và thực hành tổ chức các hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp trong môn Lịch sử ở trường THCS và THPT.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

2.1. Về kiến thức:

- SV trình bày được các khái niệm liên quan hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp; phân tích vai trò và xác định vị trí các hoạt động trải nghiệm trong việc hình thành năng lực HS khi DH môn Lịch sử.

- Xác định được cơ sở lựa chọn nội dung tổ chức, các hình thức và biện pháp tổ chức;

- Nêu được các bước tiến hành và những lưu ý khi tổ chức hoạt động trải nghiệm môn Lịch sử.

- Trên cơ sở đó, SV vận dụng lý thuyết hiệu quả để thiết kế và thực hành tổ chức các hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp trong môn Lịch sử ở trường THCS và THPT.

2.2. Về kỹ năng:

Học phần hình thành và rèn luyện cho HS các kỹ năng cơ bản, chuyên biệt như kỹ năng trình bày, phân tích vấn đề; kỹ năng vận dụng thực hành bộ môn, tổ chức các hoạt động trải nghiệm trong DH Lịch sử... Bên cạnh đó, học phần hỗ trợ SV hình thành một số kỹ năng chung như kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp ứng xử, xử lý tình huống, sử dụng công nghệ thông tin...

2.3. Về thái độ

- + Rèn luyện phong cách học tập và làm việc KH, có kế hoạch cụ thể, rõ ràng.
- + Hình thành và nuôi dưỡng tình yêu và trách nhiệm đối với nghề.
- + Ý thức rèn luyện bản thân theo chuẩn mực nghề nghiệp.
- + Có ý thức tích cực góp phần đổi mới phương pháp dạy học

2.4. Năng lực định hướng phát triển

- Năng lực tìm kiếm tư liệu; trình bày vấn đề;
- Năng lực phân tích đánh giá vấn đề liên quan đến việc tổ chức các hoạt động học tập;
- Năng lực tổ chức các hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp trong dạy học môn Lịch sử ở trường THCS và THPT hiện nay;
- Năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề, tư duy hiệu quả, giáo tiếp - ứng xử, gắn lý thuyết với thực tế...

3. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung 1: Những vấn đề chung về việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp môn Lịch sử ở trường THCS và THPT (2TL; 2TL)

- 1.1. Các khái niệm liên quan
- 1.2. Vai trò, vị trí của hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp trong DH Lịch sử
- 1.3. Các yêu cầu cơ bản khi tổ chức
- 1.4. Thực trạng tổ chức

Nội dung 2: Nội dung, hình thức, biện pháp tổ chức (8 LT; 5 TL)

- 2.1. Cơ sở xác định nội dung, hình thức, biện pháp tổ chức
- 2.2. Nội dung tổ chức
- 2.2. Các hình thức tổ chức
- 2.3. Một số biện pháp

Nội dung 3: Các bước tổ chức cơ bản (8 LT; 5 TL)

- 3.1. Những yêu cầu cơ bản khi tiến hành
- 3.2. Chuẩn bị
- 3.3. Tổ chức
- 3.4. Đánh giá, nhận xét hoạt động

Nội dung 4: Thực hành thiết kế và tổ chức hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông(0 LT; 0 TL, 12 TH)

- 4.1. Thiết kế và thực hành tổ chức hoạt động trải nghiệm đối với HS THCS
- 4.2. Thiết kế và thực hành tổ chức hoạt động trải nghiệm đối với HS THPT

4. Yêu cầu của học phần

- Sinh viên phải có mặt trên lớp 80% thời gian học lý thuyết và thảo luận nhóm.

- Thực hiện đầy đủ các bài tập được giao (cá nhân, nhóm), đúng thời gian quy định.
- Các bài tập phải được trình bày khoa học, rõ ràng theo yêu cầu từng nhiệm vụ học tập; được tham khảo các tư liệu đã giới thiệu hay các website để hoàn chỉnh bài làm, nhưng không được sao chép lại của nhau, không được sao chép trên website.... Nếu phát hiện ra sự sao chép, sinh viên sẽ bị điểm 0.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn người học tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 tiết giải đáp những câu hỏi, băn khoăn của người học.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%,
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%.
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

9. Tài liệu tham khảo chính

9.1. Giáo trình

[1]. Vũ Tuấn Anh, Đào Trung Thành (2018), Hướng nghiệp 4.0, Nxb Thanh Niên

[2]. Nguyễn Văn Lê, Hà Thế Truyền, *Một số kinh nghiệm về giáo dục phổ thông và hướng nghiệp trên thế giới*, Nxb Đại học sư phạm, 2004

9.2. Tài liệu tham khảo:

[3]. Phan Ngọc Liên (CB) (2012), Trịnh Đình Tùng, Nguyễn Thị Côi: *Phương pháp dạy học lịch sử*, tập 1,2, NXB Đại học Sư phạm HN

[4]. Lê Thị Phương (chủ biên) (2020), *Cẩm nang hướng nghiệp cho học sinh Trung học phổ thông tỉnh Thanh Hóa*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

[5]. Nguyễn Thị Thúy (2020), Không gian di sản văn hóa thế giới Thành Tây Đô từ cuối TK XIV đến giữa TK XIX, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.36b. XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC CÁC DỰ ÁN HỌC TẬP MÔN LỊCH SỬ THCS VÀ THPT/ BUILDING AND ORGANIZING HIGH SCHOOL AND HIGH SCHOOL HISTORY LEARNING PROJECTS

- Số tín chỉ: 2 (18, 12, 12)

- Mã học phần: 124024

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Lịch sử

- Điều kiện tiên quyết: Lý luận và PPDH môn Lịch sử ở trường phổ thông; Xây dựng kế hoạch dạy học môn lịch sử ở trường phổ thông; Tổ chức hoạt động DH môn LS ở trường PT.

1. Mô tả học phần:

Học phần *Xây dựng và tổ chức các dự án học tập môn Lịch sử THCS và THPT* là học phần tự chọn, thuộc kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử, giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản về việc xây dựng và tổ chức các dự án học tập trong dạy học môn Lịch sử ở trường THCS và THPT nhằm hình thành và phát triển cho SV các năng lực thiết kế, xây dựng, tổ chức các hoạt động trải nghiệm thông qua các dự án học tập, gắn kiến thức lịch sử với thực tiễn cuộc sống, tăng cường tổ chức dạy học liên môn. Đồng thời, phát triển các năng lực chung cần thiết.

Năng lực đạt được: Sinh viên hình thành năng lực vận dụng kiến thức môn lịch sử, kiến thức liên môn thiết kế, xây dựng và tổ chức các dự án học tập, các hoạt động trải nghiệm cho HS THCS và THPT. Đồng thời, góp phần phát triển các năng lực chung như năng lực hợp tác, giao tiếp ứng xử, xử lý tình huống...

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu chung:

Người học có hệ thống kiến thức cơ bản về việc thiết kế, xây dựng và tổ chức các dự án học tập trong dạy học môn Lịch sử ở trường THCS và THPT (khái niệm dự án học tập; mục đích, ý nghĩa của việc xây dựng và tổ chức các dự án học tập trong DH bộ môn và trong quá trình giáo dục HS; nội dung các dự án học tập; các hình thức và biện pháp tổ chức; các bước tiến hành; những lưu ý khi thiết kế và tổ chức các dự án học tập...). Trên cơ sở đó, SV vận dụng thiết kế và thực hành thiết kế, tổ chức các dự án học tập trong môn Lịch sử ở trường THCS và THPT.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

2.1. Về kiến thức:

- SV trình bày được các khái niệm liên quan hoạt động xây dựng và tổ chức các dự án học tập môn Lịch sử THCS và THPT; xác định được mục đích và phân tích ý nghĩa của các dự án học tập trong việc hình thành năng lực HS khi DH môn Lịch sử.

- Xác định được nội dung tổ chức, các hình thức và biện pháp tổ chức; Giải thích được cơ sở để lựa chọn nội dung, hình thức và biện pháp tổ chức.

- Nêu được các bước tiến hành và những lưu ý khi thiết kế và tổ chức các dự án học tập môn Lịch sử THCS và THPT.

- Trên cơ sở đó, SV vận dụng lý thuyết hiệu quả để thiết kế và thực hành tổ chức các dự án học tập trong môn Lịch sử THCS và THPT.

2.2. Về kỹ năng:

Học phần hình thành và rèn luyện cho HS các kỹ năng cơ bản, chuyên biệt như kỹ năng kỹ năng vận dụng thực hành bộ môn; thiết kế, tổ chức các dự án học tập, hoạt động trải nghiệm, gắn lý thuyết với thực tiễn, vận dụng dạy học liên môn... Bên cạnh đó, học phần hỗ trợ SV hình thành một số kỹ năng chung như kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp ứng xử, xử lý tình huống, sử dụng công nghệ thông tin...

2.3. Về thái độ

- + Rèn luyện phong cách học tập và làm việc KH, có kế hoạch cụ thể, rõ ràng.
- + Hình thành và nuôi dưỡng tình yêu và trách nhiệm đối với nghề.
- + Ý thức rèn luyện bản thân theo chuẩn mực nghề nghiệp.
- + Có ý thức tích cực góp phần đổi mới phương pháp dạy học

2.4. Năng lực định hướng phát triển

- - Năng lực thực hành bộ môn, gắn lý thuyết với thực tiễn;
- Năng lực xây dựng và tổ chức các hoạt động trải nghiệm thông qua các dự án học tập trong dạy học môn Lịch sử ở trường THCS và THPT hiện nay;
- Năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề, tư duy hiệu quả, giáo tiếp - ứng xử,...

3. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung 1: Những vấn đề chung trong xây dựng và tổ chức các dự án học tập môn Lịch sử THCS và THPT (2TL; 2TL)

- 1.1. Các khái niệm liên quan
- 1.2. Mục đích hoạt động
- 1.3. Ý nghĩa của hoạt động
- 1.4. Các yêu cầu cơ bản khi thiết kế, tổ chức
- 1.5. Thực trạng vấn đề

Nội dung 2: Nội dung, hình thức, biện pháp xây dựng và tổ chức (8 LT; 5 TL)

- 2.1. Cơ sở xác định nội dung, hình thức, biện pháp
- 2.2. Nội dung
- 2.2. Các hình thức
- 2.3. Một số biện pháp

Nội dung 3: Các bước tổ chức cơ bản (8 LT; 5 TL)

- 3.1. Những yêu cầu cơ bản khi tiến hành
- 3.2. Chuẩn bị
- 3.3. Tổ chức
- 3.4. Đánh giá, nhận xét hoạt động

Nội dung 4: Thực hành thiết kế và tổ chức các dự án học tập trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông(0 LT; 0 TL, 12 TH)

- 4.1. Thiết kế và thực hành tổ chức các dự án học tập đối với HS THCS
- 4.2. Thiết kế và thực hành tổ chức các dự án học tập đối với HS THPT

4. Yêu cầu của học phần

- Sinh viên phải có mặt trên lớp 80% thời gian học lý thuyết và thảo luận nhóm.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập được giao (cá nhân, nhóm), đúng thời gian quy định.
- Các bài tập phải được trình bày khoa học, rõ ràng theo yêu cầu từng nhiệm vụ học

tập; được tham khảo các tư liệu đã giới thiệu hay các website để hoàn chỉnh bài làm, nhưng không được sao chép lại của nhau, không được sao chép trên website.... Nếu phát hiện ra sự sao chép, sinh viên sẽ bị điểm 0.

5. Phương pháp giảng dạy: Chủ yếu vận dụng phương pháp dạy học dự án kết hợp các kỹ thuật DH hiện đại (làm việc nhóm khăn phủ bàn, bể cá, nhóm chuyên gia, tranh luận, phản biện, đóng vai...)

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn người học tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 tiết giải đáp những câu hỏi, băn khoăn của người học.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%,
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%.
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

9. Tài liệu tham khảo chính

9.1. Giáo trình

9.2. Tài liệu tham khảo:

9.1. Giáo trình

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo - Dự án Việt Bỉ (2010), *Dạy và học tích cực - một số phương pháp và kỹ thuật dạy học*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Phan Ngọc Liên (CB) (2012), Trịnh Đình Tùng, Nguyễn Thị Côi: *Phương pháp dạy học lịch sử*, tập 1,2, NXB Đại học Sư phạm HN

[3]. Robert J. Marzano (2013), *Các phương pháp dạy học hiệu quả*, NXB Giáo dục Việt Nam.

[4]. Nguyễn Thị Thúy (2020), Không gian di sản văn hóa thế giới Thành Tây Đô từ cuối TK XIV đến giữa TK XIX, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

CHỌN 1 TRONG 2 HỌC PHẦN (9.37a, 9.37b)

9.37a. QUAN HỆ QUỐC TẾ TRONG VÀ SAU CHIẾN TRANH LẠNH/ INTERNATIONAL RELATIONS DURING AND AFTER COLD WAR

- Mã học phần: 124003

- Số tín chỉ: 2 (18, 18, 6)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn lịch sử, Khoa Khoa học Xã hội, trường Đại học Hồng Đức.

- Điều kiện tiên quyết: Lịch sử thế giới hiện đại

1. Mô tả học phần

Học phần bao gồm tình hình, đặc điểm của quan hệ quốc tế sau chiến tranh thế giới lần thứ II (1945) đến nay. Nội dung học phần chỉ ra đặc trưng của mối quan hệ quốc tế trong giai đoạn này là quan hệ đối đầu giữa hai khuynh hướng phát triển tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa và Quan hệ quốc tế sau chiến tranh lạnh

Năng lực đạt được: Sinh viên có quan điểm đúng đắn về các mối quan hệ quốc tế đã diễn ra từ 1945 đến nay, từ đó vận dụng những kinh nghiệm của các mối quan hệ quốc tế để giải quyết những vấn đề có liên quan trong giảng dạy và công tác.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Quan hệ quốc tế sau chiến tranh thế giới thứ 2 là sự tổng hợp những mối quan hệ trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội... của các chủ thể trong cộng đồng quốc tế, bao gồm các nhà nước, các tập đoàn chính trị, các tổ chức khu vực, các tổ chức quốc tế. Sinh viên cần nắm được 3 nội dung cơ bản sau đây:

Quá trình xác lập trật tự hai cực Ianta mà thực chất là sự phân chia phạm vi ảnh hưởng giữa hai cực Xô-Mỹ, tình trạng chiến tranh lạnh và những biểu hiện của nó. Xu hướng hoà hoãn Đông-Tây, sự kết thúc tình trạng chiến tranh lạnh và sự giải thể trật tự hai cực Ianta.

Những nét khái quát về quan hệ quốc tế sau chiến tranh lạnh, những mâu thuẫn mới nảy sinh và sự chuyển hoá của những mâu thuẫn cũ trong quan hệ quốc tế. Cuộc chiến chống khủng bố của Mỹ sau sự kiện 11-9-2001 và tác động đối với quan hệ quốc tế.

Cuộc cách mạng khoa học-kỹ thuật sau chiến tranh thế giới thứ hai, xu thế toàn cầu hoá và tác động của nó đối với sự phát triển của quan hệ quốc tế.

2.2. Về kỹ năng: Học phần giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng

- Kỹ năng phân tích, đánh giá sự kiện lịch sử, liên hệ với tình hình giới đang diễn ra
- Cách tiếp cận vấn đề, giải quyết vấn đề một cách khoa học
- Sưu tầm, xử lý Lịch sử các nguồn tài liệu cần thiết cho học tập nghiên cứu
- Phân tích, khái quát, vận dụng kiến thức đang học vào cuộc sống.

2.3 Mục tiêu về thái độ người học:

Người học có thái độ tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp, chủ động

chuẩn bị bài và làm bài tập ở nhà, trung thực trong kiểm tra, đánh giá.

3. Nội dung chi tiết học phần:

Chương I: Khái quát về quan hệ quốc tế trước năm 1945 (4, 5,1)

I. Khái niệm về quan hệ quốc tế và lịch sử hình thành quan hệ quốc tế

II. Quan hệ quốc tế giữa hai cuộc chiến tranh thế giới.

1. Sự hình thành thế giới mới sau CTTG I (1919-1929)
2. Hệ thống hòa ước Vecsxai (1919-1920)
3. Hệ thống hiệp ước Oasinhton (1921-1929)
4. Trật tự thế giới trong thập niên 20
5. Quan hệ quốc tế của nước Nga Xô viết sau cách mạng tháng Mười (1917-1929)
6. Sự sụp đổ của hệ thống Vecsxai-Oasinhton và con đường dẫn đến chiến tranh thế giới thứ hai (1929-1939)
7. Sự hình thành 3 lò lửa chiến tranh thế giới
8. Con đường dẫn đến chiến tranh thế giới thứ 2
9. Quan hệ quốc tế của LX trong thập niên 30

III. Quan hệ quốc tế trong chiến tranh thế giới thứ 2.

1. Đức tấn công Ba Lan, xâm chiếm các nước Bắc-Tây Âu
2. Phe trục cùng cố liên minh và mở rộng xâm lược ở Đông Nam Âu, Đông Á, Bắc Phi (9-40/6-41)
3. Quan hệ của LX với một số nước Đông Âu (1939-1940)
4. Sự hình thành mặt trận đồng minh chống phát xít
5. Phong trào kháng chiến của nhân dân các nước bị phát xít chiếm đóng
6. Hội nghị cấp cao Têhêran (11-43)
7. Hội nghị thượng đỉnh Ianta và Pôtxđam
8. Kết cục của chiến tranh thế giới thứ 2

Chương II: Sự hình thành và sụp đổ của trật tự thế giới hai cực Ianta (8, 7, 3)

I. Sự hình thành trật tự thế giới sau chiến tranh thế giới thứ hai.

1. Hội nghị Ianta.
2. Hội nghị Pôtxđam và Hội nghị ngoại trưởng 5 cường quốc tại Matxcova.
3. Hội nghị Xan Phranxico và việc thành lập Liên Hợp Quốc
4. Hội nghị 5 ngoại trưởng 5 cường quốc tại Matsxcova
5. Cuộc đấu tranh trong QHQT nhằm thực hiện những nguyên tắc đã cam kết về việc thanh toán chiến tranh và tổ chức lại hòa bình thế giới sau chiến tranh.

II. Chiến tranh lạnh giữa hai cực Xô - Mỹ và hai khối Đông - Tây.

1. Chủ nghĩa Truman.

2. Chính sách ngăn chặn và việc chia cắt nước Đức, Triều Tiên.
3. Sự xuất hiện hai khối quân sự đối đầu.
4. Những cuộc xung đột khu vực.
5. Quan hệ Xô - Mỹ trong thập kỉ 80
6. Xô-Mỹ chấm dứt chiến tranh lạnh.
7. Sự sụp đổ hai cực Ianta.

Chương III: Quan hệ quốc tế từ sau chiến tranh lạnh đến nay (6, 6, 2)

1. Liên Xô rút quân khỏi Ápanixtan.
2. Vấn đề Campuchia.
3. Cuộc chiến tranh vùng vịnh.
4. Việc lập lại hoà bình ở Trung đông.
5. Cuộc chiến chống khủng bố của Mỹ sau sự kiện 11-9-2001.
6. Vai trò của EU, Trung Quốc, Nhật Bản trong bối cảnh mới.
7. Mâu thuẫn trong QHQT sau chiến tranh lạnh
8. Xu thế phát triển của QHQT sau chiến tranh lạnh.

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ Lịch sử thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính

1. Trần Nam Tiến (Cb) (2008), Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại (1945-2000), Nxb GD HN.

9.2. Sách tham khảo

1. Trình Mưu (2005), Quan hệ quốc tế những năm đầu thế kỷ XXI, Vấn đề sự kiện và quan điểm, Nxb Lý luận chính trị, HN.

2. Đỗ Thanh Bình (2007), Giáo trình lịch sử thế giới hiện đại, Nxb ĐHSP

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.37b. CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA HOA KỲ TỪ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI ĐẾN NAY/ FOREIGN POLICY OF THE US AFTER THE SECOND WORLD TODAY

- Mã học phần: 124015

- Số tín chỉ: 2 (18, 18, 6)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Lịch sử, Khoa khoa học xã hội, Trường Đại học Hồng Đức

- Điều kiện tiên quyết: Lịch sử thế giới hiện đại

1. Mô tả học phần

Ngoài phần mở đầu khái quát về môn học, các khái niệm, nội dung cơ bản của học phần bao gồm: phần Lịch sử quá trình hoạch định chính sách đối ngoại của Mỹ, chính sách đối ngoại của Mỹ trước Chiến tranh thế giới thứ hai. Học phần khái quát và cung cấp những kiến thức cơ bản về chính sách đối ngoại Hoa Kỳ, tập trung tìm hiểu, phân tích quá trình hoạch định chính sách và các giai đoạn lịch sử của chính sách đối ngoại.

Chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ có tác động như thế nào đến quan hệ quốc tế cũng được phân tích. Đồng thời học phần đề cập đến quan hệ Việt Mỹ

Năng lực đạt được: Sinh viên phân biệt được chính sách đối ngoại với các khái niệm khác; giải thích được về khoa học; thuyết trình được chính sách đối ngoại trong một giai đoạn cụ thể của cường quốc đứng đầu thế giới

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Nắm vững và trình bày kiến thức cơ bản về chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ trước Chiến tranh thế giới thứ hai
- Nắm được những cơ sở của việc hoạch định chính sách của Hoa Kỳ
- Thấy được sự khác nhau trong chính sách của Hoa Kỳ ở mỗi giai đoạn nhất định.
- Phân tích được sự mục tiêu, sự tác động của chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ đối với quan hệ quốc tế

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Phát triển khả năng tự nghiên cứu, thao tác tư duy độc lập, sáng tạo trong việc học tập, nghiên cứu Lịch sử và công tác giảng dạy Lịch sử sau này.
- Phát triển tư duy phê phán, năng lực phân tích, tổng hợp một vấn đề đối ngoại của một quốc gia cụ thể.

2.3. Mục tiêu về thái độ

- Hình thành niềm say mê học tập, nghiên cứu môn học.
- Hình thành ý thức chủ động, tích cực trong việc tự học tập của bản thân.
- Hình thành động cơ đúng đắn trong học tập, trong cuộc sống.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Giới thiệu môn học, đối tượng nghiên cứu (1, 0)

1.1. Khái niệm

1.2. Đối tượng nghiên cứu của môn học

1.3. Các cơ sở để hoạch định chính sách đối ngoại quốc gia

Chương 2. Sơ lược lịch sử Hoa Kỳ (2, 2, 1)

2.1. Hoa Kỳ trước thế kỉ XVIII

2.1.1. Hoa Kỳ từ Chiến tranh giành độc lập đến trước Chiến tranh thế giới thứ nhất

2.1.2. Hoa Kỳ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới

2.2. Hoa Kỳ trong thời kỳ Chiến tranh lạnh

2.2.1. Hoa Kỳ hậu Chiến tranh lạnh

Chương 3. Chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ trước năm 1945 (3, 4, 1)

3.1. Cơ sở hoạch định chính sách đối ngoại

3.1.1. Các yếu tố khách quan

3.1.2. Cơ sở trong nước: thực lực kinh tế, quân sự...

3.2. Chính sách đối ngoại Hoa Kỳ thế kỉ XVIII - XIX

3.3. Chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ từ cuối thế kỉ XIX đến 1914

3.4. Chính sách đối ngoại Hoa Kỳ từ 1918 đến 1945

Chương 4. Chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ thời kỳ Chiến tranh lạnh (4, 4, 2)

4.1. Cơ sở hoạch định chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ

4.1.1. Điều kiện trong nước

4.1.2. Các yếu tố khách quan

4.2. Chiến tranh lạnh và Chiến lược toàn cầu của Hoa Kỳ

4.2.1. Mục tiêu

4.2.2. Kết quả đạt được

4.3. Chính sách đối với đồng minh của Hoa Kỳ

4.3.1. Kế hoạch Marshall

4.3.2. Hình thành các khối quân sự

4.4. Tác động của chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ đối với quan hệ quốc tế

Chương 5. Chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ hậu Chiến tranh lạnh (5, 5, 1)

5.1. Sự kết thúc Chiến tranh lạnh

5.2. Những yếu tố chi phối chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ sau Chiến tranh lạnh

5.2.1. Trong nước

5.2.2. Nước ngoài

5.3. Chính sách đối với khu vực châu Á – Thái Bình Dương

5.4. Đối với đồng minh châu Âu

5.5. Đối với Nga và khu vực Đông Âu

5.6. Đối với khu vực Mỹ Latinh

5.7. Tác động của chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ đối với trật tự thế giới sau Chiến tranh lạnh

Chương 6. Quan hệ Việt – Mỹ (3, 3, 1)

6.1. Quan hệ Việt – Mỹ trong lịch sử

6.1.1. Giai đoạn trước 1858

6.1.2. Giai đoạn từ 1858 đến 1945

6.2. Quan hệ Việt – Mỹ từ 1945 đến 1954

6.3. Việt Nam – Mỹ trong chiến tranh (1954-1975)

6.4. Quá trình bình thường hóa quan hệ Việt Nam - Mỹ

6.4.1. Những nhân tố tác động

6.4.2. Cơ sở bình thường hóa quan hệ hai nước

6.5. Quan hệ Việt – Mỹ từ 1995 đến nay

6.5.1. Về an ninh - chính trị

6.5.2. Về thương mại – đầu tư

6.5.3. Về văn hóa – giáo dục

4. Yêu cầu của môn học

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ Lịch sử thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận

5. Phương pháp giảng dạy:

Sử dụng giáo án điện tử kết hợp thuyết giảng, trao đổi, thảo luận.

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

9. Tài liệu tham khảo

9.1. Giáo trình chính

1.Thomas J. McCormick (2004). Nước Mỹ nửa thế kỷ: Chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ sau và trong Chiến Tranh lạnh (Bản dịch). Nxb Chính trị QG

9.2. Sách tham khảo

1. Trần Tất Thắng, Quỳnh Hải Hà, Nguyễn Đức Tư (2004), *Tìm hiểu nước Mỹ ngày nay*, Nxb VH-TT.

2. Đỗ Thanh Bình, Văn Ngọc Thành (2012), *Quan hệ quốc tế thời hiện đại những vấn đề mới đặt ra*, Nxb CTQG Hà Nội.

3.Từ Thiên Tân, Lương Chí Minh (2002), *Lịch sử thế giới thời đương đại*. Nxb TP.HCM

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

CHỌN 1 TRONG 2 HỌC PHẦN (9.38a, 9.38b)

9.38a. LỊCH SỬ NGOẠI GIAO VIỆT NAM/ THE HISTORY OF VIETNAM'S DIPLOMACY

- Số tín chỉ: 2 (18, 18, 6)
- Mã học phần: 124009
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Lịch sử
- Điều kiện tiên quyết: Lịch sử Việt Nam từ 1945 đến nay

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần là hệ thống tri thức về lịch sử ngoại giao Việt Nam, từ thời cổ - trung đại đến thời cận – hiện đại; trong đó tập trung yếu vào hoạt động ngoại giao dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam. Những nội dung chủ yếu gồm có: ngoại giao với Trung quốc và các nước Đông Nam Á thời cổ - trung đại; ngoại giao thời kháng chiến chống chủ nghĩa thực dân (1858 – 1975); ngoại giao thời kỳ thống nhất đất nước xây dựng chủ nghĩa xã hội (1975 – 1986); ngoại giao thời kỳ đổi mới (1986 – 2015).

Năng lực đạt được: SV có kỹ năng phân tích tổng hợp và vận dụng sáng tạo kiến thức được học để giải quyết vấn đề gặp phải; có khả năng tự học, nghiên cứu khoa học độc lập và khả năng phối hợp làm việc nhóm; có thể tiếp tục phát triển nghề nghiệp ở trình độ đào tạo cao hơn

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu chung:

SV có kiến thức nền tảng và chuyên sâu của ngành đào tạo, có khả năng tự học, nghiên cứu khoa học độc lập và khả năng phối hợp làm việc nhóm; có thái độ cầu thị, chủ động học tập, rèn luyện, bồi dưỡng kiến thức nhằm vận dụng vào hoạt động giảng dạy, hoạt động giáo dục; đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của người giáo viên.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

2.1. Về kiến thức:

- SV nắm được tổng quan tình hình nghiên cứu về lịch sử ngoại giao Việt Nam
- Cung cấp các kiến thức cơ bản và chuyên sâu về đường lối, hoạt động ngoại giao của Việt Nam từ thời cổ - trung đại đến thời cận – hiện đại
- Hiểu được nguyên nhân cũng như mối liên hệ, sự tác động qua lại giữa các sự kiện, hiện tượng và quá trình lịch sử ngoại giao Việt Nam
- Nhận thức rõ nội dung, đặc điểm đường lối ngoại giao Việt Nam qua từng thời kỳ và xuyên suốt diễn trình lịch sử; những bài học kinh nghiệm ngoại giao

2.2. Về kỹ năng:

- Giúp sinh viên hình thành kỹ năng nhận biết, đánh giá, phân tích, tổng hợp... sự kiện, hiện tượng lịch sử
- Biết vận dụng, liên hệ những bài học lịch sử từ quá khứ vào hiện tại
- Rèn kỹ năng tự học, làm việc nhóm

2.3. Mục tiêu về thái độ

- Biết trân trọng những thành tựu ngoại giao của cha ông; những nhà ngoại giao đã góp phần làm nên lịch sử của dân tộc.

- Nhận thức được những bài học lịch sử, bài học kinh nghiệm để vận dụng vào công cuộc đổi mới đất nước hiện nay

3. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu về lịch sử ngoại giao Việt Nam (1LT:2TL)

1. Nghiên cứu chung về lịch sử ngoại giao Việt Nam
2. Nghiên cứu về ngoại giao Việt Nam thời cổ - trung đại
3. Nghiên cứu về ngoại giao Việt Nam thời cận – hiện đại

Nội dung 2: Ngoại giao Việt Nam thời cổ - trung đại (2LT; 2TL, 1 TH)

1. Quan hệ bang giao Việt Nam với Trung Quốc
2. Quan hệ bang giao Việt Nam với các nước Đông Nam Á
3. Đặc điểm ngoại giao Việt Nam thời cổ - trung đại

Nội dung 3. Ngoại giao Việt Nam thời cận - hiện đại

Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong đấu tranh giành độc lập dân tộc (đầu thế kỷ XX đến cách mạng tháng 8 năm 1945)

(3LT: 3TL, 1 TH)

1. Bối cảnh lịch sử
2. Hoạt động đối ngoại chủ yếu
3. Những thành tựu chính và đặc điểm

Nội dung 4. Quan hệ đối ngoại Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp (1946- 1954) (4 LT: 3TL, 1 TH)

1. Hoàn cảnh lịch sử
2. Chủ trương đối ngoại.
3. Những thành tựu chính và đặc điểm

Nội dung 5. Hoạt động ngoại giao Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ (1954- 1975) (3LT:3TL, 1 TH)

1. Hoàn cảnh lịch sử
2. Chủ trương đối ngoại.
3. Những thành tựu chính và đặc điểm

Nội dung 6. Hoạt động ngoại giao Việt Nam trong giai đoạn 1975 – 1985 (3LT:3TL, 1 TH)

1. Hoàn cảnh lịch sử
2. Chủ trương đối ngoại.
3. Những thành tựu chính và đặc điểm

Nội dung 7. Hoạt động ngoại giao Việt Nam thời kỳ đổi mới (từ năm 1986 đến nay) (2LT:2TL, 1 TH)

1. Hoàn cảnh lịch sử

2. Chủ trương hội nhập quốc tế.

3. Thành tựu, bài học kinh nghiệm và thách thức của ngoại giao Việt Nam thời kì Đổi mới

4. Yêu cầu của học phần

- Sinh viên phải có mặt trên lớp 80% thời gian học lý thuyết và thảo luận nhóm.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập được giao (cá nhân, nhóm), đúng thời gian quy định.
- Các bài tập phải được viết bằng tay, sạch sẽ, rõ ràng.
- Được tham khảo các tư liệu đã giới thiệu hay các website để hoàn chỉnh bài làm, nhưng không được sao chép lại của nhau. Nếu phát hiện ra sự sao chép, sinh viên sẽ bị điểm 0.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn người học tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của người học.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%,
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%.
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

9. Tài liệu tham khảo chính

9.1. Giáo trình chính

1. Nguyễn Lương Bích (2000), Lược sử ngoại giao Việt Nam các thời trước, Nxb QĐND, HN

2. Nguyễn Đình Bin (2020), Ngoại giao Việt Nam 1945-2000, Nxb CTQG, HN

9.2. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Khắc Huỳnh (2014), Nghệ thuật ngoại giao Việt Nam với cuộc đàm phán Paris, Nxb CTQG, HN

2. Trần Nam Tiến (2008), Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại, Nxb Giáo dục, HN

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.38b. CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945

- Số tín chỉ: 2 (18, 18, 6)

- Mã học phần: 124109

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Lịch sử

- Điều kiện tiên quyết: Lịch sử Việt Nam từ 1945 đến nay

1. Mô tả học phần:

- Chuyên đề bao gồm những nội dung chính sau đây:

Tổng quan tình hình nghiên cứu vấn đề

Những chuyển biến của thời cuộc trong chiến tranh thế giới thứ hai

Chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược và sách lược của Đảng về vấn đề giải phóng dân tộc, Mặt trận dân tộc thống nhất, khởi nghĩa vũ trang....

Quá trình chuẩn bị trực tiếp cho cách mạng tháng Tám về lực lượng lực chính trị, lực lượng vũ trang, căn cứ địa...

Động thái của các lực lượng chính trị trong và ngoài nước

Bước phát triển của phong trào cứu quốc và đặc điểm cách mạng tháng Tám

- Năng lực đạt được:

Thông qua việc học tập, nghiên cứu vấn đề cách mạng tháng Tám, sinh viên được hình thành, bồi dưỡng năng lực nhận biết, phân tích, đánh giá sự kiện, hiện tượng và nhân vật lịch sử. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể vận dụng kiến thức vào việc giải quyết các vấn đề chuyên môn trong thực tiễn dạy học, công tác sau này.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

+Giúp sinh viên nắm bắt tổng quan tình hình nghiên cứu vấn đề cách mạng tháng Tám, nguồn tư liệu và cách thức tiếp cận

+Phân tích và lý giải được động thái của các lực lượng chính trị trong và ngoài nước; con đường dẫn đến sự kiện Nhật đảo chính Pháp và sự phát triển nhảy vọt của phong trào cứu quốc sau sự kiện này.

+Trên cơ sở những hiểu biết mới về những vấn đề nêu trên, sinh viên có nhận thức sâu sắc diễn trình cũng như đặc điểm, tính chất của cách mạng tháng tám – sự kiện trọng đại của lịch sử dân tộc và thế giới

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

Góp phần hình thành cho sinh viên một số kỹ năng sau:

+Có thể tự tìm hiểu những vấn đề lịch sử, tiếp cận và xử lý thông tin từ những nguồn khác nhau

+ Có thể đúc rút, phân tích đặc điểm, tình chất sự kiện, hiện tượng lịch sử; vận dụng phương pháp luận macxit để đánh giá sự kiện, nhân vật lịch sử

+Có thể vận dụng kiến thức và kỹ thuật dạy học để giải quyết vấn đề trong một tình huống mới; giải quyết những yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ đặt ra trong thực tiễn dạy học ở trường phổ thông

2.3. Mục tiêu về thái độ

Từ việc học tập, nghiên cứu học phần, vun đắp thêm những tình cảm, thái độ

đúng đắn cho sinh viên như:

+Có lập trường tư tưởng vững vàng, có cảm quan sâu sắc về tâm vóc thời đại của cách mạng tháng Tám, sự lãnh đạo tài tình của Đảng, Cbhur tịch Hồ Chí Minh và vai trò to lớn của quần chúng nhân dân

+Kính trọng, biết ơn Đảng, lãnh tụ của giai cấp công nhân, các chiến sĩ cách mạng, những quần chúng yêu nước....

+Biết trân trọng, tự hào về những giá trị lịch sử dân tộc

3. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1.TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VẤN ĐỀ, NGUỒN TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN (2, 0, 0)

1.1.Tình hình nghiên cứu vấn đề

1.1.1.Tình hình nghiên cứu trong nước

1.1.2.Tình hình nghiên cứu ngoài nước

1.2.Nguồn tài liệu và phương pháp luận

1.2.1.Nguồn tài liệu

1.2.2.Phương pháp luận

CHƯƠNG 2. SỰ CHUYỂN BIẾN THỜI CUỘC VÀ THÁI ĐỘ CHÍNH TRỊ CỦA CÁC GIAI CẤP, TẦNG LỚP XÃ HỘI Ở VIỆT NAM (3, 3, 1)

2.1.Những chuyển biến của thời cuộc

2.1.1.Tình hình thế giới và khu vực

1.2.2.Chính sách thống trị của thực dân Pháp và quân đội Nhật Bản đối với nhân dân Việt Nam

2.2.Tình cảnh, thái độ chính trị của các giai cấp, tầng lớp xã hội

2.1.1.Tình cảnh, thái độ chính trị của các tầng lớp nhân dân

2.2.2.Thái độ chính trị của các lực lượng thân Pháp

2.2.3.Thái độ chính trị của các lực lượng thân Nhật

CHƯƠNG 3.CUỘC VẬN ĐỘNG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM CỦA ĐẢNG VÀ MẶT TRẬN VIỆT MINH (4, 5, 2)

3.1.Chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng

3.2.Quá trình chuẩn bị lực lượng

3.2.1.Chuẩn bị lực lượng chính trị

3.2.2.Chuẩn bị lực lượng vũ trang

3.2.3.Chuẩn bị căn cứ địa

3.2.4.Chuẩn bị bộ máy chính quyền

CHƯƠNG 4. BƯỚC PHÁT TRIỂN CỦA PHONG TRÀO CỨU QUỐC TỪ CAO TRÀO KHÁNG NHẬT ĐẾN TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM (5, 5, 2)

4.1.Cuộc đảo chính quân đội Nhật và sự phát triển của phong trào cứu quốc

4.1.1.Cuộc đảo chính quân đội Nhật

4.1.2.Sự phát triển của phong trào cứu quốc

4.2.Động thái của các lực lượng chính trị sau 9.3.1945

4.2.1.Thái độ của các nước lớn

4.2.2.Động thái của một số đảng phái, tổ chức chính trị

4.2.3. Cuộc đấu tranh ngoại giao của Mặt trận Việt Minh

4.3. Tổng khởi nghĩa tháng 8 năm 1945

4.3.1. Yếu tố thời cơ trong cách mạng tháng Tám

4.3.2. Chủ trương khởi nghĩa và quá trình giành chính quyền

4.3.3. Tuyên ngôn độc lập và sự ra đời nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa

CHƯƠNG 5. ĐẶC ĐIỂM CÁCH MẠNG THÁNG TÁM (4, 5, 1)

5.1. Tính dân tộc và dân chủ

5.2. Tính nhân dân

3. Hình thái diễn biến

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo:

9.1. Học liệu bắt buộc:

1. Đinh Xuân Lâm (CB), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập 2, Nxb Giáo dục, HN
2. Văn Tạo (CB), *Cách mạng tháng Tám một số vấn đề lịch sử*, Nxb KHXH, HN

9.2. Học liệu tham khảo

1. ĐCS Việt Nam (2000), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, Nxb CTQG, HN
2. Trần Hữu Đính (2000), *Cách mạng tháng Tám năm 1945 những sự kiện lịch sử*, Nxb KHXH, HN.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

CHỌN 1 TRONG 2 HỌC PHẦN (9.39a, 9.39b)

9.39a. CÁC CUỘC CẢI CÁCH TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM/ THE REFORMATION IN VIETNAM HISTORY

- Mã học phần: 124045
- Số TC: 02 (18,18, 6)
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Lịch sử
- Điều kiện tiên quyết: Lịch sử Việt Nam từ 1945 đến nay

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Nội dung gồm những kiến thức toàn diện cơ bản, có hệ thống về các cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam. Các vấn đề chủ yếu: Quá trình xây dựng và hoàn chỉnh nhà nước, pháp luật PK; sự phát triển kinh tế, các thành tựu văn hóa xã hội, các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm của dân tộc.

2. Mục tiêu của học phần.

2.1. Mục tiêu chung:

Người học có thể hệ thống được kiến thức cơ bản về các cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam; Thực trạng về các lĩnh vực trong công cuộc cải cách lịch sử.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

Về kiến thức:

- Nắm vững diễn biến, tiến trình các cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam.
- Hiểu được nguyên nhân cũng như mối liên hệ, sự tác động qua lại giữa các sự kiện, hiện tượng và các quá trình lịch sử trong giai đoạn này.
- Nhìn nhận, đánh giá khách quan về bản chất, đặc điểm của các sự kiện, hiện tượng lịch sử, ý nghĩa và bài học lịch sử trong giai đoạn này.

Kĩ năng:

- Giúp sinh viên hình thành kĩ năng nhận biết đánh giá sự kiện, hiện tượng lịch sử.
- Biết vận dụng, liên hệ những bài học lịch sử từ quá khứ đến hiện tại.

Thái độ:

- Biết trân trọng những nhân vật góp phần làm nên lịch sử của dân tộc.
- Thấy được các bài học lịch sử, bài học kinh nghiệm để vận dụng vào công cuộc đổi mới đất nước hiện nay.

Năng lực: Có khả năng tự phân tích vấn đề, có trách nhiệm với việc học tập và nghiên cứu của bản thân. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các kế hoạch trong lĩnh vực kinh tế xã hội.

3. Nội dung chi tiết học phần:

Nội dung 1: Cải cách, đổi mới, cách mạng, nhận thức lý luận. (1; 0)

1. Cách mạng
2. Cải cách
3. Đổi mới

Nội dung 2: Mười cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam (2; 3)

1. Cải cách của học Khú với sự nghiệp giành độc lập dân tộc thế kỉ X.
 - 1.1. Thời điểm lịch sử thực hiện cải cách
 - 1.2. Nhân vật lịch sử thực hiện cải cách

1.3.. Thực hiện cải cách để củng cố độc lập, phát triển đất nước

1.4. Thành công và hệ quả lâu dài của cải cách

2. Sự nghiệp đổi mới của Lý Công Uẩn đổi mới triều đại – đổi mới đế đô – đổi mới xã hội.

2.1. Thời điểm lịch sử của sự nghiệp “đổi mới”

2.2. Nhân vật lịch sử thực hiện đổi mới

2.3. Ba sự nghiệp đổi mới:

a. Đổi mới triều đại

b. Đổi mới đế đô

c. Đổi mới xã hội

Nội dung 3: Trần Thủ Độ: Đổi mới xã hội củng cố vương triều - chiến thắng ngoại xâm. (1; 2)

1. Thời điểm lịch sử

1.1. Khủng hoảng cung đình

1.2. Khủng hoảng xã hội

1.3. Ngoại xâm tàn phá, quấy rối biên cương

2. Nhân vật lịch sử thực hiện đổi mới

3. Nội dung và thành tựu đổi mới

3.1. Đổi mới vương triều

3.2. Đổi mới cơ chế quản lý xã hội

3.3. Đổi mới về kinh tế

3.4. Đổi mới văn hóa

4. Nhận xét đánh giá

Nội dung 4: Cải cách xã hội của Hồ Quý Ly – thành công và hạn chế (1; 1; 1)

1. Những tiền đề yêu cầu phải cải cách:

1.1. Tiền đề bên ngoài

1.2. Mâu thuẫn sâu sắc bên trong:

- Mâu thuẫn trong cơ cấu xã hội

- Khủng hoảng hệ tư tưởng phong kiến và thiết chế chính trị

2. Vị thế xã hội của Hồ Quý Ly và thời điểm lịch sử tiến hành cải cách

3. Nội dung cải cách của Hồ Quý Ly

3.1. Đổi mới triều đại, giải quyết khủng hoảng cung đình

3.2. Cải cách thiết chế chính trị - xã hội và hệ tư tưởng phong kiến

3.3. Cải cách kinh tế - xã hội:

- Cải cách quan hệ sở hữu tư liệu sản xuất, chủ yếu là quan hệ ruộng đất bằng chính sách “hạn điền”

- Cải cách quan hệ sở hữu sức lao động bằng biện pháp “ hạn nô”

- Cải cách tiền tệ - phát hành tiền giấy

- Cải cách về văn hóa – giáo dục

- Cải cách về quân sự

4. Một vài suy nghĩ về nguyên nhân mất nước

4.1 Hạn chế khách quan

4.2 hạn chế chủ quan

Nội dung 5: Cải cách hành chính thời Lê Thánh Tông – xây dựng một nhà nước phong kiến thịnh trị (2; 1; 1)

1. Yêu cầu lịch sử phải tiến hành cải cách

- 1.1. Bối cảnh lịch sử
- 1.2. Những yếu kém về quản lý xã hội và tiền đề về kinh tế
- 1.3. Tiền đề bên ngoài

2. Nội dung cải cách

- 2.1. Trước tiên là việc phân cấp quản lý đất đai
- 2.2. Nhiệm vụ trung tâm của cải cách là xây dựng cho được một cơ cấu tổ chức hành chính, đáp ứng được yêu cầu độc lập, tự chủ và phát triển đất nước.
- 2.3. Xây dựng đội ngũ quan lại có chất lượng tốt trong bộ máy hành chính.
- 2.4. Định rõ qui tắc vận hành của bộ máy hành chính, qui chế phẩm phục triều nghi và ban hành hình luật.
- 2.5. Về văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa cử.

Nội dung 6: Đào Duy Từ - Đổi mới vị thế của mình để góp phần đổi mới xã hội (1; 1)

1. *Tìm đường lập thân trước một xã hội khủng hoảng, trì trệ.*
2. *Đào Duy Từ góp phần đổi mới xã hội Đàng Trong – dựng xây nên một nửa phần rất năng động của đất nước.*
3. *Thành tựu cụ thể.*
4. *Nhận xét đánh giá.*

Nội dung 7: Cải cách tài chính của Trịnh Cương (1716 - 1729). Một giải pháp tình thế có hiệu lực (1; 1)

1. *Bối cảnh lịch sử của việc tiến hành cải cách.*
2. *Nhân vật lịch sử thực hiện cải cách.*
 - 2.1. Điều đáng quý nhất là tinh thần “quyết đoán”, “đám khẳng định quyền uy của mình” để thực hiện cải cách.
 - 2.2. Phẩm chất thứ hai là có tác phong sâu sát, có đức tính chăm chỉ, cần mẫn.
 - 2.3. Phẩm chất thứ ba là quý trọng nhân tài, biết dùng người giỏi.
3. *Nội dung Cải cách tài chính (1716 – 1729)*
 - 3.1. Xoá bỏ phép “Bình lệ”
 - 3.2. Định phép chia đều thuế khóa và tạp dịch cho cả đình và điền
 - 3.3. Đánh thuế ruộng tư
 - 3.4. Thu thuế khai thác
 - 3.5. Giảm bớt viên chức để giảm chi lương bổng
 - 3.6. Thi hành phép đánh thuế tô, dung, điệu
 - 3.7. Đặt thêm sở tuần ti ở các trấn để tận thu thuế thương nghiệp
 - 3.8. Thu thuế các loại thổ sản khác, ngoài quế, đồng và muối (đã nói)
 - 3.9. Thu thuế đất ở đô thị
 - 3.10. Định ra các thể lệ giảm, miễn thuế
4. *Thành quả của cải cách*

Nội dung 8: Cải cách hành chính của Minh Mệnh – Thành công và hạn chế (2; 1; 1)

1. Những tiền đề dẫn tới cải cách

2. Quá trình và phương châm, phương pháp thực hiện cải cách

2.1. Củng cố hệ thống thần Khổng Giáo, Tống Nho

2.2. Cải cách việc phân chia địa giới hành chính và các cấp bậc hành chính

3. Nội dung và thành tựu của cuộc cải cách

3.1. Cải cách bộ máy hành chính từ trung ương đến địa phương

3.2. Hiệu lực của bộ máy hành chính sau cải cách

+ Ở cấp trung ương

+ Giữa trung ương với các địa phương

+ Quyền giám sát của Kinh lược đại sứ

4. Những hạn chế của cải cách

4.1. Hạn chế thứ nhất và cơ bản nhất là không thay đổi được tư duy.

4.2. Hạn chế thứ hai là chú trọng củng cố vương quyền hơn là cải thiện dân sinh.

4.3. Tư tưởng củng cố đế nghiệp phong kiến đã lỗi thời trước yêu cầu phải mở cửa nhìn rộng ra thế giới cả phương Đông lẫn phương Tây.

4.4. Kết luận chung

Nội dung 9: Tư duy cải cách của Nguyễn Trường Tộ - Tư duy đổi mới của thế kỉ XIX. (1; 1; 1)

1. Thời điểm ra đời của “tư duy cải cách Nguyễn Trường Tộ”

2. Con người Nguyễn Trường Tộ với tư cách nhà đề xướng cải cách

2.1. Nguyễn Trường Tộ - một trí thức bình dân thông minh, ham học

2.2. Nguyễn Trường Tộ - một nhà yêu nước giàu lòng tự tôn, tự hào dân tộc, có tinh thần dũng cảm, dám nói, dám làm

2.3. Nguyễn Trường Tộ - một nhà yêu nước không màng công danh, phú quý, đặt chữ “trung” lên trên chữ “hiếu”

2.4. Nguyễn Trường Tộ - một nhà cải cách đi từ đổi mới tư duy đến đổi mới hành động

- Tính ưu việt trong tư duy cải cách của Nguyễn Trường Tộ

- Nhược, khuyết điểm của Nguyễn Trường Tộ

3. Cống hiến của Nguyễn Trường Tộ đối với dân tộc

3.1. Coi trọng phát triển lực lượng sản xuất xã hội

3.2. Phát triển khoa học, kĩ thuật, công nghệ, đặc biệt coi trọng việc chuyển giao công nghệ

Nội dung 10: Phong trào đổi mới đầu thế kỉ XX – Những cống hiến mới vào tiến bộ xã hội. (1; 2)

1. Thời điểm lịch sử

2. Phong trào đổi mới

2.1. Phan Bội Châu với Duy Tân Hội – Phong trào Đông Du – Việt Nam Quang Phục Hội

2.2. Phan Châu Trinh với cao trào đấu tranh đòi cải cách

2.3. Lương Văn Can với phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục (3/1907-12/1907)

2.4. Huỳnh Thúc Kháng với cuộc vận động cải lương yêu nước – tiếp nối phong trào Duy Tân đầu thế kỉ

3. *Những cống hiến vào phong trào đổi mới của HuỳnhThúc Kháng.*

3.1. Đổi mới tư duy biểu hiện trong hoạt động cải lương yêu nước

3.2. Cái mới trong biện pháp hành động

3.3. Quan điểm của ĐCSVN với Huỳnh Thúc Kháng từ 1930-1946

Nội dung 11. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng – Đại hội mở đầu cho thời kì đổi mới (2; 2; 1)

1. Đại hội – một Diên Hồng dựng nước

2. Đại hội thành công về đổi mới tư duy

3. Đại hội – sự bàn giao thế hệ

4. Đại hội - mở đầu cho nấc thang mới của thời kì quá độ

Nội dung 12. Một số vấn đề về thực hiện công nhân – nông dân – trí thức - văn hóa – nhà nước (3; 3; 1)

1. Công nhân ta trong đổi mới

2. “Dân chủ và kỉ cương”, “ổn định và phát triển” trong đổi mới nông thôn

3. Trí thức Việt Nam và “vận động trí thức” trong đổi mới

4. Xây dựng con người văn hoá Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới

5. Đổi mới cơ cấu xã hội, bổ sung thiết chế xã hội góp phần làm lành mạnh tổ chức của Đảng, cơ chế của Nhà nước

4. Yêu cầu của học phần.

- Sinh viên phải có mặt trên lớp 80% thời gian học lý thuyết và thảo luận nhóm.

- Thực hiện đầy đủ các bài tập được giao (cá nhân, nhóm), đúng thời gian quy định.

- Các bài tập phải được viết bằng tay, sạch sẽ, rõ ràng. Được tham khảo các tư liệu đã giới thiệu hay các website để hoàn chỉnh bài làm, nhưng không được sao chép lại của nhau. Nếu phát hiện ra sự sao chép, sinh viên sẽ bị điểm 0.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn người học tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của người học.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%,

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%.

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

9. Học liệu:

9.1. Học liệu bắt buộc:

1. Văn Tạo (2006), Mười cuộc cải cách, đổi mới trong lịch sử Việt Nam, Nxb Đại học Sư Phạm.

9.2. Học liệu tham khảo:

1. Trương Hữu Quýnh, Đinh Xuân Lâm, Lê Mậu Hãn (2010), Đại cương Lịch sử Việt Nam toàn tập, Nxb Giáo dục, HN.
2. Đinh Xuân Lâm (CB), Nguyễn Văn Khánh, Nguyễn Đình Lễ (2002), Đại cương lịch sử Việt Nam, tập II (1858 - 1945), Nxb Giáo dục, HN

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS,TS. Lê Hoằng Bá Huyền

9.39b. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ RUỘNG ĐẤT TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM/ MAJOR ISSUES OF LAND ISSUE IN VIETNAMESE HISTORY

- Số tín chỉ: 2 (18, 18, 6)
- Mã học phần: 124005
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Lịch sử
- Điều kiện tiên quyết: Lịch sử Việt Nam từ 1945 đến nay

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Tập trung trình bày về chính sách, biện pháp qua các thời kỳ lịch sử Việt Nam nhằm quản lý đất đai cũng như tình hình sở hữu, sử dụng, chiếm hữu đất đai..., đánh giá những tác động của vấn đề ruộng đất đối với quốc gia dân tộc trên tất cả các phương diện: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội... Rút ra những đặc điểm chung và riêng của chế độ ruộng đất qua các thời kỳ lịch sử.

Năng lực đạt được: Nắm vững được các chính sách về ruộng đất, tình hình sở hữu, chiếm hữu, sử dụng đất đai... qua các thời kỳ lịch sử dân tộc. Tác động của vấn đề ruộng đất đối với đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của quốc gia dân tộc từ thời kỳ dựng nước đến thời kỳ đổi mới.

2.1. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu chung

Trang bị kiến thức cho sinh viên về chính sách, biện pháp của của các thời kỳ lịch sử Việt Nam nhằm quản lý đất đai cũng như tình hình sở hữu, sử dụng, chiếm hữu đất đai..., đánh giá những tác động của vấn đề ruộng đất đối với quốc gia dân tộc trên tất cả các phương diện: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội... Rút ra những đặc điểm chung và riêng của chế độ ruộng đất qua các thời kỳ lịch sử.

2. 2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về kiến thức

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Chính sách quản lý ruộng đất trên phạm vi toàn bộ lãnh thổ qua các thời kỳ lịch sử dân tộc; nắm một cách hệ thống về tình hình sở hữu, chiếm hữu, sử dụng đất đai... và tác động của vấn đề ruộng đất đối với đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của quốc gia dân tộc từ thời kỳ dựng nước đến đổi mới hiện nay.

2.2.2. Về kỹ năng

Học phần trang bị cho viên viên phương pháp tiếp cận, khai thác xử lý tư liệu, xây dựng đề cương để nghiên cứu, giảng dạy về vấn đề ruộng đất; kỹ năng phân tích đánh giá tác động của vấn đề ruộng đất đối với quốc gia dân tộc. Góp phần hình thành cho SV năng lực tự học, tự chủ tiếp cận và giải quyết vấn đề; năng lực đánh giá tác động của vấn đề ruộng đất đến kinh tế nông nghiệp và đời sống xã hội qua các thời kỳ lịch sử. Đồng thời, vận dụng những kiến thức học phần để giải quyết các vấn đề về ruộng đất và cuộc sống đặt ra trong thời kỳ Hội nhập quốc tế.

2.2.3. Về thái độ

Góp phần xây dựng thế giới quan khoa học, biết quý trọng và gìn giữ nguồn tài nguyên, đất đai quý giá của dân tộc.

3. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung 1: Khái quát về vấn đề ruộng đất ở Việt Nam trước thế kỷ XI (2LT; 3TL)

- 1.. Khái quát về vấn đề ruộng từ thời Văn Lang - Âu Lạc đến thế kỷ X
2. Vài nét về vấn đề ruộng đất từ năm 905 đến năm 1009

Nội dung 2: Chính sách ruộng đất của các triều đại: Lý - Trần - Hồ (3LT:3TL)

1. Thời Lý (1009 -1225)
2. Thời Trần (1225 -1400)
3. Thời Hồ (1400 -1407)

Nội dung 3: Chính sách ruộng đất từ thời Lê đến thời Nguyễn (3LT:2TL: 1TH)

1. Chính sách thời Lê sơ (1427 -1527)
- 2 Chính sách ruộng đất thời Mạc
3. Chính sách ruộng đất của vua Lê - chúa Trịnh ở Đàng ngoài
4. Chính sách ruộng đất của các chúa Nguyễn ở Đàng trong
- 5.Chính sách ruộng đất vương triều Tây Sơn
6. Chính sách ruộng đất của vương triều Nguyễn (1802 -1884)

Nội dung 4: Chính sách ruộng đất từ 1884 đến nay (2LT:2TL: 1TH)

1. Chính sách ruộng đất thời thuộc Pháp
2. Chính sách ruộng đất từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 đến nay

Nội dung 5: Các hình thức sở hữu đất đai (2LT:3TL)

1. Đất đai thuộc sở hữu nhà nước
2. Đất đai thuộc sở hữu công làng xã
3. Đất đai thuộc sở hữu tư nhân
4. Các loại hình sở hữu đất đai khác

Nội dung 6: Tình trạng chiếm hữu và sử dụng đất đai ở Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử (2LT:2TL: 1 TH)

1. Thời kỳ trước thế kỷ XI
2. Thời Lý -Trần - Hồ
3. Thời Lê Sơ và thời Mạc
4. Từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XVIII
5. Thời Nguyễn (1802 - 1884)
6. Từ kỳ thuộc Pháp (1884 đến 1945)
7. Từ 1945 đến nay

Nội dung 7: Tác động của ruộng đất đối với kinh tế (2LT:2TL: 1TH)

1. Đối với nông nghiệp
2. Đối với tiểu thủ công nghiệp và buôn bán trao đổi

Nội dung 8: Tác động của ruộng đất đối với chính trị - xã hội (2LT:2TL: 1 TH)

- 3.2.1. Tác động của ruộng đất đối với chính quyền trung ương
- 3.2.2. Tác động của ruộng đất đối với các tầng lớp, giai cấp trong xã hội
- 3.3. Tác động của ruộng đất đối với sự phát triển giáo dục
- 3.4. Tác động của ruộng đất đối với tín ngưỡng, tôn giáo

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ Lịch sử thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy:

Phương pháp chủ yếu là học qua trải nghiệm với các hoạt động chủ yếu là làm việc nhóm, thảo luận... SV chủ động hoàn thành các nhiệm vụ học tập với sự tư vấn, định hướng và tổ chức các hoạt động học tập của giảng viên.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính

9.1. Giáo trình chính:

- 1. Nguyễn Quang Ngọc (Chủ biên) (2001), Tiến trình lịch sử Việt Nam, Nxb GD HN

9.2. Sách tham khảo:

- 1. Trương Hữu Quýnh (2000), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập 1, Nxb Giáo dục.
- 2. Trương Hữu Quýnh (2002), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập 2, Nxb Giáo dục.
- 3. Trương Hữu Quýnh (2000), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập 1, Nxb Giáo dục.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

CHỌN 1 TRONG 2 HỌC PHẦN (9.40a, 9.40b)

9.40b. CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ VIỆT NAM VÀ VẤN ĐỀ BIỂN ĐÔNG/

The territorial sovereignty of Vietnam and the issues of South China Sea

- Số tín chỉ: 2 (18, 18, 6)

- Mã học phần: 124006

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Lịch sử

- Điều kiện tiên quyết: Lịch sử Việt Nam từ 1945 đến nay

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Khái quát về sự hình thành và phát triển lãnh thổ Việt Nam; khẳng định chủ quyền Việt Nam trên đất liền, biển và hải đảo; quá trình thụ đắc lãnh thổ và khẳng định chủ quyền trên vùng đất phía Nam; quá trình phát hiện, khai thác nguồn lợi và khẳng định chủ quyền Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa; những vấn đề đang đặt ra trong sự nghiệp bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.

Năng lực đạt được: Sinh viên giải quyết tốt các vấn đề về quá trình lãnh thổ và chủ quyền quốc gia; phân tích được mối quan hệ giữa sự hình thành, phát triển lãnh thổ quốc gia và quá trình xác lập chủ quyền trên đất liền, biển và hải đảo của Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử; từ đó, nhận thức được trách nhiệm của một công dân trong việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ Việt Nam và vấn đề biển Đông.

2.1. Mục tiêu chung:

Người học có được hệ thống kiến thức cơ bản về sự hình thành, và phát triển lãnh thổ của Việt Nam; quá trình khẳng định chủ quyền Việt Nam trên đất liền và hải đảo trong tiến trình lịch sử; công cuộc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ Việt Nam và vấn đề biển Đông qua các giai đoạn lịch sử.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

2.1. Về kiến thức:

- Giúp sinh viên nắm được quá trình dựng nước, giữ nước và chủ quyền của dân tộc Việt Nam trên đất liền và hải đảo qua các giai đoạn lịch sử.

- Cung cấp cho sinh viên những chứng cứ lịch sử, căn cứ khoa học và pháp lý về tính chính đáng trong quá trình thụ đắc lãnh thổ và khẳng định chủ quyền của Việt Nam.

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức để có thể tham gia vào sự nghiệp đấu tranh bảo vệ lãnh thổ và chủ quyền trong tình hình phức tạp hiện nay.

2.2. Về kỹ năng:

- Hiểu một cách có hệ thống về quá trình dựng nước, giữ nước và chủ quyền của dân tộc Việt Nam,

- Phân tích những cứ liệu khoa học, bằng chứng lịch sử và khẳng định tính pháp lý trong quá trình hình thành, phát triển lãnh thổ và chủ quyền dân tộc Việt Nam.

- Vận dụng lí thuyết đã học để giáo dục truyền thống và tuyên truyền sự nghiệp đấu tranh bảo vệ lãnh thổ và chủ quyền, đặc biệt là vấn đề biển Đông trong tình hình hiện nay.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Có thái độ nghiêm túc và trách nhiệm đối với sự nghiệp đấu tranh bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ và chủ quyền của dân tộc Việt Nam trong tình hình phức tạp hiện nay.

3. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung 1: Cương giới Việt Nam từ khởi nguồn đến thế kỷ XI (2LT:3TL: 1 TH)

1. Cương vực nước Văn Lang, Âu Lạc
2. Lãnh thổ Âu Lạc trong phạm vi nước Nam Việt
3. Giao Châu và vấn đề quận Nhật Nam
4. Lãnh thổ Việt Nam sau khi giành độc lập đến giữa thế kỷ XI
5. Vùng đất phía Nam: sự thay đổi cương giới của Champa và Phù Nam

Nội dung 2: Cương giới Việt Nam từ cuối thế kỷ XI đến giữa thế kỷ XVI (3LT:3TL: 1TH)

1. Sự thay đổi cương giới Đại Việt – Champa sau năm 1069
2. Sự thay đổi cương giới Đại Việt – Champa sau năm 1306
3. Sự thay đổi cương giới Đại Việt – Champa sau năm 1402
4. Vấn đề cương giới Đại Việt – Champa sau năm 1471
5. Các chúa Nguyễn với sự nghiệp phát triển xứ Đàng Trong từ 1558-1627

Nội dung 3: Cương giới Việt Nam từ giữa thế kỷ XVI đến cuối thế kỷ XIX (3LT:3TL, 1 TH)

1. Chính sách mở mang đất đai và xác lập chủ quyền của các chúa Nguyễn và triều Nguyễn
2. Xác lập chủ quyền Việt Nam trên vùng đất Nam Bộ
3. Xác lập chủ quyền Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa

Nội dung 4: Lãnh thổ và chủ quyền Việt Nam từ cuối thế kỷ XIX đến năm 1954 (2LT:2TL: 1TH)

1. Việt Nam trong Liên bang Đông Dương
2. Về 3 xứ Bắc, Trung và Nam kỳ
3. Pháp tiếp tục quản lý Hoàng Sa và Trường Sa

Nội dung 5: Chủ quyền lãnh thổ Việt Nam sau Hiệp nghị Genevơ (2LT:2TL: TH)

1. Giới tuyến tạm thời và sự hình thành 2 quốc gia
2. Hoàng Sa bị Trung Quốc chiếm đóng
3. Việt Nam thống nhất sau 1975
4. Trung Quốc chiếm một số đảo thuộc quần đảo Trường Sa.

Nội dung 6: Công cuộc bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ trên bộ (3LT:2TL: 1TH)

1. Vấn đề xác định biên giới phía bắc với Trung Quốc
2. Phân giới cấm mìn phía Tây với Lào và Campuchia

3. Vấn đề chủ quyền Việt Nam trên vùng đất Nam Bộ

Nội dung 7: Chủ quyền trên biển và hải đảo (3LT:3TL)

1. Đảo Phú Quốc và đường Brevie

2. Chứng cứ lịch sử và căn cứ pháp lý về chủ quyền Việt Nam đối với hai quần đảo

Hoàng Sa và Trường Sa.

3. Ý đồ độc chiếm biển Đông của Trung Quốc

4. Yêu cầu của học phần

- Sinh viên phải có mặt trên lớp 80% thời gian học lý thuyết và thảo luận nhóm.

- Thực hiện đầy đủ các bài tập được giao (cá nhân, nhóm), đúng thời gian quy định.

- Các bài tập phải được viết bằng tay, sạch sẽ, rõ ràng. Được tham khảo các tư liệu đã giới thiệu hay các website để hoàn chỉnh bài làm, nhưng không được sao chép lại của nhau. Nếu phát hiện ra sự sao chép, sinh viên sẽ bị điểm 0.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn người học tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của người học.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%,

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%.

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

9. Tài liệu tham khảo chính

9.1. Giáo trình chính

1. Nguyễn Quang Ngọc (Chủ biên) (2001), Tiến trình lịch sử Việt Nam, Nxb GD HN

9.2. Tài liệu tham khảo

1. Hội khoa học lịch sử Việt Nam (2019), Nghiên cứu và tuyên truyền về chủ quyền biển đảo Việt nam, Nxb Thông tin và Truyền thông, HN.

2. Hội khoa học Lịch sử Việt Nam (2006), Lược sử vùng đất Nam Bộ, Nxb Thế giới, HN

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.40b. CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC VÀ CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TRƯỚC CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945)/ THE COUNTRY'S PROTECTION WAR AND THE COUNTRY'S CLEARANCE WAR IN HISTORY (BEFORE THE REVOLUTION OF AUGUST 1945)

- Số tín chỉ: 2 (18, 18, 6)
- Mã học phần: 124007
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lịch sử
- Điều kiện tiên quyết: Lịch sử Việt Nam từ 1945 đến nay

1. Mô tả học phần:

- Nội dung học phần gồm 3 chương.

Chương 1. Khái quát về chiến tranh bảo vệ tổ quốc và giải phóng dân tộc trong lịch sử Việt Na.

Chương 2: Một số cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng dân tộc tiêu biểu trong lịch sử (từ thế kỷ III TCN đến cuối thế kỷ XIX) như: khởi nghĩa Hai Bà Trưng, khởi nghĩa Bà Triệu, khởi nghĩa Lý Bí, khởi nghĩa Phùng Hưng, khởi nghĩa Lam Sơn, phong trào Tây Sơn...

Chương 3: Đặc điểm và vai trò lịch sử của chiến tranh bảo vệ tổ quốc và chiến tranh giải phóng dân tộc ở Việt Nam.

- Năng lực đạt được:

Phân tích được nguyên nhân thành công hay thất bại (của các sự kiện, biến cố lịch sử, phong trào cách mạng, chiến tranh, cải cách,...).

Biết tìm tòi, khám phá thông qua sử liệu, tài liệu hoặc tham quan, dã ngoại. Rút ra được bài học lịch sử, vận dụng được các kiến thức, bài học lịch sử để giải quyết vấn đề trong một tình huống mới. Có khả năng kết nối những vấn đề lịch sử trong quá khứ với cuộc sống hiện tại.

Có khả năng tự tìm hiểu những vấn đề lịch sử, tiếp cận và xử lí thông tin từ những nguồn khác nhau, có ý thức và năng lực tự học lịch sử suốt đời.

Vận dụng kiến thức và kỹ thuật dạy học giải quyết những yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm đặt ra trong thực tiễn công tác ở trường phổ thông

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Về kiến thức:

- Hiểu và phân tích được nhân tố tác động đến lịch sử của chiến tranh bảo vệ tổ quốc và chiến tranh giải phóng dân tộc trong lịch sử nước nhà
- Phân tích được bối cảnh lịch sử; nắm được diễn biến chính và đánh giá được ý nghĩa lịch sử của các cuộc khởi nghĩa, kháng chiến chống ngoại xâm trong lịch sử dân tộc
- Lý giải được nguyên nhân thắng lợi cũng như nguyên nhân không thành công của một số cuộc kháng chiến trong lịch sử. Giải thích được giá trị của các bài học lịch sử đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Lập được niên biểu, đường thời gian (timeline) hoặc xây dựng được sơ đồ tiến

trình lịch sử, diễn biến chính của các cuộc chiến tranh, khởi nghĩa, trận đánh lớn, ...).

-Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu của dân tộc Việt Nam.

-Đúc kết đặc điểm và những bài học lịch sử cơ bản từ lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam; nhận thức được giá trị của các bài học lịch sử đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

-Vận dụng kiến thức về lịch sử đấu tranh bảo vệ tổ quốc và chiến tranh giải phóng dân tộc để lí giải, đánh giá sự kiện, hiện tượng lịch sử; giải quyết những vấn đề khoa học liên quan ở những cấp độ khác nhau

2.3.Mục tiêu về thái độ

-Có ý thức trân trọng, tự hào về truyền thống đấu tranh bất khuất của dân tộc, sẵn sàng tham gia đóng góp bảo vệ tổ quốc

3. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC VÀ GIẢI PHÓNG DÂN TỘC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (2, 2, 0)

1. Những yếu tố tác động đến lịch sử chiến tranh bảo vệ tổ quốc và giải phóng dân tộc ở Việt Nam

1.1. Những yếu tố chủ quan

1.2. Những yếu tố khách quan

2. Khái quát về chiến tranh bảo vệ tổ quốc và giải phóng dân tộc trong lịch sử Việt Nam

2.1. Chiến tranh bảo vệ tổ quốc

2.2. Chiến tranh giải phóng dân tộc

CHƯƠNG 2: MỘT SỐ CUỘC KHỞI NGHĨA VÀ CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ THẾ KỶ III TCN ĐẾN CUỐI THẾ KỶ XIX (8, 8, 3)

1.Một số cuộc chiến tranh bảo vệ tổ quốc và chiến tranh giải phóng dân tộc tiêu biểu thời Bắc thuộc

1.1. Chiến tranh bảo vệ tổ quốc

1.2. Chiến tranh giải phóng dân tộc

2.Một số cuộc chiến tranh bảo vệ tổ quốc và chiến tranh giải phóng dân tộc tiêu biểu thời phong kiến độc lập

2.1. Chiến tranh bảo vệ tổ quốc

2.2. Chiến tranh giải phóng dân tộc

3.Một số cuộc chiến tranh bảo vệ tổ quốc và chiến tranh giải phóng dân tộc tiêu biểu thời cận đại

3.1. Chiến tranh bảo vệ tổ quốc

3.2. Chiến tranh giải phóng dân tộc

CHƯƠNG 3: ĐẶC ĐIỂM VÀ VAI TRÒ LỊCH SỬ CỦA CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC, CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC (8, 8, 3)

1. Đặc điểm của chiến tranh bảo vệ tổ quốc và chiến tranh giải phóng dân tộc

1.1. Đặc điểm của chiến tranh bảo vệ tổ quốc

1.2. Đặc điểm của chiến tranh giải phóng dân tộc

2. Bài học lịch sử từ chiến tranh bảo vệ tổ quốc và chiến tranh giải phóng dân tộc

2.1. Bài học lịch sử

2.2. Nghệ thuật quân sự

2.3. Giá trị của các bài học lịch sử đối với sự nghiệp xây dựng, bảo vệ tổ quốc hiện nay

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo:

9.1. Học liệu bắt buộc:

1. Trương Hữu Quýnh (CB) (2002), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập 1, Nxb Giáo dục, HN

2. Đinh Xuân Lâm (CB) (2002), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập 2, Nxb Giáo dục, HN

3. Nguyễn Quang Ngọc (CB) (2012), *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, Nxb Giáo dục Việt Nam, HN

9.2. Học liệu tham khảo

1. Hà Văn Tấn (CB) (2019), *Lịch sử quân sự Việt Nam*, tập 1 – tập 9, Nxb CTQG, HN

2. Phan Huy Lê (2004), *Một số trận quyết chiến chiến lược trong lịch sử dân tộc*, Nxb QĐND, HN

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.41. TỔ CHỨC KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN LỊCH SỬ THCS VÀ THPT/ ORGANIZATION OF CHECKING AND ASSESSING THE LEARNING RESULTS OF HISTORY MIDDLE SCHOOL AND HIGH SCHOOL

- Số tín chỉ: 3 (27, 18, 18)

- Mã học phần: 124054

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Lịch sử

- Điều kiện tiên quyết: Học phần Lý luận và PPDH môn Lịch sử ở trường phổ thông; Xây dựng kế hoạch dạy học môn lịch sử ở trường phổ thông; Tổ chức hoạt động DH môn LS ở trường PT, Rèn luyện NVSP...

1. Mô tả học phần:

Học phần *Tổ chức kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực HS* là học phần bắt buộc thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử, giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản về việc tổ chức kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực HS trong dạy học môn Lịch sử THCS và THPT (vị trí, vai trò của việc KTĐG trong DH nói chung và DHLS nói riêng; những yêu cầu khi tổ chức, các hình thức và biện pháp tổ chức, những lưu ý khi tổ chức KTĐG ...). Trên cơ sở đó, SV vận dụng thực hành tổ chức các hoạt động kiểm tra đánh giá trong DH môn Lịch sử ở trường THCS và THPT.

Năng lực đạt được: Sinh viên hình thành năng lực KTĐG theo hướng đổi mới. Đồng thời, góp phần phát triển các năng lực chung như năng lực hợp tác, giao tiếp ứng xử, xử lý tình huống...

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu chung:

Người học có hệ thống kiến thức cơ bản về việc tổ chức kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực HS trong dạy học môn Lịch sử THCS và THPT (vị trí, vai trò của việc KTĐG trong DH nói chung và DHLS nói riêng; những yêu cầu khi tổ chức, các hình thức và biện pháp tổ chức, những lưu ý khi tổ chức KTĐG ...). Trên cơ sở đó, SV vận dụng thực hành tổ chức các hoạt động DH trong môn Lịch sử ở trường THCS và THPT.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

2.1. Về kiến thức:

- SV nhận thức được vị trí, vai trò của việc KTĐG trong DH nói chung và DHLS nói riêng;
- Nêu được các yêu cầu, nguyên tắc khi tổ chức KTĐG
- Trình bày được các hình thức KTĐG và phân tích được ưu nhược điểm của các hình thức sử dụng.
- Nêu được các biện pháp và những lưu ý khi tổ chức
- Trên cơ sở đó, SV vận dụng thực hành tổ chức các hoạt động DH trong môn Lịch sử ở trường THCS và THPT.

2.2. Về kỹ năng:

Học phần hình thành và rèn luyện cho HS các kỹ năng cơ bản, chuyên biệt như kỹ năng KTĐG trong DH Lịch sử... Bên cạnh đó, học phần hỗ trợ SV hình thành một số kỹ năng chung như kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp ứng xử, xử lý tình huống....

2.3. Về thái độ

- + Rèn luyện phong cách học tập và làm việc khoa học, có kế hoạch cụ thể, rõ ràng.
- + Hình thành và nuôi dưỡng tình yêu và trách nhiệm đối với nghề.
- + Ý thức rèn luyện bản thân theo chuẩn mực nghề nghiệp.
- + Có ý thức tích cực góp phần đổi mới phương pháp dạy học

2.4. Năng lực định hướng phát triển

- Năng lực KTĐG trong tổ chức các hoạt động dạy học môn Lịch sử ở trường THCS và THPT hiện nay;
- Năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề, tư duy hiệu quả, giáo tiếp - ứng xử...

3. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung 1: Một số vấn đề chung về KTĐG trong DH Lịch sử THCS và THPT (6, 4, 0)

- 1.1. Những khái niệm liên quan
- 1.2. Mục đích
- 1.3. Vị trí, ý nghĩa
- 1.4. Những yêu cầu đối với việc KTĐG
- 1.5. Đổi mới trong KTĐG

Nội dung 2: Các loại hình, nội dung, hình thức, quy trình KTĐG trong DH Lịch sử THCS và THPT (10, 7, 9)

- 2.1. Những cơ sở khi lựa chọn loại hình và nội dung KTĐG
- 2.2. Các loại hình
- 2.3. Nội dung KTĐG
- 2.4. Hình thức
- 2.5. Quy trình tổ chức

Nội dung 3: Các phương pháp và kĩ thuật KTĐG trong DHLS THCS và THPT (11, 7, 9)

- 3.1. Cơ sở lựa chọn phương pháp và kĩ thuật KTĐG
- 3.2. Các phương pháp KTĐG
 - 3.2.1. Kiểm tra viết (Tự luận, trắc nghiệm)
 - 3.2.2. Đánh giá hồ sơ học tập
 - 3.2.3. Đánh giá hoạt động và sản phẩm học tập
 - 3.2.4. Quan sát
- 3.3. Các kĩ thuật KTĐG
 - 3.3.1. Kĩ thuật KTĐG mặt nhận thức
 - 3.3.2. Kĩ thuật KTĐG kĩ năng
 - 3.3.3. Kĩ thuật KTĐG ý thức
 - 3.3.4. Kĩ thuật KTNL năng lực vận dụng

4. Yêu cầu của học phần

- Sinh viên phải có mặt trên lớp 80% thời gian học lý thuyết và thảo luận nhóm.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập được giao (cá nhân, nhóm), đúng thời gian quy định.
- Các bài tập phải được trình bày khoa học, rõ ràng theo yêu cầu từng nhiệm vụ học tập; được tham khảo các tư liệu đã giới thiệu hay các website để hoàn chỉnh bài làm, nhưng

không được sao chép lại của nhau, không được sao chép trên website.... Nếu phát hiện ra sự sao chép, sinh viên sẽ bị điểm 0.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn người học tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 4 tiết giải đáp những câu hỏi, băn khoăn của người học.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%,
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%.
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

9. Tài liệu tham khảo chính

9.1. Giáo trình

[1]. Phan Ngọc Liên (CB) (2012), Trịnh Đình Tùng, Nguyễn Thị Côi: *Phương pháp dạy học lịch sử*, tập 1,2, NXB Đại học Sư phạm HN

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Nguyễn Công Khanh chủ biên (2016) *Kiểm tra đánh giá trong giáo dục*, Nxb Đại học sư phạm

[3]. Sái Công Hồng (2020), *Giáo trình kiểm tra đánh giá trong dạy học*, Nxb Đại học Quốc gia



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

III. THỰC TẾ CHUYÊN MÔN (4TC)

9.42. THỰC TẾ CHUYÊN MÔN 1/ Professional practice 1

- Mã học phần: 124310
- Số tín chỉ: 2 (5, 0, 50)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn lịch sử, Khoa Khoa học Xã hội, trường Đại học Hồng Đức.
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Thực tế tại các tỉnh phía Bắc học tập tại các DTLS –VH, các địa danh lịch sử, các nhà bảo tàng tiêu biểu.

Học phần sẽ giúp sinh viên được học tập các giai đoạn lịch sử Việt Nam tại các thực địa là những địa danh đã xảy ra các thời kì, các biến cố lịch sử quan trọng như Ninh Bình, Cao Bằng, Phú Thọ, Tuyên Quang, Hà Nội....

Năng lực đạt được: Sinh viên phân tích, giải thích được các kiến thức Lịch sử từ thực tiễn, giúp tổ chức tốt các hoạt động dạy học ngoài lớp và tham quan khi dạy học lịch sử; viết hoàn thành báo cáo thực địa. Qua đó, giúp cho sinh viên nhận thức sâu hơn về lịch sử Việt Nam qua các thời kì.

Thông qua chuyến đi, sinh viên được cung cấp những kiến thức cơ bản về chuyên ngành Lịch sử, các phương pháp nghiên cứu, sưu tầm và khai thác tư liệu lịch sử.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Học phần cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản nhất về đất nước, con người, các di sản văn hoá VN qua việc học tập tại thực địa ở một số địa danh văn hoá tiêu biểu (di tích lịch sử - văn hóa, danh thắng, các bảo tàng...) ở các tỉnh phía Bắc.
- Tích cực, ham mê học hỏi các thao tác nghiệp vụ từ kinh nghiệm của cán bộ hướng dẫn và cán bộ quản Lịch sử, cán bộ văn hóa tại những điểm đoàn tham quan, học tập thực tế
- Có thái độ đúng đắn đối với các di sản văn hóa của dân tộc và nhân loại

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Cách tiếp cận vấn đề, giải quyết vấn đề một cách khoa học
- Tìm kiếm, xử lý các nguồn tư liệu thực tế, kinh nghiệm điền dã cần thiết cho học tập nghiên cứu
- Phân tích, đánh giá, so sánh, tổng hợp, khái quát và vận dụng kiến thức đang học vào cuộc sống.

2.3. Mục tiêu về thái độ:

- Có thái độ đúng đắn, nghiêm túc trong học tập; có kỷ luật và tinh thần trách nhiệm thông qua các hoạt động tập thể.
- Có thái độ học tập nghiêm túc và tham gia tích cực các hoạt động trao đổi, thảo

luận, thực hành trên lớp.

3. Nội dung chi tiết học phần:

Nội dung 1: Công tác tổ chức (phân nhóm, đoàn,...), chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho đợt thực địa (2, 0, 0)

1.1. Công tác tổ chức chung

- Công bố quyết định thành lập đoàn thực tế.
- Công bố lịch trình, nội dung và thời gian tiến hành thực địa.
- Phổ biến quy chế, nội quy thực địa.

1.2. Làm công tác tổ chức chuẩn bị cho thực địa.

- Phối hợp với Giáo viên chủ nhiệm, Cố vấn học tập, Ban cán sự lớp thăm dò, tìm hiểu thực trạng sức khỏe của sinh viên.
- Phân chia nhóm, đoàn chuẩn bị cho đi thực địa.

1.3. Chuẩn bị phương tiện cho đợt thực địa.

- Trưởng đoàn cùng các CBGD tham gia quản Lịch sử, hướng dẫn phối hợp với Ban cán sự lớp liên hệ với các doanh nghiệp vận tải (tập thể hoặc tư nhân) hoặc nhà trường để tìm hiểu chất lượng, giá cả trên cơ sở đó lựa chọn, ký hợp đồng thuê xe. (Nên lập danh bạ điện thoại của các doanh nghiệp, tư nhân).
- Lập danh bạ điện thoại các nhà nghỉ, khách sạn ở các địa phương mà đoàn dự định nghỉ lại, liên hệ trước để nắm được giá cả, đăng ký chỗ nghỉ cho đoàn.

1.4. Dự kiến các chi phí:

- Cho mỗi cá nhân (ăn, uống, ngủ, nghỉ,...)
- Toàn đoàn (thuê xe, lệ phí vào cửa và các phí dịch vụ khác,...).
- Các chi phí phát sinh của cá nhân (chụp ảnh, mua sắm, ...) tự lo.

1.5. Các vấn đề cần chú ý khi đi thực địa (nếu có - ví dụ: tình hình dịch bệnh,... trong khu vực thực địa; lưu trú trong các khách sạn, nhà nghỉ,...).

Nội dung 2: Tập huấn các nội dung cần thiết phục vụ cho đợt thực địa (3, 0, 0)

2.1. Giới thiệu và nêu các nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị các đồ dùng học tập như giấy, bút, phương tiện ghi âm, chụp ảnh... của cá nhân và các chi phí khác cần thiết cho đợt thực địa.
- Tìm hiểu, làm quen và biết cách khai thác, sử dụng các dụng cụ, phương tiện trên thực địa.
- Tham gia đầy đủ các tuyến thực địa.
- Nghe báo cáo, ghi chép các tư liệu,... tại các điểm thực địa; có sự tập hợp, thống nhất nội dung và tư liệu đã được chỉnh Lịch sử trong ngày.
- Dựa vào cơ sở các tư liệu đã thu thập được trên thực địa để viết báo cáo thu hoạch đợt thực tế.

2.2. Giới thiệu các giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ cho đợt thực địa

2.3. Tập huấn các nội dung khác phục vụ cho đợt thực địa.

2.4- Hướng dẫn viết báo cáo thu hoạch thực địa.

Nội dung 3: Phần hướng dẫn cho sinh viên các hoạt động thực tế (0, 0, 50)

Phạm vi học tập thực tế: Các điểm học tập thực tế tại các tỉnh phía Bắc (Từ Thanh Hoá đến Ninh Bình-Nam Định-Hải Phòng-Quảng Ninh-Lạng Sơn-Tuyên Quang-Phú Thọ-Vĩnh Phúc-Hà Nội) với các điểm chính như sau:

- Hà Nội: Học tập tại Quốc Tử Giám, Bảo tàng Lịch sử Việt Nam, Bảo tàng Dân tộc học, Bảo tàng Hồ Chí Minh, Chùa Một Cột, Chùa Quán Sứ, Chùa Hương, Khu di tích Hoàng Thành Thăng Long, Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh...
- Tỉnh Phú Thọ: Học tập tại Đền Hùng, Bảo tàng Phú Thọ, Bảo tàng Hùng Vương...
- Tỉnh Tuyên Quang: Học tập tại đình Tân Trào, đình Hồng Thái, cây đa Tân Trào, lán Nà Lừa, Bảo tàng Tân Trào, Khu tưởng niệm Hồ Chí Minh - Tân Trào...
- Tỉnh Lạng Sơn: Cửa khẩu Lạng Sơn, Đồng Đăng - Kỳ Lừa, chùa Tam Thanh, Nhị Thanh...
- Tỉnh Quảng Ninh: Học tập tại Trung tâm Phật giáo Yên Tử, Vịnh Hạ Long, Đảo Tuần Châu...
- TP. Hải Phòng: Học tập tại Khu di tích núi Voi - Xuân Sơn, Thắng cảnh Tràng Kênh, Đền Nghè, Chùa Dư Hàng Kênh, bảo tàng Hải phòng.
- Tỉnh Bắc Ninh: Học tập tại quần thể đình, chùa, tháp: Chùa Dâu, Đình Bảng, Chùa Bút Tháp, Đền Lịch sử Bát Đế (Đền Đô)...
- Tỉnh Nam Định: Học tập tại Đền Trần, Quê hương Nhà Trần - Thiên Trường Nam Định...
- Tỉnh Ninh Bình: Tam Cốc Bích Động, Chùa Bái Đính, Cố đô Hoa Lư, Nhà Thờ Đá Phát Diệm...

4. Yêu cầu của môn học:

- Sinh viên phải có mặt trên lớp 80% thời gian học Lịch sử thuyết và thực địa.
- Thực hiện đầy đủ các hoạt động, công việc được giao (cho cá nhân hay nhóm) trên thực địa, đúng thời gian quy định.
- Bài thu hoạch được viết bằng tay (hoặc đánh máy), sạch sẽ, rõ ràng. Nội dung bản thu hoạch bám sát hướng dẫn, thể hiện được các việc làm trên thực địa.
- Sinh viên được tham khảo các tư liệu đã giới thiệu ở trên hay các website để hoàn chỉnh bài thu hoạch.

5. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải

đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị: Máy ảnh, máy ghi âm, ghi hình, sổ ghi chép

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Thực tập giữa khóa được coi một học phần với thời lượng là 2 tín chỉ

- Điểm được chấm có sự thống nhất giữa cán bộ hướng dẫn và giáo viên bộ môn để đánh giá cả thái độ, tinh thần chuẩn bị trước, trong và sau chuyến đi cũng như chất lượng báo cáo. Cụ thể, tiêu chí đánh giá như sau:

+ Chuẩn bị thực tế: 20 %

+ Tinh thần, thái độ và phương pháp tác nghiệp trên thực tế: 50%

+ Báo cáo thực tế: 30%

- Điểm báo cáo thu hoạch thực tập: do giảng viên hướng dẫn chấm

- Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo:

9.1. Tài liệu chính

1. GS. Trương Hữu Quýnh, GS Đinh Xuân Lâm, PGS.TS Lê Mậu Hãn (2010), Đại cương Lịch sử Việt Nam toàn tập, Nxb GDVN, HN.

9.2. Tài liệu tham khảo

1. Đinh Xuân Lâm (Chủ biên), (2002), Đại cương lịch sử Việt Nam, Tập 2: 1858-1945, Nxb GD, HN.

2. Nguyễn Quang Ngọc (Cb) (2001), Tiến trình lịch sử Việt Nam, Nxb GD HN

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.43. THỰC TẾ CHUYÊN MÔN 2/ Professional practice 2

- Mã học phần: 124605

- Số tín chỉ: 2 (5, 0, 50)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn lịch sử, Khoa Khoa học Xã hội, trường Đại học Hồng Đức.

- Điều kiện tiên quyết: Lịch sử Việt Nam từ 1945 đến nay

1. Mô tả học phần

Thực tế chuyên môn 2 là đợt học tập thực tế giúp sinh viên học có điều kiện tiếp xúc với những kiến thức thực tế, những địa danh đã xảy ra các thời kì, các biến cố lịch sử quan trọng như: Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Khánh Hòa, Lâm Đồng, TP Hồ Chí Minh.... những bài học lịch sử, văn hóa sinh động và giàu sức thuyết phục. Thông qua chuyến đi, sinh viên được cung cấp những kiến thức cơ bản về chuyên ngành Lịch sử Việt Nam.

Năng lực đạt được: Người học có nhận thức sâu hơn về lịch sử Việt Nam qua các thời kì, đồng thời cung cấp cho sinh viên những kinh nghiệm, kĩ năng của việc bảo tồn và phát triển các khu di tích – danh thắng ở Việt Nam.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Học phần cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản nhất về đất nước, con người, các di sản văn hoá VN qua việc học tập tại thực địa ở một số địa danh văn hoá tiêu biểu (di tích lịch sử - văn hóa, danh thắng, các bảo tàng...) ở các tỉnh phía Nam.

- Có thái độ đúng đắn, nghiêm túc trong học tập; có kỷ luật và tinh thần trách nhiệm thông qua các hoạt động tập thể

- Có thái độ trân trọng đối với các di sản văn hóa của dân tộc và nhân loại

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Cách tiếp cận vấn đề, giải quyết vấn đề một cách khoa học

- Tìm kiếm, xử lý các nguồn tư liệu thực tế, kinh nghiệm điền dã cần thiết cho học tập nghiên cứu

- Phân tích, đánh giá, so sánh, tổng hợp, khái quát và vận dụng kiến thức đang học vào cuộc sống.

2.3. Mục tiêu về thái độ:

- Có thái độ đúng đắn, nghiêm túc trong học tập; có kỷ luật và tinh thần trách nhiệm thông qua các hoạt động tập thể.

- Có thái độ học tập nghiêm túc và tham gia tích cực các hoạt động trao đổi, thảo luận, thực hành trên lớp.

3. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung 1: Công tác tổ chức (phân nhóm, đoàn,...), chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho đợt thực tế (2, 0, 0)

1.1. Công tác tổ chức chung

- Công bố quyết định thành lập đoàn thực tế.
- Công bố lịch trình, nội dung và thời gian tiến hành thực địa.
- Phổ biến quy chế, nội quy thực địa.

1.2. Làm công tác tổ chức chuẩn bị cho thực địa.

- Phối hợp với Giáo viên chủ nhiệm, Cố vấn học tập, Ban cán sự lớp thăm dò, tìm hiểu thực trạng sức khoẻ của sinh viên.

- Phân chia nhóm, đoàn chuẩn bị cho đi thực địa.

1.3. Chuẩn bị phương tiện cho đợt thực địa.

- Trưởng đoàn cùng các CBGD tham gia quản Lịch sử, hướng dẫn phối hợp với Ban cán sự lớp liên hệ với các doanh nghiệp vận tải (tập thể hoặc tư nhân) hoặc nhà trường để tìm hiểu chất lượng, giá cả trên cơ sở đó lựa chọn, ký hợp đồng thuê xe. (Nên lập danh bạ điện thoại của các doanh nghiệp, tư nhân).

- Lập danh bạ điện thoại các nhà nghỉ, khách sạn ở các địa phương mà đoàn dự định nghỉ lại, liên hệ trước để nắm được giá cả, đăng ký chỗ nghỉ cho đoàn.

1.4. Dự kiến các chi phí:

- Cho mỗi cá nhân (ăn, uống, ngủ, nghỉ,...)
- Toàn đoàn (thuê xe, lệ phí vào cửa và các phí dịch vụ khác,...).
- Các chi phí phát sinh của cá nhân (chụp ảnh, mua sắm, ...) tự lo.

1.6. Các vấn đề cần chú ý khi đi thực địa (nếu có - ví dụ: tình hình dịch bệnh,... trong khu vực thực địa; lưu trú trong các khách sạn, nhà nghỉ,...).

Nội dung 2: Tập huấn các nội dung cần thiết phục vụ cho đợt thực địa (3, 0, 0)

2.1. Giới thiệu và nêu các nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị các đồ dùng học tập như giấy, bút, phương tiện ghi âm, chụp ảnh... của cá nhân và các chi phí khác cần thiết cho đợt thực địa.

- Tìm hiểu, làm quen và biết cách khai thác, sử dụng các dụng cụ, phương tiện trên thực địa.

- Tham gia đầy đủ các tuyến thực địa.

- Nghe báo cáo, ghi chép các tư liệu,... tại các điểm thực địa; có sự tập hợp, thống nhất nội dung và tư liệu đã được chính Lịch sử trong ngày.

- Dựa vào cơ sở các tư liệu đã thu thập được trên thực địa để viết báo cáo thu hoạch đợt thực tế.

2.2. Giới thiệu các giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ cho đợt thực địa

2.3. Tập huấn các nội dung khác phục vụ cho đợt thực địa.

2.4- Hướng dẫn viết báo cáo thu hoạch thực địa.

Nội dung 3: Phân hướng dẫn cho sinh viên các hoạt động thực tế (0, 0, 50)

Phạm vi học tập thực tế: Các điểm học tập thực tế tại các tỉnh phía Nam (Từ Thanh

Hoá đến Quảng Nam - Đà Nẵng) với các điểm chính như sau:

- Tỉnh Nghệ An: Thăm quê Bác (làng Sen - Kim Liên - Nam Đàn - Nghệ An)
- Tỉnh Quảng Bình: Thăm Phong Nha - Kẻ Bàng
- Tỉnh Quảng Trị: Nghĩa trang Trường Sơn, Thành cổ Quảng Trị
- Tỉnh Thừa Thiên - Huế: Đại Nội, Lăng Minh Mạng, Lăng Tự Đức, Lăng Khải Định, Chùa Thiên Mụ, Bảo tàng tổng hợp Huế, Chợ Đông Ba, Cầu Tràng Tiền, Trường Quốc học Huế.
- Tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng: Bảo tàng kiến trúc Chăm, Thắng cảnh Ngũ Hành Sơn, Bán đảo Sơn Trà, Di sản văn hoá thế giới - Thánh địa Mỹ Sơn, Phố cổ Hội An.

4. Yêu cầu của môn học:

- Sinh viên phải có mặt trên lớp 80% thời gian học Lịch sử thuyết và thực địa.
- Thực hiện đầy đủ các hoạt động, công việc được giao (cho cá nhân hay nhóm) trên thực địa, đúng thời gian quy định.
- Bài thu hoạch được viết bằng tay (hoặc đánh máy), sạch sẽ, rõ ràng. Nội dung bản thu hoạch bám sát hướng dẫn, thể hiện được các việc làm trên thực địa.
- Sinh viên được tham khảo các tư liệu đã giới thiệu ở trên hay các website để hoàn chỉnh bài thu hoạch.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Máy ảnh, máy ghi âm, ghi hình, sổ ghi chép

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Thực tập giữa khóa được coi một học phần với thời lượng là 2 tín chỉ
- Điểm được chấm có sự thống nhất giữa cán bộ hướng dẫn và giáo viên bộ môn để đánh giá cả thái độ, tinh thần chuẩn bị trước, trong và sau chuyến đi cũng như chất lượng báo cáo. Cụ thể, tiêu chí đánh giá như sau:

+ Chuẩn bị thực tế: 20 %

+ Tinh thần, thái độ và phương pháp tác nghiệp trên thực tế: 50%

+ Báo cáo thực tế: 30%

- Điểm báo cáo thu hoạch thực tập: do giảng viên hướng dẫn chấm

- Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính

1. GS.Trương Hữu Quýnh, GS Đinh Xuân Lâm, PGS.TS Lê Mậu Hãn (2010), Đại

cương Lịch sử Việt Nam toàn tập, Nxb GDVN, HN

9.2. Sách tham khảo

1. Đinh Xuân Lâm (Chủ biên), (2002), Đại cương lịch sử Việt Nam, Tập 2: 1858-1945, Nxb GD, HN.

2. Nguyễn Quang Ngọc (Chủ biên) (2001), Tiến trình lịch sử Việt Nam, Nxb GD HN

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

IV. KIẾN TẬP VÀ THỰC TẬP SƯ PHẠM

44. KIẾN TẬP TẬP SƯ PHẠM/ Attending pedagogical internship

- Số tín chỉ: 2 (0, 0, 60)
- Mã học phần: 124 021
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Lịch sử
- Điều kiện tiên quyết: Lý luận và PPDH môn Lịch sử ở trường phổ thông

1. Mô tả học phần:

Vận dụng kiến thức về tâm lý học, giáo dục học vào việc giải quyết các tình huống sư phạm trong thực tế; tìm hiểu tình hình thực tiễn địa phương, thực tiễn giáo dục ở trường THCS và THPT, tập sự công tác dạy học, chủ nhiệm lớp, triển khai bài tập thực hành tâm lý - giáo dục.

Năng lực đạt được: Sinh viên hình thành năng lực tổ chức các hoạt động và thực hành bộ môn, thu thập và xử lý thông tin về điều kiện giáo dục trong nhà trường và tình hình chung của địa phương, sử dụng các thông tin thu được vào việc xây dựng kế hoạch dạy học dạy học và giáo dục;

Đồng thời, góp phần phát triển các năng lực chung như năng lực hợp tác, giao tiếp ứng xử, xử lý tình huống, tạo lập mối quan hệ...

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu chung:

SV vận dụng các kiến thức về lý luận và phương pháp DH bộ môn gắn với thực tiễn quá trình DH ở trường phổ thông; thực hành tổ chức các hoạt động DH và giáo dục trong môn Lịch sử ở trường THCS và THPT.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

2.1. Về kiến thức:

- So sánh thực tế hoạt động của CSKT (gọi chung là Cơ sở kiến tập- CSKT) với kiến thức đã học.
- Trình bày được tổng quan về hoạt động của một CSKT.
- Trình bày được cơ cấu tổ chức, chức năng của một CSKT.
- Trình bày được vai trò và công việc thực tế của một giáo viên.

2.2. Về kỹ năng:

- Kỹ năng quan sát và ghi chép các hoạt động giáo dục.
- Kỹ năng giao tiếp với đồng nghiệp, học sinh.
- Kỹ năng tham gia các hoạt động nhóm.
- Kỹ năng viết báo cáo tổng hợp.

2.3. Về thái độ

- Nhận thức đúng đắn về nghề nghiệp, có thái độ tích cực trong việc rèn luyện và học tập.
- Có ý thức tuân thủ các quy định và nội quy của trường đến kiến tập.
- Có tinh thần trách nhiệm cao đối với công việc được giao trong quá trình kiến tập.

2.4. Năng lực định hướng phát triển

Thu thập và xử lý thông tin về điều kiện giáo dục trong nhà trường và tình hình chung của địa phương, sử dụng các thông tin thu được vào việc xây dựng kế hoạch dạy học dạy học và giáo dục; phát triển năng lực giao tiếp ứng xử và tạo lập mối quan hệ.

3. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung 1. Hoạt động tìm hiểu nhà trường

1.1. Nghe báo cáo tổng hợp về nhà trường và kinh nghiệm của giáo viên chủ nhiệm giỏi trong công tác giáo dục học sinh.

1.2. Giáo sinh tìm hiểu về nhà trường và địa phương

Nội dung 2. Hoạt động làm giáo viên chủ nhiệm lớp

2.1. Nội dung tìm hiểu về hoạt động chủ nhiệm

2.2. Nội dung thực hiện về hoạt động chủ nhiệm

2.3. Tổ chức thực hiện

Nội dung 3. Hoạt động dạy học

3.1. Nội dung tìm hiểu về hoạt động dạy học

3.2. Nội dung thực hiện hoạt động dạy học

3.3. Tổ chức thực hiện

4. Yêu cầu của học phần

- Sinh viên phải thực hiện đầy đủ các quy định, yêu cầu của công tác KTSP do nhà trường ban hành.

- Tuân thủ những yêu cầu và sự hướng dẫn của trường phổ thông

5. Phương pháp giảng dạy: Quan sát, thảo luận, thực hành cá nhân và theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình kiến tập giảng viên chuyên ngành PPDH môn Lịch sử hỗ trợ thường xuyên cho SV trong quá trình KTSP.

7. Trang thiết bị: Linh hoạt phù hợp với cơ sở vật chất của trường phổ thông.

8. Phương pháp đánh giá môn học

Theo quy định của nhà trường

9. Tài liệu tham khảo chính

9.1. Giáo trình

[1]. Phan Ngọc Liên (CB) (2012), Trịnh Đình Tùng, Nguyễn Thị Côi: *Phương pháp dạy học lịch sử*, tập 1,2, NXB Đại học Sư phạm HN

[2]. SGK từ lớp 6 đến lớp 12

9.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Nguyễn Thị Côi (2006), Các con đường, biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học lịch sử ở trường phổ thông, Nxb ĐHSP HN

[2]. Trịnh Đình Tùng (ch.b)(2006), Hệ thống các phương pháp dạy học lịch sử trường THCS, Nxb ĐHSP HN

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

45. THỰC TẬP SƯ PHẠM / Pedagogical Internship

- Số tín chỉ: 5 (0, 0, 180)

- Mã học phần: 124 057

- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Lịch sử

- Điều kiện tiên quyết: Học phần Lý luận và PPDH môn Lịch sử ở trường phổ thông; Xây dựng kế hoạch dạy học môn lịch sử ở trường phổ thông; Tổ chức hoạt động DH môn LS ở trường PT, KTSP

1. Mô tả học phần:

SV Vận dụng kiến thức về tâm lý học, giáo dục học vào việc giải quyết các tình huống sư phạm trong thực tế; tìm hiểu tình hình thực tiễn địa phương, thực tiễn giáo dục ở trường THCS và THPT, tập sự công tác dạy học, chủ nhiệm lớp, triển khai bài tập thực hành tâm lý - giáo dục; Thực hành và rèn luyện kỹ năng dạy học môn Lịch sử cho sinh viên ở trường phổ thông; Thực hiện các công tác của một giáo viên.

Năng lực đạt được: Vận dụng sáng tạo và sử dụng linh hoạt các phương pháp, phương tiện dạy học nhằm phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo của học sinh; Xây dựng và quản lý hồ sơ dạy học; Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh; Xây dựng kế hoạch các hoạt động giáo dục; Thực hiện nhiệm vụ giáo dục thông qua các hoạt động trong cộng đồng; Có kỹ năng tự học và học tập suốt đời, làm việc nhóm và làm việc độc lập, giao tiếp ứng xử và tạo lập quan hệ, lập kế hoạch và tổ chức công việc hiệu quả, tìm kiếm và tự tạo việc làm.

Đồng thời, góp phần phát triển các năng lực chung như năng lực hợp tác, giao tiếp ứng xử, xử lý tình huống, tạo lập mối quan hệ...

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu chung:

SV vận dụng các kiến thức về lý luận và phương pháp DH bộ môn gắn với thực tiễn quá trình DH ở trường phổ thông; thực hành tổ chức các hoạt động DH và giáo dục trong môn Lịch sử ở trường THCS và THPT.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

2.1. Về kiến thức:

- Lập kế hoạch giảng dạy, kế hoạch công tác chủ nhiệm, kế hoạch công tác Đoàn và công tác phong trào thể dục thể thao ngoại khóa.
- Biên soạn chương trình, kế hoạch giảng dạy, giáo án chuyên môn môn Lịch sử THCS/ THPT, giáo án chủ nhiệm.
- Thực hiện giảng dạy trên lớp.
- Tổ chức sinh hoạt chủ nhiệm, sinh hoạt Đoàn; tổ chức các hoạt động thể dục thể thao và hoạt động ngoại khóa, hướng nghiệp.

2.2. Về kỹ năng:

- Tích lũy được kỹ năng soạn giáo án và kỹ năng giảng dạy trên lớp.
- Kỹ năng tổ chức sinh hoạt chủ nhiệm, sinh hoạt Đoàn; tổ chức các hoạt động thể dục

thể thao và hoạt động ngoại khoá, hướng nghiệp.

- Kỹ năng sống và giao tiếp xã hội, giao tiếp với đồng nghiệp và phụ huynh.

- Kỹ năng viết báo cáo tổng hợp.

2.3. Về thái độ

- Nhận thức đúng đắn về nghề nghiệp, có thái độ tích cực trong việc rèn luyện và học tập.

- Có ý thức tuân thủ các quy định và nội quy của trường đến thực tập.

- Có tinh thần trách nhiệm cao đối với công việc được giao trong quá trình thực tập.

2.4. Năng lực định hướng phát triển

Thu thập và xử lý thông tin về điều kiện giáo dục trong nhà trường và tình hình chung của địa phương, sử dụng các thông tin thu được vào việc xây dựng kế hoạch dạy học dạy học và giáo dục; phát triển năng lực giao tiếp ứng xử và tạo lập mối quan hệ.

3. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung 1. Hoạt động tìm hiểu nhà trường

1.1. Nghe báo cáo tổng hợp về nhà trường và kinh nghiệm của giáo viên chủ nhiệm giỏi trong công tác giáo dục học sinh.

1.2. Giáo sinh tìm hiểu về nhà trường và địa phương

Nội dung 2. Hoạt động làm giáo viên chủ nhiệm lớp

2.1. Nội dung tìm hiểu về hoạt động chủ nhiệm

2.2. Nội dung thực hiện về hoạt động chủ nhiệm

2.3. Tổ chức thực hiện

Nội dung 3. Hoạt động dạy học

3.1. Nội dung tìm hiểu về hoạt động dạy học

3.2. Nội dung thực hiện hoạt động dạy học

3.3. Tổ chức thực hiện

4. Yêu cầu của học phần

- Sinh viên phải thực hiện đầy đủ các quy định, yêu cầu của công tác KTSP do nhà trường ban hành.

- Tuân thủ những yêu cầu và sự hướng dẫn của trường phổ thông

5. Phương pháp giảng dạy: Quan sát, thảo luận, thực hành cá nhân và theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình kiến tập giáo viên chuyên ngành PPDH môn Lịch sử hỗ trợ thường xuyên cho SV trong quá trình TTSP.

7. Trang thiết bị: Linh hoạt phù hợp với cơ sở vật chất của trường phổ thông.

8. Đánh giá môn học

Theo quy định của nhà trường, cách tính điểm: Giáo sinh thực tập được đánh giá bằng kết quả của các hoạt động thực tập thực hiện theo công thức:

Điểm trung bình chung thực tập = (Điểm hoạt động giáo dục x 1 + Điểm Sổ nhật ký, bài thu hoạch x 1 + Điểm hoạt động dạy học x 2)/4

Điểm TBC thực tập được lấy đến một chữ số thập phân sau khi đã làm tròn.

Xếp loại toàn đợt thực tập

- Loại Xuất sắc: Điểm thực tập toàn đợt đạt từ 9.0 đến 10
- Loại Giỏi: Điểm thực tập toàn đợt đạt từ 8.0 đến cận 9.0
- Loại Khá: Điểm thực tập toàn đợt đạt từ 7.0 đến cận 8.0
- Loại Trung bình: Điểm thực tập toàn đợt đạt từ 5.0 đến cận 7.0
- Điểm dưới 5.0: Không đạt yêu cầu.

9. Tài liệu tham khảo chính

9.1. Giáo trình

[1]. Phan Ngọc Liên (CB) (2012), Trịnh Đình Tùng, Nguyễn Thị Côi: *Phương pháp dạy học lịch sử*, tập 1,2, NXB Đại học Sư phạm HN

[2]. SGK từ lớp 6 đến lớp 12

9.2. Tài liệu tham khảo:

[3]. Nguyễn Thị Côi (2006), Các con đường, biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học lịch sử ở trường phổ thông, Nxb ĐHSP HN

[4]. Trịnh Đình Tùng (ch.b) (2006), Hệ thống các phương pháp dạy học lịch sử trường THCS, Nxb ĐHSP HN

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

IV. HP THAY THÊ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CHỌN 1 TRONG 2 HỌC PHẦN (9.46.1a, 9.46.1b)

9.46.1a. QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM/ VIETNAM'S INTERNATIONAL INTEGRATION PROCESS

- Số tín chỉ: 2 (18, 18, 6)

- Mã học phần: 125014

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Lịch sử

- Điều kiện tiên quyết: Lịch sử Việt Nam từ 1945 đến nay

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần là hệ thống tri thức về lịch sử quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam, trong đó tập trung yếu vào quá trình hội nhập về kinh tế, hội nhập về chính trị, hội nhập về an ninh – quốc phòng; hội nhập về văn hóa; đánh giá thành tựu, hạn chế và xu hướng phát triển.

Năng lực đạt được: SV có kỹ năng phân tích tổng hợp và vận dụng sáng tạo kiến thức được học để giải quyết vấn đề gặp phải; có khả năng tự học, nghiên cứu khoa học độc lập và khả năng phối hợp làm việc nhóm; có thể tiếp tục phát triển nghề nghiệp ở trình độ đào tạo cao hơn

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu chung:

SV có kiến thức nền tảng và chuyên sâu của ngành đào tạo, có khả năng tự học, nghiên cứu khoa học độc lập và khả năng phối hợp làm việc nhóm; có thái độ cầu thị, chủ động học tập, rèn luyện, bồi dưỡng kiến thức nhằm vận dụng vào hoạt động giảng dạy, hoạt động giáo dục; đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của người giáo viên.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

2.1. Về kiến thức:

- Giúp sinh viên nắm được những khái niệm cơ bản liên quan đến vấn đề hội nhập quốc tế

- Cung cấp các kiến thức cơ bản về quá trình hội nhập quốc tế toàn diện của Việt Nam; những thành tựu, hạn chế và xu hướng phát triển

- Hiểu được nguyên nhân cũng như mối liên hệ, sự tác động qua lại giữa các sự kiện, hiện tượng và quá trình lịch sử hội nhập quốc tế của Việt Nam

2.2. Về kỹ năng:

- Giúp sinh viên hình thành kỹ năng nhận biết, đánh giá; phân tích, tổng hợp... sự kiện, hiện tượng lịch sử

- Biết vận dụng, liên hệ những bài học lịch sử từ quá khứ vào hiện tại

- Rèn kỹ năng tự học, làm việc nhóm

2.3. Mục tiêu về thái độ

- Biết trân trọng những thành tựu hội nhập quốc tế của cha ông; những nhân tài đã

góp phần làm nên lịch sử của dân tộc; tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng

- Nhận thức được những bài học lịch sử, bài học kinh nghiệm để vận dụng vào công cuộc đổi mới đất nước hiện nay

3. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung 1: Một số khái niệm (2LT:3TL: 1 TH)

- 1.Toàn cầu hóa
- 2.Hội nhập quốc tế

Nội dung 2. Hội nhập quốc tế về kinh tế (4LT:3TL: 1 TH)

- 1.Yêu cầu và điều kiện hội nhập về kinh tế
- 2.Chủ trương đổi mới, hội nhập kinh tế của Đảng
- 3.Việt Nam tham gia các tổ chức, diễn đàn kinh tế thế giới và khu vực

Nội dung 3. Hội nhập quốc tế về chính trị (2LT:3TL: 1 TH)

- 1.Yêu cầu và điều kiện hội nhập về chính trị
- 2.Đường lối đổi mới trong quan hệ chính trị củ Đảng
- 3.Việt Nam tăng cường hợp tác song phương, hội nhập các tổ chức khu vực và quốc tế

Nội dung 4. Hội nhập quốc tế về an ninh – quân sự (2LT:3TL: 1TH)

- 1.Yêu cầu và điều kiện hội nhập về an ninh – quân sự
- 2.Chủ trương đổi mới, hội nhập an ninh – quân sự của Đảng
- 3.Việt Nam tham gia các tổ chức, hợp tác an ninh – quân sự

Nội dung 5. Hội nhập quốc tế về văn hóa(4LT:3TL: 1 TH)

- 1.Yêu cầu và điều kiện hội nhập về văn hóa
- 2.Chủ trương đổi mới, hội nhập văn hóacủa Đảng
- 3.Việt Nam tham gia hợp tác, phát triển văn hóa

Nội dung 6. Thành tựu, bài học kinh nghiệm và thách thức trong quá trình hội nhập quốc tế(4LT:3TL: 1 TH)

- 1.Thành tựu và bài học kinh nghiệm
2. Thách thức và xu hướng phát triển

4. Yêu cầu của học phần

- Sinh viên phải có mặt trên lớp 80% thời gian học lý thuyết và thảo luận nhóm.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập được giao (cá nhân, nhóm), đúng thời gian quy định.
- Các bài tập phải được viết bằng tay, sạch sẽ, rõ ràng. Được tham khảo các tư liệu đã giới thiệu hay các website để hoàn chỉnh bài làm, nhưng không được sao chép lại của nhau. Nếu phát hiện ra sự sao chép, sinh viên sẽ bị điểm 0.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn người học tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của người học.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ

ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%,
 - Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%.
 - Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.
-

9. Tài liệu tham khảo chính

9.1. Giáo trình chính

1. Hoàng Thị Mến (2020), Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế từ 1975 đến 2019, Nxb Lao động xã hội, HN
2. Hoàng Khắc Nam (2017), Hợp tác và hội nhập quốc tế - lý luận và thực tiễn, Nxb Thế giới, HN

9.2. Tài liệu tham khảo

1. Trần Nam Tiến (2008), Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại, Nxb Giáo dục, HN

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.46.1b. LÀNG XÃ VIỆT NAM/ VIETNAMESE VILLAGES

- Số tín chỉ: 02 (18, 18, 6)

- Mã học phần: 124089

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Lịch sử

- Học phần tiên quyết: Lịch sử Việt Nam từ 1945 đến nay

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Tập trung trình bày về lịch sử hình thành phát triển của làng xã, phân tích vị trí, vai trò của làng xã đối với lịch sử dân tộc, nêu một số đặc điểm, tính chất của làng xã, phương pháp tiếp cận nghiên cứu về làng xã. Bao gồm các nội dung cơ bản: Phần lý luận cơ bản về quá trình hình thành làng xã trong lịch sử; Phần nội dung kiến thức cơ bản về diện mạo, vị trí và đặc điểm của làng xã; Phần thực tế, thực địa khảo sát một số làng xã tiêu biểu Việt Nam.

Năng lực đạt được: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về làng xã Việt Nam qua các thời kỳ: các nhân tố tác động (yếu tố tự nhiên, chính trị và xã hội) trong quá trình hình thành và phát triển của làng xã; Học phần thuộc khối kiến thức ngành và là một trong số 6 học phần tự chọn thay thế tốt nghiệp. Đối với SV không đủ điều kiện hoặc không làm khoá luận tốt nghiệp, học phần được học kế tiếp sau khi SV hoàn thành các học phần chuyên ngành và kết thúc trước khi thực tập sư phạm.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu chung

Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: Lịch sử hình thành, phát triển của làng xã Việt Nam; Phân tích, đánh giá vai trò vị trí của làng xã trong công cuộc dựng nước và giữ nước, một số đặc điểm chung và riêng của làng xã.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về kiến thức

Trình bày được quá trình hình thành làng xã trong lịch sử Việt Nam. Đặc trưng của làng xã qua các thời kỳ: Quá trình hình thành, cấu trúc, diện mạo làng xã, kết cấu dân cư, đời sống kinh tế- xã hội, văn hóa, tư tưởng...

2.2.2. Về kỹ năng

- Học phần trang bị cho người học phương pháp tiếp cận, khai thác các nguồn tư liệu để nghiên cứu về lịch sử hình thành và phát triển của làng xã, kỹ năng phân tích đánh giá vai trò, vị trí của làng xã đối với quốc gia dân tộc, rút ra những đặc điểm chung và riêng của làng xã.

- Tổng hợp kiến thức và hiểu biết về lịch sử làng xã, các nhân tố tác động về kinh tế- xã hội để phân tích và giải thích các đặc điểm của làng xã Việt Nam.

2.2.3. Về thái độ

Có thái độ nghiêm túc, vận dụng những tri thức đã học, đưa ra những giải pháp để xây dựng làng văn hoá, nông thôn Việt Nam hiện đại.

3. Nội dung học phần

Nội dung 1: Làng xã Việt Nam từ thời kỳ dựng nước đến cuối thế kỷ XIX (LT2; TL3)

1. Làng xã thời Văn Lang - Âu Lạc
2. Làng xã Việt Nam thời Bắc thuộc (179 TCN - 905)
3. Làng xã Việt Nam từ thế kỷ X đến thế kỷ XV
4. Làng xã Việt Nam từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XVIII
5. Làng xã Việt Nam từ đầu thế kỷ XIX đến 1884

Nội dung 2: Làng xã Việt Nam từ cuối thế kỷ XIX đến nay (LT2; TL2; 1 TH)

1. Làng xã Việt Nam từ cuối thế kỷ XIX đến 1945
2. Làng xã Việt Nam từ 1945 đến nay

Nội dung 3: Cơ cấu của làng Việt cổ truyền (LT3; TL3; 1 TH)

1. Dân cư và các mối quan hệ chủ yếu của cư dân làng xã
2. Kết cấu kinh tế ở làng xã
3. Kết cấu xã hội

Nội dung 4: Văn hoá làng xã (LT2; TL3; 1 TH)

1. Văn hoá vật chất
2. Văn hoá tinh thần

Nội dung 5: Vị trí, vai trò của làng xã đối với lịch sử dân tộc (LT3; TL3; 1 TH)

1. Làng xã trong công cuộc trị thủy- thủy lợi
2. Làng xã trong sự nghiệp đấu tranh chống ngoại xâm
3. Làng xã với việc bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá vật chất và tinh thần

Nội dung 6: Một số đặc điểm của làng xã (LT2; TL3; 1 TH)

1. Một số đặc điểm chung
2. Một số đặc điểm riêng

Nội dung 7: Một số vấn đề về làng xã hiện nay (LT2; TL1; 1 TH)

1. Những giá trị văn hoá truyền thống của làng xã cần được phát huy
2. Những tồn tại, hạn chế của làng xã cần khắc phục

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi,

vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính

9.1. Giáo trình chính

1. Lê Văn Khoa (chủ biên) (2011). *Giáo trình Môi trường và con người*. Nxb GD

9.2. Tài liệu tham khảo

[1] Nguyễn Xuân Cự, Nguyễn Thị Phương Loan (2011), *Giáo trình môi trường và con người*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

[2] Luật An toàn, vệ sinh lao động số 84/2015/QH 13

[3] Mai Đình Yên (chủ biên) (1997): *Môi trường và con người*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

CHỌN 1 TRONG 2 HỌC PHẦN (9.46.2a, 9.46.2b)

9.46.2a. CÁCH MẠNG TƯ SẢN VÀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN/ Bourgeois Revolution and the Development of Capitalism

- Mã học phần: 124012

- Số tín chỉ: 2 (18, 18, 6)

- Học phần: Tự chọn

- Các học phần tiên quyết: Lịch sử thế giới hiện đại

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần cung cấp những kiến thức về các vấn đề của các cuộc cách mạng tư sản thời kì cận đại: Cách mạng tư sản Anh, Cách mạng tư sản Mỹ, Cách mạng tư sản Pháp... về: tiền đề, giai cấp lãnh đạo, lực lượng lãnh đạo, kết quả và ý nghĩa; sự hình thành CNTB ở các nước châu Âu và Bắc Mỹ, các giai đoạn phát triển của CNTB từ thời kì cận đại đến nay, những biểu hiện mới của CNTB như vấn đề toàn cầu hóa, các công ty xuyên quốc gia...; tác động của các yếu tố này đến các nước tư bản nói riêng và nhân loại nói chung. Từ đó người học có những nhận thức mới về CNTB trong thời kì hiện đại và đưa ra những nhận định về hướng phát triển của CNTB trong tương lai

Năng lực đạt được: Sinh viên có khả năng phân tích, nhận diện được các vấn đề cốt lõi của cách mạng tư sản. Là kiến thức cơ bản, nền tảng để phục vụ cho việc giảng dạy nghiên cứu.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

- Hiểu được các vấn đề như tiền đề của cách mạng tư sản, động lực, lực lượng, giai cấp lãnh đạo, các hình thức của cách mạng tư sản
- Lý giải được sự ra đời và phát triển của CNTB từ cận đại đến hiện đại
- Nắm được các thành tựu của CNTB: kinh tế, chính trị, văn hóa, quân sự
- Hiểu được các vấn đề của thế giới đương đại mà CNTB đang nắm ưu thế: xu thế toàn cầu hóa, các công ty xuyên quốc gia...

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Biết cách tiếp cận vấn đề, giải quyết vấn đề một cách khoa học
- Biết cách sưu tầm, xử lý các nguồn tài liệu cần thiết cho học tập nghiên cứu
- Có kỹ năng phân tích, khái quát, vận dụng kiến thức đang học vào cuộc sống.

2.3. Mục tiêu về thái độ người học

Sinh viên nhận thức rõ vai trò của giai cấp tư sản và cách mạng tư sản, Từ đó có thái độ khách quan trong nhìn nhận vai trò, các giá trị của chủ nghĩa tư bản..

3. Nội dung học phần

Chương 1: Một số vấn đề chung về cách mạng tư sản (LT 3t; TL 4t)

1.1. Khái quát về phong trào cách mạng tư sản ở châu Âu và châu Mỹ

- 1.1.1. Cách mạng tư sản Hà Lan
- 1.1.2. Cách mạng tư sản Anh
- 1.1.3. Cách mạng tư sản Bắc Mỹ
- 1.1.4. Cách mạng tư sản Pháp
- 1.2. Tiền đề của cách mạng tư sản
- 1.2.1. Kinh tế
- 1.2.2. Chính trị
- 1.2.3. Xã hội
- 1.2.4. Tư tưởng

Chương 2; Mục tiêu, nhiệm vụ, giai cấp lãnh đạo, động lực của cách mạng tư sản (LT 3t; TL 3t; TH 1t)

- 2.1. Mục tiêu và nhiệm vụ
- 2.1.1. Mục tiêu của cách mạng tư sản
- 2.1.2. Nhiệm vụ
- 2.2. Giai cấp lãnh đạo và động lực cách mạng
- 2.2.1. Giai cấp lãnh đạo trong các cuộc cách mạng tư sản
- 2.2.2. Động lực của cách mạng

Chương 3: Các loại hình, tính chất và đặc điểm của các cuộc cách mạng tư sản (LT 3t; TL 2t; TH 1t)

- 3.1. Các loại hình cách mạng tư sản tiêu biểu
- 3.1.1. Nội chiến
- 3.1.2. Chiến tranh giành độc lập
- 3.2. Tính chất và đặc điểm
- 3.2.1. Tính chất
- 3.2.2. Đặc điểm

Chương 4: Kết quả, ý nghĩa của các cuộc cách mạng tư sản (LT 2t; TL 2t, TH 1t)

- 4.1. Kết quả của các cuộc cách mạng tư sản
- 4.1.1. Về kinh tế
- 4.1.2. Về chính trị
- 4.1.3. Về xã hội
- 4.2. Ý nghĩa của các cuộc cách mạng tư sản

Chương 5: Sự xác lập chủ nghĩa tư bản ở châu Âu và Bắc Mỹ (LT 2; TL 2t; TH 1t)

- 5.1. Sự xác lập chủ nghĩa tư bản ở châu Âu
- 5.1.1. Sự thành lập Cộng hòa Hà Lan

5.1.3. Sự ra đời nền cộng hòa Pháp

5.2. Sự xác lập chủ nghĩa tư bản ở Bắc Mỹ

5.2.1. Sự thành lập liên bang Mỹ

5.2.2. Sự xác lập quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Mỹ

Chương 6: Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản (LT 2t; TL 2t; TH 1t)

6.1. Chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh

6.2. Chủ nghĩa đế quốc và quá trình xâm lược thuộc địa

6.2.1. Ba mươi năm cuối thế kỉ XIX

6.2.2. Quá trình xâm lược thuộc địa

6.3. Sự mở rộng và phát triển của chủ nghĩa tư bản

6.4. Chủ nghĩa tư bản từ tự do cạnh tranh sang độc quyền

Chương 7: Chủ nghĩa tư bản hiện đại (LT 3t; TL 3t; TH 1t)

7.1. Khái niệm chủ nghĩa tư bản hiện đại

7.2. Các công ty xuyên quốc gia của chủ nghĩa tư bản

7.3. Toàn cầu hóa

7.4. Tiềm năng và thách thức của chủ nghĩa tư bản hiện đại

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Tài liệu bắt buộc:

1. Đỗ Lộc Diệp (CB), Chủ nghĩa tư bản ngày nay: Mâu thuẫn nội tại, xu thế, triển vọng, NXB KHXH, HN, 2003

9.2. Học liệu tham khảo:

1. Lê Bộ Lĩnh (CB), Chủ nghĩa tư bản hiện đại: Khủng hoảng kinh tế và điều chỉnh, NXB KHXH, HN, 2002.

2. Nguyễn Anh Thái (CB)(2003), Lịch sử thế giới hiện đại, NXB Giáo dục.

3. Từ Thiên Tân, Lương Chí Minh 92004), Lịch sử thế giới hiện đại, NXB TP HCM

de

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.46.2b. SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI / THE FOUNDATION AND DEVELOPMENT OF SOCIALISM

- Mã học phần: 124013
- Số tín chỉ: 02 (18, 18, 6)
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Lịch sử
- Điều kiện tiên quyết: Lịch sử thế giới hiện đại

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần cung cấp những kiến thức về quá trình hình thành chủ nghĩa xã hội khoa học và ý nghĩa; Sự hình thành và phát triển của chủ nghĩa xã hội hiện thực: sự ra đời nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới. Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội ở châu Á và Cu Ba; quá trình cải cách mở cửa ở các nước xã hội chủ nghĩa hiện nay. Từ đó người học có những nhận thức mới về chủ nghĩa xã hội trong thời kì hiện đại và đưa ra những nhận định về hướng phát triển của chủ nghĩa xã hội trong tương lai

- Năng lực đạt được: Sinh viên có khả năng phân tích, nhận diện được các vấn đề cốt lõi của chủ nghĩa xã hội. Là kiến thức cơ bản, nền tảng để phục vụ cho việc giảng dạy nghiên cứu sau này.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

- Hiểu được quá trình ra đời của nghĩa xã hội khoa học
- Phân tích được quá trình hình thành Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết
- Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới.
- Nêu được ý nghĩa của việc xuất hiện Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới.
- Trình bày được sự phát triển của chủ nghĩa xã hội ở các nước Đông Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Phân tích được sự mở rộng của chủ nghĩa xã hội ở khu vực châu Á và Mỹ Latinh.

- Nêu được ý nghĩa của công cuộc cải cách mở cửa của Trung Quốc và công cuộc Đổi mới ở Việt Nam đối với sự phát triển chủ nghĩa xã hội.

- Nêu được nét chính về những thách thức và triển vọng của chủ nghĩa xã hội ở Trung Quốc, Việt Nam.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Biết cách tiếp cận vấn đề, giải quyết vấn đề một cách khoa học
- Biết cách sưu tầm, xử lý các nguồn tài liệu cần thiết cho học tập nghiên cứu
- Có kỹ năng phân tích, khái quát, vận dụng kiến thức đang học vào cuộc sống.

2.3. Mục tiêu về thái độ người học

Sinh viên nhận thức rõ đóng góp của các nhà lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học, vai trò của chủ nghĩa xã hội trong thực tiễn, đóng góp của quá trình cải cách của các nước xã hội chủ nghĩa. Từ đó có ý thức trân trọng những thành tựu, giá trị của chủ nghĩa xã hội, sẵn sàng tham gia đóng góp vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

3. Nội dung học phần

3.1. Nội dung chi tiết học phần

Bài mở đầu: Mấy vấn đề khái niệm (LT 2t, TL 0)

1. Khái niệm

1.1. Chủ nghĩa xã hội khoa học

1.2. Chủ nghĩa xã hội hiện thực

2. Chủ nghĩa xã hội hiện thực hiện nay ở một số nước

Chương 1: Tiền đề của chủ nghĩa xã hội khoa học (LT 3t; TL 4t)

1.1. Sự phát triển của phong trào công nhân

1.1.1. Phong trào công nhân châu Âu đầu thế kỉ XIX

1.1.2. Phong trào công nhân châu Âu giữa thế kỉ XIX

1.2. Sự phát triển của khoa học thế giới giữa thế kỉ XIX

1.2. Chủ nghĩa xã hội không tưởng

1.2.1. Các nhà chủ nghĩa xã hội không tưởng tiêu biểu

1.2.2. Học thuyết và những hạn chế của chủ nghĩa xã hội không tưởng

Chương 2: Sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học (LT 3t; TL 3t, TH 1t)

2.1. Những nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học

2.1.1. Tiểu sử Mác - Ăngghen

2.1.2. Quá trình hoạt động của Mác - Ăngghen

2.2. Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản và những luận điểm cơ bản về chủ nghĩa xã hội khoa học

2.2.1. Sự ra đời Tuyên ngôn của Đảng cộng sản tháng 2/1848

2.2.2. Nội dung của Tuyên ngôn Đảng cộng sản

Chương 3: Sự hình thành Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới (LT 3t; TL 3t; TH 1T)

3.1. Quá trình hình thành Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới.

3.1.1. Sự thành lập nhà nước Xô Viết

3.1.2. Thành tựu xây dựng chủ nghĩa xã hội của Liên Xô

3.2. Ý nghĩa của việc xuất hiện Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới

3.2.1. Đối với Liên Xô

3.2.2. Đối với chủ nghĩa xã hội

Chương 4: Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội sau Chiến tranh thế giới thứ hai (LT 3t; TL 4t; TH 2t)

4.1. Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu

4.1.1. Sự hình thành các quốc gia xã hội chủ nghĩa Đông Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai

4.1.2. Những thành tựu chủ yếu

4.2. Sự mở rộng chủ nghĩa xã hội ở châu Á và Cuba

4.2.1. Sự ra đời Việt Nam dân chủ cộng hòa

4.2.2. Sự ra đời cộng hòa dân chủ nhân dân Lào

4.2.3. Sự ra đời cộng hòa Cuba

4.3. Nguyên nhân khủng hoảng và sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô

4.3.1. Nguyên nhân chủ quan

4.3.2. Nguyên nhân khách quan

Chương 5: Chủ nghĩa xã hội từ năm 1991 đến nay (LT 4; TL 4t; TH 2t)

5.1. Thành tựu chính của công cuộc cải cách mở cửa ở Trung Quốc và công cuộc đổi mới ở Việt Nam

5.1.1. Công cuộc cải cách mở cửa ở Trung Quốc từ 1978 đến nay

5.1.2. Công cuộc đổi mới ở Việt Nam từ 1986 đến nay

5.1.3. Ý nghĩa của công cuộc cải cách mở cửa ở Trung Quốc và đổi mới ở Việt Nam

5.2. Thách thức và triển vọng của chủ nghĩa xã hội ở Trung Quốc, Việt Nam

5.2.1. Những thách thức

5.2.2. Triển vọng

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Tài liệu bắt buộc:

- Nguyễn An Ninh (2019), Chủ nghĩa xã hội hiện thực, thực trạng và triển vọng, Nxb Chính trị quốc gia sự thật.

9.2. Học liệu tham khảo:

- Bộ GD&ĐT (2005), Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học: dùng trong các trường ĐH, CĐ, Nxb Chính trị quốc gia

- Phan Ngọc Liên (2005), Lịch sử thế giới hiện đại, Nxb ĐH sư phạm

- Trần Thị Vinh (chủ biên), (2007), Lịch sử thế giới hiện đại, quyển 2, Nxb ĐH sư phạm.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

CHỌN 1 TRONG 2 HỌC PHẦN

9. 46.3a. ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG DH LỊCH SỬ THCS và THPT/ APPLICATION OF INFORMATION TECHNOLOGY IN HISTORY TEACHING IN HIGH SCHOOL

- Số tín chỉ: 2 (18, 12, 12)

- Mã học phần: 124017

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Lịch sử

- Điều kiện tiên quyết: Học phần Lý luận và PPDH môn Lịch sử ở trường phổ thông;
Xây dựng kế hoạch dạy học môn lịch sử ở trường phổ thông; Tổ chức hoạt động DH
môn LS ở trường PT, Rèn luyện NVSP...

1. Mô tả học phần:

Học phần *Ứng dụng CNTT trong DH lịch sử ở trường phổ thông* là học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp của chương trình đào tạo cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử CLC, giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản về ứng dụng CNTT trong dạy học môn Lịch sử ở trường phổ thông (vị trí, vai trò của CNTT trong DH nói chung và DHLS nói riêng; các phần mềm sử dụng; yêu cầu khi sử dụng; biện pháp và những lưu ý khi sử dụng CNTT trong DHLS...). Trên cơ sở đó, SV vận dụng thực hành tổ chức các hoạt động DH trong môn Lịch sử ở trường THCS và THPT.

Năng lực đạt được: Sinh viên hình thành năng sử dụng CNTT trong DH bộ môn. Đồng thời, góp phần phát triển các năng lực chung như năng lực sáng tạo, làm chủ công nghệ, năng lực hợp tác, xử lý tình huống...

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu chung:

Người học có hệ thống kiến thức cơ bản về việc tổ chức các hoạt động DH khi sử dụng CNTT trong dạy học môn Lịch sử ở trường phổ thông (vị trí, vai trò của CNTT trong DH nói chung và DHLS nói riêng; các phần mềm sử dụng; yêu cầu khi sử dụng; biện pháp và những lưu ý khi sử dụng CNTT trong DHLS...). Trên cơ sở đó, SV vận dụng thực hành tổ chức các hoạt động DH trong môn Lịch sử ở trường THCS và THPT.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

2.1. Về kiến thức:

- SV nhận thức được vị trí, vai trò của CNTT trong DH nói chung và DHLS nói riêng;
- Nêu tên và biết cách sử dụng các phần mềm CNTT trong DH;
- Xác định được các yêu cầu, nguyên tắc khi sử dụng;
- Nêu được các biện pháp và những lưu ý khi sử dụng CNTT trong DHLS...).
- Trên cơ sở đó, SV vận dụng thực hành tổ chức các hoạt động DH trong môn Lịch sử ở trường THCS và THPT.

2.2. Về kỹ năng:

Học phần hình thành và rèn luyện cho HS các kỹ năng cơ bản, chuyên biệt như kỹ năng sử dụng CNTT trong DH Lịch sử... Bên cạnh đó, học phần hỗ trợ SV hình thành một số kỹ năng chung như kỹ năng làm việc nhóm, xử lý tình huống, làm chủ công nghệ thông tin....

2.3. Về thái độ

- + Rèn luyện phong cách học tập và làm việc khoa học, có kế hoạch cụ thể, rõ ràng.
- + Hình thành và nuôi dưỡng tình yêu và trách nhiệm đối với nghề.
- + Ý thức rèn luyện bản thân theo chuẩn mực nghề nghiệp.
- + Có ý thức tích cực góp phần đổi mới phương pháp dạy học

2.4. Năng lực định hướng phát triển

- Năng lực sử dụng CNTT tổ chức các hoạt động dạy học môn Lịch sử ở trường THCS và THPT hiện nay;
- Năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề, tư duy hiệu quả, ...

3. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung 1: Những vấn đề cơ bản của việc ứng dụng CNTT trong DHLS THCS và THPT (2, 2, 0)

- 1.1. Khái niệm
- 1.2. Vai trò
- 1.3. Thực trạng ứng dụng

Nội dung 2: Các phần mềm sử dụng chủ yếu trong DHLS THCS và THPT (8, 8, 0)

- 2.1. Cơ sở lựa chọn phần mềm sử dụng trong DHLS THCS và THPT
- 2.2. Những yêu cầu khi sử dụng
- 2.3. Phần mềm soạn bài giảng điện tử
- 2.4. Phần mềm làm video *Windows Movie Maker*
- 2.5. Phần mềm vẽ sơ đồ tư duy *iMindMap*
- 2.6. Phần mềm ra đề và quản lý ngân hàng câu hỏi *SmartTest*

Nội dung 3: Các biện pháp sử dụng CNTT trong DHLS (8, 8, 0)

- 3.1. Những yêu cầu cơ bản khi tiến hành
- 3.2. Sử dụng CNTT để khởi động bài học
- 3.3. Sử dụng CNTT để hỗ trợ HS tìm hiểu kiến thức mới
- 3.4. Sử dụng CNTT để tổ chức cho HS kiểm tra đánh giá...
- 3.5. Sử dụng CNTT trong các hoạt động DH khác

Nội dung 4: Thực hành sử dụng CNTT trong DHLS (0, 0, 12)

- 4.1. Thực hành đối với bài học LS THCS
- 4.2. Thực hành đối với BHLS THPT

4. Yêu cầu của học phần

- Sinh viên phải có mặt trên lớp 80% thời gian học lý thuyết và thảo luận nhóm.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập được giao (cá nhân, nhóm), đúng thời gian quy định.

- Các bài tập phải được trình bày khoa học, rõ ràng theo yêu cầu từng nhiệm vụ học tập; được tham khảo các tư liệu đã giới thiệu hay các website để hoàn chỉnh bài làm, nhưng không được sao chép lại của nhau, không được sao chép trên website.... Nếu phát hiện ra sự sao chép, sinh viên sẽ bị điểm 0.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn người học tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 4 tiết giải đáp những câu hỏi, băn khoăn của người học.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%,
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%.
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

9. Tài liệu tham khảo chính

9.1. Giáo trình

[1]. Phan Ngọc Liên (CB) (2012), Trịnh Đình Tùng, Nguyễn Thị Côi: *Phương pháp dạy học lịch sử*, tập 1,2, NXB Đại học Sư phạm HN

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo - Dự án Việt Bỉ (2010), *Dạy và học tích cực - một số phương pháp và kỹ thuật dạy học*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[3]. Robert J. Marzano (2013), *Các phương pháp dạy học hiệu quả*, NXB Giáo dục.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.496.3b. DẠY HỌC TÍCH HỢP VÀ DẠY HỌC PHÂN HÓA MÔN LỊCH SỬ THCS VÀ THPT

- Số tín chỉ: 2 (18, 12, 12)

- Mã học phần: 124017

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Lịch sử

- Điều kiện tiên quyết: Học phần Lý luận và PPDH môn Lịch sử ở trường phổ thông; Xây dựng kế hoạch dạy học môn lịch sử ở trường phổ thông; Tổ chức hoạt động DH môn LS ở trường PT, Rèn luyện NVSP...

1. Mô tả học phần:

Học phần Dạy học tích hợp và dạy học phân hóa môn lịch sử THCS và THPT là học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp của chương trình đào tạo cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử CLC, giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản về khái niệm, mục tiêu, ý nghĩa, yêu cầu của việc dạy học tích hợp và dạy học phân hóa; nguyên tắc, phương pháp dạy học tích hợp và dạy học phân hóa môn Lịch sử môn Lịch sử THCS, THPT.

Năng lực đạt được: SV hình thành và phát triển năng lực phân tích mục tiêu, nội dung chương trình, sách giáo khoa để xác định nội dung và mức độ tích hợp, phân hóa trong chuẩn đầu ra môn học Lịch sử ở cấp THCS và THPT; hình thành năng lực lựa chọn, xây dựng các chủ đề dạy học tích hợp và dạy học phân hóa; thiết kế được một số kế hoạch dạy học tích hợp và dạy học phân hóa môn Lịch sử và tổ chức thực hiện kế hoạch theo định hướng phát triển phẩm chất năng lực học sinh. Đồng thời, tiếp tục góp phần phát triển các năng lực chung như năng lực hợp tác, xử lý tình huống...

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu chung:

Người học có hệ thống kiến thức cơ bản về việc về khái niệm, mục tiêu, yêu cầu của việc dạy học tích hợp và dạy học phân hóa; nguyên tắc, phương pháp dạy học tích hợp và dạy học phân hóa môn Lịch sử môn Lịch sử THCS, THPT. Từ đó, vận dụng để lựa chọn, thiết kế và tổ chức DH các chủ đề dạy học tích hợp và dạy học phân hóa theo định hướng phát triển phẩm chất năng lực học sinh.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

2.1. Về kiến thức:

- SV trình bày được khái niệm, mục tiêu của việc dạy học tích hợp và dạy học phân hóa môn Lịch sử môn Lịch sử THCS, THPT
- Phân tích được ý nghĩa của hoạt động
- Xác định rõ những yêu cầu, nguyên tắc của việc dạy học tích hợp và dạy học phân hóa; môn Lịch sử môn Lịch sử THCS, THPT.
- Trên cơ sở đó, SV vận dụng thực hành thiết kế và tổ chức các chủ đề dạy học tích hợp và dạy học phân hóa theo định hướng phát triển phẩm chất năng lực học sinh.

2.2. Về kỹ năng:

Học phần hình thành và rèn luyện cho HS các kỹ năng cơ bản, chuyên biệt như kỹ năng phân tích, tổng hợp, kỹ năng DH liên môn, kỹ năng thực hành, vận dụng ... Bên cạnh đó, học phần hỗ trợ SV hình thành một số kỹ năng chung như kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp ứng xử, xử lý tình huống....

2.3. Về thái độ

- + Rèn luyện phong cách học tập và làm việc khoa học, có kế hoạch cụ thể, rõ ràng.
- + Hình thành và nuôi dưỡng tình yêu và trách nhiệm đối với nghề.
- + Ý thức rèn luyện bản thân theo chuẩn mực nghề nghiệp.
- + Có ý thức tích cực góp phần đổi mới phương pháp dạy học

2.4. Năng lực định hướng phát triển

- Năng lực phân tích, thiết kế và tổ chức các hoạt động dạy học môn Lịch sử ở trường THCS và THPT hiện nay;
- Năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề, tư duy hiệu quả, sáng tạo...

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Những vấn đề chung của dạy học phân hóa và dạy học tích hợp trong môn Lịch sử THCS và THPT (9, 6, 0)

- 1.1. Các khái niệm liên quan
- 1.2. Mục tiêu của dạy học phân hóa và dạy học tích hợp
- 1.3. Ý nghĩa của dạy học phân hóa và dạy học tích hợp
- 1.4. Những yêu cầu cơ bản
- 1.5. Thực trạng

Chương 2: Nội dung và phương pháp dạy học tích hợp môn Lịch sử THCS và THPT (9, 6, 0)

- 2.1. Cơ sở lựa chọn nội dung và phương pháp tích hợp
- 2.2. Lựa chọn nội dung dạy học tích hợp
- 2.3. Phương pháp dạy học tích hợp

Chương 3: Thực hành thiết kế và tổ chức kế hoạch dạy học tích hợp và dạy học phân hóa môn Lịch sử THCS và THPT (0, 0, 12)

- 4.1. Thiết kế và tổ chức kế hoạch dạy học tích hợp và dạy học phân hóa môn Lịch sử THCS
- 4.2. Thiết kế và tổ chức kế hoạch dạy học tích hợp và dạy học phân hóa môn Lịch sử THPT

4. Yêu cầu của học phần

- Sinh viên phải có mặt trên lớp 80% thời gian học lý thuyết và thảo luận nhóm.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập được giao (cá nhân, nhóm), đúng thời gian quy định.
- Các bài tập phải được trình bày khoa học, rõ ràng theo yêu cầu từng nhiệm vụ học tập; được tham khảo các tài liệu đã giới thiệu hay các website để hoàn chỉnh bài làm, nhưng không được sao chép lại của nhau, không được sao chép trên website.... Nếu phát hiện ra sự sao chép, sinh viên sẽ bị điểm 0.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn người học tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 4 tiết giải đáp những câu hỏi, băn khoăn của người học.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%,
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%.
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

9. Tài liệu tham khảo chính

9.1. Giáo trình

[1]. Trần Thị Thanh Thủy (Chủ biên) (2018), *Dạy học tích hợp phát triển năng lực học sinh quyển 2*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo - Dự án Việt Bỉ (2010), *Dạy và học tích cực - một số phương pháp và kỹ thuật dạy học*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[3]. Robert J. Marzano (2013), *Các phương pháp dạy học hiệu quả*, NXB Giáo dục Việt Nam

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

10. Dự kiến đơn vị giảng dạy

TT	Tên học phần	Bộ môn
1	Triết học Mác-Lênin	LL Mác – Lênin
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	LL Mác – Lênin
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	LL Mác – Lênin
4	Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam	LSD-TT HCM
5	Tư tưởng HCM	LSD-TT HCM
6	Pháp luật đại cương	Luật
7	Tiếng Anh 1	Ngoại ngữ KC
8	Tiếng Anh 2	Ngoại ngữ KC
9	Tiếng Anh 3	Ngoại ngữ KC
10	Tin học	Mạng máy tính & Ứng dụng
11	Cơ sở văn hóa Việt Nam	VN học-du lịch
12	Môi trường và con người	Sinh học, Địa lý
13	Lịch sử văn minh thế giới	Lịch sử
14	Kiến thức địa phương Thanh Hóa	Lịch sử
15	Hán nôm cơ sở	Ngữ văn
16	Hán nôm đại cương	Ngữ văn
17	Thống kê xã hội	Xã hội học
18	Xã hội học đại cương	Xã hội học
19	Giáo dục thể chất 1	Bóng-Điền kinh
20	Bóng chuyền	Bóng-Điền kinh
21	Thể dục Aerobic	Bóng-Điền kinh
22	Bóng đá	Bóng-Điền kinh
23	Bóng rổ	Bóng-Điền kinh
24	Vovinam-Việt võ đạo	Bóng-Điền kinh
25	Giáo dục quốc phòng	TT GDQP
26	Tâm lý học	Tâm lý
27	Giáo dục học	Giáo dục
28	Quản lý HCNH và Quản lý GD	Giáo dục
29	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Lịch sử
30	Phương pháp luận sử học	Lịch sử
31	Cơ sở khảo cổ học	Lịch sử
32	Các dân tộc Việt Nam	Lịch sử
33	Nhân học đại cương	Lịch sử
34	Nhập môn khu vực học	Lịch sử
35	Đông Nam Á-LS và hiện tại	Lịch sử
36	Văn hóa Đông Nam Á	Lịch sử
37	LS VN từ nguyên thủy đến năm 1858	Lịch sử
38	Lịch sử Việt Nam từ 1858 đến năm 1945	Lịch sử
39	LS VN từ 1945 đến nay	Lịch sử

40	Lịch sử thế giới cổ trung đại	Lịch sử
41	Lịch sử thế giới cận đại	Lịch sử
42	Lịch sử thế giới hiện đại	Lịch sử
43	Lý luận và PPDH môn Lịch sử THCS và THPT	Lịch sử
44	Xây dựng kế hoạch dạy học môn Lịch sử THCS và THPT	Lịch sử
45	Tổ chức DH môn lịch sử THCS và THPT	Lịch sử
46	Phát triển chương trình nhà trường	Lịch sử
47	Các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử thế giới	Lịch sử
48	Các tôn giáo lớn trên thế giới	Lịch sử
49	Tổ chức hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp trong dạy học Lịch sử THCS và THPT	Lịch sử
50	Xây dựng và tổ chức các dự án học tập môn Lịch sử THCS và THPT	Lịch sử
51	Quan hệ quốc tế trong và sau Chiến tranh lạnh	Lịch sử
52	Chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay	Lịch sử
53	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	Lịch sử
54	Cách mạng tháng Tám 1945	Lịch sử
55	Chủ quyền lãnh thổ Việt Nam và vấn đề Biển Đông	Lịch sử
56	Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và chiến tranh giải phóng dân tộc trong Lịch sử VN (trước CM tháng Tám 1945)	Lịch sử
57	Các cuộc cải cách trong LS VN	Lịch sử
58	Một số vấn đề về Chế độ ruộng đất trong lịch sử Việt Nam	Lịch sử
59	Tổ chức kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Lịch sử THCS và THPT	Lịch sử
60	Thực tế CM 1	Lịch sử
61	Thực tế CM 2	Lịch sử
62	Kiểm tập sự phạm	Lịch sử
63	Thực tập sự phạm	Lịch sử
64	Khóa luận TN	Lịch sử
65	Quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam	Lịch sử
66	Làng xã Việt Nam	Lịch sử
67	Cách mạng tư sản và sự phát triển của chủ nghĩa tư bản	Lịch sử
68	Sự hình thành và phát triển của CNXH	Lịch sử
69	Ứng dụng CNTT trong DH lịch sử THCS và THPT	Lịch sử
70	Dạy học tích hợp và dạy học phân hóa môn Lịch sử THPT, THCS	Lịch sử

11. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

11.1. Các phòng thí nghiệm và các hệ thống thiết bị quan trọng:

- Thực trạng: Hiện nay Bộ môn đang sử dụng một phòng tư liệu chung của Khoa KHXH, có các tài liệu lịch sử, hàng năm bổ sung luận văn Thạc sỹ Lịch sử VN, sơ đồ, bản đồ... phục vụ học tập và nghiên cứu.

11.2. Thư viện:

Trung tâm Thông tin Tư liệu - Thư viện Trường ĐHHĐ cần có đủ đầu sách, báo, tạp chí chuyên ngành và các tài liệu có liên quan đủ để đáp ứng nhu cầu về tài liệu tham khảo cho giảng viên và sinh viên.

11.3. Giáo trình và tài liệu tham khảo cho các môn học chính.

TT	Tên học phần	Giáo trình	Tài liệu dạy học
1	Triết học Mác-Lênin	1. Bộ GD & ĐT, Giáo trình Triết học Mác-Lênin, Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị) (2021), NXB Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội. 2. Bộ Giáo dục & ĐT, Giáo trình những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin (Dành cho sinh viên ĐH, CĐ khối không chuyên ngành Mác – Lê Nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh), Nxb CTQG, 2015.	1. Nguyễn Ngọc Long, Nguyễn Hữu Vui Giáo trình triết học Mác-Lênin (Dùng trong các trường đại học, cao đẳng) H: CTQG; 2005 2. Nguyễn Hữu Vui, Lịch sử triết học, NXB CTQG, 1997
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	1- Bộ GD & ĐT, Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin, (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị) (2021) NXB Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội. 2. Bộ Giáo dục & ĐT, Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin, NXB CTQG, 2004. Mác-Lênin, NXB CTQG	1. Văn kiện đảng toàn tập tập tập: 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12 (2002, 2002, 1999, 1999, 2002, 2000, 2000, 2000, 2001, 2001, 2001, 2001) NXB CTQG.
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ GD & ĐT, Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị) (2021), NXB Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội	1. Giáo trình những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin (Dành cho sinh viên ĐH, CĐ khối không chuyên ngành Mác – Lê Nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh), Nxb CTQG, 2015. 2. Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học: Dùng trong các trường ĐH, CĐ/ Bộ giáo dục đào tạo H: CTQG, 2008
	Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam	1. Bộ GD&ĐT (2021), Lịch sử Đảng CSVN, Nxb CTQGST. 2. Bộ GD&ĐT (2006), Lịch sử	1. Bộ GD&ĐT (2007), Một số chuyên đề Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, tập I,II,III, Nxb CTQG.

TT	Tên học phần	Giáo trình	Tài liệu dạy học
4		Đảng CSVN, Nxb CTQG.	2.Văn kiện Đảng toàn tập tập tập: I,II,III,IV,V,VI,VII,VIII,IX,X,XI,XII ,XIII (2002, 2002, 1999, 1999, 2002, 2000, 2000, 2000, 2001, 2001, 2001, 2001) NXB CTQG.
5	Tư tưởng HCM	Bộ Giáo dục & Đào tạo (2021), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh. Nxb Chính trị quốc gia sự thật	1. Bộ Giáo dục và đào tạo (2019), Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh (dự thảo) 2. Hồ Chí Minh (2016), Biên niên tiểu sử (10 tập). Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội 3. Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 4. Võ Nguyên Giáp (2008), Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam. Nxb Chính trị quốc gia
6	Pháp luật đại cương	Lê Văn Minh (2016), Pháp luật đại cương, NXB Lao động	1. Lê Minh Tâm (2008). Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật, NXB CAND. 2. Lê Minh Tâm, Nguyễn Minh Đoan (2015), Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật, NXB CAND
7	Tiếng Anh 1	1. Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson (2012), English File-Elementary 3rd edition. Oxford University Press. 2. Nguyễn Thị Quyết (2018), Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A. Nhà xuất bản Thanh Hoá.	1. Raymond Murphy (2013), Grammar in use. Ngữ pháp tiếng Anh thông dụng. 130 bài tập thực hành. NXB Thời đại 2. Cambridge ESOL (2011), Cambridge Preliminary English Test 2. Cambridge University Press
8	Tiếng Anh 2	1. Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson (2011), English File Pre-Intermediate 3rd edition. Nhà xuất bản Văn hóa thông tin. 2. Nguyễn Thị Quyết (2018), Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ B. Nhà xuất bản Thanh Hoá.	1. Raymond Murphy (2013), <i>Grammar In Use</i> . Ngữ pháp tiếng Anh thông dụng. 130 bài tập thực hành NXB Thời đại. 2. Cambridge ESOL (2013), Cambridge <i>Preliminary English Test</i> 3. Cambridge University Press. 3. Cambridge ESOL (2014), <i>Cambridge Preliminary English Test</i> 4. Cambridge University Press
	Tiếng Anh 3	1.Clive Oxenden, Christina	1. Raymond Murphy (1997), <i>Ngữ</i>

TT	Tên học phần	Giáo trình	Tài liệu dạy học
9		Latham–Koenig and Paul Seligson, 2013. <i>English File–Preintermediate 3rd edition</i> . Oxford University Press. (1) 2.Sue Ireland, Joanna Kosta. <i>Target PET</i> . Richmond Publishing. (2)	<i>Pháp thông dụng tiếng Anh: English Grammar In Use</i> , Nhà Xuất Bản Hà Nội (3) 2. Cambridge ESOL (2011), <i>Cambridge Preliminary English Test</i> , Cambridge University Press (4) 3. Cambridge ESOL (2015), <i>Cambridge Preliminary English Test</i> , Cambridge University Press (5).
10	Tin học	Nguyễn Ngọc Cương, Vũ Chí Quang (2015), Giáo trình tin học cơ sở, NXB ĐHSP	1.Lê Thị Hồng, Phạm Thế Anh, Nguyễn Thế Cường, Phạm Thị Hồng (2017), Tin học căn bản, Nhà xuất bản khoa học 2. Hàn Viết Thuận (2007), Giáo trình tin học đại cương: Dùng cho sinh viên chuyên ngành kinh tế và quản trị kinh doanh, NXB ĐHKQTĐ
11	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Trần Ngọc Thêm (1999), Cơ sở văn hoá VN, Nxb GD HN.	1. Trần Quốc Vượng (2002), Cơ sở văn hoá Việt Nam, Nxb GD. 2. Đào Duy Anh (1998), Việt Nam văn hoá sử cương, NXB TP. HCM. 3. Phan Kế Bính (2017), Việt Nam phong tục, Nxb Văn học.
12	Môi trường và con người	Lê Văn Khoa (chủ biên) (2011), Giáo trình Môi trường và con người, Nxb GD	1. Nguyễn Xuân Cự, Nguyễn Thị Phương Loan(2011), Giáo trình môi trường và con người, Nxb. Giáo dục, Hà Nội. 2. Luật An toàn, vệ sinh lao động số 84/2015/QH 13 3. Mai Đình Yên (chủ biên) (1997): Môi trường và con người, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
13	Giáo dục thể chất 1	Nguyễn Đại Dương (CB) (2006), Điền Kinh, NX, TĐTT.	1. Đông Văn Triệu, Lê Anh Thơ (2006), Lý luận và phương pháp giảng dạy giáo dục thể chất trong trường học, NXB TĐTT, Hà Nội 2. Nguyễn Xuân Sinh (2008), Thể dục, NXB TĐTT. 3. Tổng cục TĐTT (2012), Luật thi đấu Điền Kinh, NXB TĐTT.
	Bóng chuyền	Nguyễn Viết Minh, Hồ Đắc Sơn (2007), Giáo trình Bóng chuyền,	1. Tổng cục thể thao (2015), Luật Bóng chuyền và Bóng chuyền bãi

TT	Tên học phần	Giáo trình	Tài liệu dạy học
14		NXB ĐHSP.	biển, NXB TĐTT. 2. Đinh Văn Lắm (2006), Giáo trình Bóng chuyền, Nxb TĐTT.
15	Thể dục Aerobic	Đinh Khánh Thu, Giáo trình Thể dục Aerobic, NXB TĐTT, 2014.	1. Nguyễn Xuân Sinh (2008), Thể dục, NXB, TĐTT. 2.Th.S Vũ Thanh Mai (CB) (2011) Khiêu vũ thể thao , Nxb TĐTT
16	Bóng đá	Phạm Quang (2007), Giáo trình bóng đá, NXB, TĐTT.	1. Tổng cục thể thao (2014), Luật thi đấu bóng đá, Nxb TĐTT 2. Ủy ban thể dục thể thao (2001), Luật thi đấu bóng đá 7 người, Nxb TĐTT. 3. Tổng cục thể thao, Luật thi đấu bóng đá 5 người(2011), Nxb TĐTT
17	Bóng rổ	Nguyễn Văn Trung; Nguyễn Quốc Quân; Phạm Văn Thảo (2003), Giáo trình bóng rổ, NXB TĐTT.	1. Tổng cục thể thao (2015), Luật Bóng rổ, NXB TĐTT 2. Lê Trọng Đồng, Nguyễn Văn Trường (2019), Giáo trình Bóng rổ, NXB Đại học Thái Nguyên.
18	Vovinam-Việt võ đạo	Lê Quốc Ân, Võ sư Nguyễn Văn Chiếu (2008), Kỹ thuật Vovinam-Việt võ đạo tập 1, NXB TĐTT.	1. Nguyễn Chánh Tứ (2014), Phòng ngừa chấn thương trong tập luyện và thi đấu Vovinam- Việt võ đạo, NXB TĐTT. 2. Nguyễn Chánh Tứ (2014), Vovinam phân thể nhu khí công-quyển 2, Nxb TĐTT
19	Lịch sử văn minh thế giới	Vũ Dương Ninh (2013), Lịch sử văn minh thế giới, H, Giáo dục , Hà Nội	1.Vũ Dương Ninh, Phan Thu Hiền (Cb) (1996), Đại cương văn hóa Phương Đông, Nxb GD, HN 2.Nguyễn Hoàng Điệp, Almanach, Những nền văn minh thế giới (1995+1999), Nxb VHHT
20	Kiến thức địa phương Thanh Hóa	Tập thể, (2000) Địa chí Thanh Hoá tập 1: Thanh Hoá, Nxb VHHT	1.Hà Văn Tấn (1990, 1994), Lịch sử Thanh Hóa Tập 1, tập 2, Nxb KHXH, HN 2. Lê Văn Trường (2002), Địa lý Thanh Hoá, Nxb Thanh Hoá.
21	Hán nôm cơ sở	Đặng Đức Siêu (2007), Ngữ Văn Hán Nôm, Nxb ĐHSP, HN	1.Nguyễn Ngọc San (2003), Lý thuyết chữ Nôm, văn Nôm NXB ĐH Sư phạm. 2. Lê Đình Khẩn (2000), Chữ Hán, những vấn đề cơ bản, Nxb ĐH. QG. TP HCM

TT	Tên học phần	Giáo trình	Tài liệu dạy học
22	Hán nôm đại cương	Đặng Đức Siêu (1995), Giáo trình Ngữ Văn Hán Nôm, T1, Nxb GD, HN.	1. Nguyễn Ngọc San (2003), Lý thuyết chữ Nôm, văn Nôm NXB ĐH Sư phạm. 2. Lê Đình Khẩn (2000), Chữ Hán, những vấn đề cơ bản, Nxb ĐH. QG. TPHCM
23	Thống kê xã hội	Đào Hữu Hồ (2010), Giáo trình thống kê xã hội học, Nxb GD, HN.	1. Trần Ngọc Phác (2006), Giáo trình lý thuyết thống kê, Nxb Thống kê, HN 2. Đặng Hùng Thắng (1999), Thống kê và ứng dụng, Nxb GD, HN
24	Xã hội học đại cương	Nguyễn Sinh Huy (1999), Xã hội học đại cương, Nxb ĐHQG, HN	1. Vũ Minh Tâm (1999), Nhập môn xã hội học, Nxb GD, HN 2. Phạm Tất Dong , Lê Ngọc Hùng (2010), Xã hội học, Nxb ĐHQG HN
25	Tâm lý học	1. Nguyễn Quang Uẩn (Chủ biên) (2002), Tâm lý học đại cương, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội. 2. Lê Văn Hồng, Lê Ngọc Lan (2001), Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm: Dành cho các trường ĐHSP& CĐSP, NXB ĐHQG Hà Nội	1. Phan Trọng Ngọ, Lê Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Phương Lan, Lò Mai Thoan (2016), Câu hỏi và tình huống học tập môn Tâm lý học (Dành cho sinh viên các trường Sư phạm), NXB ĐH Giáo dục Việt Nam. 2. Hoàng Anh, Vũ Kim Thanh (1997), Giao tiếp sư phạm, NXB Giáo dục.
26	Giáo dục học	Trần Thị Tuyết Oanh (2011, 2012) (chủ biên). Giáo trình Giáo dục học. Tập 1,2, NXB ĐHSP.	1. Nguyễn Sinh Huy- Nguyễn Văn Lê (1997), Giáo dục học đại cương Tập 1,2, NXB GD, 2. Phạm Viết Vượng (2000), Giáo dục học. NXB ĐHQG 3. Đỗ Thế Hưng (2007), Tình huống dạy học môn GDH, NXB ĐHSP
27	Quản lý HCNN và Quản lý GD	Phạm Viết Vượng (2006), Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành Giáo dục & đào tạo, NXB Đại học sư phạm.	1. Quốc Hội (2008), Luật số 22/2008/QH12 ngày 13/ 11/ 2008. Luật Cán bộ, công chức 2. Quốc Hội (2008), Luật số 58/2008/QH12 ngày 15/ 11/ 2010, Luật viên chức. 3. Quốc Hội (2019), Luật số 52/2019/QH14 của Quốc Hội, luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật cán bộ, công chức và luật viên chức. 4. Quốc Hội (2014), Luật số

TT	Tên học phần	Giáo trình	Tài liệu dạy học
			43/2019/QH14, ngày 14/6/2019, Luật GD 5. Ban chấp hành Trung ương Đảng (2013), Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo
28	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Phạm Viết Vượng (2002), Phương pháp luận nghiên cứu khoa học, Nxb ĐHQG, HN	1.Vũ Cao Đàm (2012), Giáo trình phương pháp luận nghiên cứu khoa học, Nxb GD, HN 2. Phạm Viết Vượng (1995), Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục: dùng cho các trường ĐH và CĐSP, Nxb GD, HN
29	Phương pháp luận sử học	Phan Ngọc Liên (2003), Phương pháp luận sử học, Nxb ĐHSP HN	1.Phan Ngọc Liên (cb) (2006), Nhập môn sử học, Nxb ĐHSP HN 2.N.A.E.Rô.phê.ép (1981), Lịch sử là gì, Nxb GD HN
30	Cơ sở khảo cổ học	Hán Văn Khẩn (cb) (2008), Cơ sở khảo cổ học, H. ĐHQG HN.	1.Đinh Ngọc Bảo (Cb), Phạm Văn Đẩu (2007), Giáo trình Khảo cổ học: Giáo trình sách dùng cho CĐSP, Nxb ĐHSP, HN 2. Tập thể (2000), Địa chí Thanh Hoá tập 1, Nxb văn hoá thông tin.
31	Các dân tộc Việt Nam	Đặng Nghiêm Vạn (2003), Cộng đồng quốc gia dân tộc Việt Nam, Nxb Đại học Quốc gia TPHCM	1. Viện Dân tộc học (2014), Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía bắc), Nxb KHXH. HN 2. Viện Dân tộc học (2014), Các dân tộc ít người ở Việt nam (các tỉnh phía Nam), Nxb KHXH, HN 3. Lê Sĩ Giáo (2007) (chủ biên), Dân tộc học đại cương, Nxb Giáo dục, Hà Nội
32	Nhân học đại cương	GS TS. Lương Văn Hy, GS TS Ngô Văn Lê, PGS TS Ngô Văn Tiệp, PGS TS Phan Thị Yến Tuyết (2010), Hiện đại và động thái của truyền thống ở Việt Nam: Những cách tiếp cận nhân học Q1, Nxb Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.	1. GS TS. Lương Văn Hy, GS TS Ngô Văn Lê, PGS TS Ngô Văn Tiệp, PGS TS Phan Thị Yến Tuyết (2010), Hiện đại và động thái của truyền thống ở Việt Nam: Những cách tiếp cận nhân học Q2, Nxb Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh . 2.Lê Sĩ Giáo (2007) (chủ biên), Dân tộc học đại cương, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

TT	Tên học phần	Giáo trình	Tài liệu dạy học
33	Nhập môn khu vực học	Trần Lê Bảo (2008), Khu vực học và nhập môn Việt Nam học, Nxb GD, HN.	1. Trần Ngọc Thêm (1999), Cơ sở văn hoá VN: Giáo trình ĐH, Nxb GD, HN 2. Đại học Quốc gia Hà Nội- Viện Khoa học xã hội Việt Nam (2010). "Việt Nam học kỷ yếu hội kỷ yếu hội thảo quốc tế lần thứ 3 Việt Nam: Hội nhập và phát triển Tập VI hội nhập và phát triển", Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế Việt Nam học lần ba, tập VI. ĐHQG, HN 3. Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam- Đại học Quốc gia Hà Nội (2013), "Việt Nam học kỷ yếu hội kỷ yếu hội thảo quốc tế lần thứ 4: Việt Nam trên con đường hội nhập và phát triển bền vững", tập VII, Nxb Khoa học xã hội, HN.
34	Đông Nam Á-LS và hiện tại	Lương Ninh (2005), Lịch sử Đông Nam Á, Nxb GD HN	1.Clive -Christie (2000), Lịch sử Đông Nam Á hiện đại, Nxb CTQG HN 2. Đinh Xuân Lý (2000), Tiến trình hội nhập Việt Nam - ASEAN, Nxb ĐHQGHN 3.Nguyễn Duy Quý (2004), Tiến tới một ASEAN hòa bình, ổn định và phát triển bền vững, Nxb KHXH, HN
35	Văn hóa Đông Nam Á	Mai Ngọc Chừ (1999), Văn hóa Đông Nam Á, Nxb ĐHQG Hà Nội.	1.Nguyễn Tất Đắc (2005), Văn hóa Đông Nam Á, Nxb GD HN. 2. Đinh Xuân Lý (2000), Tiến trình hội nhập Việt Nam - ASEAN, Nxb ĐHQGHN.
36	LS VN từ nguyên thủy đến năm 1858	Trương Hữu Quýnh (chủ biên) (1998), Đại cương lịch sử Việt Nam, Nxb GD, HN.	1. Trương Hữu Quýnh, Nguyễn Cảnh Minh (1999), Lịch sử Việt Nam từ nguyên thủy đến 1858, Nxb ĐHQG, HN 2. Nguyễn Quang Ngọc (chủ biên) (2001), Tiến trình lịch sử Việt Nam, Nxb GD, HN 3. Phan Đại Doãn (1998), Ngô Sĩ Liên và đại việt sử ký toàn thư, Nxb

TT	Tên học phần	Giáo trình	Tài liệu dạy học
			CTQG HN
37	Lịch sử Việt Nam từ 1858 đến năm 1945	Đinh Xuân Lâm (CB), Nguyễn Văn Khánh, Nguyễn Đình Lễ (2002), Đại cương lịch sử Việt Nam, tập II (1858 - 1945), Nxb Giáo dục, HN	1. Đinh Xuân Lâm, Lê Mậu Hãn, Trương Hữu Quýnh (2000), Đại cương Lịch sử Việt Nam, Nxb Giáo dục HN 2. Nguyễn Quang Ngọc (chủ biên) (2002), Tiến trình lịch sử Việt Nam, Nxb GD, HN
38	LS VN từ 1945 đến nay	Trần Bá Đệ, Lịch sử Việt Nam từ 1858 đến nay, Nxb ĐHQG HN, 2001	1. Đinh Xuân Lâm, Lê Mậu Hãn, Trương Hữu Quýnh (2002), Đại cương lịch sử Việt Nam tập 2, Nxb GD, HN 2. Lê Mậu Hãn (Chủ biên) (2003), Đại cương lịch sử Việt Nam, tập 3: 1945-2006, Nxb GD HN 3. Nguyễn Quang Ngọc (Chủ biên) (2001), Tiến trình lịch sử Việt Nam, Nxb GD HN
39	Lịch sử thế giới cổ trung đại	Lương Ninh, Đinh Ngọc Bảo (2003), Lịch sử thế giới cổ đại, Nxb GD HN	1. Nguyễn Gia Phú, Nguyễn văn Ánh...(1998), Lịch sử thế giới Trung đại, Nxb GD HN 2. Lê Minh Hân (Cb) (2002), Lịch sử thế giới thời trung cổ, Tập 2, Nxb TP.HCM 3. Nguyễn Hoàng Điệp, Almanach, Những nền văn minh thế giới (1995+99), Nxb VH TT, HN
40	Lịch sử thế giới cận đại	Vũ Dương Ninh, Nguyễn Văn Hồng (1998), Lịch sử thế giới cận đại, Nxb GD HN	1. Phan Ngọc Liên, Đào Tuấn Thành (2006), Lịch sử thế giới cận đại / Phan Ngọc Liên, Đào Tuấn Thành Nxb ĐHSP. 2. Phan Ngọc Liên, Nghiêm Đình Vỳ, Nguyễn Đình Lễ (1996), Thuật ngữ khái niệm lịch sử phổ thông, Nxb ĐHQG, HN 3. Đặng Đức An (2003), Những mẫu chuyện về lịch sử thế giới, Nxb GD HN
41	Lịch sử thế giới hiện đại	Nguyễn Anh Thái (cb) (2002), Lịch sử thế giới hiện đại 1917-19445, Nxb GD HN	1. Phan Ngọc Liên (2005), Lịch sử thế giới hiện đại, Nxb ĐHSP, 2005 2. Trần Thị Vinh (Cb) (2007), Lịch sử thế giới hiện đại (quyển 2), Nxb ĐH Sư phạm

TT	Tên học phần	Giáo trình	Tài liệu dạy học
			3. Vũ Dương Ninh, Nguyễn Văn Kim (2007), Một số chuyên đề lịch sử thế giới: Tập 2, Nxb ĐHQG HN
42	Lý luận và PPDH môn Lịch sử THCS và THPT	[1]. Phan Ngọc Liên (CB) (2012), Trịnh Đình Tùng, Nguyễn Thị Côi: Phương pháp dạy học lịch sử, tập 1,2, NXB Đại học Sư phạm HN [2]. SGK lịch sử lớp 6, chương trình giáo dục phổ thông mới; SGK từ lớp 7 đến lớp 12, NXB Giáo dục Việt Nam, 2021.	[1]. Đỗ Ngọc Đạt (2000), Bài giảng lý luận dạy học hiện đại, NXB ĐHQG, Hà Nội. [2]. Phan Ngọc Liên (Cb) (2003), Phương pháp luận sử học, Nxb ĐHSP HN [3]. Nguyễn Thị Côi (2006), Các con đường, biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học lịch sử ở trường phổ thông, Nxb ĐHSP HN
43	Xây dựng kế hoạch dạy học môn Lịch sử THCS và THPT	1]. Phan Ngọc Liên (CB) (2012), Trịnh Đình Tùng, Nguyễn Thị Côi: Phương pháp dạy học lịch sử, tập 1,2, NXB Đại học Sư phạm HN [2]. SGK lịch sử lớp 6, chương trình giáo dục phổ thông mới; SGK từ lớp 7 đến lớp 12, NXB Giáo dục Việt Nam, 2021.	[1]. Nguyễn Thị Côi (CB), Bài học lịch sử ở trường THCS, Nxb ĐHSP, HN, 2013 [2]. Nguyễn Thị Côi (2006), Các con đường, biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học lịch sử ở trường phổ thông, Nxb ĐHSP HN
44	Tổ chức DH môn lịch sử THCS và THPT	[1]. Phan Ngọc Liên (CB) (2012), Trịnh Đình Tùng, Nguyễn Thị Côi: Phương pháp dạy học lịch sử, tập 1,2, NXB Đại học Sư phạm HN [2]. SGK lịch sử lớp 6, chương trình giáo dục phổ thông mới; SGK từ lớp 7 đến lớp 12, NXB Giáo dục Việt Nam, 2021.	[1]. Nguyễn Thị Côi (CB) (2013), Bài học lịch sử ở trường THCS, Nxb ĐHSP, HN. [2]. Nguyễn Thị Côi (2006), Các con đường, biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học lịch sử ở trường phổ thông, Nxb ĐHSP HN [3]. Nguyễn Thị Thúy (2020), Không gian di sản văn hóa thế giới Thành Tây Đô từ cuối TK XIV đến giữa TK XIX, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
45	Phát triển chương trình nhà trường	Nguyễn Thị Kim Dung (2015), Đào tạo nghiệp vụ sư phạm theo định hướng hình thành năng lực nghề cho sinh viên trong các trường đại học sư phạm, Nxb Đại học sư phạm	1. Đinh Quang Báo (Chủ biên), Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Thị Kim Dung, Hà Thị Lan Hương, Vũ Thị Sơn (2016), Chương trình đào tạo giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông, Nxb Đại học sư phạm. 2. Trần Chí Bình, Năng lực quản lý và Phát triển chương trình giáo dục ở

TT	Tên học phần	Giáo trình	Tài liệu dạy học
			THPT, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Dự án phát triển giáo dục THPT. Tài liệu điện tử, 2014
46	Các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử thế giới	Klaus Schwab, (2019), Cách mạng công nghiệp lần thứ 4, NXB Chính trị quốc gia	1. Jay Agrand, Joshia Gans, (2020) All trong cuộc cách mạng công nghệ 4.0, NXB lao động. 2. Vũ Dương Ninh (2010), Lịch sử văn minh thế giới, NXB Giáo dục. 3.HouBing Song, Ravi Srinivasan, Tamim Sookoor, Sabina Jeschke (2020) Thành phố thông minh – Nền tảng, nguyên lý và ứng dụng, NXB Chính trị quốc gia.
47	Các tôn giáo lớn trên thế giới	Hoàng Tâm Xuyên, Lã Đại Cát, Lý Vũ Thành (1999), Mười tôn giáo lớn trên thế giới. Nxb CTQG HN	1.Võ Kim Quyên (1997), Tôn giáo và đời sống hiện đại, Tập 1, Nxb TTKHXXH, HN 2.Đặng Nghiêm Vạn (2001), Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam, Nxb CTQG HN
48	Tổ chức hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp trong dạy học Lịch sử THCS và THPT	1. Vũ Tuấn Anh, Đào Trung Thành (2018), Hướng nghiệp 4.0, Nhà xuất bản Thanh niên 2. Nguyễn Văn Lê, Hà Thế Truyền, Một số kinh nghiệm về giáo dục phổ thông và hướng nghiệp trên thế giới, Nxb Đại học sư phạm, 2004	1. Phan Ngọc Liên (CB) (2012), Trịnh Đình Tùng, Nguyễn Thị Côi: Phương pháp dạy học lịch sử, tập 1,2, NXB Đại học Sư phạm HN 2. Lê Thị Phương (chủ biên) (2020), Cẩm nang hướng nghiệp cho học sinh Trung học phổ thông tỉnh Thanh Hóa, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam. 3. Nguyễn Thị Thúy (2020), Không gian di sản văn hóa thế giới Thành Tây Đô từ cuối TK XIV đến giữa TK XIX, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
49	Xây dựng và tổ chức các dự án học tập môn Lịch sử THCS và THPT	Bộ Giáo dục và Đào tạo - Dự án Việt Bỉ (2010), Dạy và học tích cực - một số phương pháp và kỹ thuật dạy học, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.	1. Phan Ngọc Liên (CB) (2012), Trịnh Đình Tùng, Nguyễn Thị Côi: Phương pháp dạy học lịch sử, tập 1,2, NXB Đại học Sư phạm HN 2. Robert J. Marzano (2013), Các phương pháp dạy học hiệu quả, NXB Giáo dục Việt Nam. 3.Nguyễn Thị Thúy (2020), Không gian di sản văn hóa thế giới Thành Tây Đô từ cuối TK XIV đến giữa TK XIX, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.

TT	Tên học phần	Giáo trình	Tài liệu dạy học
50	Quan hệ quốc tế trong và sau Chiến tranh lạnh	Trần Nam Tiến (Cb) (2008), Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại (1945-2000), Nxb GD HN.	1.Trình Mưu (2005), Quan hệ quốc tế nhưng năm đầu thế kỷ XXI, Vấn đề sự kiện và quan điểm, Nxb Lý luận chính trị, HN. 2. Đỗ Thanh Bình (2007), Giáo trình lịch sử thế giới hiện đại, Nxb ĐHSP.
51	Chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay	Thomas J. McCormick (2004). Nước Mỹ nửa thế kỷ: Chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ sau và trong Chiến Tranh lạnh.(Bản dịch). Nxb Chính trị QG	1.Trần Tất Thắng, Quỳnh Hải Hà, Nguyễn Đức Tư (2004), Tìm hiểu nước Mỹ ngày nay, Nxb VH-TT. 2.Đỗ Thanh Bình, Văn Ngọc Thành (2012), Quan hệ quốc tế thời hiện đại những vấn đề mới đặt ra, Nxb CTQG Hà Nội. 3.Từ Thiên Tân, Lương Chí Minh (2002), Lịch sử thế giới thời đương đại. Nxb TP.HCM
52	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	1.Nguyễn Lương Bích (2000), Lược sử ngoại giao Việt Nam các thời trước, Nxb QĐND, HN 2.Nguyễn Đình Bin (2020), Ngoại giao Việt Nam 1945-2000, Nxb CTQG, HN	1.Nguyễn Khắc Huỳnh (2014), Nghệ thuật ngoại giao Việt Nam với cuộc đàm phán Paris, Nxb CTQG , HN 2.Trần Nam Tiến (2008), Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại, Nxb Giáo dục, HN
53	Cách mạng tháng Tám 1945	1.Đinh Xuân Lâm (CB), Đại cương lịch sử Việt Nam, tập 2, Nxb Giáo dục, HN 2.Văn Tạo (CB), Cách mạng tháng Tám một số vấn đề lịch sử, Nxb KHXH, HN	1.ĐCS Việt Nam (2000), Văn kiện Đảng toàn tập, tập 7, Nxb CTQG, HN 2.Trần Hữu Đính (2000), Cách mạng tháng Tám năm 1945 những sự kiện lịch sử, Nxb KHXH, HN
54	Chủ quyền lãnh thổ Việt Nam và vấn đề Biển Đông	Nguyễn Quang Ngọc (Chủ biên) (2001), Tiến trình lịch sử Việt Nam, Nxb GD HN	1. Hội khoa học lịch sử Việt Nam (2019), Nghiên cứu và tuyên truyền về chủ quyền biển đảo Việt nam, Nxb Thông tin và Truyền thông, HN. 2. Hội khoa học Lịch sử Việt Nam (2006), Lược sử vùng đất Nam Bộ, Nxb Thế giới, HN
55	Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và chiến tranh giải phóng dân tộc trong Lịch sử VN (trước CM tháng Tám 1945)	1. Trương Hữu Quýnh (CB) (2002), Đại cương lịch sử Việt Nam, tập 1, Nxb Giáo dục, HN	1. Hà Văn Tấn (CB) (2019), Lịch sử quân sự Việt Nam, tập 1 – tập 9, Nxb CTQG, HN 2. Phan Huy Lê (2004), Một số trận quyết chiến chiến lược trong lịch sử dân tộc, Nxb QĐND, HN

TT	Tên học phần	Giáo trình	Tài liệu dạy học
56		Văn Tao (2006), Mười cuộc cải cách, đổi mới lớn trong lịch sử Việt Nam, H: ĐHSP	1. Trương Hữu Quýnh, Đinh Xuân Lâm, Lê Mậu Hãn (2010), Đại cương Lịch sử Việt Nam toàn tập, Nxb Giáo dục, HN. 2. Đinh Xuân Lâm (CB), Nguyễn Văn Khánh, Nguyễn Đình Lễ (2002), Đại cương lịch sử Việt Nam, tập II (1858 - 1945), Nxb Giáo dục, HN
57	Các cuộc cải cách trong LS VN		
	Một số vấn đề về Chế độ ruộng đất trong lịch sử Việt Nam	Nguyễn Văn Khánh (2013), Ruộng đất, nông nghiệp và nông thôn Việt Nam thời kỳ cận đại - hiện đại, Nxb Thế Giới.	1. Trương Hữu Quýnh (Chủ biên) (1998), Đại cương lịch sử Việt Nam, Tập 1: từ thời nguyên thủy đến năm 1858, Nxb GD, HN. 2. Đinh Xuân Lâm (Chủ biên), (2000), Đại cương lịch sử Việt Nam, Tập 2: 1858- 1945, Nxb GD, HN. 3. Lê Mậu Hãn (Chủ biên) (2003), Đại cương lịch sử Việt Nam, tập 3: 1945- 2000, Nxb GD, HN.
58	Tổ chức kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Lịch sử THCS và THPT	Phan Ngọc Liên (CB) (2012), Trịnh Đình Tùng, Nguyễn Thị Côi: Phương pháp dạy học lịch sử, tập 1,2, NXB Đại học Sư phạm HN	1. Nguyễn Công Khanh chủ biên (2016) Kiểm tra đánh giá trong giáo dục, Nxb Đại học sư phạm 2. Sái Công Hồng (2020), Giáo trình kiểm tra đánh giá trong dạy học, Nxb Đại học Quốc gia
59	Thực tế CM 1	GS.Trương Hữu Quýnh, GS Đinh Xuân Lâm, PGS.TS Lê Mậu Hãn (2010), Đại cương Lịch sử Việt Nam toàn tập, Nxb GDVN, HN	1. Đinh Xuân Lâm (Chủ biên), (2002), Đại cương lịch sử Việt Nam, Tập 2: 1858- 1945, Nxb GD, HN. 2. Nguyễn Quang Ngọc (Chủ biên) (2001), Tiến trình lịch sử Việt Nam, Nxb GD HN
60	Thực tế CM 2	GS.Trương Hữu Quýnh, GS Đinh Xuân Lâm, PGS.TS Lê Mậu Hãn (2010), Đại cương Lịch sử Việt Nam toàn tập, Nxb GDVN, HN	1. Đinh Xuân Lâm (Chủ biên), (2002), Đại cương lịch sử Việt Nam, Tập 2: 1858- 1945, Nxb GD, HN. 2. Nguyễn Quang Ngọc (Chủ biên) (2001), Tiến trình lịch sử Việt Nam, Nxb GD HN
61	Kiến tập sư phạm	1. Phan Ngọc Liên (CB) (2012), Trịnh Đình Tùng, Nguyễn Thị Côi: Phương pháp dạy học lịch sử, tập 1,2, NXB Đại học Sư phạm HN 2. SGK từ lớp 6 đến lớp 12	1. Nguyễn Thị Côi (2006), Các con đường, biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học lịch sử ở trường phổ thông, Nxb ĐHSP HN 2. Trịnh Đình Tùng (ch.b)(2006), Hệ thống các phương pháp dạy học lịch sử trường THCS, Nxb ĐHSP HN

TT	Tên học phần	Giáo trình	Tài liệu dạy học
62	Thực tập sư phạm	1. Phan Ngọc Liên (CB) (2012), Trịnh Đình Tùng, Nguyễn Thị Côi: Phương pháp dạy học lịch sử, tập 1,2, NXB Đại học Sư phạm HN 2. SGK từ lớp 6 đến lớp 12	1. Nguyễn Thị Côi (2006), Các con đường, biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học lịch sử ở trường phổ thông, Nxb ĐHSP HN 2. Trịnh Đình Tùng (ch.b)(2006), Hệ thống các phương pháp dạy học lịch sử trường THCS, Nxb ĐHSP HN
63	Quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam	1. Hoàng Thị Mên (2020), Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế từ 1975 đến 2019, Nxb Lao động xã hội, HN 2. Hoàng Khắc Nam (2017), Hợp tác và hội nhập quốc tế - lý luận và thực tiễn, Nxb Thế giới, HN	Trần Nam Tiến (2008), Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại, Nxb Giáo dục, HN
64	Làng xã Việt Nam	Nguyễn Quang Ngọc (2009), Một số vấn đề làng xã Việt Nam, Nxb ĐHQGHN, HN.	1. Nguyễn Văn Khánh (2013), Ruộng đất, nông nghiệp và nông thôn Việt Nam thời kỳ cận đại - hiện đại, Nxb Thế Giới. 2. Bùi Xuân Đính (2008), Hành trình về làng Việt Cổ, Nxb Bách khoa 3. Ngô Thị Kim Doan (2004), Văn hoá làng xã Việt Nam, Nxb Văn hoá thông tin
65	Cách mạng tư sản và sự phát triển của chủ nghĩa tư bản	Đỗ Lộc Diệp (CB), Chủ nghĩa tư bản ngày nay: Mâu thuẫn nội tại, xu thế, triển vọng, NXB KHXH, HN, 2003	1. Lê Bộ Lĩnh (CB), Chủ nghĩa tư bản hiện đại: Khủng hoảng kinh tế và điều chỉnh, NXB KHXH, HN, 2002. 2. Nguyễn Anh Thái (CB) (2003), Lịch sử thế giới hiện đại, NXB Giáo dục. 3. Từ Thiên Tân, Lương Chí Minh (2004), Lịch sử thế giới hiện đại, NXB TP HCM
66	Sự hình thành và phát triển của CNXH	Nguyễn An Ninh (2019), Chủ nghĩa xã hội hiện thực, thực trạng và triển vọng, Nxb Chính trị quốc gia sự thật.	1. Bộ GD&ĐT (2005), Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học: dùng trong các trường ĐH, CĐ, Nxb Chính trị quốc gia 2. Phan Ngọc Liên (2005), Lịch sử thế giới hiện đại, Nxb ĐH sư phạm 3. Trần Thị Vinh (chủ biên), (2007), Lịch sử thế giới hiện đại, quyển 2, Nxb ĐH sư phạm.
	Ứng dụng CNTT trong DH lịch sử	Phan Ngọc Liên (CB) (2012), Trịnh Đình Tùng, Nguyễn Thị	1. Nguyễn Thị Côi (2006), Các con đường, biện pháp nâng cao hiệu quả

TT	Tên học phần	Giáo trình	Tài liệu dạy học
	THCS và THPT	Côi: Phương pháp dạy học lịch sử, tập 1,2, NXB Đại học Sư phạm HN	dạy học lịch sử ở trường phổ thông, Nxb ĐHSP HN 2.Trịnh Đình Tùng (ch.b)(2006), Hệ thống các phương pháp dạy học lịch sử trường THCS, Nxb ĐHSP HN 3.Robert J. Marzano (2013), Các phương pháp dạy học hiệu quả, NXB Giáo dục Việt Nam.
67			
68	Dạy học tích hợp và dạy học phân hóa môn Lịch sử THPT, THCS	Phan Ngọc Liên (CB) (2012), Trịnh Đình Tùng, Nguyễn Thị Côi: Phương pháp dạy học lịch sử, tập 1,2, NXB Đại học Sư phạm HN	Nguyễn Thị Côi (2006), Các con đường, biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học lịch sử ở trường phổ thông, Nxb ĐHSP HN

12. Tài liệu tham khảo để xây dựng chương trình

1.Trường ĐHSP Hà Nội: CTĐT đại chuẩn phê duyệt năm 2020. Nguồn xin trực tiếp LĐ khoa Lịch sử gửi file mềm qua Email.

2. Trường ĐH Giáo dục, ĐH Quốc gia Hà Nội: CTĐT công bố năm 2020. Nguồn truy cập <http://education.vnu.edu.vn/files/ng%C3%A0y%20%C4%91%E1%BA%A7u%20ti%C3%AAAn%20%C4%91i%20h%E1%BB%8Dc%202.3.2020/SP%20lich%20su%202019202104020445.pdf>

3. Trường ĐHSP Hà Nội 2: CTĐT công bố năm 2020. Nguồn truy cập <https://www.hpu2.edu.vn/vi-VN/hpu2-the-loai-bai-viet/nganh-su-pham-lich-su>

4. Trường ĐHSP TP, Hồ Chí Minh: CTĐT phê duyệt năm 2018. Nguồn truy cập: <https://drive.google.com/file/d/1pHmIfT1d6HpxMWnm5FeB35GuRXyGELAd/view>

5. Pasi Sahlberg (2016), *Bài học Phần Lan 2.0*, Nxb Thế giới.

6. CV 2196/2010/BGDĐT-GDDH *hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo.*

7. QĐ 1982/2016 của TT chính phủ về Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

8. Thông tư 07/2015 của BGD và Thông tư 20/2018 quy định chuẩn nghề nghiệp GV trong các cơ sở GDTrH.

9. Quyết định 2536/2017 của Hiệu trưởng Quy định đào tạo chất lượng cao trình độ đại học ở Trường Đại học Hồng Đức

10. Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học kèm theo Công văn số 1669/QLCL KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng,

11. Dự thảo Báo cáo Đánh giá ngoài chất lượng CTĐT phê duyệt năm 2019 ngành đại học sư phạm Lịch sử trường đại học Hồng Đức của Trung tâm kiểm định chất lượng Quốc gia (4/2021)/.

13. Quy định và hướng dẫn thực hiện chương trình

13.1. Chương trình đào tạo ngành được áp dụng

- Đào tạo hình thức chính quy tuyển sinh từ học sinh tốt nghiệp THPT theo quy chế đào tạo chính quy;

- Đào tạo hình thức Vừa làm vừa học: Áp dụng theo quy định hiện hành và thời gian đào tạo kéo dài hơn tối thiểu 20% so với hình thức đào tạo chính quy của cùng CTĐT.

- Đào tạo liên thông: Áp dụng quy chế đào tạo phù hợp với hình thức đào tạo chính quy hoặc Vừa làm vừa học;

- Thực hiện việc xét miễn, bảo lưu kết quả học tập theo quy định hiện hành đối với các hình thức đào tạo.

13.2. Trách nhiệm và tổ chức thực hiện

Trưởng các khoa chuyên môn có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn các bộ môn tiến hành xây dựng và phê duyệt đề cương chi tiết học phần đúng với CTĐT. Trưởng bộ môn phê duyệt hồ sơ bài giảng theo quy định; Xây dựng kế hoạch chi phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế và mua sắm bổ sung các trang thiết bị, máy móc, hóa chất, dụng cụ thí nghiệm chi tiết cho từng học phần và cho toàn khóa đào tạo; chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo và chuẩn đầu ra của từng học phần và của CTĐT. Trưởng các phòng ban, Trung tâm chức năng liên quan có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định kế hoạch và trình Hiệu trưởng phê duyệt cho triển khai thực hiện.

13.3. Phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy được thiết kế theo cách lấy người học làm trung tâm, chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy người học phát huy tính chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập; định hướng hiệu quả để người học đạt được các chuẩn đầu ra của mỗi học phần và của cả chương trình đào tạo.

Hình thức, phương pháp giảng dạy được cụ thể hóa trong Đề cương học phần và Đề cương chi tiết học phần đảm bảo đáp ứng các mục tiêu và chuẩn đầu ra của mỗi học phần và của CTĐT.

13.4. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Đánh giá kết quả học tập dựa trên chuẩn đầu ra, phải làm rõ mức độ đạt được của người học theo các cấp độ tư duy quy định trong chuẩn đầu ra mỗi học phần và chương trình đào tạo. Đánh giá kết quả người học dựa trên đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết để thấy được sự tiến bộ của người học từ đó làm căn cứ để đánh giá CTĐT và điều chỉnh CTĐT.

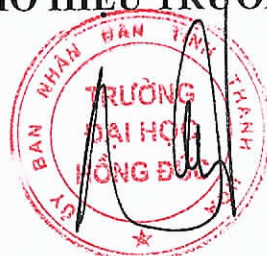
Số bài kiểm tra, hình thức kiểm tra, thời gian kiểm tra, hình thức thi kết thúc học phần được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết học phần và phù hợp với quy chế đào tạo, đáp ứng các mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT.

13.5. Quy định về bổ sung, điều chỉnh Chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, chỉnh sửa, cập nhật định kỳ ít nhất một lần trong 5 năm. Trong trường hợp cần thiết phải có văn bản đề nghị của Hội đồng khoa kèm theo luận cứ, hồ sơ minh chứng, sản phẩm chỉnh sửa, bổ sung gửi về Nhà trường (qua phòng Quản lý đào tạo). Chương trình đào tạo chỉ được thực hiện khi Hội đồng khoa học và đào tạo Nhà trường thông qua và có Quyết định của Hiệu trưởng.

Việc điều chỉnh, cập nhật bổ sung được thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo./.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

